***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

# *TUẦN 1- BÀI 1:*

# *TIẾT 1* . PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

**- Lê Anh Trà -**

**I. Mục tiêu bài học**:

**1.Kiến thức:**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

- Một số biểu hiện của phong cách HCM trong đời sống và sinh hoạt.

- Ý nghĩa của phong cách HCM trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dt.

- Đặc điểm của kiểu bài nghị luận xã hội qua một đoạn văn cụ thể.

**2.Kĩ năng :**

- Rèn kĩ năng đọc,tìm hiểu,phân tích văn bản nhật dụng.

**3.Thái độ:**

- Từ lòng kính yêu, tự hào về Bác, học sinh có ý thức tu dưỡng, học tập rèn

luyện theo gương Bác.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh:**

**1. Giáo viên:** Tranh ảnh, bài viết về nơi ở, và nơi làm việc của Bác.

**2. Học sinh:** Sưu tầm tranh ảnh, bài viết về nơi ở và làm việc của Bác.

**III. Tiến trình tổ chức dạy học**:

**1. Ổn định tổ chức:**

9A :

9B:

9C:

**2.Kiểm tra :**

GV giới thiệu chương trình Ngữ văn 9 và những yêu cầu học tập bộ môn. Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng học tập cho môn học của học sinh. Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới**: Giới thiệu bài:

*Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của chủ tịch HCM luôn là tấm gương sáng cho mọi thế hệ con người VN.Phong cách sống của bác được thể hiện rất chân thực trong văn bản. Khi tìm hiểu văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh” chúng ta sẽ hiểu rõ hơn phong cách sống và làm việc đáng khâm phục của Người.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu**  **chú thích**  - GV hướng dẫn đọc: đọc chậm rãi, bình tĩnh , khúc triết - GV đọc mẫu.  - Nhận xét cách đọc của học sinh.    *- GV Giới thiệu tác giả tác phẩm.*  *H: Dựa vào phần chú thích (SGK-7)hãy giải thích ngắn gọn các từ khó?*  **HĐ2. HDHS đọc hiểu văn bản:**  *H: Xác định kiểu loại văn bản cho văn bản này ?T/chất của nội dung văn bản?*  *H: Sau khi đọc em hãy xác định bố cục văn cục văn bản?*  - Một học sinh đọc lại đoạn 1.  *H: Trong đoạn văn này tác giả đã khái quát vốn tri thức văn hoá của Bác Hồ như thế nào? (Thể hiện qua câu văn nào?).*  *H: Nhận xét gì về cách viết của tác giả?*  *H: Tác dụng của biện pháp so sánh, kể và bình luận ở đây?*  *H: Bác có được vốn văn hoá ấy bằng những con đường nào?nêu dẫn chứng cụ thể ?*  *H :Sự tiếp thu văn hoá đó, đã tạo nên một phong cách HCM như thế nào?*   * GV giảng bình | **I- Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1. Đọc**  **2. Chú thích :**  **a.Tác giả** :Lê Anh Trà  **b.Tác phẩm**:  Văn bản được trích từ bài viết *“Phong cách HCM cái vĩ đại gắn với cái giản dị”* trong *HCM và văn hoá VN.*  **c. Từ khó:**  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Thể loại**: Thuyết minh Nội dung,tính chất nhật dụng.  **2. Bố cục:**  ***- Chia làm 2 phần:***  **+*Đoạn 1*:** Từ đầu đến “rất hiện đại”  Quá trình hình thành và điều kỳ lạ của phong cách văn hoá Hồ Chí Minh.  **+*Đoạn 2***: Tiếp đến hết.  Những vẻ đẹp cụ thể của phong cáchsống và làm việc của Bác Hồ  **3. Phân tích:**  ***a. Con đường hình thành phong cách văn***  ***hoá Hồ Chí Minh:***  - Vốn tri thức văn hoá của Bác: “Có thể  nói ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều  về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hoá thế giới sâu sắc như Hồ Chí Minh.”  - NT: So sánh một cách bao quát đan xen  giữa kể và bình luận để khẳng định vốn tri thức văn hoá của Bác rất sâu rộng.  - Trong cuộc đời hoạt động cách mạng,Hồ Chí Minh đã đi qua nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều nền văn hoá.Cụ thể là:  + Nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại  quốc: pháp, Anh, Hoa, Nga. Người nắm vững phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ  - Công cụ giao tiếp quan trọng để tìm hiểu và giao lưu văn hoá với các dân tộc trên thế giới.  Họ - Học trong công việc, trong lao động ở  mọi lúc, mọi nơi *“Làm nhiều nghề khác*  *nhau”.*  + “Học hỏi, tìm hiểu văn hoá, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm”-> Học hỏi  tìm hiểu đến mức sâu sắc.  + “Chịu ảnh hưởng của tất cả các nền văn  hoá, tiếp thu mọi các đẹp, cái hay cái đẹp”  -> Tiếp thu có chọn lọc.  + “Phê phán những tiêu cực của CNTB”  =>Trên nền tảng văn hoá dân tộc mà tiếp thu “Tất thu những ảnh hưởng quốc tế *“ Tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn*  *với cái gốc văn hoá dân tộc …*  *để trở thành một nhân cách rất Việt Nam*  *… rất hiện đại”.*  => Đó chính là *điều kỳ lạ vì Người đã tiếp*  *thu một cách có chọn lọc những tinh hoa*  *văn hoá nước ngoài. Trên nền tảng văn*  *hoá dân tộc mà tiếp thu những ảnh hưởng*  *quốc tế.* Bác đã kết hợp giữa truyền thống  và hiện đại, giữa phương Đông và phương  Tây, xưa và nay, dân tộc và quốc tế.  \*Tạo nên một phong cách HCM vừa truyền thống vừa hiện đại.  **=>** Nghệ thuật đối lập để khẳng định Phong cách Hồ Chí Minh: Kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, giữa phương Đông và phương Tây, xưa và nay, dân tộc và quốc tế  ***Bài tập* :** Nêu những biểu hiện của sự kết  hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân  tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại của Chủ  tịch Hồ Chí Minh? |

**4. Củng cố- luyện tập**

- Hệ thống bài học.

***Bài tập*:** Nêu những biểu hiện của sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn

hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

**5. Hướng dẫn hs về nhà:**

- HS về nhà học bài, soạn tiếp bài.Trả lời câu hỏi 2,3,4

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# 

# *TIẾT 2* . PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH ( TIẾT 2)

**- Lê Anh Trà -**

**I. Mục tiêu bài học**:

**1.Kiến thức:**

- Thấy được vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà giữa truyềthống và hiện đại, dân tộc và nhân loại, thanh cao và giản dị.

- Một số biểu hiện của phong cách HCM trong đời sống và sinh hoạt.

- Ý nghĩa của phong cách HCM trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá dt.

- Đặc điểm của kiểu bài nghị luận xã hội qua một đoạn văn cụ thể.

**2.Kĩ năng :**

- Rèn kĩ năng đọc,tìm hiểu ,phân tích văn bản nhật dụng.

**3.Thái độ:**

- Từ lòng kính yêu, tự hào về Bác, học sinh có ý thức tu dưỡng, học tập rèn luyện theo gương Bác.

**II. Chuẩn bị tài liệu- tbdh:**

**1. Giáo viên:** Tranh ảnh, bài viết về nơi ở, và nơi làm việc của Bác.

**2. Học sinh:** Sưu tầm tranh ảnh, bài viết về nơi ở và làm việc của Bác.

**III. Tiến trình tổ chức dạy học**:

**1. Ổn định tổ chức:**

9A :

9B:

9C:

**2.Kiểm tra :**

*H: Con đường hình thành nên phong cách HCM? Điểm nổi bật tiêu biểu*

*trong phong cách HCM là gì ?*

**3.Bài mới**: Giới thiệu bài:

Các em đã tìm hiểu những yếu tố tạo nên phong cách HCM ở giờ học trước, Giờ học này chúng ta cùng tìm hiểu những biểu hiện của phong cách HCM trong đời sống và sinh hoạt, và vì sao ta có thể nói lối sống của Bác là sự kết hợp giữa giản dị và thanh cao.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc hiểu văn bản**  **( tiếp)**  - Một học sinh đọc đoạn 2 và đoạn 3.  *H: Nhắc lại nội dung chính của đoạn*  *văn*?  *H: Lối sống của Bác được tác giả*  *đề cập tới ở những phương diện nào?*  *Cụ thể ra sao?*  (Tích hợp với văn bản: “Đức tính giản dị  của Bác Hồ”, vở kịch “Đêm trắng”,các văn bản thơ khác).  - Y/c hs sinh liên hệ với những bài viết đã  sưu tầm được.  *H: Tác giả đã so sánh lối sống của Bác với Bác với những ai? Cách so sánh như vậycó tác dụng gì ?*  *H: Từ đó tác giả đã nhận định như thế nào về lối sống của Bác ?*  *H: Vì sao nói lối sống của Bác là sự kết hợp giữa giản dị và thanh cao ?*  *H: Để làm nổi bật vẻ đẹp trong phong cách Hổ cách Hồ Chí Minh tác giả đã sử dụng*  *các biện pháp nghệ thuật gì ?*  *H: Nêu tác dụng của các biện pháp Nghệ thuật đó?*  *H: Nêu cảm nhận của bản thân khi học xong văn bản ?*    **HĐ2 . HDHS tổng kết:**    *H: Em hiểu ntn là “ cách sống k tự thần thánh hoá khác đời hơn đời”?*  *H: Em hiểu ntn về câu nói*:  “Cách sống giản dị của Bác là một quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống”?  *H: Cảm nhận của em về nội dung và*  *nghệ thuật văn bản?* | **b.Nét đẹp trong lối sống của Hồ Chí Minh:**  - Thể hiện ở lối sống giản dị mà thanh cao của Ngườicụ thể:  + Nơi ở, nơi làm việc đơn sơ: “Chiếc  nhà sàn nhỏ bằng gỗ”… “Chỉ vẹn vẹn có vài phòng tiếp khách, họp Bộ Chính trị, làm việc và ngủ…  + Trang phục giản dị: “Bộ quần áo bà ba nâu ,chiếc áo trấn thủ,, đôi dép lốp thô sơ”  + Tư trang ít ỏi: một chiếc valicon với vài bộ quần áo, vài vật kỷ niệm”.  + Việc ăn uống: “Rất đạm bạc”.Những món ăn dân tộc không cầu kỳ“cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối , cháo hoa…”.  - Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác cũng giống như các nhà nho nổitiếng trước đây (Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm)  ->Nét đẹp của lối sống rất dân tộc, rất Việt Nam  - Lối sống giản dị, trong sáng mà vô cùng thanh cao, sang trọng.  - Đó là cách sống k tự đề cao, k tự đặt mình lên trên mọi thứ thông thường ở đời của những con người tự vui trong cảnh nghèo khó.  => Đây là phong cách sống có văn hoá thể hiện một quan niệm thẩm mỹ : cái đẹp gắn liền với sự giản dị, tự nhiên  *\*Một phong cách vừa mang vẻ đẹp của đạo đức vừa mang vẻ đẹp của trí tuệ Sống như Bác đó là sống đẹp.*  **c. Đặc sắc nghệ thuật của bài viết :**  - Nghệ thuật: Kết hợp giữa kể và bình luận,  so sánh, dẫn thơ của Nguyễn Bỉnh Khiêm,  - Sử dụng ngôn ngữ trang trọng( dùng  các loạt từ Hán Việt (Tiết chế, hiền  triết, thuần đức, danh nho di dưỡng tinh  thần, thanh đạm, thanh cao,…)  - Kết hợp các phương thức biểu đạt: Tự sự,biểu cảm,lập luận.  - Sử dụng thành công nghệ thuật đối lập,các hình thức so sánh…  - Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu trong phong cách và lối sống của Bác ,làm cho bài văn giàu sức thuyết phục..  - Tác dụng: người đọc cảm nhận sâu  sắc nét đẹp trong lối sống giản dị mà  thanh cao của Chủ tịchHồ Chí Minh.  - Giúp người đọc thấy được sự gần gũi  giữa Bác Hồ với các vị hiền triết của dân tộc.  **III. Tổng kết**  **\*Ghi nhớ SGK t 8** |

**4. Củng cố , luyện tập:**

- Giáo viên hệ thống bài.

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập (Sách bài tập).

***\*Bài tập 1*:(**SGK8):

Kể lại những câu chuyện về lối sống giản dị mà cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí

Minh.

***\*Bài tập 2*:** Tìm dẫn chứng để chứng minh Bác không những giản dị trong

lối sống mà Bác còn giản dị trong nói, viết.

**5. Hướng dẫn hs về nhà:**

- HS về nhà học, làm bài tập

- Chuẩn bị bài: Các phương châm hội thoại

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:***

*Ngày giảng:*

*TIẾT 3.* CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu được:

**1.Kiến thức :**

-Nội dung phương châm về chất và về lượng.

-Vai trò ý nghĩa của hai phương châm này.

- Biết vận dụng 2 phương châm này vào thực tế giao tiếp.

2**.Kỹ năng :**

Nhận biết và phõn tớch đc cỏch sử dụng phương châm về lượng và về chất trong 1 tình huống g/t cụ thể, vận dụng 2 phương châm này trong hoạt động g/t.

**3.Thái độ :**

- Có ý thức sử dụng tuân thủ phương châm hội thoại khi giao tiếp.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A:

9B:

9C:

**2.Kiểm tra bài cũ** : GV kiểm tra sự chuẩn bị bài của hs.

**3.Bài mới** :GV giới thiệu bài

*Trong chương trình ngữ văn lớp 8, các em đó được tìm hiểu về vai XH trong hội thoại, lượt lời trong hội thoại. Để hoạt động giao tiếp có hiệu quả, chúng ta cần tuân thủ các phương châm hội thoại.Vậy phương châm hội thoại là gì, gồm những phương châm nào chùng ta cùng tìm hiểu.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động1. HDHS tìm hiểu phương châm về lượng**  - Cho HS đọc bài tập.  - Hướng dẫn HS phân tích ví dụ  *H:Ba trả lời như vậy đã đáp ứng được câu hỏi của An chưa?*  *H: Theo em câu trả lời của Ba phải như thế nào ?*  - GV Trên thực tế câu trả lời của An vừa thiết thông tin nhưng cũng lại thừa bởi hoạt động bơi chỉ có thểdiễn ra ở dưới nước.  *H:Qua tình huống trên em thấy khi giao tiếp cần chú ý điều gì?*  - GV y/c hs đọc b/t 2 và xđ y/c bt 2  *H:Tìm chi tiết gây cười trong câu truyện trên?*  *H:Câu trả lời chỉ cần đáp ứng thông tin gì?*  *H:Tại sao câu chuyện lại gây cười?*  *H: Từ đó em rút ra bài học gì khi gt?*  *H:Vậy em hiểu ntn là tuân thủ phương châm về lượng khi gt?*  - HS rút ra ghi nhớ  - Cho HS đọc ghi nhớ  **\* Gv chuyển ý**  **Hoạt động 2: HDHS tìm hiểu phương châm về chất:**  - Gv cho hs đọc bt sgk:truyện “Quả bí khổng lồ”  *H:Truyện trên có chi tiết nào gây cười?*  *H:Vì sao truyện lai gây cười?*  *H:Khi gt ta phải chú ý điều gì?*  - GV giảng giải  - Cho HS đọc ghi nhớ  - Gv lấy vd mở rộng  **\*Gv chuyển ý**  **Hoạt động3. HDHS vận dụng làm bài tập**  - Gv y/c hs đọc và xđ yc bt.  - Gv hướng dẫn hs làm bài  *H:Chỉ ra lỗi ở bt1?Lỗi vi phạm phương châm nào?*  - Gv gọi hs nx chéo.  - Gv nhận xét bổ sung  - Gv gọi hs đọc bt2và xđ y/c bt2  **-** Hướng dẫn HS làm bài tập 2  - Gv cho hs khác nx.    - Gv gọi hs đọc và xđ y/c bt3  -Hướng dẫn làm bt  - Gọi hs nx.  - Y/c hs đọc và xđ y/c bt4.  - yêu cầu hs giải thích câu hỏi a.  - Yêu cầu hs gt câu hỏi ý b.  - Gọi hs khác nx | **I.Phương châm về lượng**  **1. Bài tập 1**  \*Nhận xét:  - Câu trả lời không làm cho An thoả mãn. vì nó mơ hồ về ý nghĩa.  An muốn biết Ba học bơi ở địa điểm nào “ở đâu?” có nghĩa là An cần biết một địa điểm hoạc bơi cụ thể nào đó.  - Câu trả lời, ví dụ: “Mình học bơi ở bể bơi của Nhà máy nước”…  - Khi giao tiếp , câu nói phải có nội dung đúng với yêu cầu của giao tiếp, không nên nói thiếu những gì mà yêu cầu giao tiếp đòi hỏi.  **2.Bài tập 2**  - Truyện gây cười vì cách nói của hai câuhỏi và câu trả lời của nhân vật.  - Lẽ ra chỉ cần hỏi “Bác có thấy con lợn nào  chạy qua đây không?”  - Trả lời “(Nãy giờ) tôi chẳng thấy có con lợn nào chạy qua đây cả!”  ->Như vậy, các nhân vật ở đây nói thừa những thông tin cần nói.  **\* Kết luận:**  Khi giao tiếp cần nói cho có nội dung,nội dung của lời nói phải đáp ứng yêucầu của cuộc giao tiếp, không thiếu,không thừa (Phương châm về lượng).  **\* Ghi nhớ SGK/9**  **II. Phương châm về chất**  **1.Bài tập**  - Cười chi tiết anh chàng nói khoác.  - Phê phán tính nói khoác.  - Trong giao tiếp, không nói nhữngđiều mà mình không có bằng chứng xác thực chưa có cơ sở để xác định là đúng.  - Có thể sử dụng các từ ngữ: Hình như, em nghĩ là, …  **\*Kết luận**  Khi giao tiếp không nói những điều mà mình không tin là đúng hay không  có bằng chứng xác thực (Phương châmvề chất).  *\** **Ghi nhớ SGK/10**  **III. Luyện tập**  **1.Bài tập1.T10**  a.Thừa cụm từ :Nuôi ở nhà  b.Thừa cụm từ : Có 2 cánh  (Vi phạm phương châm về lượng)  **2.Bài tập 2T10**  a.Nói có sách mách có chứng  b.Nói dối  c.Nói mò  d.Nói nhăng nói cuội  e.Nói trạng  **3.Bài tập 3 (11)**  - Chi tiết gây cười là câu hỏi thừa: “thế có nuôi được k?”.Vi phạm phương châm về lượng .  **Bài tập 4(11)**  a. Diễn đạt như vậy nhằm báo cho ngườinghe tính xác thực của nhận định (tôi tin rằng) hoặc thông tin mình đưa ra được kiểm chứng (nếu tôi k lầm).  b.Khi nói một điều mà ng khác đã biết thì ng nói đã k tuân thủ phương châm về lượng. Tuy nhiên khi gt, có khi ng nói phải nhấn mạnh hay chuyển ý, nên ng nói cần nhắc lại nd đã nói để đảm bảo phương châm vềlượng. Khi đó, ng nói phải dùng những cách nói trên để đảm bảo cho ng khác biết việcmình nhắc lại nd cũ là có chủ ý. |

**4.Củng cố, luyện tập:**

- Hệ thống lại hai nội dung: +) Phương châm về lượng.

+) Phương châm về chất.

**5. Hướng dẫn hs học ở nhà:**

- Học bài:

+) Xem lại các bài tập.

+) Làm bài tập 5 (SGK11).

- Chuẩn bị : “Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

# *Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 4* . SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT**

**TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

-Văn bản thuyết minh và các phương pháp thuyết minh thường dùng.

- Vai trò của các b/p nt trong vb tm.

**2.Kỹ năng :**

- Nhận ra các b/p nt đc sử dụng trong các vb thuyết minh.

-Vận dụng các b/p nt khi viết vb thuyết minh.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục ý thức học môn tập làm văn.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng. **2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A:

9B:

9C:

**2.Kiểm tra bài cũ** : GV kiểm tra sự chuẩn bị bài của hs.

**3.Bài mới** :GV giới thiệu bài.

**-** Ở lớp 8, các em đã được học và vận dụng văn bản thuyết minh, giờ học này chúng ta tiếp tục tìm hiểu và vận dụng kiểu văn bản này ở một yêu cầu caohơn, đó là: Để văn bản thuyết minh sinh động, hấp dẫn và bớt khô khan thì cần sử

dụng một số biện pháp nghệ thuật.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1 . Ôn tập văn bản thuyết minh**  - Hướng dẫn HS ôn tập lại kiến thức về văn bản thuyết minh  *H: Thuyết minh là gì ?*  *H: Nêu các phương pháp thuyết minh*  - GV giảng giải  **Hoạt động2. Tìm hiểu văn bản thuyết minh có sử một số biện pháp nghệ thuật**  - Cho HS đọc văn bản sgk.  *H:Bài văn thuyết minh về đối tượng nào ?*  *H:Em được cungcấp những kt gì về đđ của đ/tượng TM?*  *H: Những kt ấy có chính xác k/q về đ/tg k?*  *H: Vb đã sử dụng các pp t m nào?*  *H: Tác giả đã sử dụng biện pháp nt nào là chủ yếu ?*  *H :Các biện pháp nghệ thuật đó có tác dụng gì?*  - Gv rút ra ghi nhớ cho HS đọc.  **Hoạt động 3. vận dụng làm bài tập:**  - Cho Hs đọc bài 1.  - Hướng dẫn HS làm bài tập 1  *H:Vb có t/c thuyết minh k? t/c ấy được thể hiện ở những điểm nào?*  *H: có những pp TM nào đã được sử dụng?*  *H:Vb đã sử dụng các b/p nt nào?*  *H: các b/p nt ấy có t/d gì:*  *H: Bài thuyết minh này có nét gì đặc biệt?*  - Gọi HS chữa bài  - GV nhận xét,đánh giá.  Hướng dẫn hs làm bài tập 2 | **I. Tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh**  **1.Ôn tập văn bản thuyết minh:**  - Vb TM cung cấp cho người đọc những tri thức khách quan về đđ, t/c, ng/nhân của các sv h/t, trong TN- XH bằng pp trình bày,g/thiệu, g/thích.  **\* Các pp TM:**  - pp nêu đn, giải thích  - pp phân tích, phân loại.  - pp ssánh.  - Pp liệt kê.  - Pp dùng số liệu.  - Pp nêu vd.  **2**.Viết Văn bản thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật :  1.Bài tập:  \*Nhận xét:  - Bài văn thuyết minh về sự kỳ diệu của đá và nước ở vịnh Hạ Long.  - Đặc/đ của đá và nước tạo nên vẻ hùng vĩ nên thơ của Hạ Long .  - Văn bản đã cung cấp những kt k/q về đ/tg tm.  - Các pp tm: liệt kê, ss, phân loại.  - Tác giả sử dụng các biện pháp nghệ thuật kể,tả,nhân hoá, liên tưởng…  - Làm cho đá và nước ở vịnh Hạ Long trở nên sinh động góp phân làm cho vẻ đẹp HL thêm hấp dẫn.  =>Làm cho bài văn giàu sức thuyết phục gây ấn tượn cho người đọc.  **2.Ghi nhớ (SGKT13**  **III.Luyện tập :**  1.Bài tập1(13-14).  - Là văn bản có tính thuyết minh.Nêu bật được đ/đ,t/c, của loài ruồi về: họ,giống, loài, tập tính sinh sản…  - Phương p TM:nêu đn, dùng số liệu, liệt kê.  - Các biện pháp nt : Nhân hoá ,kể chuyện miêu tả ,liên tưởng.  -Tác dụng :Gây hứng thú cho người đọc nhất là cho bạn đọc nhỏ tuổi,làm cho văn bản tăng sự hấp dẫn, vừa là truyện vui, vừa học thêm tri thức.  - Cung cấp các kiến thức đáng tin cậy:  từ đó thức tỉnh ý thức giữ gìn vệ sinh,  phòng bệnh, ý thức diệt ruồi.  \* Một số nét đặc biệt của bài thuyết  minh này:  + Về hình thức: Giống như văn bảntường thuật một phiên toà.  + Về cấu trúc: Giống như biên bản 1 cuộc tranh luận về mặt pháp lý.  + Về nội dung: Giống như một câu chuyện kể về loài ruồi.  - Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật:  + Làm cho văn bản trở nên sinh động, hấp dẫn,thú vị có sức hút đối với người đọc.  **2.Bài tập 2:** Nhận xét về biện pháp  nghệ thuật được sử dụng để thuyết  minh.  - Nói về tập tính của chim én.  - Biện pháp nghệ thuật kể chuyện. Lấy ngộ nhận hồi nhỏ làm đầu mối câu chuyện. |

**4. Củng cố-luyện tập**

- Giáo viên hệ thống lại bài: Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong khi viết văn bản thuyết minh để làm cho văn bản này thêm sinh động, hấp dẫn.

**5.Hướng dẫn hs về nhà**

- Học bài.

- Làm bài tập 3, 4 (SBT6, 7).

- Chuẩn bị bài: “Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:***

***Ngày giảng*:**

# 

***TIẾT 5* . LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT**

**TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Cách làm bài văn thuyết minh về 1 thứ đồ dựng(cái quạt,cái bút,cái kéo..).Tác dụng của 1 số biện pháp nt trong vb thuyết minh.

**2.Kỹ năng :**

- Xác định y/c của đề bài thuyết minh về một thứ đồ dựng cụ thể.

- Lập dàn ý chi tiết và viết phần mở bài cho bài văn thuyết minh(có sử dụng một số biện pháp nt) về đồ dùng.

**3.Thỏi độ :**

- ý thức sử dụng 1số biện pháp nt trong văn bản

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A:

9B:

9C:

**2.Kiểm tra đầu giờ :**

*H: Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh có tác*

*dụng gì? Ta cần lưu ý điều gì khi sử dụng?*

*- Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.*

**3.Bài mới** :GV giới thiệu bài.

**-** Giờ trước chúng ta đã tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.Để tạo lập một văn bản thuyết minh có sức thuyết phục cao các em cần vận dụng các biện pháp nghệ thuật một cách có hiệu quả. Giờ hôm nay chúng ta cùng nhau luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1:Hướng dẫn hs tìm hiểu và phân tích đề:**  - Cho HS đọc đề  - Hướng dẫn HS tìm hiểu đề  *H:Đề bài yêu cầu thuyết minh về đối tượng nào ?*  *H: Đề yêu cầu phải viết như thế nào ?*    **Hoạt động 2. Hướng dẫn HS lập dàn bài:**  - GV đưa ra đề bài  - Cho HS đọc đề.  - Hướng dẫn HS lập dàn bài  - Cho HS trình bày  - GV nhận xét đánh giá  **Hoạt động3.Hướng dẫn hs thảo luận về dàn bài đã chuẩn bị:**  - T/c hs hđ theo nhóm  - Cho hs nx chéo giữa các nhóm.    - Gv nx và bổ sung.  **Hoạt động 4 :hướng dẫn hs viết bài**  - GV hướng dẫn hs viết phần mở bài và 1 số đoạn trong phần thân bài.  - Gọi HS trình bày. | **I. Đề bài:**  Thuyết minh một trong các đồ dùng sau: Cái quạt, cái bút, cái kéo, chiếc nón.  **II.Phân tích đề:**  - Kiểu văn bản: Thuyết minh.  - Nội dung thuyết minh: Nêu được công dụng,cấu tạo, chủng loại, lịch sử của cái  quạt (Cái kéo, cái bút, chiếc nón).  - Hình thức thuyết minh:Vận dụng các phương pháp thuyết minh và một số biện pháp nghệ thuật để làm cho bài viết sinh động, hấp dẫn như kể chuyện, tự thuật, hỏi đáp theo lối nhân hoá. III. Lập dàn bài : **1. Học sinh lập dàn bài :**  - Trình bày dàn ý chi tiết.  - Dự kiến cách sử dụng biện pháp nghệ thuật trong bài văn.  ***Ví dụ*:** Thuyết minh về cái quạt:  **\* Mở bài:** Giới thiệu về cái quạt một cách khái quạt.  **\* Thân bài:** Giới thiệu cụ thể về cái quạt:  + Quạt là một đồ dùng như thế nào?  (Phương pháp nêu định nghĩa).  + Họ nhà quạt đông đúc và có nhiềuloại như thế nào? (Phương pháp liệt kê).  + Mỗi loại quạt có cấu tạo và công dụng như thế nào? (Phương pháp phân tích phân loại).  + Để sử dụng quạt có hiệu quả cần bảo quản quạt như thế nào?  **\*Kết bài:** Nhấn mạnh vai trò của quạt trong đời sống.  - Cách sử dụng biện pháp nghệ thuật trong bài văn: Có thể dùng biện pháp nghệ thuật: Kể chuyện,tự thuật, nhân hoá, …  - Đọc phần mở bài với đề văn đã chọn.  **IV.Thảo luận nhận xét, bổ sung**  **sửa chữa dàn ý của bạn vừa trình bày:**  **1- Nhận xét, đánh giá:**  **a.Ưu điểm:**  - Hầu hết học sinh có ý thức chuẩn bị bài.  - Bước đầu có định hướng vận dụng các biện pháp nghệ thuật vào bài viết.  **b.Tồn tại:**  - Một số học sinh chuẩn bị bài chưa kỹ.  - Vận dụng các biện pháp nghệ thuật chưa thật linh hoạt.  **V. Luyện tập:**  Vận dụng một số biện pháp NT vào  viết đoạn văn trong phần mởbài, thân  bài với các đề văn trên.  (TM về cái bút, cái kéo, cái quạt...)  \* Đoạn văn mở bài:  - Chúng tôi là họ hàng nhà quạt, họ hàng nhà chúng tôi rất đông.Nào là quạt máy, quạt tay thậm trí cả quạt thóc… Chúng tôi tuy k có giá trị nhiều về ktế nhưnglại k thể thiếu trong việc bảo vệ sức khoẻ của con người về mùa hè và giúp con người đỡ tốn sức trong quá trình lao động. |

**4.Củng cố-luyện tập**

- Học sinh về nhà:

- Xem lại bài , làm bài tập.

**5. Hướng dẫn hs học ở nhà**

- HS về nhà học, làm bài tập.

-Chuẩn bị: đấu tranh cho một thế giới hòa bình

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:***

*Ngày giảng:*

***TUẦN 2- BÀI 2***

***TIẾT 6* . ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH**

**( G.G Mác- két)**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Một số hiểu biết về tình hình t/g những năm 1980 liên quan đến vb.Hệ thống các luận điểm luận cứ và cách lập luận trong vb.

**2.Kỹ năng :**

Đọc hiểu vb nhật dụng bàn về một vđ liên quan đến nhiệm vụ đ/tr vì hoà bình của nhân loại.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu hoà bình, có những hành động việc làm bảo vệ hoà bình trong lớp trong trường biết đ/tr vì một t/g hoà bình.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A:

9B:

9C:

**2.Kiểm tra đầu giờ :**

*H: Sự tiếp thu vốn tinh hoá văn hoá nhân loại đã tạo nên phong cách văn*

*hoá HCM như thế nào? Những nét đẹp trong lối sống của Hồ Chí Minh?*

**3.Bài mới** :GV giới thiệu bài.

- Loài người luôn kêu gọi hoà bình và nỗ lực đấu tranh để có được hoà bình.Tuy nhiên cho đến nay ở đâu đó trên hành tinh này đã thực sự không còn tiếng súng và tiếng bom? điều đó chưa thực sự diễn ra . Hằng ngày trên các phương tiện thông tin chúng ta vẫn thấy các cuộc tranh chấp, đụng độ máu và ước mắt vẫn chảy.Vậy chúng ta cần có thái độ như thế nào để bảo vệ hoà bình các em sẽ tìm hiểu bài học *"Đấu tranh…"*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú**  **thích**  - GV đọc mẫu, hướng dẫn đọc:  rõ ràng, rứt khoát, đanh thép.  - Gọi HS đọc.  - GV giới thiệu khái quát  *H: Văn bản ra đời trong hoàn cảnh nào?*  - Yêu cầu hs giải nghĩa từ khó: 1,3, 5,6  **HĐ2. HDHS đọc - hiểu văn bản**  *H: Xác định kiểu văn bản?*  *H: Văn bản trích này có thể chia thành mấy phần? Nội dung chính của từng phần?*  *H: Xác định luận điểm chính của văn bản?*  *H:Để chứng minh cho luận điểm ấy tác giả đưa ra hệ thống luận cứ như thế nào?nêu từng luận cứ.*  *H: Nêu nhận xét của em về luận điểm và hệ thống luận cứ của văn bản này?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1. Đọc**  **2. Chú thích:**  **a.Tác giả:**  - Ga-brien Gác-xi- a Mác- két là nhà văn Cô-lôm-bi-a.Ông sinh năm 1928.  - Là t/g của nhiều tiểu thuyết và tậptruyện ngắn theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo. Nổi tiếng với tiểu thuyết “Trăm năm cô đơn”  - Ông được nhận giải No ben VH năm 1982.  **b.Tác phẩm:**  - Vb đc trích từ bài tham luận của nhà văn, khi ông tham dự cuộcgặp gỡ của nguyên thủ 6 nước với nội dung: “kêu gọi “chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu  vũ khí hạt nhân để đảm bảo an ninh và  hoà bình thế giới” tại Mê-hi- cô.  **c. Từ khó:**  **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1.Thể loại :** Văn nghị luận chính trị xã hội, thuộc chùm văn bản nhật dụng  **2. Bố cục:**  Chia thành 3 phần :  (1): Từ đầu đến *“sống tốt đẹp hơn”*  =>Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đè nặng lên toàn trái đất.  (2): Tiếp đến *“xuất phát của nó”*  =>Chứng cứ và lý do cho sự nguy hiểm  và phi lý của chiến tranh hạt nhân.  (3): Còn lại: Nhiệm vụ của tất cả chúng ta và đề nghị của tác giả.  **3.Phân tích:**  **a. Luận điểm và hệ thống luận**  **cứ của văn bản:**  **- Luận điểm của văn bản:**  - Chiến Tranhhạt nhân là một hiểm hoạ khủng khiếp đang đe doạ toàn thể loài ngườivà mọi sự sống trên trái đất, vì vậy  đấu tranh để loại bỏ nguy cơ ấy cho một thế giới hoà bình là nhiệm vụ cấpbách của toàn thể nhân loại.  **- Hệ thống luận cứ:**  +) Kho vũ khí hạt nhân đang được tàng  trữ có khả năng huỷ diệt cả trái đất và các hành tinhkhác trong hệ mặt trời.  +) Cuộc chạy đua vũ trang đã làm mất  đi khả năng cải thiện đời sống cho hàng tỷ người.Những ví dụ so sánh trong các lĩnh vực xã hội,y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục, … với những chi phí khổng lồ cho chạy đua vũ trang đã cho thấy tính chất phi lý của việc đó.  +) Chiến tranh hạt nhân không chỉ đi ngược lại lý trí của loài người mà còn ngược lại với lý trí của tự nhiên, phản lại sự tiến hoá.  +) Vì vậy tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn cuộc chiến tranh hạt nhân,đấu tranh vì một thế giới hoà bình.  => Luận điểm thể hiện rõ thực trạng nguy cơ cơ chiến tranh và thái độ tư tưởng của tác giả kêu gọi đấu tranh vì hoà bình.  \* Các luận cứ mạch lạc, chặt chẽ, sâu sắc => Tính thuyết phục của cách lập luận. |

**4.Củng cố- luyện tập:**

- Hệ thống bài: Luận điểm, hệ thống luận cứ của văn bản.

**5. Hướng dẫn hs về nhà:**

- Học bài , Làm bài tập 1 (SBT)

- Chuẩn bị tiếp tiết 2.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 7*. ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH (TIẾP)**

**( G.G Mác- két)**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hiểu được nội dung vấn đề đặt ra trong văn bản. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe doạ toàn bộ sự sống trên trái đất; nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại là ngăn chặn nguy cơ đó, là đấu tranh cho một thế giới hoà bình.

Thấy được nghệ thuật nghị luận của tác giả: Chứng cứ cụ thể, xác thực,cách so sánh rõ ràng, giàu sức thuyết phục, lập luận chặt chẽ.

**2.Kỹ năng :**

- Đọc hiểu vb nhật dụng bàn về một vđ liên quan đến nhiệm vụ đ/tr vì hoà bình của nhân loại

**3.Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu hoà bình, có những hành động việc làm bảo vệ hoà bình trong lớp trong trường biết đ/tr vì một t/g hoà bình.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng. **2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A:

9B:

9C:

**2.Kiểm tra đầu giờ :**

*H: Luận điểm và hệ thống luận luận cứ trong văn bản?*

**3.Bài mới** :

- GV giới thiệu bài.

- Giờ trước, chúng ta đã tìm hiểu về luận điểm và hệ thống luận cứ của văn bản“Đấu tranh cho một thế giới hoà bình”. Giờ này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu sâu hơn hệ thống luận cứ trong văn bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc - hiểu văn bản (tiếp)**  - Học sinh đọc đoạn 1.  *H: Tác giả đã mở đầu bài viết ntn?*  *H: Nhận xét về cách mở đầu bài viết của tác giả?*  *H: Cho biết tác dụng của cách viết này?*  *H:Tác giả còn giúp người đọc thấyrõ hơn sức tàn phá của kho vũ khíhạt nhân bằng cách nào?*  - Lập bảng so sánh- thảo luận nhóm  trình bày bày kquả  .  *H: Theo tác giả sự tồn tại của vũ khí hạt nhân “Tiềm tàng trong các bệ phóng, cái chết cũng làm tất cả chúng ta mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn”, vì sao vậy?Nêu dẫn chứng cụ thể ?*  *H: Nhận xét về nghệ thuật lập luận của tác giả?*  *H: Tác dụng của nghệ thuật lập luận trên?*  - Một học sinh đọc đoạn văn “Một nhà tiểu thuyết 🡪 của nó”.  *H: Theo tác giả “Chạy đua vũ tranglà đi ngược lại lý trí… đi ngược lại lý trí của tự nhiên”. Vì sao vây?*  *H: Để làm rõ luận cứ này, tác giả đã đưa ra những chứng cứ nào?*  *H: Nhận xét gì về chứng cứ mà tácgiả đưa ra?*  *H: Với cách lập luận như trên, tác giả giúp chúng ta nhận thức được điều gì?*  - Một học sinh đọc đoạn văn cuối.  *H: Sau khi chỉ ra cho chúng ta thấyhiểm hoạ của chiến tranh vũ khí hạt nhân, tác giả đã hướng người đọc tới điều gì? (Thể hiện cụ thể qua câu văn nào?).*  *H: Với tác giả, ông đã đưa ra sáng kiến (đề nghị) gì?*  *H: Chúng ta nên hiểu đề nghị này của tác giả như thế nào?*  **HĐ2. HDHS tổng kết**  *H: Những đặc sắc về nghệ thuật của*  *văn bản?*    *H: Nêu nội dung chính của văn bản?*  - Học sinh đọc ghi nhớ. | **b. Hiểm hoạ chiến tranh hạt nhân:**  - *“Chúng ta đang ở đâu? Hôm nay ngày 8/8/1986”*  *- “Nói nôm na ra… mỗi người, không trừ trẻcon, đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ:Tất cả chỗ đó nổ tung lên sẽ làm biến hết thảy… mọi dấu vết của sự sống trên trái đất”.*  - Việc xác định cụ thể thời gian, đưa ra số liệu cụ thể, câu hỏi rồi tự trả lời.  => Tính chất hiện thực và sự khủngkhiếp của nguy cơ chiến tranh hạt nhân.  - So sánh với một điển tích lấy từ thần thoại Hy Lạp *“Nguy cơ ghê gớm đó đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-clét*”.  -Những tính toán lý thuyết: Kho vũ khí ấy *“Có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh mặt trời, cộng thêm 4 hành tinh nữa và phá huỷ* *thế thăng bằng của hệ mặt trời”.*  - So sánh sự nguy hiểm của chiến tranh hạt nhân với dịch hạch (So sánh ẩn dụ).  -Thu hút, gây ấn tượng mạnh mẽ với ngườiđọc về tính chất hệ trọng của vấn đề đang nói tới.  **c. Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân đã làm mất đi khả năng để con người được sống tốt đẹp hơn:**  - Năm 1981, UNICEF định ra một chương trình giải quyết những vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo trên thế giới về y tế,giáo dục sơ cấp, … với 100 tỷ USD  = Số tiềnnày gần bằng chi phí cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B của Mỹ và dưới 1000 tên lửa vượt đại châu.  - Lĩnh vực y tế: Kinh phí của chươngtrình phòng bệnh 14 năm và phòng bệnh sốt rét cho hơn 1 tỷ người, cứu hơn 14 triệu trẻ em Châu Phi-Bằng giá của 10 chiếc tàu sân bay Ni-mít mang vũ khí hạt nhân của Mỹ dự định sản xuất từ năm 1986 đến năm 2000.  - Lĩnh vực tiếp tế thực phẩm:  Năm 1985 (Theo tính toán của FAO)575 triệu người thiếu dinh dưỡng không bằng kinh phí sản xuất 149 tên lửa MX, *chỉ 27 tên lửa MX là đủ trả tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo trong 4 năm.*  - Lĩnh vực giáo dục: *Xoá nạn mù chữ cho toàn thế giới - Bằng tiền đóng 2 tầu ngầm mang vũ khí hạt nhân*.  **- Nghệ thuật:** Đưa ra hàng loạt dẫn chứng với những so sánh đối lập ở các lĩnh vực, với các số liệu cụ thể.  => Sự tốn kém ghê gớm và tính chất phi lý của cuộc chạy đua vũ trang.  ***->Người đọc không khỏi ngạc nhiên, bất ngờ trước sự thật hiển nhiên mà phi lý: Nhận thức đầy đủ rằng, cuộc chạy đua vũ trang đã và đang cướp đi của thế giới nhiều điều kiện để cải thiện cuộc sống của con người, nhất là ở các nước nghèo.***  **d. Chiến tranh hạt nhân chẳng những**  **đi ngược lại lý trí của con người**  **mà còn phản lại sự tiến hoá của tự**  **nhiên:**  - “Lý trí của tự nhiên”: Quy luật của tự nhiên,logic tất yếu của tự nhiên.  - Như vậy: ***Chiến tranh hạt nhân không chỉ tiêu diệt nhân loại mà còn tiêu huỷ mọi sự sống trên trái đất.* *Vì vậy nó phản tiến hoá,phản lại “Lý trí của tự nhiên”.***  - *“Từ khi mới nhen nhúm sự sống trên*  *trái đất… 380 triệu năm con bướm mới bay được, 180 triệu năm nữa bông hồng mới*  *nở… 4 kỷ địa chất, con người mới hát được hay hơn chim và mới chết vì yêu”.- “Chỉ cần bấm nút một cái là đưa cả quá trìnhvĩ đại và tốn kém đó của bao nhiêu triệu năm*  *trở lại điểm xuất phát của nó”.*  - Những chứng cứ từ khoa học địa chất, cổ sinh học  + Biện pháp so sánh.  => Nhận thức rõ ràng về tính chất: Phản tiến hoá, phản tự nhiện của chiến tranh hạt nhân.  **e. Nhiệm vụ khẩn thiết của chúng ta:**  - *“Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó, đem tiếng nói của chúng ta tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí và một cuộc sống hoà bình, công bằng”.*  🡪Hướng người đọc với thái độ tích cực là đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, cho một thế giới hoà bình.  - Đề nghị của tác giả: Lập ra một nhà bănglưu trữ trí nhớ:  +) Nhân loại tương lai biết đến cuộc sống củachúng ta đã từng tồn tại, có đau khổ, có bất công, có tình yêu, hạnh phúc.  +) Nhân loại tương lai biết đến những kẻ vì những lợi ích ti tiện mà đẩy nhân loại  vào thảm hoạ diệt vong.  ***\*Nhân loại cần gìn giữ ký ức của mình, lịch sử sẽ lên án những thế lực hiếu chiến, đẩy nhân loại vào thảmhoạ hạt nhân.***  **III.Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Luận điểm đúng đắn, hệ thống luận cứ rành mạch.  - So sánh bằng nhiều dẫn chứng toàn diện, tập trung.  - Lời văn đanh thép=>Tạo sức thuyết phục cho văn bản.  **2. Nội dung:**  Chiến tranh hạt nhân đang đe doạ toàn thể loài người và mọi sự sống trên trái đất. Vì vậy,nhiệm vụ cấp bách của chúng ta là đấu tranh để loạibỏ nguy cơ ấy.  **\* Ghi nhớ: (SGK21)** |

**4.Củng cố-luyện tập:**

- Hệ thống: Khắc sâu luận điểm và hệ thống luận cứ của văn bản.

- Bài tập (SGK21):

*H: Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?*

*H:Nêu cảm nghĩ sau khi học xong văn bản “Đấu tranh cho một thế giớihoà bình” của G. G. Mác-két?. Em dự định sẽ làm gì để tham gia vào bản đồng cacủa nh ng đòi hỏi 1 t/g k có vũ khí hạt nhân?*

**5. Hướng dẫn hs học ở nhà:**

- Học bài.

- Tìm thêm các tài liệu về tác hại của chiến tranh và nguy cơ chiến tranh

hạt nhân.

- Chuẩn bị : “Các phương châm hội thoại”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 8*. CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI** (*TIẾP)*

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu được:

**1.Kiến thức :**

- Nắm được nội dung phương châm quan hệ, phương châm cách thức

và phương châm lịch sự.

**2.Kỹ năng :**

- Vận dụng các phương châm này vào g/t.

- Biết sử dụng phương châm hội thoại khi g/t. Nhận biết và p/t đc cách sử dụng phương châm quan hệ, phương châm cách thức,phương châm l/s trong 1 tình huống g/t cụ thể.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục ý thức vận dụng, các phương châm hội thoại vào quá trình giao tiếp tạo lập văn bản.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên**:Soạn bài,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng. **2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A:

9B :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*H: Thế nào là phương châm hội thoại về lượng, phương châm hội thoại về chất? Cho ví dụ minh hoạ?*

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

**-** *Giờ trước, chúng ta đã tìm hiểu phương châm hội thoại về lượng, về chất. Song để cuộc hội thoại vừa được đảm bảo về nội dung, vừa giữ đượcquan hệ chuẩn mực giữa các cá nhân tham gia vào hội thoại, ta sẽ cùng tìm hiểu vấn đề này trong giờ học hôm nay.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1:Hướng dẫn hs tìm hiểu phương châm quan hệ:**  Gọi HS đọc b/t1sgk và x/đ y/c bt.  - Gv hướng dẫn hs làm b/t  *H: Em hiểu ntn “ ông nói gà bà nói vịt”?*  *H: Điều gì sễ xẩy ra khi xh những tình huống như vậy?*  *H: Để k vi phạm phương châm q/h, ta cần lưu ý điều gì?*  - Cho hs đọc ghi nhớ sgk  - Gv lấy vd phân tích  - y/c hs lấy vd về 1 tình huống g/t vi pham phương châm qh.  *VD : Mai : Lan ơi đi học thôi !*  *Lan : Năm phút nữa mẹ tớ mới về*  - Nghĩa tường minh trong câu nói của Lan không cùng đề tài với câu nói của Mai, nhưng nghĩa hàm ẩn mà Lan muốn trả lời Mai lại cùng đề tài. Vì vậy người nhận tin phải nắm được nghĩa thực của câu nói ở người phát tin thì giao tiếp mới thành công.  **Hoạt động 2 . Hướng dẫn hs tìm hiểu phương châm cách thức:**  - HS đọc b/t1sgk và x/đ y/c bt.  *H: hãy giải nghĩa 2 thành ngữ “dây cà ra dây muống” và “lúng búng như ngậm hột thị”?*  *H: Những cách nói trên sẽ a/hg tới g/t ntn?*  *H:Từ đó em rút ra bài học gì khi g/t?*  - Cho HS đọc b/t 2sgk và x/đ y/c bt.  *H:Có thể có mấy cách hiểu trong câu: “tôi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn của ông ấy”?*  *H: Khi nói có nhiều cách hiểu như vậy thì g/t có thành công k?*  *H: Để ng nghe k hiểu theo nhiều cách ta phải nói ntn?*  *H: Để tuân thủ phương châm cách thức, khi g/t ta phải chú ý nói ntn?*  - HS đọc ghi nhớ sgk  - Gv lấy vd phân tích  **Hoạt động 3 . Hướng dẫn HStìm hiểu phương châm lich sự**  - Cho HS đọc b/t 1sgk và x/đ y/c bt.  - Gv hướng dẫn hs làm b/t  *H: Tại sao cả cậu bé và ng/ ăn xin đều nhận thấy mình đã nhận từ ng kia một cái gì đó?*  *H:Từ đó em rút ra bài học gì khi g/t?*  - Cho hs đọc ghi nhớ sgk  - Gv lấy vd phân tích  **Hoạt động 5. Hướng dẫn HS**  **Luyện tập:**  - Gv hướng dẫn hs làm b/t  - Cho HS đọc b/t 1sgk và x/đ y/c bt.  *H: Người xưa đã khuyên dạy điều gì qua các câu ca dao?*  *H: Tìm thêm 1 số câu ca dao có nd tương tự?*  - Cho HS đọc b/t 2sgk và x/đ y/c bt.  *H:Những phép tu từ từ vựng nào đã học có liên*  *quan trực tiếp tới phương châm lịch sự?*  *Cho ví dụ?*  HS đọc b/t 3sgk và x/đ y/c bt  *H:Điền từ ngữ thích hợp vào ô trống?*  HS đọc b/t 4sgk và x/đ y/c bt  *H:Vận dụng những phương châm hội thoại đã học để giải thích vì sao người nói đôi khi phải dùng những cách như :*  *a. Nhân tiện đây xin hỏi ?*  *b. Cực chẳng đã tôi mới phải nói, tôi nói điều này không phải anh bỏ qua cho, biết là anh không vui nhưng…, xin lỗi có thể anh không hài lòng nhưng tôi phải thành thực mà nói là…*  *c. Đừng nói leo, đừng ngắt lời tôi như*  *thế, đừng nói cái giong đó với tôi…*  - Hướng dẫn hs giải nghĩa các thànhngữ.xác định phương châm hội thoại có liên quan . | **I.phương châm quan hệ:**  **1.Bài tập:**  \*Nhận xét:  - *“ ông nói gà bà nói vịt”*Mỗi ng nói một đề tài , k cùng nd, k hiểu nhau.  - Người đối thoại k hiểu nhau, không giao tiếp được với nhau, cuộc hội thoại sẽ k có hiệu quả.  \* Kết luận:  - Khi giao cần nói đúng vào đề tài giao  tiếp, tránh nói lạc đề.  **2.Ghi nhớ1: sgk( 21)**  **II. Phương châm cách thức:**  **1.Bài tập 1(21):**  \*Nhận xét:  - *“Dây cà ra dây muống”*-> Nói dài dòng rườm rà.  *-“lúngbúng như ngậm hột thị”*  -> cách nói ấp úng, k rõ ràng, mạch lạc.  - Nói như vậy khiến cho ng nghe khó hiểu, khó tiếp nhận, hoặc tiếp nhận không chính xác nội dung.  \* Kết luận  - Khi giao tiếp cần nói ngắn gọn,rõ ràng rành mạch, dễ hiểu.  **2.Bài tập 2(22)**  \*Nhận xét  - Câu nói có 2 cách hiểu  - Có thể sửa lại nd câu nói trên như sau:  (1).Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn.  (2).Tôi đồng ý với những nhận đinh(của người nào đó )về truyện ngắn do ông ấy sáng tác.  \* Kết luận  - Khi giao tiếp, cần nói rõ ý, tránh  cách nói mơ hồ khó hiểu.    **3.Ghi nhớ 2: sgk(22)**  **III. phương châm lịch sự:**  **1.Bài tập:**  \*Nhận xét:  - Nhờ cách đối sử l/s tôn trọng đối tượng g/t. cả hai đều cảm nhận đượctìnhcảm mà người kia đã giành cho mình,đó là tình cảm, tôn trọng, chânthành và quan tâm đến người khác.Nhất là em bé em đã không hề tỏ ra khinh miệt xa lánh người ăn xin à còn  rất chân thành thể hiện sự tôn trọng đối với con người nghè khổ ấy.  \* Kết luận  - Khi g/t cần phải l/s, tế nhị ,tôn trọng đối tượng g/t.  **2.Ghi nhớ 3: sgk(22)**  **IV.Luyện tập:**  1.Bài tập 1(23)  +) Lời chào cao hơn…  +)Lời nói chẳng mất tiền mua…  +)Kim vàng ai nỡ uốn câu  Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.  => Các câu ca dao khuyên ng ta ăn nói nhẹ nhàng,l/s tôn trọng đối tượng g/t.  VD: +) Chim khôn …  Ng khôn…  +) Vàng thì thử lửa…  Người khôn thử tiếng…  2.Bài tập 2(23)  - Phép tu từ TV có liên quan trực tiếp tới  phương châm lịch sự là: Phép nói giảm, nói tránh.  Ví dụ: Cụ ấy đã chết cách đây 10 năm.  ->Cụ ấy đã khuất núi 10 năm rồi.  3.Bài tập 3(23)  a.nói mát => Lịch sự  b. nói hớt=> Lịch sự  c.nói móc=> Lịch sự  d.nói leo=> Lịch sự  e.nói ra đầu ra đũa => cách thức  4.Bài tập 4(23)  a. Người nói chuẩn bị hỏi về mộtvấn đề khôngđúng vào đề tài mà 2 người đang trao đổi=> Tránh để người nghe hiểu rằng mình không tuân thủ phương châm quan hệ.  b. Đôi khi, vì một lý do nào đó, người nói phải nói một điều mà mình nghĩ là điều đó sẽ là tổn thương thể diện của người đối thoại.  c. Những cách nói *“Đừng nói leo, …* với tôi”… báo hiệu cho người nghe biết rằng người đó đã không tuân thủ phương châm lịch sự và cần phải chấm rứt.  5.Bài tập 5(24)  a.Nói băm nói bổ-> nói bốp chát xỉa xói thô bạo-> Phương châm l/s  b. Nói như đấm vào tai-> Nói mạnh  khó nghe, khó tiếp thu=>Phương châm l/s  c. điều nặng tiếng nhẹ->Nói trách móc,chì chiết => L/s  d. Nửa úp nửa mở->mập mờ ỡm ờ không nói ra hết ý.=> Cách thức  e. Mồm loa mép giải->lắm lời đanh đá nói át lời người khác->l/s  g. Đánh trống lảng->lảng ra nétránh không muốn đề cập đến một vấn đề nào đó mà ngườ đối thoại đang trao đổi => q/hệ  h. Nói như dùi đục chấm mắm cáy-> nói khôngkhéo, thô cộc thiếu tế nhị=> l/sự |

**4 .Củng cố, luyện tập:**

*H: Yêu cầu giao tiếp tuân thủ phương châm về q/h; cách thức và l/s?*

- Làm các bài tập SBT

**5. Hướng dẫn hs học ở nhà:**

+ Làm bài tập 5 (SGK), bài tập (SBT).

+ Chuẩn bị bài: “Sử dụng yếu tố miêu tả….”.

“Luyện tập sử dụng yếu tố miêu tả….”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 9*. SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức**

- T/d của y/t m/t trong vb thuyết minh: Làm cho đ/tg thuyết minh hiện lên cụ thể,gần gũi,dễ cảm nhận hoặc nổi bật gây ấn tượng.

- Vai trò của m/t trong vb thuyết minh: Phụ trợ cho việc g/t nhằm gợi lên h/ả cụ thể của đ/tg cần thuyết minh.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kỹ năng quan sát các sự vật,hiện tượng.Sử dụng ngôn ngữ m/t phù hợp trong việc tạo lập vb thuyết minh.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục ý thức vận dụng, có ý thức đưa y/t mt vào vb thuyết minh.

**B.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài.

**C. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A

9B :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*H:Ta thường sử dụng các biện pháp nghệ thuật như thế nào trong vănbản thuyết minh?Khi sử dụng cần lưu ý điều gì? Đọc đoạn văn trong phần thân bài có sử dụng biện pháp nghệ thuật (Đối tượng thuyết minh tự chọn) ?*

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

- Năm lớp 8, chúng ta đã được tìm hiểu về yếu tố miêu tả trong văn bảntự sự và nghị luận. Vậy yếu tố này có vai trò như thế nào trong văn bản thuyếtminh và chúng ta sẽ sử dụng vào quá trình thuyết minh một đối tượng cụ thể ra sao, mời các em vào giờ học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **Hoạt động 1. HDHS tìm hiểu y/t mt trg vb thuyết minh:**  - Gọi hs đọc vb “cây chuối trong đời sống VN”  *H: Nhan đề vb đề cập tới vđ gì?*  *H: Hãy nêu câu văn thuyết minh về đ/đ tiêu biểu của cây chuối?*  *H: Tìm những câu văn có chứa y/t mt cây chuối?*  *H: Theo em y/t mt có vai trò gì trong việc thể hiện h/a và t/d của cây chuối ?*  *H: Công dụng của cây chuối đã đầy đủ chưa? cần bổ sung thêm những gì?*    *H: Từ đó em rút ra v/tr của y/t mt trg vb TM*  - Cho hs đọc ghi nhớ sgk  **HĐ2. HDHS làm bài luyện tập**  - Một học sinh đọc yêu cầu bài tập1.  - Làm vào vở.  - Trình bày trước lớp.  - Học sinh khác nhận xét, bổ sung.  - Một học sinh đọc yêu cầu bài tập2.  - Làm miệng trước lớp.  - Hai học sinh đọc văn bản.  *H:Chỉ ra những câu miêu tả trong văn bản.* | **I. Tìm hiểu y/t mt trg vb thuyết minh:**  1.Bài tập:  \*Nhận xét:  a. Nhan đề làm toát lên vđ cần giới thiệu :  +) Đặc điểm của cây chuối  +)T/d của cây chuối trong đ/s con ng VN.  b. Những câu văn thuyết minh về đặc  điểm tiêu biểu của cây chuối:  (1)- “Đi khắp Việt Nam … núi rừng“Cây chuối rất ưa nước … cháu lũ”  (2)- “Cây chuối là thức ăn … hoa, quả!”  (3)- Giới thiệu quả chuối: Những loại chuối và công dụng của nó.  + “Quả chuối là một món ăn ngon”  + “Nào chuối hương … thơm hấp dẫn”  + “Mỗi cây chuối đều cho ta một buồng chuối … nghìn quả”  + Chuối xanh để chế biến thức ăn.  + Chuối để thờ cúng.  c.Những câu văn có chứa y/t mt cây chuối:    “Đi khắp Việt Nam … núi rừng”  “Không phải là quả tròn… như trứng quốc … cuốc".  “Không thiếu những buồng chuối…tận gốc cây”  => Yếu tố miêu tả làm hiện lên đặc điểm về hình dáng , về sự phát triển của cây chuối ; gợi lên sự liên tưởng về hình ảnh, màu sắc bên ngoài của chuối. Tất cả góp phần cung cấp hiểu biết về cây chuối trong đời sống của con người VN, gây ấn tượng cho người đọc.  d. Công dụng của cây chuối trong vb chưa đầy đủ, cần bổ sung tác dụng của thân chuối( thức ăn cho động vật- cá, trâu bò...); lá chuối tươi hoặc khô( gói bánh, nem chua) ;nõn chuối,bắp chuối(làm món ăn- nộm)  VD:Thân chuối tây làm rau sống có tác dụng giải nhiệt.Thân chuối tươi có tác dụng làm phao tập bơi  - Hoa chuối thái nhỏ ăn sống, luộc  - Quả chuối tiêu xanh dùng làm thuốc chữa bệnh  - Chuối chín thái lát tẩm bột rán ăn  - Lá chuối khô dùng làm lót ổ mùa đông,gói bánh  - Củ chuối thái nhỏ xào với thịt ếch…  \* KL: Yếu tố m/t làm cho đối tượng thuyết minh hiện lên cụ thể, nổi bật và gây ấn tượng cho ng đọc, làm cho bài văn thuyết minh thêm sinh động hấp dẫn.  **2.Ghi nhớ sgk(25)**  **II.Luyện tập:**  **1.Bài tập 1:** Bổ sung yếu tố miêu tả vào các chi tiết thuyết minh.  - Thân cây chuối thẳng và tròn như mộtcây cột trụ mọng nước gợi ra cảmgiác mát mẻ rễ chịu.  - Lá chuối tươi xanh rờn xào xạc trong  nắng sớm.  - Quả chuối chín màu vàng vừa bắt mắt, vừa dậylên một mùi thơm ngọtngào, quyến rũ.  - Nõn chuối màu xanh non cuốn tròn như một bức thư còn phong kín đang đợi gió mở ra.  **2. Bài tập 2:** Chỉ ra yếu tố miêu tả trong đoạn văn sau:  - “Tách … nó có tai”  - “Chén của ta không có tai”  - “Khi mời ai … rất nóng”  **3.Bài tập 3:** (SGK26, 27, 28)  Văn bản “Trò chơi ngày xuân”  - “Những ngày đầu năm, … lòng người”  - “Qua sông Hồng, … mượt mà”  - “Lân được trang trí công phu,.. chạy  quanh”  - “Những người tham gia,… mỗi người”  - “Bàn cờ là sân bãi rộng,… che lọng”  - “Với khoảng thời gian nhất định,… khê”  - “Sau hiệu lệnh … đôi bờ sông”. |

**4. Củng cố , luyện tập:**

-Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản TM

**5. Hướng dẫn hs về nhà:**

- Học bài.

- Chuẩn bị bài:" Luyện tập sử dụng yếu tố miêu tả trong VBTM"

# \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# 

***TIẾT 10*. LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ**

**TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Những y/t m/t trong bài văn thuyếtt minh

- Vai trò của y/t m/t trong bài văn thuyết minh

**2.Kỹ năng :**

- Viết đoạn văn, bài văn thuyết minh sinh động, hấp dẫn.

- Sử dụng ng ngữ m/t phù hợp trong việc tạo lập vb thuyết minh.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục ý thức vận dụng, có ý thức đưa y/t mt vào vb thuyết minh.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A:

9B:

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Nêuvai trò, t/d của yếu tố m/t trong vb TM ?*

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

- Giờ trước, chúng ta đã được tìm hiểu việc sử dụng yếu tố miêu tả trong vănbản thuyết minh về mặt lý thuyết. Giờ học này, chúng ta sẽ vậndụng kỹ năng sử dụng yếu tố miêu tả vào thuyết minh một đối tượng cụ thể trong đời sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu đề, lập dàn bài cho đề bài**  - Một học sinh đọc đề bài (SGK28).    *H: Đề bài yêu cầu trình bày những vấn đềgì?*  *H: Cụm từ “Con trâu ở làng quê Việt Nam” bao gồm những ý gì?*  *H: Với vấn đề này, ta cần trình bày những ý gì?*  *H: Hãy lập dàn ý cho đề văn này.*      **HĐ2. HDHS Luyện tập:**  *H: Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà hãy*  *trình bày phần mở bài: Vừa có nội*  *dung thuyết minh, vừa có yếu tố*  *miêu tả.*  (Học sinh trình bày miệng ->Học sinh  khácnhận xét ->Giáo viên đánh giá).  *H: Trình bày đoạn văn thuyết minhvới từng ý (Dựa vào dàn ý của phần thân bài).*  - Trình bày miệng trước lớp ->Học sinh khác nhận xét -> Giáo viên đánh giá.  *H:Trình bày đoạn kết bài.*  - Học sinh khác bổ sung.  - Giáo viên đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá những ưu, khuyết điểm của học sinh.  **HĐ3. Nhận xét, đánh giá:**    - Dựa vào nội dung hs chuẩn bị vàtrình bày  - GV đánh giá mặt tích cực và chỉ ra những tồn tại cần sửa chữa. | **\* Đề bài:** Con trâu ở làng quê Việt Nam.  **I. Tìm hiểu đề và lập dàn bài:** 1. Tìm hiểu đề: - Giới thiệu về con trâu ở làng quê Việt Nam.(trong công việc đồng áng trong  cuộc sống làng quê.)  -Vai trò, vị trí của con trâu trong đời sống của người nông dân, trong nghề nông của người Việt Nam: Đó là  +)Cuộc sống của người làm ruộng.  +)Con trâu trong việc đồng áng.  +)Con trâu trong cuộc sống làng quê  **2. Dàn bài:**  - Mở bài: Giới thiệu về con trâu trên  đồng ruộng Việt Nam.  - Thân bài:  + Con trâu trong nghề làm ruộng: Là sức kéo để cày bừa, kéo xe, trục lúa, …  + Con trâu trong lễ hội, đình đám(làcon vật linh đc dùng làm lễ tế thần)…  + Con trâu nguồn cung cấp thịt, da, sừng trâu để làm đồ mỹ nghệ.  + Con trâu là tài sản lớn của người nông dânViệt Nam(mua trâu là một trong những việc lớn của người nông dân xưa kia- *làm nhà, cưới vợ, tạu trâu*)  + Con trâu và trẻ chăn trâu là đôi bạn gắn bó, thân thiết việc chăn nuôi trâu .  + Con trâu trong đời sống tình cảm của người nông dân ( trâu là bạn- trò truyện tâm tình với trâu, trâu đi vào thơ ca vào tranh quê là biểu tượng của làng quê VN.)  - Kết luận.  + Khẳng định vai trò vị trí của trâu trong đời sống người dân quê VN.  **II. Luyện tập:**  **1.Xây dựng đoạn mở bài:**  - Vừa có nội dung thuyết minh,vừa cóyếu tố miêu tả con trâu ở làng quê Việt Nam.  *ĐV: Đi khắp mọi miền quê trên đất nước VN đâu đâu ta cũng gặp một h/a hết sức quen thuộc đó là con trâu.Trâu VN đã trở thành biểu tượng thân thuộc của làng quê gắn bó sâu sắc với ng nd như người bạn trong cuộc sống sinh hoạt, làm ăn.*  **2.Xây dựng đoạn trong phần thân**  **bài:**  - Giới thiệu con trâu trong việc làm ruộng:  (Trâu cày, bừa ruộng, kéo xe, chở lúa).  - Con trâu với tuổi thơ ở nông thôn:  (Hình ảnh đẹp của cuộc sống thanh bình ở làng quê Việt Nam)  + Cảnh trẻ em chăn trâu.  + Những con trâu cần cù gặm cỏ.  \* Đoạn văn thân bài:  Với ng nd VN con trâu đã trở thành ng bạn sớm hôm trên đồng ruộng,trâu cần mẫn cùng người làm việc:trâu giúp người cày, kéo chẳng quản đồng cạn đồng sâu , chẳng ngại sớm trưa, mưa, nắng... *“Trên đồng cạn dưới đồng sâu, chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa”.* Không những cày ruộng trâu còn kéo thóc,kéo xe, kéo gỗ. ..  Người nd VN yêu quý trâu sâu sắc như với người, họ tâm sự với trâu:  *“ trâu ơi ta bảo trâu này.Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta...”*  **3.Xây dựng đoạn kết bài:**  *- Con trâu hiền lành, ngoan ngoãn đã trở thành hình ảnh gần gũi thân thuộc với làng quê VN từ bao đời nay.Ngày nay dù trình độ khoa học có tân tiến, hiện đại con người ít sử dụng sức kéo cày là con trâu nhưng trâu vẫn vô cùng quan trọng trong đời sống của người dân Việt,của làng quê Việt bởi những ưu điểm và sự gắn bó của nó với con người Việt Nam, trong phát triển kinh tế và đời sống tinh thần .*  **III. Nhận xét, đánh giá:**  **1.Ưu điểm:**  **2.Tồn tại:** |

**4. Củng cố-Luyện tập:**

- Hệ thống bài:

-Viết lại phần thân bài một cách hoàn chỉnh.

+ Vai trò, vị trí của yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

+ Vai trò, vị trí của yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh về con trâu ở

làng quê Việt Nam.

**5.Hướng dẫn học sinh học ở nhà:**

+ Xem lại bài và hoàn chỉnh bài văn.

+ Chuẩn bị bài*“Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em”*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

# *Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# 

***TUẦN 3- BÀI 3***

***TIẾT 11* . TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN QUYỀN**

**ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay,những thách thức cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta.

- Những thể hiện của quan điểm về vđ quyền sống,quyền đc bảo vệ và p/tr của trẻ em ở VN.

**2.Kỹ năng :**

- Nâng cao kỹ năng đọc- hiểu một văn bản nhật dụng.

- Học tập phương pháp tìm hiểu, phân tích trong tạo lập1 vb nhật dụng.

- Tìm hiểu và biết đc quan điểm của Đg,nhà nước ta về vđ đc nêu trong vb.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu trẻ.Có ý thức trách nhiệm với trẻ thơ.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình các hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện:Sĩ số9A:

9B

9C:

**2.Kiểm tra đầu giờ**

*H: Nêu những tác hại của cuộc chạy đua vũ trang đối với đời sống của con người ?*

*H:Mỗi người chúng ta cần làm gì để góp phần vào công cuộc đấu tranh vì một thế giới hoà bình? Em có suy nghĩ gì về đề nghị của tác giả.*

**3.Bài mới** :GV giới thiệu bài.

“Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai”… câu hát giúp mỗi chúng ta ý thức rõ hơn về vai trò của trẻ em với đất nước, với nhân loại. Song, hiện nay vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em bên cạnh những mặt thuận lợi còn đang gặp những khó khăn, thách thức cản trở không nhỏ ảnh hưởng sấu đến tương lai phát triển của các em. Văn bản *“Tuyên bố …”* sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về vấn đề này.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích**  - Hướng dẫn học sinh cách đọc:  Mạch lạc, rõ ràng, truyền cảm.  - Giáo viên đọc mẫu -> học sinh đọc  - nhận xét việc đọc văn bản của  học sinh.  - Yêu cầu HS giải nghĩa 1 số từ ngữ trong chú thích.  **HĐ2.HDHS đọc - hiểu văn bản**  *H: Xác định kiểu văn bản?*  *H:Văn bản trích được chia thành mấy*  *phần? Nêu nội dung từng phần?*  *H: Nhận xét về bố cục của văn bản?*  *H: Cộng đồng thế giới nhận thức ntn về trẻ em?*  *H: Thế giới có cách nhìn nhận ntn về quyền sống trẻ em được hưởng?*  *H: Ntn là hình thành và ptr trong sự hoà hợp và tương trợ?*  - Mọi người, mọi tổ chức trong cộng đồng cần hoà hợp đoàn kết giúp đỡ nhau để trẻ em được sống, phát triển trong hoà bình.  *H:Em nx ntn về lời tuyên bố của cộng đồng q tế?*  *H: Dựa vào mục 4-5-6 hãy khái quát những thách thức mà trẻ em đang phải chịu đựng?*  *H: Em có ấn tượng gì khi đọc các từ “hàng ngày”, “mỗi ngày…?*  Các từ chỉ số lượng: Vô số, hàng triệu trẻ em, 40.000 cho chúng ta thấy rõ thực tế cuộc sống của nhiều trẻ em đang diễn ra hàng ngày. Đó là vấn đề bức xúc cần phải giải quyết để khắc phục.  *H: Những thách thức trên thuộc về trách nhiệm của ai?*  *H: Em còn biết được về cuộc sốngcủa trẻ em trên thế giới như thế nào nữa?*  (Trẻ em trên thế giới còn là nạn nhân của việc buôn bán trẻ em, trẻ em sớm phạm  tội… Trẻ em các nước Nam Á sau  trận động đất, sóng thần).  *H: Thái độ của t/c LHQ ntn trước những nỗi bất hạnh mà trẻ em đang phải trải qua?* | **I.Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1. Đọc**  **2.Chú thích:** (SGK 34, 35)  **a. Tác phẩm** trích tuyên bố của hội nghị cấp cao t/g về trẻ em trong cuốn: “VN và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em”.  **b.Từ khó:**  **II.Đọc- hiểu văn bản**  **1.Thể loại:**  - Kiểu văn bản:, thuộc loại nghị luận  xã hội  - Chùm văn bản nhật dụng.(Vấn đề chăm sóc và bảo vệ trẻ em)  **2. Bố cục:**  - Gồm 3 phần :  **+**Phần 1: Lí do và mục đích ra đời của bản tuyên bố.  **+**Phần 2:**Sự thách thức**:Nêu lên những thực tế, những con số về cuộc sống khổ cực ,về tình trạng bị rơi vào hiểm hoạ của nhiều trẻ em trên thế giới  **+**Phần 3: **Cơ hội** :khẳng định những điều kiện thuận lợi cơ hội để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em.  **+**Phần 4: **nhiệm vụ :**Xác định những nhiệm vụ cụ thể mà từng quốc gia và cả cộng đồng quốc tế cần làm vì sự sống còn ,sự phát triển của trẻ em .  => Các phần có quan hệ chặt chẽ với nhau, phần trước là cơ sở, căn cứ dẫn đến phần sau.  **3.Phân tích**  **a.Nhận thức của cộng đồng quốc tế về quyền sống của trẻ em :**  - Trẻ em là đối tượng trong sáng ham hđ, nhiều mơ ước dễ bị tổn thương.  - Trẻ em phải được sống trong vui tươi hoà bình, được vui chơi ,đc đi học và pt.Tương lai phải được hình thành trong sự pt và tg trợ.  =>Cộng đồng qt coi quyền sống của trẻ em là q/trọng, cấp thiết => trẻ em có quyền kỳvọng vào những lời tuyên bố ấy.  **b.Thực trạng cuộc sống của trẻ em:**  - Trẻ em trên thế giới hiện nay:  +Trở thành nạn nhân chiến tranh và bạo lực, nạn phân biệt chủng tộc sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài.  + Chịu đựng những thảm hoạ đói nghèo,khủng hoảng kinh tế ,vô gia cư ,dịch bệnh ,mù chữ, môi trường xuống cấp + Nhiều trẻ em chết do suy dinh dưỡng và bệnh tật (40.000 trẻ em).  =>Trách nhiệm phải ứng phó với những  thách thức đã nêu trên thuộc về những nhà lãnh đạo chính trị các nước.  => Tổ chức LHQ hiểu rõ thực trạng của trẻ em hiện nay và quyết tâm giúp đỡ các em vượt qua bất hạnh. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Hệ thống bài:

+ Bố cục văn bản trích 4 phần.

+ Nội dung cụ thể của phần mở đầu, phần “Sự thách thức”

**5.Hướng dẫn hs về nhà**

+ Làm bài tập 1 (Sách bài tập).

+ Học bài và đọc lại văn bản.

+ Soạn tiếp tiết 2.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

# *Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 12* . TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN QUYỀN**

**ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM** **(TIẾP)**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Những cơ hội mà cộng đồng quốc tế có thể tận dụng để bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

- Những thể hiện của quan điểm về vđ quyền sống,quyền đc bảo vệ và p/tr của trẻ em ở VN.

**2.Kỹ năng :**

- Nâng cao kỹ năng đọc- hiểu một văn bản nhật dụng.

- Học tập phương pháp tìm hiểu, phân tích trong tạo lập1 vb nhật dụng.

- Tìm hiểu và biết đc quan điểm của Đg,nhà nước ta về vđ đc nêu trong vb.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu trẻ.Có ý thứcbảo vệ quyền lợi của bản thân, trách nhiệm với trẻ thơ.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng. **2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ :**

*H: Cộng đồng QT nhận thức như thế nào về trẻ em và những quyền trẻ em được hưởng?*

**3.Bài mới** :GV giới thiệu bài.

- Giờ trước chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu văn bản “Tuyên bố …”, Giờ học này chúng ta cùng nhau tìm hiểu tiếp văn bản này để thấy được trước những khó khăn, thách thức với cuộc sống của trẻ em như vậy thì Hội nghị cấp cao thể giới về trẻ em sẽ có những giải pháp nào để đảm bảo một tương lai tốt đẹp cho trẻ nhỏ.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc - hiểu văn bản (tiếp)**  - Một học sinh đọc phần “Cơ hội”.  *H: Hãy tóm tắt các điều kiện thuận*  *lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế*  *hiện nay có thể đẩy mạnh việc chăm*  *sóc và bảo vệ trẻ em?*  *H: Trình bày những suy nghĩ của emvề sự quan tâm của Đảng, Nhà nước,các tổ chức xã hội với vấn đề chăm sóc và bảo vệ trẻ em?*  **\*** Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội, cá nhân đã luôn quan tâm tới vấn đề chăm sóc và bảo vệ trẻ em với nhiều hình thức, nhiều lĩnh vực, như y tế, giáo dục: Trường cho trẻ em khuyết tật , các bệnh viện nhi, các đợt khám chữa bệnhmiễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi, các việc làm từ thiện với những em nhỏ gặp hoàn cảnh khó khăn,…  - Một học sinh đọc phần nhiệm vụ trong văn bản.  *H:Từ thực tế cuộc sống của trẻ emvà các cơ hội được trình bày ở phần trước,bản“Tuyên bố” đã xác định:nhiệm vụ cấp bách của cộng đồng quốc tế và từng quốc gia như thế nào?*  - Liên hệ (Dân số Việt Nam: 14/200 nước  trên thế giới, thứ 7 ở Châu Á, thứ 2 ở Đông Nam Á).  (Kinh tế Việt Nam: 131/200 quốc gia, còn nợ nước ngoài nhiều).  *H: Để hoàn thành được những nhiệm vụ nêu trên thìcác nước cần phải có điều kiện gì?*  - KT phát triển và tăng trưởng đều đặn  *H: Nhận xét về ý và lời ở đoạn văn này?* Ý và lời rứt khoát, rõ ràng.  *H: Em có suy nghĩ gì về vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em, về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế với vấn đề này?*  **HĐ2.HDHS tổng kết:**  ***H:*** *Nhận xét về nghệ thuật nội dung*  *của bản“Tuyên bố”?*  - Một học sinh đọc ghi nhớ. | **c.Phần “Cơ hội”:**  - Sự liên kết lại của các quốc gia để có đủ các phương tiện và kiến thức để bảo vệ trẻ em , giúp trẻ em có cơ hội phát triển năng lực của mình.  - Công ước về quyền trẻ em tạo thêm cơ hội mới để quyền và phúc lợi của trẻ em được thực sự tôn trọng.  - Sự hợp tác và đoàn kết q tế ngày càng hiệu quả trên nhiều lĩnh vực, phong trào giải trừ quân bị được đẩy mạnh , tạo điều kiện cho một số tài nguyên to lớn được chuyển sang phục vụ các mục tiêu kinh tế, tăng cường phúc lợi xã hội.  **d.Phần “Nhiệm vụ”:**  - Tăng c­ường sức khoẻ và chế độ dinh dư­ỡng của trẻ em là nhiệm vụ hàng đầu.  - Quan tâm nhiều hơn đến trẻ bị tàn tật và có hoàn cảnh khó khăn.  - Tăng c­ường vai trò của phụ nữ đảm bảo quyền bình đẳng nam nữ.  - Bảo đảm cho trẻ em đ­ược học hết bậc giáo dục cơ sở và không để một em nào mù chữ.  - Bảo đảm cho các bà mẹ đ­ược an toàn khi mang thai và sinh đẻ, kế hoạch hoá gia đình để tạo điều kiện cho trẻ em khôn lớn và phát triển.  - Tạo cơ hội cho trẻ em tha hư­ơng biết nguồn gốc lai lịch. Giáo dục lối sống có trách nhiệm,khuyến khích trẻ tham gia vào sinh hoạt văn hoá xã hội.  - Các n­ớc cần đảm bảo sự tăng trư­ởng kt đều đặn,để đủ đ/k chăm lo v/c cho trẻ em.Tất cả các n­ớc cần có những nỗ lực phối hợp hành động vì trẻ em  **\*** Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triểncủa trẻ em là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của từng quốc gia và cả cộng đồng quốc tế. Liên quan trực tiếp đến tư­ơng lai của một đất n­ước và của toàn nhân loại.  - Qua những chủ tr­ơng, chính sách, qua những hành động cụ thể đối với việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em mà ta nhận ra trình độ văn minh của một xã hội.  - Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em đang đư­ợc cộng đồng quốc tế dành sự quan tâm thích đáng với các chủ trư­ơng, nhiệm vụ đề ra có tính cụ thể, toàn diện.  **III.Tổng kết**  **1.Nghệ thuật:**  - Tính chặt chẽ, hợp lý trong bố cục.  - Lời văn rứt khoát, mạch lạc, rõ ràng.  **2.Nội dung:**  Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến trẻ em là một trong những vấn đề quan trọng, cấp bách có ý nghĩa toàn cầu.  **\* Ghi nhớ: (SGK 35).** |

**4. Củng cố- luyện tập:**

- Khắc sâu nội dung của văn bản(4 phần)

- *Bài tập*: Phát biểu ý kiến về sự quan tâm,chăm sóc của chính quyền địa phương, của các tổ chức xã hội nơi em ở hiện nay đối với trẻ em.

**5.Hướng dẫn về nhà:**

- HS về nhà học bài, làm bài tập phần luyện tập

- Chuẩn bị bài: Các phương châm hội thoại ( TT)

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 13*. CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI** (*TIẾP)*

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu được:

**1.Kiến thức :**

- Mối quan hệ chặt chẽ giữa các phương châm hội thoại và các tình huống giao tiếp.

- Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.

**2.Kỹ năng :**

- Lựa chọn đúng phương châm hội thoại trong q/tr g/t. Hiểu đúng nguyên nhân của việc k tuân thủ đúng phương châm hội thoại.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục ý thức vận dụng các phương châm hội thoại phù hợp với đặc điểm của tình huống gt.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài.

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A:

9C:

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Thế nào là phương châm hội thoại quan hệ, phương châm hội thoại cách thức? Thế nào là phương châm hội thoại lịch sự ? Cho ví dụ minh hoạ?*

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

3.Bài mới : Trong những giờ học trước, các em đã được tìm hiểu một số phương châm hội thoại. Song chúng ta sẽ vận dụng những phương châm này vào tình huống giao tiếp cụ thể ra sao và phương châm hội thoại có phải là những quy định bắt buộc trong mọi tình huống giao tiếp hay không? Để lý giải được vấn đề này, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc - hiểu văn bản (tiếp)**  **HĐ1.HDHS tìm hiểu quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp :**  -Yêu cầu HS đọc bài tập và x/đ y/c bt sgk.  *H:Nhân vật chàng rể có tuân thủ phương châm lịch sự không ?Vì sao ?*  *H:Từ đó em rút ra đ­ợc bài học gì khi g/t?*  - GV cho HS đọc ghi nhớ  **Hoạt động 3. Tìm hiểu những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại:**  - Cho HS đọc tình huống b/t ở tiết trước và x/đ y/c b/t.  *H: Trong các tình huống đó, tình huống nào nào phương châm hội thoại nào không được tuân thủ ?*  - Yêu cầu HS đọc bài tập và x/đ y/c bt sgk.  *H: Câu trả lời của Ba có đáp ứng nhu*  *cầu thông tin đúng như An mong*  *muốn hay không?*  *H: Trong tình huống trên thì phương châm hội thoại nào không được tuân thủ ?*  *H: Tại sao ng nói k tuân thủ phương châm về lượng?*  - Yêu cầu hs đọc bài tập và x/đ y/c bt sgk.  *H:Khi bác sỹ nói với ng bệnh bị mắc bệnh hiểm nghèo thì có thể phương châm hội thoại nào sẽ k được tuân thủ? Vì sao?*  *H: Nêu thêm 1 ình huống tương tự trong*  *cuộc sống?*  **Ví dụ:** Người chiến sỹ khi không may bị sa vào tay giặc, không thể khai báo hết sự thật về đơn vị mình.  - Hoặc khi nhận xét về hình thức hoặc tuổi tác của người đối thoại, ta không thể nói họ xấu xí hay hay già trước tuổi -> không ->không tuân thủ phương châm về chất.  *H:Qua ví dụ trên, em hãy cho biết*  *nguyên nhân của việc không tuân*  *thủ phương châm hội thoại ở đây là gì ?*  🡪 Do người nói phải ưu tiên cho một  phương châm hội thoại hoặc một yêu cầu khác khác quan trọng hơn.  - Yêu cầu HS đọc bài tập và x/đ  y/c bt sgk.  *H: Người nói có tuân thủ phương châm về lượng k khi nói: “Tiền bạc chỉ là tiền bạc”*  *H: Mục đích của người nói trong trường hợp này là muốn người nghe phải hiểu theo nghĩa nào ?*  *H:Từ các ví dụ bài tập em chỉ ra nguyên nhân của việc người nói không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ đâu ?*  - HS đọc ghi nhớ.  **Hoạt động 4: Vận dụng làm bài tập**  - Yêu càu HS đọc bài , Hướng dẫn HS làm bài.  *H: Câu trả lời của ông bố k tuân thủ phương châm hội thoại nào?*  - Yêu cầu hs đọc bài tập  - Hướng dẫn HS làm bài  *H: Thái độ của chân, tay, tai, mắt đã vi pham phương châm nào trong g/t? Việc k tuân thủ phương châm hội thoại ấy có lý do chính đáng k?* | **I. Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp :**  **1.Bài tập:**  **\*Nhận xét**:  - Nếu trong h/c khác thì đó là l/s nhưng trong trường hợp này thì chàng rể không tuân thủ phương châm lịch sự vì: Cách ứng xử này là quấy rối, gây phiền hà cho người khác, khiến người khác tức giận.  **\* Kết luận** : Vận dụng phương châmhội thoại phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp. Nói với ai? Nói khi nào? Nói ở đâu? Nói để làm gì?).  **2. Ghi nhớ**: SGK/36  **II.Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại :**  **Bài tập :**  **1.Bài tập 1(37)**  **\*Nhận xét**:  - Tình huống ở phương châm hội thoại về lượng,về chất, về q/h,về cách thức, đều không tuân thủ các phương châm hội thoại.Duy nhất chỉ có ở phương châm l/s thì tình huống đó đã tuân thủ phương châm hội thoại.  **2.Bài tập 2(37)**  **\*Nhận xét** :  - Câu trả lời của Ba không đáp ứng được nhu cầu thông tin An muốn biết.  - Không tuân thủ phương châm về lượng.  - Vì Ba không biết chính xác năm sản xuất chiếc máy bay đó nên phải trả lời một cách chung chung để tuân thủ phương châm về chất.  **3.Bài tập 3(37)**  **\*Nhận xét**:  - Bác sĩ không tuân thủ phương châmvề chất vì đó là việc làm nhân đạo cần thiết, tránh gây sốc tâm lý người bệnh.  **4.Bài tập 4(37)**  **\*Nhận xét:**  - Xét về nghĩa hiển ngôn thì câu không tuân thủ phương châm về lượng.  - Xét về nghĩa hàm ẩn thì câu có nghĩa khuyên con người không nên chạy theo tiền bạc mà quên đi nhiều thứ quan trọng hơn.  - Mục đích của cách nói này là muốn người nghe hiểu theo ý hàm ẩn  **5. Ghi nhớ sgk(37)**  **III.Luyện tập:**  **1.Bài tập1(38)**  - Ông bố không tuân thủ phương châm cách thức. Vì đứa bé 5 tuổi  chưa thể nhận biết được chữ:  *“ Tuyển tập Nam Cao’*’mà tìm quả bóng ở đó.  **2.Bài tập 2(38)**  - Chân ,Tay ,Tai, Mắt vi phạm phương châm lịch sự .  - Các nv đều k có lý do chính đáng. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Hệ thống nội dung bài học.

*H:Giữa phương châm hội thoại và tình huống giao tiếp có quan hệ như thế nào ?*

*H:Nguyên nhân vì đâu có thể khiến người nói không tuân thủ phương châm hội thoại khi giao tiếp?*

**5. Hướng dẫn hs về nhà:**

- Học bài và xem lại các bài tập.

- Làm bài tập 1, 3, 5,Sách *“Một số kiến thức…”* Vi phạm phương châm về chất (Không có bằng chứng sát thực) - Chuẩn bị tốt cho giờ viết bài *Tập làm văn số 1*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# 

**TIẾT 14+15. VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**

**I. Mục tiêu bài học**:

**1.Kiến thức :**

- HS viết được bài văn thuyết minh theo yêu cầu có sử dụng biện pháp nghệ thuật và miêu tả một cách hợp lý và có hiệu quả.

- Củng cố những kiến thức về văn thuyết minh.

- GV đánh giá được năng lực nhận thức, khả năng viết bài của học sinh .

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kĩ năng viết bài văn thuyết minh có sử dụng các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả.

**3.Thái độ :**

- Có ý thức học và rèn kĩ năng viết văn thuyết minh.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng, ra đề xây dựng dàn bài và thang điểm.

**2.Học sinh** : Ôn các kiến thức được học về văn thuyết minh, sử dụng một số biện pháp nghệ thuật, sử dụng yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh.

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

- Trong những giờ học trước, các em đã được tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh cũng như sử dụng yếu tố miêu tả như thế nào vào văn bản thuyết minh cho có hiệu quả. Giờ hôm nay, chúng ta sẽ vận dụng những kiến thức đó vào tạo lập một văn bản thuyết minh hoàn chỉnh.

**I.Đề bài**

-Thuyết minh về cây lúa Vệt Nam.

**II.Phân tích đề:**

**1. Nội dung**

- Kiểu văn bản: Thuyết minh.

- Đối tượng thuyết minh: Cây lúa Việt Nam.

- Cần chú ý tới các đặc điểm của đối tượng:

+ Đặc điểm về mặt sinh học (Thuộc loại cây một lá mầm, rễ chùm, ưa sống

ở những vùng đầm lầy,…).

+ Quá trình sinh trưởng của cây lúa (Mạ -> trưởng thành,…).

+ Là cây cung cấp lương thực cho đời sống con người,…

+ Trước đây, cây lúa cung cấp lương thực cho con người ở phạm vi trong nước, những từ khi thế giới với xu hướng toàn cầu hoá thì cây lúa còn là nguồn cung cấp lương thực để xuất khẩu(Việt Nam là nước xuất khẩu gạo đứng thứ 2 trên thế giới sau Thái Lan)

- Góp phần đưa nền kinh tế nước nhà tăng trưởng nhanh.

- Vận dụng vốn tri thức ở các lĩnh vực: Sinh học, địa lý, lịch sử, văn hoá-xã hội.

**2.Hình thức:**

- Học sinh cần xác đinh đúng yêu cầu của đề bài.

- Bài làm có bố cục rõ ràng, logic, kết hợp biện pháp nghệ thuật, yếu tố miêu tả.

- Trình bày sạch sẽ, khoa học, chữ viết đúng chính tả.

**3.Thái độ:**

- Nghiêm túc, tích cực.

- Thể hiện được vốn tri thức của bản thân với cây lúa ở đất nước mình.

- Đồng thời thể hiện thái độ quý trọng loài câykhông những là nguồn cung cấp lương thực nuôi sống con người mà còn góp phần phát triển kinh tế đất nước.

**III. Đáp án – thang điểm**

**1.Mở bài:** (1,5 điểm).

Giới thiệu chung về cây lúa Việt Nam.

**2.Thân bài:** (7 điểm).

Thuyết minh cụ thể ở các mặt sau:

- Nguồn gốc của cây lúa, đặc điểm bên ngoài của nó (Rễ,thân,lá,hoa, hạt(1đ)

- Quá trình phát triển của cây lúa. (1đ)

- Phân loại: Lúa nếp, lúa tẻ (Lại có nhiều loại). (1đ)

- Cách chăm bón cho loại cây này. (1đ)

- Tác dụng : cung cấp lương thực cho con người, cho gia súc (Truyền thuyết Lang Liêu làm bánh chưng bánh dày dâng vua cha 🡪Nguyên liệu từ lúa gạo ).(1đ)

Cây lúa còn là nguồn cung cấp mặt hàng xuất khẩu (Nước ta là nước xuất khẩu gạo thứ 2 trên thế giới sau Thái Lan) góp phần phát triển kinh tế đất nước(1đ)

**3.Kết bài:** (1,5 điểm).

- Vai trò và sự gắn bó của cây lúa với con người Việt Nam:

- Hình thức: 1đ

\*Thang điểm:

-Bài làm đủ ý, diễn đạt lưu loát -> điểm tối đa.

- Bài làm đủ ý, còn mắc lỗi: 7 ->8 điểm.

- Còn lại tuỳ mức độ -> cho điểm.

**4.Củng cố-luyện tập:**

- Thu bài

- Nhận xét giờ viết bài.

**5. Hướng dẫn hs học bài ở nhà:**

- Tự làm các đề bài trong sách

- Soạn văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương”.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

*TUẦN 4 - BÀI 3,4*

***TIẾT 16*. CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

***Trích:* “Truyền kỳ mạn lục”**- ***(Nguyễn Dữ)***

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Cốt truyện, nhân vật sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.

- Hiện thực về số phận ng phụ nữ VN dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống của họ.

- Sự thành công của tác giả về nghệ thuật kể chuyện.

- Mối liên hệ giữa t/p và truyện.

**2.Kỹ năng :**

- Vận dụng k/t đã học để đọc hiểu t/p viết theo thểloại truyền kì.

- Cảm nhận đc những chi tiết n/t độc đáo trong t/p tự sự có nguồn góc dân gian. Kể lại đc truyện.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu mến sự cảm thông với những người phụ nữ bất hạnh.

điểm của tình huống gt.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** : Đọc trước bài, chuẩn bị bài ( trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*H: Trẻ em trên thế giới hiện nay đang phải chịu đựng những thách thức nào?*

*H: Bản tuyên bố* *nêu ra những nhiệm vụ gì đối với từng quốc gia và cộng*

*đồng quốc tế cần phải thực hiện để chăm sóc và bảo vệ trẻ em?*

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

- Ngày nay ở xã Chân lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam vẫn còn đề thờ Vũ Nương bên sông Hoàng Giang. Vậy Vũ Nương là ai? Nàng có phẩm chất gì đáng quý? Nàng có cuộc đời và số phận như thế nào ? Để trả lời được những câu hỏi đó mời các em tìm hiểu bài học

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS** đ**ọc và tìm hiểu chú**  **thích:**  - GV hướng dẫn đọc  - Gọi 3 hs đọc vb, gọi hs kể tóm tắt vb  - Gọi hs nx bạn đọc, gv nx.  *H: Giới thiệu những nét chính về tác giả?*  *H: Nêu hiểu biết của em về “truyền kì*  *mạn lục” và Chuyện người con gái*  *Nam Xương?*  *H: Em hiểu thế nào là truyền kỳ ?*  **HĐ2. HDHS** đ**ọc - hiểu văn bản:**  *H: Xác định thể loại?*  *H: Nêu nội dung tổng quát của văn*  *bản này?*  *H: Văn bản này được chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần?*  *H: Nhân vật Vũ Nương được tác giả giới thiệu như thế nào? Nhận xét gì về cách giới thiệu của tác giả?*  *H: Trước bản tính hay ghen của chồng Vũ Nương đã xử sự như thế nào ?*  *H:Nàng bộc lộ t/c ntn khi tiễn chồng ra trận?*  *H:Tình cảm của nàng đã t/đ tới những ng xung quanh ntn?*  *H: Phẩm chất của nàng được bộclộ ntn khi xa chồng? Tình cảm của nàng với chồng như thế nào?*  *H:Nàng là ng con dâu ntn?Hãy tìm những chi tiết c/m điều đó?*  *H: Lời chăng chối của mẹ chồng trước khi qua đời chứng minh điều gì về phẩm chất của nàng?*  *H: Khi bị chồng nghi oan không chung thuỷ Vũ Nương nàng phản ứng như thế nào?*  (Chú ý tới những lời thoại của nàng)  *H: ở lời thoại 1, nàng đã nói những*  *gì? Nhằm mục đích gì?*  *H: ở lời thoại 2, nàng đã phân trần với chồng mình như thế nào?* *nàng bộc lộ tâm trạng gì?*  *H: Lời thoại 3 của nàng trong hoàn cảnh nào? Có nội dung gì?*  *?Em có suy nghĩ gì về lời thoại này?*  (So sánh với cổ tích->Đây là hành động bột phát).  *H: Hành động tìm đến cái chết của nàng có ý nghĩa ntn?*  *H: Nhận xét của em về phẩm chất và số phận Vũ Nương?* | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1. Đọc, tóm tắt:**  **2. Chú thích:**  **1.Tác giả :**  - Nguyễn Dữ (?-?)  Quê: ở huyện Trường Tân nay là Thanh Miện - Hải Dương.  - Ông sống vào nửa đầu tk XVI là học trò của Tuyết Giang Phu Tử Nguyễn Bỉnh Khiêm là thời điểm nhà Lê bắt đầu khủng hoảng. Các tập đoàn pk Lê, Trịnh, Mạc tranh giành quyền bính gây ra các cuộc nội chiến kéo dài,loạn lạc liên miên, cuộc sống người dân bị ảnh hưởng nặng nề.  **2.Tác phẩm :**  - *“Truyền kỳ mạn lục”.* Tác phẩm viết bằng chữ Hán gồm 20 truyện, truyện khai thác những truyện cổ g/d và các truyền thuyết l/s, dã sử VN. Nhânvật chính thường là những ng phụ nữ bất hạnh khao khát c/s bình yên, hp nhưng gặp nhiều ngang trái bất hạnh. Và một loại nhân vật khác là những người trí thức có tâm huyết nhưng bất mãn với cuộc đời.  - “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong 20 truyện được trích từ *“truyền kỳ mạn lục”.*  - Truyền kỳ : là một thể loại văn viết  bằng chữ Hán có nguồn gốc từ Trung Quốc, thịnh hành từ thời Đường . Các nhà văn nước ta về sau đã tiếp nhận thể loại này để viết những tác phẩm phản ánh cuốc sống và con người của đất nước mình.  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Thể loại**: tự sự ( truyện truyền kì)  **2. Đại ý:**  - ***Đại ý*:** Câu chuyện kể về số phận oan  nghiệt của một người phụ nữ có nhan sắc, đức hạnh dưới chế độ phong kiến. Chỉ vì lời nói ngây thơ của con trẻ mà bị nghi ngờ, bị sỉ nhục, bị đẩyđến bước đường cùng, phải tự kết liễu cuộc đời mình để giãi bày và làm sáng tỏ tấm lòng trong sạch. Tác phẩm còn thể hiện mơ ước ngàn đời của nhân dân: Người tốt bao giờ cũng được đền trả  xứng đáng, chỉ là ở một thế giới huyền bí.  **2. Bố cục:**  \* Truyện gồm 3 phần:  + Phần 1: Từ đầu-> như mẹ đẻ.  - Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương, sự xa cách vì chiến tranh và phẩm hạnh của nàng trong thời gian xa cách.  + Phần 2:Từ qua năm sau->đã qua rồi.  - Nỗi oan khuất và cái chết bi thẩm của  Vũ Nương.  + Phần 3: Phần còn lại. Cuộc gặp gỡ giữa Phan Lang và Vũ Nương trong động Linh Phi. Vũ Nương được giả oan.  **3. Phân tích:**  **a .Nhân vật Vũ Nương:**  - Tính tình: Thuỳ mỵ, nết na,  - Dáng vẻ và nhan sắc: Tốt đẹp => Người phụ nữ đẹp người đẹp nết.  - Tác giả giới thiệu bao quát từ vẻ đẹp bên ngoài đến phẩm chất bên trong.  **- Khi sống với chồng:** nàng giữ gìn khuôn phép, thu xếp gia đình luôn thuận hoà êm ấm(*Trương Sinh có tính...đến thất*  *hoà)*  **- Khi tiễn chồng ra trận** :nàng bộc lộ t/c đằm thắm thiết tha,mong chồng sớm bình an trở về,cảm thông với những gian lao mà chồng sẽ gặp nơi chiến trận *“ Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám...cánh hồng bay bổng”*  -> T/c của nàng khiến mọi ng chứng kiến cuộc đưa tiễn phải rơi lệ.  **- Khi xa chồng**:  \* Đối với chồng:  Nàng là người vợ chung thuỷ, yêu chồng tha thiết; nỗi buồn nhớ cứ dài theo năm tháng, luôn ngóng trông tin tức của chồng *“ khi bướm lượn đầy trời mây che kín núi thì nỗi buồn chân trời góc bể k thể nào ngăn đc.”*  \* Đối với mẹ chồng:  - Nàng là con dâu hiền thảo, hết lòng thương yêu chăm sóc mẹ chồng khi ốm đau*“ nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật...khuyên lơn”.*  - Nàng lo lắng chu toàn khi mẹ chồng mất *“nàng hết lời thương xót...như đối với cha mẹ đẻ mình”*  - Lời chăng chối cuối cùng của mẹ chồng là thể hiện sự ghi nhận nhân cách và công lao của nàng đối vời g/đ chồng *“ Ngắn dài có số ...sau này trời xét lòng lành...chẳng phụ mẹ”*  **\* Khi bị chồng nghi oan:**  - Nàng đã phân trần với chồng mong chồng hiểu:  ***+)Lời thoại 1*:** *“Thiếp vốn con kẻ khó…*  *cho thiếp”*  => Nàng nói tới thân phận mình, tình  nghĩa vợ chồng và khẳng định tấm  lòng thuỷ chung, trong sáng cầu xin chồng không nên nghi oan cho mình.Hết lòng tìm cách hàn gắn cái hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ.  *+* ***Lời thoại 2*:** “*Thiếp sỡ dĩ…Vọng Phu*  *kia nữa”=>* Nỗi dau đớn, thất vọng, tuyệt vọng đành cam chịu số phận, hoàn cảnh *(Bị đối sử bất công, gia đình tan nát,…)*  **- *Lời thoại 3*:** Lời nói của nàng ở bến  Hoàng Giang *“Kẻ bạc mệnh … phỉ nhổ”.*  => Lời thề ai oán và phẫn uất, quyết lấy  cái chết để chứng minh cho sự oan khuất và sự trong sạch của mình. Đây cũng là hành động quyết liệt để bảo toàn danh dự, vừa có nỗi tuyệt vọng, vừa có sự chỉ đạo của lý trí.  - Lời đối thoại, tự bạch sắp xếp hợp lý  =>Khắc hoạ tâm lý và tính cách nv.  - Tìm đến với cái chết là hành động tuyệt vọng k có lối thoát.Thực chất là nàng đã bị bức tử.  \* Vũ Nương: Một người phụ nữ sinh đẹp, nết na, hiền thục, lại đảm đang, tháo vát, thờ kính mẹ chồng, rất mực hiếu thảo, một dạ thuỷ chung với chồng, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình, song lại phải chết một cách oan khuất, đau đớn. cuộc đời phải chịu nhiều bất hạnh ngang trái. |

**4.Củng cố-luyện tập:**

*H: Tóm tắt văn bản?*

*H: Nêu cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương ?*

**5. Hướngdẫn học sinh về nhà:**  Trả lời câu hỏi đọc hiểu, đọc văn bản, học bài cũ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:***

*Ngày giảng:*

***TIẾT 17*. CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG (TIẾP)**

***Trích:* “Truyền kỳ mạn lục”**- ***(Nguyễn Dữ)***

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Thấy rõ số phận oan trái của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

- Tìm hiểu những thành công về nghệ thuật của tác phẩm: Nghệ thuật dựng truyện, dựng nhân vật, sự sáng tạo trong việc kết hợp những yếu tố kỳ ảo với những tình tiết có thực, tạo nêu vẻ đẹp riêng của loại truyện kỳ ảo.

- Sự thành công của tác giả về nghệ thuật kể chuyện.

- Mối liên hệ giữa t/p truyền kì... và truyện.

**2.Kỹ năng :**

- Vận dụng k/t đã học để đọc hiểu t/p viết theo thểloại truyền kì.

- Cảm nhận đc những chi tiết n/t độc đáo trong t/p tự sự có nguồn góc dân gian. Kể lại đc truyện.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục lòng yêu mến sự cảm thông với những người phụ nữ bất hạnh .

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : - Giáo viên: + Sưu tầm tác phẩm “Truyền kỳ mạn lục”.

+ Sưu tầm: Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam.

+ Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+ Học sinh: Sưu tầm truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”.

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài ( trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*H: Phân tích nhân vật Vũ Nương? Tóm tắt truyện ?*

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

*- Giờ học trướcc ta đã học và cảm nhận được về nv Vũ Nương: Đẹp người,*

*đẹp nết. Giờ học này ta tiếp tục tìm hiểu văn bản để thấy rõ số phận oan trái*

*của nàng, cũng là của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến. Đồng thời qua tác phẩm, ta còn thấy rõ những thành công về nghệ thuật và tư tưởng nhân đạo của tác giả Nguyễn Dữ. Cụ thể những nội dung trên như thế nào? Các em cùng tìm hiểu bài học hôm nay.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc hiểu văn bản (tiếp)**  *H: Vũ Nương bị nghi oan là không chung thuỷ với chồng. Hãy tìm những nguyên nhân dẫn tới việc này?*  *(Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương có điều gì cần chú ý?Vì sao em biết? Cuộc hôn này có gì khó khăn cho nhân vật Vũ Nương?)*  *H: Theo em tính cách của TrươngSinh có phải là nguyên nhân dẫn tới nỗi oan của vợ chàng?*  *H: Còn nguyên nhân nào dẫn tới nỗi oan của Vũ Nương?*  *? Nhận xét gì về nguyên nhân này?*  *H: Bên cạnh các nguyên nhân trên theo em còn nguyên nhân nào nữa?*  *H:Em nhận xét như thế nào về việc tác giả xây dựng các tình tiết có liên quan tới nỗi oan khuất của Vũ Nương?Các chi tiết ấy được sắp xếp như thế nào?*  *H: Em có suy nghĩ gì về bi kịch cuộc đời Vũ Nương trong xã hội phong kiến đương thời? Nhận xét về thái độ của người kể chuyện ?*  *H: Trong truyện, tác giả đã sử dụng những yếu tố kỳ ảo nào?*  *H:Ý nghĩa của các chi tiết kì ảo trong truyện?*  **HĐ2. HDHS tổng kết:**  *H: Những đặc sắc về nghệ thuật của văn bản?*  *H: Nêu nội dung chính của* *văn bản?*  - HS đọc ghi nhớ SGK. | **b. Nỗi oan khuất của Vũ Nương:**  - Có nhiều ng/nh dẫn đến nỗi oan khuất của Vũ Nương:  \* Cuộc hôn nhân không bình đẳng  giữa kẻ giàu và người nghèo  *( Trương Sinh xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về;Lời của Vũ Nương: “Thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu..”)*  =>Tạo cho Trương Sinh một cái thế:Có tiền và có quyền *(Cái thế của người chồng trong gia đình, người đàn ông dưới chế độ phong kiến).*  \*Tính cách đa nghi của Trương Sinh:  *“đối với vợ phòng ngừa quá sức”*  \* Tâm trạng khi trở về có phần nặng nề không vui *“Cha về, bà đã mất, lòng*  *cha buồn khổ…”*  \*Lời nói đầy chi tiết đáng ngờ của  của đứa con ngây thơ: *“Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi* *ư không như cha tôi trước kia…”. “Trước đây, thường có một người*  *đàn ông … Đản cả”*  =>Thông tin rất đáng tin, ngày một gay cấn: Như đổ thêm dầu vào lửa, tính đa nghi đã đến độ cao trào, chàng *“đinh ninh là vợ hư”.*=> Đây là tình huống bất ngờ.  \* Cách cư sử hồ đồ, độc đoán của  Trương Sinh:  + Không đủ bình tĩnh để phán đoán, nghe lời con trẻ và không đủ bình tĩnh để phân tích đúng, sai.  + Bỏ ngoài tai những lời phân trần  của vợ.  + Không tin cả những nhân chứng bênh vực cho nàng ( họ hàng, làng xóm).  + Nhất quyết không nói duyên cớ để vợ có cơ hội minh oan.  \* Do hoàn cảnh xã hội:  + Xã hội trọng nam, khinh nữ.  + Đất nước có chiến tranh làm cho gia đình mẹ con , vợ chồng li biệt.  - Nghệ thuật tạo tình huống, xung đột, sắp xếp lại một số tình tiết, thêm bớt hoặc tô đậm những tình tiết có ý nghĩa, có tính chất quyết định đến quá trình diễn biến của truyện cho hợp lý, tăng cường tính bi kịch vàcũng làm cho truyện trở nên hấp dẫn, sinh động hơn.  => Bi kịch của Vũ Nương là lời tốcáo xã hội phong kiến. Xem trọng quyền uy của kẻ giàu và của ngườiđàn ông trong gia đình, đồng thời bày tỏ niềm cảm thương của tác giả đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ.  - Cuộc đời Vũ Nương cũng là bi kịch chung của những ng phụ nữ dưới chế độ pk bất công, nam quyền trọng nam khinh nữ.  **2 Những yếu tố kỷ ảo trong truyện:**  - Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.  - Phan Lang lạc vào động rùa của Linh Phi …gặp Vũ Nương … được đưa về dương thế.  - Hình ảnh Vũ Nương hiện ra sau khi Trương Sinh lập đàn tràng giải nỗi oan cho nàng ở bến Hoàng Giang.  \* Cách thức đưa những yếu tố kỳ ảo vào trong truyện. Các yếu tố này được đưa xen kẽ với những yêu tố thực (Về địa danh,về thời điểm lịch sử, nhân vật lịch sử, sự kiên lịch sử, trang phục của cácmỹ nhân, tình cảnh nhà Vũ Nương).  🡪 Thế giới kỳ ảo gần với cuộc sống đời thực,làm tăng thêm độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.  **\* ý nghĩa:**  - Hoàn chỉnh thêm những nét đẹp vốn  có của nhân vật Vũ Nương: ở thế giới khác vẫn nặng tình với cuộc đời,khát khao được phục hồi danh dự.  - Tạo nên một phầnkết thúc có hậu:  ước mơ của nhân dân ta về sự công công  bằng: Người tốt dù phải chịu oan khuất rồi cuối cùng cũng được giải oan  - Chi tiết kỳ ảo ở cuối truyện “Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng giữa dòng … lúc ẩn, lúc hiện …bóng nàng loáng loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất” 🡪 Đây chỉ là ảo ảnh  => An ủi cho số phận của Vũ Nương, đồng thời một lần nữa tố cáo xã hội phong kiến: Trong xã hội ấy, người phụ nữ đức hạnh chỉ có thể tìm thấy hạnh phúc ở những nơi xa, xăm huyền  bí.  **III.Tổng kết**  **1.Nghệ thuật:**  - Cách dẫn dắt tình tiết câu chuyện của tác giả: Dựa vào cốt truyện có sẵn, sắp xếp lại một số tình tiết, thêm bớt, tô đậm những tình tiết có ý nghĩa, có tính chất quyết định đến diễn biến của truyện cho hợp lý, tăng cường tính bi kịch, đồng thời làm cho truyệnhấp dẫn, sinh động hơn.  - Truyện có nhiều lời thoại và lời tự bạch của nhân vật, được sắp xếp rất đúng chỗ -> Câu chuyện sinh động,góp phần khắc hoạ quá trình tâm lý và tính cách của nhân vật.  **2.Nội dung:**  - Qua câu chuyên về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương,“Chuyện người con gái Nam Xương” thể hiện niềm thương cảm đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ dưới chếđộ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.  **\*Ghi nhớ (SGK trang 51)** |

**4. Củng cố, luyện tập**

H: Những nguyên nhân nào đưa dến cuộc đời bi kịch của Vũ Nương?

Bài tập: Kể lại văn bản theo cách của em.

- Yêu cầu: Đảm bảo các tình tiết, sự việc chính của câu chuyện.

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Đọc thêm bài thơ “Lại bài viếng Vũ Thị”.

- Học bài cũ, chuẩn bị “Xưng hô trong hội thoại”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 18*. XƯNG HÔ TRONG HỘI THOẠI**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hệ thống các từ ngữ dùng xưng hô trong TV.

- Đặc điểm của việc sử dụng từ ngữ xưng hô trong TV.

**2.Kỹ năng :**

- Phân tích để thấy rõ mqh trong việc sở dụng từ ngữ xưng hô trong vb cụ thể.

- Sử dụng thích hợp từ ngữ xưng hô trong g/t.

**3.Thái độ :**

- Thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức lựa chọn từ ngữ xưng hô phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** :

+ Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài ( trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*H: Nêu mối quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp?*

*H: Nêu những nguyên nhân khiến người nói không tuân thủ các phương châm hội thoại? Mỗi một nguyên nhân cho một ví dụ minh hoạ?*

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

3.Bài mới :

- Trong hội thoại tiếng Việt các em đã được học vai xã hội và các lượt lời trong hội thoại , ở mỗi vai xã hội lại có những từ ngữ xưng hô tương ứng với nó. Bài học này các em sẽ được tìm hiểu về các từ ngữ xưng hô phù hợp với từng vai xã hội trong giao tiếp.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu từ ngữ xưng hô và việc xưng hô trong hội thoại:**  - Y/c hs đọc và x/đ y/c bài tập1(38)  *H: Nêu một số từ ngữ dùng để xưng hô trong TV?*  *H: Nêu cách dùng các từ ngữ xưng hô ở trên?*  VD: Cách dùng để biểu lộ sắc thải biểu cảm:  - Suồng sã: Mày, tao, chúng tao, bọn tao,…  - Sắc thái thân mật: Anh, chị, em, …  - Sắc thái trang trọng: Quý ông, quý bà, quý vị, …  - Sắc thái trung hoà: Tôi, chúng tôi, …  **\* Lưu ý:** Trong Tiếng Việt còn một số trường hợp sau:  - Từ ngữ xưng hô thường dùng ở nhiều ngôi: Mình.  - Từ ngữ xưng hô chỉ gộp nhiều ngôi: Ta, chúng ta, chúng mình, …  - Từ ngữ xưng hô chỉ gộp “Tương hỗ” nhau:  *Ví dụ*: Từ giờ phút ấy, chúng tôi đã trở thành đồng chí của nhau  => Từ ngữ xưng hô = Đại từ xưng hô  + Danh từ chung,…  *H: Hãy so sánh từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt với từ ngữ xưng hô trongTiếng Anh (Các em đang học) ,cho nhận xét?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ngôi | Tiếng Việt | Tiếng Anh | | 1 | Tôi, tao, tớ,chúng tôi… | I, We. | | 2 | Mày, mi, anh … | you | | 3 | Nó, họ, anh ấy, … | It,they,he,she |     - Y/c hs đọc và x/đ y/c bài tập2(38)  H: X*ác định các từ ngữ xưng hô trong đoạn trích ?*  - T/c hs thảo luận nhóm :  *H: Phân tích sự thay đổi cách xưng hô của 2 nhân vật trong 2 đoạn trích ? Giải thích sự thay đổi đó ?*  - Y/c các nhóm nx chéo  *H: Từ đó em rút ra bài học gì v ề cách dùng từ xưng hô trong g/t?*  - HS đọc ghi nhớ  **HĐ2: HDHS làm bài tập**  - HS đọc và xđ y/c bài tập  *H: Trong lời mời có từ nào dùng k chính xác?*  *H: Tại sao lại có sự nhầm lẫn ấy?*  - HS đọc và xđ y/c bài tập  *H:Trong văn bản khoa học, nhiều khi tác giả của văn bản chỉ là một người, nhưng vẫn xưng hô chúng tôi chứ không xưng tôi. Giải thích vì sao?*  - Cho hs đọc và xđ y/c bài tập  *H: Phân tích từ ngữ xưng hô mà cậu bé dùng để nói với mẹ và sứ giả?*  - Cho hs đọc và xđ y/c bài tập  *H: Phân tích cách dùng từ xưng hô và thái độ của ng nói trong câu chuyện?*  -    - Học sinh đọc yêu cầu bài tập.  - Học sinh làm bài tập miệng.  - Học sinh khác nhận xét, bổ sung.  - Một học sinh đọc yêu cầu bài tập.  - Học sinh làm bài tập miệng.  - Học sinh khác nhận xét.  - Giáo viên đánh giá.  - Một học sinh đọc yêu cầu bài tập.  - Học sinh làm bài tập miệng.  - Học sinh khác nhận xét.  - Giáo viên đánh giá.  (\*) Qua đoạn trích này, các em cần chú ý: Khi phân tích nhân vật nên lưu ý tới việc làm, hành động củanhân vật cùng với việc sử dụng từ ngữ xưng hô. Vì qua đây thể hiện rõ diễn biến tâm lý và tình cảm của  nhân vật, bản chất nhân vật . | **I.Từ ngữ xưng hô và việc xưng hô trong hội thoại:**  **1. Bài tập1(38)**  \* Nhận xét:  + Tiếng việt có các từ ngữ xưng hô: Tôi ,tớ,tao,mình, tớ,anh,em,chú,bác,nó,hắn chúng nó…  - Ngôi thứ nhất :Tôi ,ta ,chúng ta  - Ngôi thứ hai :Mày, mi,chúng mày ,  - Ngôi thứ ba : Nó,hắn chúng nó  **+ Cách dùng:** Tuỳ thuộc vào tình huống g/t và vai xhội( đối tượng giao tiếp)-> lựa chọn từ ngữ xưng hô .  **2.Bài tập 2(38)**  \* Nhận xét:  - Đoạn a: anh- em ; ta- chú mày =>xưng hô kkông bình đẳng  - Đoạn b: Tôi- anh =>xưng hô bình đẳng.  Vì:  + Đv a:Dế choắt yếu hèn tự xưng vai thấp hơn còn Mèn kiêu ngạo tự thấy mình ở vai cao hơn nên đã xưng hô không bình đẳng.  + Đv b:Lúc ấy Dế Choắt cận kề cái chết k còn sợ và lép vế trước Dế Mèn nên Choắt thay đổi từ xưng hô. Lúc này Mèn nhận thấy mình có lỗi nên cũng thay đổi từ xưng hô -> bình đẳng.  \*KL: Căn cứ vào đối tượng giao tiếp và đặc điểm của tình huống giao tiếp để lựa chọn từ ngữ xưng hô phù hợp.  **2. ghi nhớ:sgk (39)**  **II.Luyện tập:**  **1.Bài tập 1(39)**  -Nhầm lẫn “chúng ta” với “chúng tôi”  +Chúng ta: gồm cả người nói và người nghe.  +Chúng tôi :Không bao gồm người nghe  - Nhầm lẫn do cô sv chưa hiểu hết nghĩa của từ TV  **2.Bài tập 2(40)**  - Việc dùng chúng tôi thay cho tôi nhằm tăng thêm tính khách quan cho những luận điểm khoa học trong văn bản. Ngoài ra việc dùng từ ngữ xưng hô như vậy còn thể hiện sự khiêm tốn của tác giả.  - Song, trong những tình huống cần nhấn mạnh ý kiến cá nhân thì dùng tôi sẽ thích hợp hơn.  **3.Bài tập 3(40)**  - Chú bé gọi người sinh ra mình là mẹ là bình thường.  - Chú bé xưng hô với sứ giả là “ ta”-  “ông” là khác thường vì Gióng ý thức được vai xh của mình. Đó cũng là sự khác thường ở nv Gióng.  **4.Bài tập 4(40)**  -Vị tướng là người; “ tôn sư trọng đạo” nên xưng hô là thầy- con  -Thầy giáo tôn trọng cương vị hiện tại của học trò nên xưng hô là ngài.  **5.Bài tập 5: (40, 41).**  - Trước năm 1945: Nước ta là một nước phong kiến. Người đứng đầu nhà nước là vua: Xưng hô với dân là trẫm.  - Bác-Người đứng đầu nhà nước Việt Nam dân chủ công hoà Xưng tôi và gọi: dân chúng làđồng bào Tạo cảm giác gần gũi với người nghe.  =>Đánh dấu một bước trong quan hệ giữa nhân dân với lãnh tụ(Lãnh tụ với nhân dân) trong một nước dân chủ.  **6.Bài tập 6 (**41).  - Cai lệ: Thằng kia, … ông … mày.  - Người nhà lý trưởng: Chị … chị …  chị.  - Chị Dậu: Nhà cháu…cháu…hai ông…cháu.  - Cai lệ: Mày … mày.  - Chị Dậu: Nhà cháu … ông.  - Cai lệ: Ông … mày.  - Chị Dậu: Cháu … ông … nhà cháu…  - Chị Dậu: Tôi … ông.  - Chị Dậu: Mày … bà.  🡪 Cai lệ: Kẻ có quyền lực: Cách xưng hộ thể hiện trịch thượng, hống hách.  🡪 Chị Dậu: Lúc đầu hạ mình, nhẫn nhục vì là người dân bị áp bức. Nhưng sau thay đổi hoàn toàn:Tôi-ông, bà-mày: Thể hiện thái độ phẫn uất, căm tức 🡪Cách phản kháng quyết liệt của một con người bị dồn  đến bước đường cùng.  => Thể hiện rõ nhan đề văn bản “Tức  nước” thì ắt “Vỡ bờ”. |

**4. Củng cố, luyện tập :**

*H:Nêu các từ ngữ dùng để xưng hô trong hội thoại ?*

*H: Việc lựa chọn từ ngữ xưng hô dựa trên những cs nào?*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

+ Học bài .

+ Xem lại các bài tập.

+ Chuẩn bị: “Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 19*. CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

**I. Mục tiêu bài học:**

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức**:

- Cách dẫn trực tiếp và lời dẫn trực tiếp.Cách dãn gián tiếp và lời dẫn gián tiếp.

- Biết lựa chọn cách dẫn thích hợp trong từng hoàn cảnh g/t cụ thể

**2**.**Kỹ năng** :

- Nhận ra đc cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

- Sử dụng đc cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong quá trình tạo lập vb.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức sử dụng lời dẫn trực tiếp,gián tiếp trong nói và viết.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** :

+ Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài ( trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*- Nhận xét về hệ thống từ ngữ xưng hô và nêu cách dùng từ ngữ xưng hô trong*

*hội thoại ?Làm bài tập 4 sgk ?*

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

- Khi tạo tập văn bản viết, ta thường dẫn lời nói hay ý nghĩ của một người, một nhân vật. Song các dẫn đó của ta đã đúng hay chưa? Có những cách dẫn nào; để tìm hiểu về vấn đề này, mời các em sẽ tìm hiểu bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.Tìm hiểu cách dẫn trực tiếp:**  - Cho hs đọc và xđ y/c bài tập.  *H: Trong ý (a) bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ của nv?*  *H: Nó được ngăn cách với phần đứng trước bởi dấu gì?*  *H: Trong ý( b) bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ của nv?*  *H: Nó được ngăn cách với phần đứng trước bởi dấu gì?*  *H: Nếu ta đảo vị trí giữa phần in đậm và phần trước nó ta phải phân biệt chúng bởi dấu gì?*  *H: Vậy lời nói và ý nghĩ của nhân vật trong hai đoạn trích trên được dẫn nguyên vẹn hay đã chỉnh lại theo cách hiểu của người nói?*  *H:Em rút ra kết luận gì về cách dẫn*  *trực tiếp? Người ta đánh dấu lời dẫn trực tiếp như thế nào?*  **HĐ2. Tìm hiểu cách dẫn gián tiếp:**  - Cho hs đọc và xđ y/c bài tập  - T/c hs thảo luận nhóm :  *H: Trong 2 đoạn trích phần in đậm là lời nói hay ý nghĩ ?Nó được ngăn cách với phần đứng trước bằng dấu*  *gì không?*  *H: Ta có thể thay thế từ “ rằng” bằng từ nào?*  *H: Em nhận xét về cách dẫn lời nói và ý nghĩ của nv trong trường hợp này có giống với các trường hợp ở mục I không?*  *H:Em rút ra kết luận gì về cách dẫn*  *gián tiếp? Người ta đánh dấu lời dẫn gián tiếp như thế nào?*  - HS đọc ghi nhớ sgk  **HĐ3. HDHS luyện tập:**    *H: Tìm lời dẫn và x/đ đó là lời nói hay ý nghĩ được dẫn?*  - GV nhận xét đưa ra đáp án  - HS đọc bài và x/đ y/c bt  - Y/c hs viết đoạn văn  - HS nhận xét  - GV nhận xét  - Gv hướng dẫn hs làm bt3 Chuyển lời dẫn trực tiếp thành cách gián tiếp. | **I.Cách dẫn trực tiếp :**  **1.Bài tập:**  **\*Nhận xét** :  a. Phần in đậm là lời nói của nv, được ngăn cách với phần đứng trước bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.  b. Phần in đậm là ý nghĩ của nv, được ngăn cách với phần đứng trước bằng dấu hai chấm và được đặt trong dấu dấu ngoặc kép .  - Có thể đảo vị trí 2 bộ phận trên nhưng ta phải thêm dấu gạch ngang và phần trích vẫn đặt trong dấu ngoặc kép.  2.KL: Lời nói và ý nghĩ nv được dẫn  nguyên văn không thêm hoặc bớt  =>cách dẫn trực tiếp( lời dẫn được đặt  trong dấu ngoặc kép).  **II. Cách dẫn gián tiếp** :  **1.Bài tập:**  **\*Nhận xét** :  a.Phần in đậm là lời nói của nv.  b.Phần in đậm là ý nghĩ của nv  - Phía trước có từ “rằng” không có dấu ngăn cách  -> Có thể thay thế từ “rằng” bằng từ“là”.  **2.KLuận**:Lời nói và ý nghĩ của nhân vật khi trích dẫn đã đc được điều chỉnh cho thích hợp theo cách nói của người dẫn.  => Cách dẫn gián tiếp  - Dùng từ (rằng) hoặc (là) trước khi dẫn lời hay ý nghĩ của nv.  **2. Ghi nhớ:** **SGK/T54**  **III.Luyện tập:**  **1.Bài tập 1(54)**  - Cả hai trường hợp đều là dẫn trực tiếp  +Ví dụ a: là dẫn ý nghĩ “A lão già tệ lắm…thế này à.”  +Ví dụ b: là dẫn ý nghĩ “Cái vườn….còn rẻ cả…”  **2.Bài tập 2(54)**  + Dẫn trực tiếp: Trong “Báo cáo…”,  Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở  “chúng ta phải ghi nhớ công lao của  các vị anh hùng dt vì các vị ấy là tiêu  biểu của một dt anh hùng.”  +Dẫn gián tiếp :Trong “Báo cáo…”,  Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định  rằng chúng ta hãy…dân tộc anh hùng  **Bài tập 3(55)**  Vũ Nương nhờ Phan Lang nói với chồng nàng rằng: nếu chàng Trương còn giữ chút tình xưa nghĩa cũ thì hãy lập một đàn giải oan… VN sẽ trở về. |

**4. Củng cố, dặn dò:**

- Nội dung: + Lời dẫn gián tiếp? Cho ví dụ.

+ Lời dẫn trực tiếp? Cho ví dụ.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài + Xem lại cácbài tập.

- Làm bài tập: Chuyển các lời dẫn trực tiếp

thành lời dẫn gián tiếp và chuyển đoạn hội

thoại sau thành một đoạn văn kể chuyện:

“Sinh dỗ dành -> Chẳng bao giờ bế Đản cả”

- Chuẩn bị bài: “Luyện tập tóm tắt văn bản TS”

# 

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 20*. *TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN:***

**LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức** :

- Các y/t của thể loại tự sự( Nhân vật,sự việc, cốt truyện…)

- Y/c cần đạt của một vb tóm tắt t/p tự sự.

**2.Kỹ năng :**

- Tóm tắt một vb tự sự theo các mục đích khác nhau.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục ý thức ham học đọc và và tắt các văn bản đã học.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** :

+ Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài ( trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*H : Thế nào cách dẫn trực tiép và cách dẫn gián tiếp ?*

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

- Giới thiệu bài mới: tóm tắt văn bản tự sự là kể lai cốt truyện để người đọc hiểu nội dung cơ bản của tác phẩm ấy. Khi tóm tắt cần phải căn cứ vào yếu tố quan trọng nhất của tp là sự việc và nhân vật chính có thể xen kẽ các yếu tố bổ trợ…

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.:Tìm hiểu sự cần thiết của việc tóm tắt vb tự sự.**  - Yêu cầu hs đọc bài tập và xđ y/c của b/t  - Hướng dẫn hs phân tích các tình huống  – Tổ chức cho hs thảo luận nhóm.  *H:Vì sao phải tóm tắt văn bản tự sự ?*  =>GV giảng giải  *H: Nêu các tình huống cần vận dụng kĩ năng tóm tắt văn bản tự sự?*  *-> Kể lại chuyến du lịch của em và gđ cho bạn của em nghe, kể lại câu chuyện em được đọc mà bạn em chưa biết...*  *H: Nêu các bước tóm tắt văn bản tự sự ?*  **HĐ2. Hướng dẫn HS tóm tắt văn bản tự sự.**  - Yêu cầu hs đọc bài tập và xđ y/c của b/t  *H :Các sự việc đã được nêu đầy đủ chưa ? Có thiếu sự việc nào không ?Đó là sự việc gì, tại sao đó lại là sự việc quan trộng cần phải nêu?*  *H: Các sự việc trên đã hợp lý chưa có phải thay đổi không ?*  - Yêu cầu hs đọc bài tập và xđ y/c của b/t  - Y/c hs viết vb tóm tắt truyện: “ Ng con gái NX” khoảng 20 dòng.  - Y/c hs đọc văn bản vừa tóm tắt trước lớp .  - Gọi hs nx chéo  - Gv nx và bổ sung  *H: Nếu phải tóm tắt vb này ngắn hơn em sẽ phải tóm tắt ntn để vẫn giữ được nd chính của vb?*  *H: Từ các bài tập trên em nêu muc đích và cách tomd tắt văn bản tự sự:*  **HĐ3. HDHS vận dụng làm bài tập.**  - Yêu cầu hs đọc bài tập và xđ y/c của b/t  - GV hướng dẫn hs tóm tắt vb: “Lão Hạc”  -Yêu cầu hs trình bày  - GV nhận xét bổ sung  - G v hướng dẫn hs làm bt 3 ở nhà. | **I.Sự cần thiết của việc tóm tắt văn bản tự sự :**  **1.Bài tập:**  **\*Nhận xét :**  -Trong cuộc sống không phải lúc nào ta cũng có đủ thời gian điều kiện để trực tiếp xem phim, đọc các tác phẩm văn học vì vậy việc tóm tắt văn bản là nhu cầu cần thiết.Tóm tắt để ng đọc ng nghe dễ nhớ , dễ thuộc nd chính của vb, làm nổi bật sự việc chính, nv chính dễ dàng hơn.  \* Các bước tóm tắt văn bản tự sự :  +Đọc kỹ ,nắm chắc chủ đề tác phẩm.  +Xác định nội dung chính .  +Sắp xếp nội dung chính theo trình tự hợp lý.  + Tóm tắt lại bằng lời văn của mình.  **II. Thực hành tóm tắt văn bản tự sự**    **1.Bài tập 1/58**  **\*Nhận xét :**  a. Còn thiếu một sự việc là:  -Một đêm Trương Sinh ngồi cùng con và người con chỉ vào bóng của Trương Sinh nói đó chính là người hay đến với mẹ. Nghe con nói bấy giờ Tr Sinh mới hiểu nỗi oan của vợ.  - Đó là sự việc quan trọng vì đó là sự việc cm cho nỗi oan của Vũ Nương khiến cho TRương Sinh day dứt về hành động tội lỗi của mình.  b.Giữ nguyên 4 sự việc đầu và thêm vào sự việc đã nêu trên sau sự việc 4. Các sự việc tiếp theo giữ nguyên.  **2.Bài tập 2/59**  + Tóm tắt:  Vũ Thị Thiết- ng con gái quê ở NX, đẹp ng đẹp nết được chàng Tr con nhà hào phú đem trăm lạng vàng cưới về làm vợ. Vợ chồng xum vầy chưa được bao lâu thì chàng Tr phải đầu quân đi lính. Mẹ Tr Sinh vì nhớ con mà dần sinh bệnh ốm rồi qua đời.Một năm sau giặc tan Tr Sinh trở về nghe lời con nhỏ nghi oan cho vợ k chung thuỷ.Vì oan ức Vũ Nương gieo mình xuống sông tự vẫn.Một hôm hai cha con ngồi bên đèn, bé Đản chỉ bóng cha nói rằng đó là cha nó,chàng Trương hiểu nỗi oan của vợ.  Gieo mình xuống sông, Vũ Nương được tiên nữ cứu sống gặp Phan Lang là ng cùng làng.Vũ Nương bèn gửi hoa vàng cùng lời nhắn Tr Sinh.Nghe lời Phan Lang kể lại Tr Sinh lập một đàn giải oan.Vũ Nương trở về lúc ẩn lúc hiện rồi biến mất.  **2.Ghi nhớ SGK/59**  **III.Luyện tập**  **1.Bài tập 1/59**  + Lão Hạc - một ng nông dân trước c/m tháng tám nghèo khổ , vợ mất sớm k đủ tiền cưới vợ cho con, ng con trai của lão phẫn trí bỏ đi làm ở đồn điền cao su. Trước khi đi, ng con mua cho lão một con chó vàng để lão sớm hôm làm bạn , lão đặt tên con chó là “Cậu Vàng”. Lão Hạc yêu quý con chó với một t/c rất đặc biệt, chăm sóc nó như con của lão .Năm ấy mất mùa, đói kém do thiên tai. Dân làng đổ đi làm thuê làm mướn nhiều, vì già yếu k làm đc việc nặng nên lão Hạc bị mất việc làm, hoa màu trong vườn lại thất thu. Lão Hạc đói khổ k đủ cơm ăn, k còn nuôi đc con chó, lão đành phải bán. Bán chó xong Lão gom tiền gửi ông giáo giữ hộ, nhờ ông giáo trông nom vườn . Một hôm lão đến xin Binh Tư một liều bả chó . Thế rồi bỗng nhiên Lão chết một cái chết thạt đau đớn, không ai biết vì sao lão chết ngoài ông giáo và Binh Tư. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

Hệ thống nội dung bài. *H: Tại sao phải tóm tắt vb tự sự:*

*H: Cách thức tóm tắt một vb tự sự?*

- Đọc lại ghi nhớ.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Về nhà làm hết bài tập trong SGK?

- Chuẩn bị: Sự phát triển của từ vựng.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

***Ngày soạn:***

*Ngày giảng:*

***TUẦN 5 - BÀI 4,5***

***TIẾT 21*. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức** :

- Sự biến đổi và p/tr của từ ngữ và hai phương thức p/tr nghĩa của từ.

**2.Kỹ năng :**

- Phân biệt các phương thức tạo nghĩa mới của từvới các phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ.

**3.Thái độ :**

-Ýthức giữ gìn sự trong sáng của TV.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** :

+ Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài ( trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*H :Mục đích tác dụng của việc tóm tắt văn bản tự sự ? Tóm tắt chuyện*

*người con gái Nam Xương ?*

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

- Cùng với sự phát triển của XH từ vựng của ngôn ngữ cũng ptriển không ngừng. Vậy 1 trong những cách ptriển của từ vựng tiếng việt là gì? những phương thức chủ yếu phát triển nghĩa của từ ngữ ntn? Ta cùng tìm hiểu.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu sự biến đổi và phát triển của từ vựng.**  - Yêu cầu hs đọc bài tập và xđ y/c của b/t  *H: Từ kinh tế trong bài”Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác” có nghĩa là gì ?*  *H: Ngày nay chúng ta có dùng theo nghĩa đó không ?*  *H: Em có nhận xét gì về nghĩa của từ kinh tế xưa và nay về phạm vi nghĩa của từ ?*  =>( Nghĩa của từ có thể thay đổi theo thời gian, có những nghĩa cũ bị mất đi và có những nghĩa mới được hình thành)  - Yêu cầu hs đọc bài tập và xđ y/c của b/t  H: *Cho biết nghĩa của từ* **xuân** *trong câu thơ “chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân”?*  *H: Cho biết nghĩa của từ* ***xuân*** *trong câu thơ “Ngày xuân em hãy còn dài”nghĩa là gì?*  *H: Cho biết nghĩa của từ* ***tay*** *trong câu thơ “Giở kim thoa với khăn hồng trao tay”nghĩa là gì?*  *H: Cho biết nghĩa của từ* ***tay*** *trong câu thơ “Cũng phường bán thịt cũng tay buôn người” là gì?*  *H:Trong các từ trên từ nào dùng theo nghĩa gốc, từ nào dùng theo nghĩa chuyển?*  *H: Các nghĩa chuyển của từ được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào ? ( ẩn dụ và hoán dụ)*  *H: Vậy ta có thể phát triển từ vựng theo cách nào?*  *-* GV chốt ý rút ra ghi nhớ, cho hs đọc  **HĐ2. Hướng dẫn hs làm bài tập luyện tập:**  - Cho hs đọc và xđ y/c bài tập.  - Hướng dẫn hs làm bài  - T/c thảo luận nhóm  - Cho hs nhận xét chéo giữa các nhóm.  - GV nhận xét đưa ra đáp án  - Cho hs đọc và xđ y/c bài tập.  - Hướng dẫn hs làm bài tập 2  *H: Hãy nx về cách dùng nghĩa của từ* ***trà trong các cách dùng?***  - Cho hs đọc và xđ y/c bài tập.  *H: Xác định nghĩa chuyển của từ đồng hồ?*  - Cho hs đọc và xđ y/c bài tập.  *H: Tìm dẫn chứng để chứng minh các từ :* **hội chứng, ngân hàng, sốt, vua** *là những từ nhiều nghĩa.*  *H: từ mặt trời ở câu thơ thứ 2 được sử dụng theo phép tu từ từ vựng nào? Có thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ p/t thành nhiều nghĩa được k?vì sao?* | **I. Sự biến đổi và phát triển của từ vựng:**  **1.Bài tập 1(55)**  **\* Nhận xét:**  - Kinh tế : Kinh bang tế thế là trị nước cứu đời => ngày nay chúng ta không dùng với nghĩa này nữa.  - “Kinh tế” ngày nay: là toàn bộ hoạt động của con người trong lao động sx, trao đổi, phân phối và sử dụng của cải vật chất  làm ra.  => Nghĩa của từ đã chuyển từ phạm vi nghĩa rộng sang nghĩa hẹp.  **2**.**Bài tập 2(55)**  **\* Nhận xét:**  -Từ **xuân** trong câu “ Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân ’’  =>Có nghĩa là mùa xuân mùa chuyển tiếp từ đông sang hạ thời tiết ấm dần được coi là mở đầu trong năm -> Nghĩa gốc.  - Từ **xuân** trong câu “ *ngày xuân em hãy còn dài* ’’ có nghĩa là tuổi trẻ- những năm đầu của cuộc đời.  ->Nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ.  -Từ **tay** trong “ *Giở kim...trao tay”* có nghĩa là bộ phận của cơ thể con người - dùng để sờ, cầm,nắm -> Nghĩa gốc.  - Từ **tay** trong câu “ *Cũng phường ...tay buôn người”* có nghĩa là chỉ người giỏi về 1 hoạt động nào đó-> ở đây có nghĩa là kẻ buôn người.  ->Nghĩa chuyểntheo phương thức hoán dụ.  .  **2. Kết luận**  - Phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của chúng, theo phương thức ẩn dụ và hoán dụ.  **2. Ghi nhớ (SGKT56)**  **II.Luyện tập:**  **1.Bài tập 1(56)**  **a**. chân được dùng với nghĩa gốc  **b.** chân được dùng với nghĩa chuyển hoán dụ ->chỉ sự vật có quan hệ tương cận với nghĩa gốc.  **c,d**. chân được dùng với nghĩa chuyển ẩn dụ ->sự vật có nét tương đồng với nghĩa gốc.  **2.Bài tập 2(56)**  - Trà Hà thủ ô,Linh chi, Trà sen dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ  ->dựa trên cs của nghĩa gốc: đều là sp thực vật, chế biến khô, pha lấy nước uống.  **3.Bài tập 3(56)**  - Đồng hồ: địên, nước, xăng...nghĩa chuyển dựa trên cơ sở nghĩa gốc là khí cụ để đo khối lượng có bề ngoài giống như đồng hồ.  **4.Bài tập 4( 57)**  a. Hội chứng:  +)Nghĩa gốc tập hợp nhiều  triệu chứng cùng xuất hiện của bệnh.  VD: hộichứng viêm đường hô hấp rất  phức tạp.  +) Nghĩa chuyển:tập hợp nhiều hiện  tượng, sự kiện biểu hiện cùng xuất hiện  một tình trạng một vấn đề xã hội, cùng xuất hiện ở nhiều nơi  VD: Lạm phát, thất nghiệp là hội chứng của tình trạng suy thoái kinh tế.  ->Hội chứng-> từ nhiều nghĩa.  **5.Bài tập 5(57)**  -Từ **măt trời** trong câu thứ hai là ẩn dụ nghệ thuật-> Không phải một nghĩa gốc phát triển thành nhiều nghĩa vì :  +Từ **mặt trời** ( nghĩa gốc ) chỉ sự vật một hành tinh trong vũ trụ.  +Từ **mặt trời** trong câu hai được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ (chuyển nghĩa lâm thời- tu từ không làm cho từ có thêm nghĩa mới) |

**4**. **Củng cố , luyện tập:**

*H: Ta có thể phát triển từ vựng theo cách nào?*

- Học kỹ nội dung bài -> Hệ thống nội dung cơ bản của bài.

- Đọc lại ghi nhớ.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Làm hoàn chỉnh bài tập vào vở.

- Đọc, soạn trước bài: Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:***

*Ngày giảng:*

***TIẾT 22*. ĐỌC THÊM:CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH**

*Trích*: *“****Vũ trung tuỳ bút****”*

**(Phạm Đình Hổ)**

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức** :

- Sơ giản về thể loại tuỳ bút thời trung đại.

- Cuộc sống xa hoa vô độ của vua chúa và sự sách nhiễu dân chúng của quan lại dưới thời Lê-Trịnh.

- Những đặc điểm n/t củamột vb viết theo thể loại tuỳ bút thời kỳ trung đại

ở “*Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*”

**2.Kỹ năng :**

- Đọc hiểu một vb tuỳ bút thời trung đại. Tự tìm hiểu một số địadanh,chức sắc,nghi lễ thời Lê- Trịnh.

**3.Thái độ :**

- Biết phê phán lối sống xa hoa tầm thường không vì dân.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** :

+ Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,

S GV, bồi dưỡng văn 9...

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài ( trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A:

9C:

**2.Kiểm tra đầu giờ**: **Kiểm tra 15 phút:**

*Câu 1 : Nguyên nhân dẫn đến nỗi oan khuất của Vũ Nương ?*

*Câu 2 :* Cảm nghĩ của em gì về số phận của người phụ nữ trong xã hội phong

kiến trước đây?

**3.Bài mới** :

- Dưới thời Lê- Trịnh xa hội phong kiến bắt đầu suy tàn ,vua chúa ăn chơi

hưởng lạc không chăm lo đến đời sống nhân dân , không những thế chúng còn sách

nhiễu gây bao phiền toái cho nhân dân . Tất cả hiện thực đõ đã được tác giả Phạm

Đình Hô ghi lại trung thực, đầy ấn tượng về một thời lịch sử của đất nước trong văn

bản *“Chuyện cũ… chúa Trịnh”.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích**  - Giáo viên đọc mẫu  - Hướng dẫn đọc.  - Mời học sinh đọc văn bản  *H: Trình bày vài nét về tác giả Phạm Đình Hổ?*  *H: Nêu những hiểu biết của em về tác phẩm: Vũ Trung…và đoạn trích?*  - Yêu cầu hs lưu ý các chú thích 7,8,13,14  **HĐ2.HDHS đọc- hiểu văn bản:**  *H: Xác định thể loại?*  *H: Nêu bố cục và nội dung chính của văn bản?*  *H: Nêu các chi tiết nói về sở thích của chúa? Các chi tiết nói về c/sg của chúa trịnh và vua quan?*  *H: Thực chất của các cuộc đi chơi đó là gì ?*  *H: Tác giả đã miêu tả cảnh vật và âm thanh trong phủ chúa như thế nào ?*  *H: Theo t/g cảnh vật và âm thanh ấy khiến cho những ng có học cảm nhận ntn?*  *H: Em nx ntn về thái độ kể chuyện của t/g?*  *H: T/g đã sử dụng những b/p n/t nào để kể chuyện?*  *H: Từ đó em tưởng tượng ntn về vương triều nhà chúa Trịnh?*  *-* Giáo viên giảng bình, chốt kiến thức.  *H: Nêu những thủ đoạn mà bọn hầu cận dùng để sách nhiễu dân chúng?*  *H: Em nx ntn về hành động trên của bọn chúng?*  *H: Người dân phải đối phó với chúng bằng cách nào?*  *H:Nêu các biện pháp nt đã được sử dụng ?tác dụng của các biện pháp đó ?*  *H: Cách kết thúc có gì đặc biệt ?*  *H:ý nghĩa của đoạn văn dẫn truyện ở cuối vb?*  *H: Bộ mặy xh p/k đương thời hiện lên ntn?*  **HĐ3. Hướng dẫn hs tổng kết:**  *H: Nêu những cảm nhận của em về nd và n/t sau khi học vb?*  *H: Thông qua văn bản tác giả muốn nói điều gì ?*  - HS đọc ghi nhớ SGK | **I. Đọc tìm hiểu chú thích**  **1.Hướng dẫn đọc:**  **2.chú thích**  **a. Tác giả:** Phạm Đình Hổ( 1768-1839)  tênchữ là Tùng Niên hoặc Bỉnh Trực  hiệu là Đông Dã Tiều tục gọi là Chiêu  Hổ.  - Người làng Đan Loan- huyện Đường An- Hải Dương nay là xã nhân Quyền- huyện Bình Giang - Hải Dương  - Là nho sĩ ,ông sống vào thời buổi loạn  lạc nên có tư tưởng ẩn cư và sáng tác văn  chương-> Ông để lại nhiều công trình  khảo cứu thuộc các lĩnh vực xã hội có  giá trị .  **b.Tác phẩm**: - “*Vũ trung tuỳ bút”* ra đời đầu thế kỷ XI X gồm 88 mẩu truyện nhỏ viết theo thể tuỳ bút .Ông bàn về các thứ lễ nghi, phong tục, tập quán...Ghi chép những việc xẩy ra trong xh lúc đó.T/p vừa có g/tr văn chương vừa có g/tr địa lí, l/s, xhội học.  - “Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh”là một trong 88 mẩu chuyện của *“Tuỳ bút Vũ Trung”* ghi lại chân thực những việc sảy ra trong phủ chúa của tác giả.  **c.Giải nghĩa từ khó:**  **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Thể loại** : Tuỳ bút trung đại  **2.Bố cục:**  Gồm 2 phần :  +Phần 1 Từ đầu => triệu bất tường  ->Cuộc sống xa hoa hưởng lạc của Thịnh Vương (Trịnh Sâm)  +phần 2(còn lại ):Lũ hoạn quan thừa gió bẻ măng.  **3. Phân tích:**  **a.Cuộc sống xa hoa của chúa Trịnh và bọn quan lại:**  - Xây dựng nhiều cung điện, đền đài lãng phí hao tốn tiền của.  -Thích chơi đèn đuốc, ngắm cảnh đẹp.  -Tổ chức những cuộc dạo chơi bày trò giải trí lố lăng, tốn kém.  (*Mỗi tháng vài ba lần Vương ra cung Thuỵ Liên)*  - Thu tìm cây cảnh, chim thú quý hiếm  ( thực chất là cướp đoạt của quý hiếm trong thiên hạ)  **\* Phủ chúa:**  - Cảnh vật cây cối um tùm.  - Đêm về âm thanh gợi cảm giác ghê rợn, lạnh lẽo,tan tác, đau thương.  - Một cảm giác về sự báo trước sự suy vong tất yếu của một triều đại chỉ biết ăn chơi hưởng lạc “*kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường” .*  - Thái độ t/g: chân thực khách quan, mtả sinh động. phê phán mạnh mẽ chế độ phong kiến Trịnh-Lê.  - NT:So sánh,liệt kê,m/t.  \*Tác giả đã khắc hoạ rõ nét cuộc sống ăn chơi xa đoạ vô độ của vua chúa, quan lại thời Lê- Trịnh.  **b.Sự sách nhiễu dân chúng của bọn quan lại hầu cận:**  - Ngang nhiên hoành hành ăn cướp bằng cách: viết chữ: “*phụng thủ”*vào chậu hoa cây cảnh -> vu oan cho các nhà giàu là giấu của cung phụng. Thủ đoạn vừa ăn cắp vừa la làng.  - Hành động đê hèn xấu xa.  - Dân chúng bi cướp bóc chiếm đoạt phải bỏ của cải ra kêu oan, đập bỏ hòn non bộ, phá bỏ cây cảnh quý.  - NT: Sử dụng hình ẳnh đối lập, phương pháp so sánh, liệt kê, nêu những sự việc cụ thể chân thực. Tác giả đã phơi bày hành vi thủ đoạn xấu xa của bọn quan lại hầu cận.  - Cách kết thúc kín đáo thể hiện sự phê phán bất bình. “ nhà ta ...vì lẽ ấy”  - Cách dẫn truyện làm tăng tính chân thực cho lời kể.  \* Bức tranh một xh p/k tàn tạ trên đà suy vong hiện lên chân thực,sinh động.  **III.Tổng kết:**  **\* Ghi nhớ sgk T(63)** |

4. **Củng cố- luyện tập:**

- Hệ thống nội dung bài, khắc sâu kiến thức cho học sinh.

- Đọc lại ghi nhớ.

*H: So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa thể loại tuỳ bút, bút ký, ký sự với*

*truyện? Tuỳ bút*

**\*Tuỳ bút:**

- Cốt truyện đơn giản, mờ nhạt.

- Kết cấu lỏng lẻo tuỳ cảm xúc người viết.

- Giàu cảm xúc chủ quan.

- Chi tiết sự việc chân thực

**\*Truyện**

- Thuộc loại tự sự,văn xuôi có chi tiết,sự việc, nhân vật,cảm xúc,..

- Phải có cốt truyện, phức tạp, lắt léo.

- Kết cấu chặt chẽ, có dụng ý nghệ thuật.

- Tính cảm xúc, chủ quan được thể hiện kín đáo.

- Chi tiết sự việc được hư cấu.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học kỹ nội dung bài.

- Chuẩn bị bài: “Hoàng Lê nhất thống chí”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:***

*Ngày giảng:*

*TIẾT 23*. HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

Trích: “ **Hồi thứ mười bốn”**

( Ngô gia văn phái)

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức** :

- Nhữg hiểu biết chung về nhóm t/g thuộc Ngô gia văn phái, về phong trào Tây Sơn và ng anh hùng dân tộc QT-Nguyễn Huệ. Nhân vật ,sự kiện, cốt truyện trong t/p viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi. Một trang sử của d/t ta:QTđại phá 20

vạn quân Thanh, đánh đuổi giặc xâm lược ra khỏi bờ cõi .

**2.Kỹ năng :**

- Quan sát các sự việc đc kể trong đoạn trích trên bản đồ.

- Cảm nhận sức trỗi dậy kỳ diệu của tinh thần dân tộc, cảm quan hiện thực nhạy bén, cảm hứng yêu nước của tác giả trước những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.

- Liên hệ những sự vật, sự kiện trong đoạn trích với những vb liên quan.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dt về truyền thống chống ngoại xâm.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** :

+ Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,

S GV, bồi dưỡng văn 9 bản đồ chiến thắng Đống Đa, Ngọc Hồi.

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*Câu 1:Phân tích cuộc sống xa hoa của chúa Trịnh và bọn quan lại?*

*Câu 2: Bọn quan lại đã ỷ thế danh nhà chúa để sách nhiễu dân chúng như thế*

*nào?*

**3.Bài mới** :

- Nhà Lê suy tàn, không còn bảo vệ được đất nước,quân Thanh nhân cơ hội ấy

mang 20 vạn quân sang xâm lược nước ta , Trước tình hình đó, Nguyễn Huệ mang

quân từ Phú Xuân- Huế ra Thăng Long dẹp giặc.Hiện thực nước sôi lửa bỏng ấy được

TP “ Hoàng Lê..”tái hiện lại một cách chân thực ở hồi thứ 14.Hình ảnh người anh hùng dân tộc QT hiện lên như thế nào? sự thảm bại của quân xâm lược ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích**  - Giáo viên đọc mẫu  - Hướng dẫn đọc.  - Mời học sinh đọc văn bản  - Hướng dẫn học sinh tóm tắt văn bản.  *H: Trình bày vài nét về tác giả ?*  *H: Nêu hiểu biết của em về tác phẩm?*  -Nêu cầu hs lưu ý các chú thích 2, 7,  16 ,20,29.  **HĐ2.HDHS đọc- hiểu văn bản:**  *H: Theo em văn bản trích thuộc thể loại*  *nào?*  *H: Đoạn trích chia làm mấy phần? Là*  *những phần nào? Nêu nội dung chính?* | **I. Đọc tìm hiểu chú thích**  **1.Hướng dẫn đọc:**  **2.Tóm tắt:**  - Quân Thanh kéo vào chiến nước ta một cách dễ dàng, được tin cấp báo ->Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế thân chinh đánh giặc.  - Cuộc tiến quân thần tốc và những thắng lợi vẻ vang.  - Sự thất bại thảm hại của bọn xâm lược và bè lũ bán nước Lê Chiêu Thống.  **3.chú thích:**  **a. Tác giả:**  -Ngô gia văn phái là một nhóm các tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả-Thanh Oai (Hà Tây). Trong đó có hai tác giả tiêu biểu là Ngô Thì Chí (1758-1788) và Ngô Thì Du  ( 1772-1840)  - Cuối tk XVIII làm quan dưới triều Lê và triều Nguyễn.  **b.Tác phẩm**:  - “ Hoàng Lê nhất thống chí ”- TP viết bằng chữ Hán, là cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi gồm 17 hồi. - - Tiểu thuyết ghi chép về sự thống nhất của vương triều Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh. Đồng thời tái hiện một g/đ l/s đầy biến động của xh pk VN trong 30 năm cuối thế kỉ XVIII. Đoạn trích thuộc hồi thứ 14 viết về cuộc đại phá quân Thanh của người anh hùng dân tộc Quang Trung.  **c.Giải nghĩa từ khó:**  **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Thể loại** : Tiểu thuyết chương hồi  **2.Bố cục:**  - Gồm 3 phần :  +)Phần 1: (Từ đầu =>năm Mậu Thân)  ->Được tin quân Thanh chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và cầm quân dẹp loạn.  +)Phần 2:(Tiếp theo =>vào thành)  -> Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.  +)Phần 3:(còn lại )->Hình ảnh thảm bại của bọn xâm lược và bọn tay sai bán nước. |

**4. Củng cố- luyện tập**

*H: Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm? Tóm tắt trích đoạn hồi thứ 14?*

*Nêu bố cục?*

**5. Hướng dẫn học ở nhà:** Chuẩn bị tiếp tiết 2 “Hoàng Lê…”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

*TIẾT 24*. HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ (TIẾP)

Trích: “ **Hồi thứ mười bốn”**

( Ngô gia văn phái)

**I. Mục tiêu bài học**:

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức** :

- Những hiểu biết về h/ả ng anh hùng dân tộc QT-Nguyễn Huệ. Nhân vật ,sự kiện, cốt truyện trong t/p viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi. Một trang sử của d/t ta:QTđại phá 20 vạn quân Thanh, đánh đuổi giặc xâm lược ra khỏi bờ cõi .

- Tình cảnh thảm bại của quân xâm lược nhà Thanh và bè lũ bán nước Lê Chiêu Thống.

**2.Kỹ năng :**

- Quan sát các sự việc đc kể trong đoạn trích trên bản đồ.

- Cảm nhận sức trỗi dậy kỳ diệu của tinh thần dân tộc, cảm quan hiện thực nhạy bén, cảm hứng yêu nước của tác giả trước những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.

- Liên hệ những sự vật, sự kiện trong đoạn trích với những vb liên quan.

**3.Thái độ :**

- Giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dt về truyền thống chống ngoại xâm.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** :

+ Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,

SGV, bồi dưỡng văn 9, bản đồ chiến thắng Đống Đa, Ngọc Hồi.

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

*H: Tóm tắt đoạn trích hồi thứ 14(Quang Trung đại phá quân Thanh)*

**3.Bài mới** :

- Hình ảnh người anh hùng dân tộc QT hiện lên như thế nào? sự thảm bại của

quân xâm lược ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu phần tiếp theo của bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc- hiểu văn bản(tiếp)**  - Gọi hs đọc phần 1  *H : Trong khoảng thời gian ngắn từ*  *24/11 đến 30/12/1788, khi nhận được*  *tin cấp báo của Đô đốc Nguyễn Văn*  *Tuyết thì Nguyễn Huệ đã có thái độ*  *và quyết định gì?*  *Ông đã làm được những việc gì?*  *Điều đó chứng minh ông là người có*  *phẩm chất gì?*  *H: Em nx ntn về ông, qua những hành động việc làm trên của ông?*  *H :Đến Nghệ An Vua QT đã làm những việc gì ?Ông làm thế nào để tuyển nhanh chóng một số lượng quân lớn như vậy ? Nhận xét về tài thu phục lòng quân của ông ?*  *H: Em nx ntn về việc lựa chọn tướng dưới quyền của ông khi ông nói chuyện với bọn Sở, Lân?*  *H : Nhận xét về tài thu phục lòng quân và việc dùng tướng của vua Quang Trung ?*  *H :Lời tuyên bố chiến thắng trong buổi tiệc ra quân của Vua QT có chủ quan không ?Em nhận xét như thế nào về tầm nhìn chiến lược của vua ?*  *H: Làm thế nào để ông có thể chỉ đạo một đội quân hành binh thần tốc đến như vậy? H:Từ đó em nx ntn về cách hoạch định kế hoạch đánh giặc và tài câmd quân của ông?*  - Giáo viên giảng bình chốt lại nội dung cơ bản  *H: Chủ trương trong kế hoạch đánh giặc của vua QT như thế nào?*  *-* T/c thảo luận theo nhóm  *H: Hình ảnh ng anh hùng dân tộc QT trong chiến trận đc mt ntn?*  - Cho các nhóm nx chéo  *H: Em nx ntn về h/ả ấy?*  *H: Theo em nguồn cảm hứng nào đã khiến cho t/g vốn rất không có thiện cảmvới nhà Tây Sơn lại khắc hoạ h/ả ng anh hùng QT đẹp đến như vậy?*  *H: Nhận xét về tên tướng giặc Tôn Sĩ Nghị*  *H: Khi tiến vào Thăng Long quân Thanh có gặp bất kì trở ngại nào k?Chúng có thái độ ntn****?***  *H: Chúng đối phó ntn khi bị quân Tây Sơn đánh bất ngờ?*  *H: Em nx ntn về quân xl nhà Thanh?*  *H:Nhà Lê đối phó ntn khi quân Thanh sang xl nước ta?*  *H: Khi quân Thanh thua nhà Lê đã rơi vào thảm cảnh ntn?*  *H:Tg kể chuyện với thái độ ntn?*  *H: Thái độ ấy có gì khác khi t/g nói về vua tôi Lê Ch Thống?*  *H: Em nx ntn về vương triều Lê ?*  **- Chuyển ý:**  **HĐ2. Hướng dẫn hs tổng kết:**  *H: Em cảm nhận đc gì về n/d, nt của tp sau khi học vb?*  *- Gọi hs nx*  - Gv nx và bổ sung  - Gọi hs đọc ghi nhớ sgk  **HĐ3. HDHS luyện tập:**  - Gv hướng dẫn hs viết một đoạn văn ngắn mt chiến công thần tốc đại phá quân Thanh của vua QT (tối 30 đến ngày 5 tết kỉ dậu) | **3. Phân tích:**  **a.Hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung- Nguyễn Huệ:**  - Nhận được tin quân Thanh chiếm Thăng Long Nguyễn Huệ rất tức giận, không hề nao núng : *“ định thân chinh cầm quân đi ngay”.*  - Trong vòng một tháng(*24/11 đến 29/12/1788)* ông làm được rất nhiều việc lớn: *làm lễ lên ngôi; đốc xuất đại binh ra Bắc; gặp La Sơn phu tử NguyễnThiếp; tuyển quân ở Nghệ An; phủ dụ tướng sĩ; định kế hoạch hành quân,đánh giặc và kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau khi chiến thắng.*  =>**Người bình tĩnh, hành động nhanh ,kịp thời, mạnh mẽ, quyết đoán trước những biến cố lớn.**  - Ở Nghệ An-> gặp gỡ người cống sĩ tham khảo ý kiến; kén lính *“ba suất đinh thì lấy một người”*  - Ông rất nhạy bén trong việc dụ  binh, thu phục lòng quân : bài hịch  *“đất nào sao ấy”* ngắn gọn, hào hùng,  khích lệ lòng yêu nước và truyền  thống quật cường dân tộc.  - Nguyễn Huệ sáng suốt trong việc lựa chọn tướng tài. Hiểu tường tận năng lực của tướng sĩ, khen chê đúng người đúng việc.  **=>Người có trí tuệ sáng suốt sâu sắc và nhạy bén.**  **=> Người có ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng :** mới khởi binh mà đã tuyên bố chiến thắng chắc như đinh đóng cột, chuẩn bị cả phương lược ngoại giao sau khi dẹp yên giặc.  **=> Tài dụng binh như thần:** chiến  dịch hành quân thần tốc ngày 25 rời Phú Xuân- Huế-> ngày29 đến Nghệ An, ngày 30 bắt đầu xuất quân ở Nghệ An, dự định ngày 7 tháng giêng  (7 ngày) sẽ ăn tết ở Thăng Long(đoạn đường khoảng 650 km->10 ngày đi bộ)  Thực tế:ngày 5 tết đã đến Thăng Long  -> đến nơi đội ngũ vẫn tinh nhuệ đánh cho quân Thanh tan tác->tài tổ chức cầm quân.  **\* Anh hùng Quang Trung trong chiến trận:**  - Chủ chương đánh là thắng, chiến  đấu dũng mãnh,quyết tử, quân đội  nghiêm minh.  - Vua QT cưỡi voi thân chinh cầm quân- một tổng chỉ huy chiến dịch: vừa hoạch định phương lược tiến đánhvừa t/c quân sỹ, thống lĩnh một mũi tiên phong -> Tạo nên trận thắng đẹp áp đảo kẻ thù.  =>H/ả ng anh hùng QT đc khắc hoạ thật oai phong lẫm liệt, bừng bừng khí tiết-một h/ả đep hào hùng về ng anh hùng trong l/s vh d/t.  - T/g tôn trọng sự thật l/s, đồng thời chiến công oanh liệt của vua tôi QT là niềm tự hào lớn lao của toàn dt khiến cho t/g có những trang viết thật chân thực, sinh động.  - Mặt khác, các ông cũng thấy rõ sự  Suy đồi , kém cỏi, hèn mạt của vua,  chúa thời Lê - Trịnh.  **b.Hình ảnh bọn xâm lược và bọn vua tôi bán nước**  \*Sự thảm bại của quân xâm lược nhà Thanh  ***+)Tổng đốc Tôn Sỹ Nghị****:*  - Mưu cầu lợi riêng, bất tài, không biết  mình, biết địch, kiêu căng, chủ quan,  tự mãn.  - Tiến vào thành Thăng Long quân Thanh k gặp bất kì một trở ngại nào,khiến chúng chủ quan kiêu căng cho là vô sự k đề phòng gì .  - Bị đánh bất ngờ, k kịp trở tay,sợ hãi, xin hàng hoặc bỏ chạy toán loạn.  -> Đó là đội quân ô hợp tướng bất tài,  quân hèn nhát,  \* Bọn vua tôi bán nước:  - Nhà Lê dựa vào nhà Thanh để bảo vệ lợi ích riêng của dòng họ. Đem đất nước đặt vào tay giặc( bán nước cầu vinh).  - Chạy theo giặc hòng thoát thân -> đó chính là nỗi nhục của triều đại.  - Lời văn kể chuyện với thái độ chân thực,hả hê trước sự thất bại thảm hại của quân xl.  - T/g k khỏi ngậm ngùi trước sự tàn tạ của vương triều mà mình đã từng yêu quý.  =>Một vương triều đã đến ngày tàn tạ suy vong tất yếu,chạy theo giặc, bán nước cầu vinh trong l/s nhà nc p/k.  **III.Tổng kết**  **1.Nghệ thuật:** Kể, tả chân thực thể hiện  rất rõ cảm xúc.  **2.Nội dung:** Là bức tranh sinh động về  người anh hùng Nguyễn Huệ-vị vua văn  võ song toàn. Đồng thời, cũng thấyđược  tình cảnh thất bại ê chề, khốn đốn, nhục  nhã của bọn vua quan bán nước Lê  Chiêu Thống.  **\* Ghi nhớ:sgk T72**  **IV. Luyện tập:** |

**4. Củng cố- luyện tập:**

*H: Chỉ ra những phẩm chất và năng lực của người anh hùng dân tộc QT-NH*

*- Nhận xét về quân xâm lược nhà Thanh và bọn vua quan bán nước*

*Lê Chiêu Thống*

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Học bài cũ, chuẩn bị : Sự phát triển của từ vựng: làm bài tập các bài tập:

Mục I,II SGK.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 25.* SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG**

**A.Mục tiêu bài học :**

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Việc tạo từ ngữ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.

**2.Kỹ năng :**

- Nhận biết từ ngữ mới đc tạo ra và những từ ngữ mượn của tiếng nước ngoài.Biết sử dụng từ ngữ mượn tiếng nước ngoài phù hợp.

**3.Thái độ**

- Thấy được tầm quan trọng của việc p/t và sử dụng thích hợp từ ngữ TV.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1.Giáo viên:**

+ Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình các hoạt động dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** : *Nêu cách phát triển nghĩa của từ vựng ?Lấy ví dụ ?*

**3.Bài mới** :GV giới thiệu bài

- Giờ trước các em đã tìm hiểu và biết được từ vựng không ngừng phát triển và hai cách phát triển của từ vựng đó là: phát triển nghĩa của từ theo phương thức ẩn dụ và hoán dụ. Vậy còn có cách nào khác để phát triển từ vựng của một ngôn ngữ chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.Tìm hiểu phương thức tạo từ ngữ mới:**  - Y / C hs đọc và x/đ y/c b/t.  - Hướng dẫn hs làm b/t  *H: Có những từ ngữ mới nào đc tạo ra trến cs các từ kt, sở hữu, điện thoại?*  - Y/c hs giải thích nghĩa các từ mới tạo ra.  - Đọc và xác định yêu cầu bài tập3  *H: Tìm các từ mới đc xđ theo mô hình: x + tặc?*  *H: Ngoài việc phát triển từ vựng bằng phát triển nghĩa của từ tiếng Việt còn phát triển từ vựng bằng cách nào ?*  - Cho hs đọc ghi nhớ  **HĐ2.Tìm hiểu phương thức mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.**  - GV yêu cầu đọc và xác định yêu cầu bài tập.  -Yêu cầu hs tìm từ hán Việt      - HS đọc b/t 2.  - Hướng dẫn hs tìm các từ tương ứng với k/n.  *H:Các từ ấy có nguồn gốc từ đâu?*  *H: Bộ phận mượn từ quan trọng nhất của từ tiếng Việt là tiếng nước nào?*  *H: Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong TV là mượn từ của ngôn ngữ nào?Vây ngoài việc mượn từ của tếng Hán (HV), TV còn mượn từ của ngôn ngữ nào khác?*  - HSđọc ghi nhớ  **HĐ3.Hướng dẫn hs vận dụng làm bài tập:**  - Cho hs đọc và x/đ y/c bt  - Y/c hs tìm từ ngữ mới theo mô hình x+.  - Gọi HS trình bày.  - GV nhận xét bổ sung  - Cho hs đọc và x/đ y/c bt  - Hướng dẫn hs làm bài tập2  - y/c hs tìm từ ngữ mới.  - Gọi hs nx  - GV nhận xét bổ sung  - Cho hs đọc và x/đ y/c bt  - Hướng dẫn hs làm bài tập3  *H: Dựa vào k/t lớp 6, hãy x/đ từ mượn tiếng Hán và từ mượn ng ngữ Châu Âu?*  *H: Nêu văn stắt các cách phát triển từ vựng?* | **I.Tạo từ mới**  **1.Bài tập1(72)**  + Các từ mới đc tạo ra trên cs các từ ktế, sở hữu,điện thoại là:  - Điện thoại di động  - Điện thoại nóng  - Kinh tế tri thức  - Đặc khu kinh tế  - Sở hữu trí tuệ  - Kinh tế tri thức.  **2.Bài tập2(73)**  - Điện thoại di động: Điện thoại vô tuyến nhỏ mang theo ng sử dụng đc trong vùng phủ sóng.  - Điện thoại nóng:Điện thoại phục vụ các cuộc gọi khẩn cấp, quan trọng.  - Kt tri thức: Nền kt chủ yếu dựa vào sx, lưu thông, phân phối hàng loạt các sphẩm có tri thức cao.  - Đặc khu kt: Khu vực dành riêng để thu hút vốn và công nghệ nước ngoài với những chính sách ưu đãi.  - Sở hữu trí tuệ: Quyền sở hữu đối với sphẩm do h/đ trí tuệ mang lại đc p/luật bảo hộ như: quyền t/g, quyền phát minh, sáng chế.  **3.Bài tập3(73)**  +Lâm tặc-> Kẻ cướp tài nguyên rừng.  +Tin tặc->Kẻ dùng kt xâm nhập vào dữ liệu máy tính.  -> Tạo từ ngữ mới trên csở những từ ngữ đã có sẵn để làm tăng vốn từ TV.  **2.Ghi nhớ (SGK)T73**  **II.Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.**  **1.Bài tập1(73)**  - Các từ Hán việt :  a.Thanh minh, tiết ,lễ, tảo mộ, hội,đạp thanh,yến anh,bộ hành ,xuân,tài tử  giai nhân.  b. Bạc mệnh ,duyên, phận,thần, linh,  chứng giám ,thiếp ,đoan trang,tiết linh,trinh bạch, ngọc,phỉ.  **2.Bài tập 2(73)**  a. AIDS  b. Ma-két-tinh  =>Nguồn gốc:mượn từ tiếng nước ngoài (tiếng Anh)  **\*Kết luận:**  *-* Bộ phận mượn từ quan trọng nhất của từ tiếng Việt là từ HV.  - Ngoài ra TV còn mượn từ của các ng ngữ khác như: Anh,Nga, Pháp...  **3.Ghi nhớ (SGK)T74.**  **III.Luyện tập:**  **1.Bài tập1(74)**  a.X+trường:  - Thị trường,chiến trường, thương trường phi trường, thao trường,nông trường,lâm trường,công trường.  b. X+tập:  - Học tập,thực tập,kiến tập, sưu tập,tuyển tập,trưng tập.  **2.Bài tập2(74)**  -Bàn tay vàng :Bàn tay tài giỏi khéo léo hiếm có trong thực hiện thao tác lao động.  -Thương hiệu :nhãn hiệu có uy tín.  - Cầu truyền hình : Truyền hình trực tiếp các điểm cách xa nhau.  - Cơm bụi:Cơm giá rẻ thường bán ở các quán nhỏ tạm bợ.  **3.Bài tập3(74)**  +Từ mượn tiếng Hán: Mãng xà,ca sĩ, biên phòng,nô lệ, tham ô, tô thuế ,phê bình,phê phán.  +Từ mượn tiếng châu Âu: Xà phòng ,ô tô,ra-đi-ô, ô-xi, cà phê,ca nô.  **4.Bài tập 4(74)**  - Phát triển nghĩa của từ: ẩn dụ,  hoán dụ  - Phát triển từ ngữ mới dựa trên những  từ đã có sẵn  - Phát triển từ ngữ bằng cách mượn  tiếng nước ngoài. |

**4. Củng cố- luyện tập:**

*H: Nêu các cách phát triển từ vựng cho ví dụ?*

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Học bài cũ, chuẩn bị : Truyện Kiều- đọc tác giả, tóm tắt tác phẩm.

- Trả lời hệ thống câu hỏi đọc hiểu

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TUẦN 6-BÀI 6:***

***TIẾT 26.* “TRUYỆN KIỀU” CỦA NGUYỄN DU**

**I.Mục tiêu bài học :**

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Cuộc đời và sự nghiệp s/t của ND. Nv, sự kiện, cốt truyện của truyện kiều.

- Thể thơ lục bát truyền thống của d/t trong một t/p vh trung đại.

- Những g/tr nội dung, nt chủ yếu của T/p truyện Kiều.

**2.Kỹ năng :**

- Nhận ra những đặc điểm nổi bật về cuộc đời và sáng tác của một t/g vh trung đại.

**3.Thái độ**

- GDHS lòng tự hào về tg Nguyễn Du và di sản văn hoá của ông đặc biệt

là Truyện Kiều

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1.Giáo viên:**

+ Soạn bài,đọc Truyện Kiều-> tóm tắt truyện Kiều,đọc tài liệu tham khảo.

tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,tranh Truyện Kiều. Những tư liệu về cuộc đời ND, lời bình cho tác phẩm “ Truyện Kiều”

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình các hoạt động dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

*H: Cảm nhận của em về hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ?*

**3.Bài mới** :

- Một nhà thơ lớn trong lịch sử văn học Việt Nam trung đại mà có lễ không một người Việt Nam nào không biết đến, ông không những là nhà thơ lớn của dân tộc mà còn là một danh nhân văn hoá thế giới. Những tác phẩm của ông đã để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng bạn đọc về giá trị hiện thực và giá trị nhân văn sâu sắc. Nhà thơ Tố Hữu đã viết về ông:

*Tiếng thơ ai động đất trời*

*Nghe như non nước vọng lời ngàn thu*

*Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du*

*Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày*

Vậy cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của ông như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - HS đọc phần giới thiệu t/ giả  Nguyễn Du  - Hướng dẫn học sinh giải nghĩa chú thích.  **HĐ2. HDHS đọc- hiểu văn bản:**  *H: Đoạn trích cho em biết về những thông tin gì trong cuộc đời của t/g?*  (GV nhấn mạnh những điểm quan trọng)  *H: Nguyễn Du sinh trưởng trong một gia dình như thế nào?*  (cha từng đỗ tiến sĩ và làm tể tướng dưới triều Nguyễn, anh làm quan to dưới triều Lê-Trịnh)  *H: Thời đại Nguyễn Du sống có gì đặc biệt?*  ( XHPKVN khủng hoảng sâu sắc, phong trào k/n nông dân liên tục, Tây Sơn 1 phen thay đổi sơ hà- thất bại  -> Nguyễn )    *H: Văn bản cung cấp nhngx thông tin gì về bản thân ND ?*  ( Phiêu bạt 10 năm đất Bắc, đói rét,bệnh,ở ẩn quê nghèo khổ- làm quan bất đắc dĩ dưới triều Nguyễn)  (“ chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”  - Mộng L.Đường *nx “ Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm trên tờ giấy khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn đến đứt ruột…Nếu không phải có con mắt thông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì tài nào có cái bút lực ấy” )*  *H: Nhận xét chung về Nguyễn Du?*  - Cho hs quan sát tranh  - Cho hs nx tranh  *H: Nêu những nét chính trong sự nghiệp s/t củ ND?*  (GV giới thiệu thêm 1 số sáng tác lớn của ND | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1. Đọc**  **2. Chú thích:**  **II. đọc- hiểu văn bản:**  **1. Tác giả Nguyễn Du:**  **a. Thân thế, cuộc đời :**  **- Nguyễn Du:** ( 1765-1820) tên tự là Tố Như , hiệu là Thanh Hiên.  - Quê ở Tiên Điền , Huyện Nghi Xuân,Tỉnh Hà Tĩnh.  +) **Gia đình**: Xuất thân trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học.  - Lúc nhỏ sống vinh hoa phú quý đến 9 tuổi mồ côi cha, 12 tuổi mồ côi mẹ -> Tác động lớn đến sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.  +) **Thời đại:** Ông sống ở cuối thế 18 đầu thế kỷ 19( một thời đại l/s có nhiều biến động) -> chứng kiến bao sự biến đổi trong lịch sử → tác động tới tình cảm, nhận thức của Nguyễn Du để ông hướng ngòi bút vào hiện thực.  +) **Bản thân:** ND học giỏi nhưng nhiều lận đận, từng bôn ba nhiều nơi, tiếp xúc nhiều vùng văn hoá khác nhau: phiêu bạt nhiều năm trên đất Bắc sau về ở ẩn tại Hà Tĩnh.  - Ông từng làm quan bất đắc dĩ dưới triều Nguyễn ánh, nhiều lần đi sứ sang Trung Quốc. Ông có đ/k tiếp xúc nhiều cảnh đời và số phận khác nhau.  - ND là người có kiến thức sâu rộng: am hiểu về văn hoá dân tộc và văn chương Trung Quốc.  => Sự từng trải trong cuộc đời đã tạo cho ND có một vốn sống phong phú, là ng có trái tim nhân hậu, giàu t/y thương cảm thông sâu sắc với nỗi đau khổ của nhân dân: *“Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”.*  **\***Nguyễn Du là một thiên tài văn học, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, một danh nhân văn hoá của dân tộc và thế giới .  **b.Sự nghiệp văn học**.  \*Ông S/t cả vh bằng chữ Hán và chữ Nôm, s/t của ông mang tầm vóc của một thiên tài vh.  - Thơ chữ Hán có 3 tập thơ  “Thanh Hiên Thi tập”  “ Nam trung tạp ngâm”  “ Băc hành tạp lục”  => gồm 243 bài .  - Sáng tác chữ Nôm có nhiều t/p có g/tr: “ Văn chiêu hồn”, “Truyện Kiều”.  ->Xuất sắc nhất là “ Truyện Kiều”  ( Đoạn trường tân thanh) |

**4. Củng cố- luyện tập:**

*BT: Thuyết trình ngắn gọn về thân thế cuộc đời và sự nghệp văn học của ND*

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Học bài cũ, chuẩn bị : Truyện Kiều của ND Tiếp :tóm tắt tác phẩm,

tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật.

Trả lời hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 27.* “TRUYỆN KIỀU” CỦA NGUYỄN DU( TIẾP)**

**I.Mục tiêu bài học :**

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Nv, sự kiện, cốt truyện của truyện kiều.

- Thể thơ lục bát truyền thống của d/t trong một t/p vh trung đại.

- Những g/tr nội dung, nt chủ yếu của T/p truyện Kiều

**2.Kỹ năng :**

- Nhận ra những đặc điểm nổi bật về giá trị nội dung vŕ nghệ thuật của Truyện Kiều.

**3.Thái độ**

- GDHS lòng tự hào về tg Nguyễn Du và di sản văn hoá của ông đặc biệt

là Truyện Kiều

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1.Giáo viên:**

+ Soạn bài,đọc Truyện Kiều-> tóm tắt truyện Kiều,đọc tài liệu tham khảo,

tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,tranh Truyện Kiều. Những tư liệu về cuộc đời ND, lời bình cho tác phẩm “ Truyện Kiều”

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình các hoạt động dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

*H:Nêu đặc điểm nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của đại thi hào*

*dân tộc Nguyễn Du?*

**3.Bài mới** :

Truyện Kiều - một kiệt tác của đại thi hào Nguyễn Du. Tác phẩm ra đời đến nay

đã gần 2 thế kỉ nhưng tính thời sự tính giáo dục… của tác phẩm đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Vậy nội dung giá trị của truyện kiều thể hiện như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học “Truyện Kiều” tiết học tiếp theo.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc- hiểu văn bản(tiếp)**  - Thuyết trình cho HS hiểu về nguồn gốc t/p- khẳng định sự sáng tạo của ND.  **\* Sáng tạo về nội dung:**  - Kim Vân Kiều Truyện chỉ là một câu Truyện tình ở TQ vào thời Minh. ND đã biến tác phẩm này thành một ca khúc đau lòng thương người bạc mệnh, nói lên “ Những điều trông thấy”trong giai đoạn lịch sử đầy biến động của VN vào cuối thời Lê đàu thời Nguyễn.  **\* Sáng tạo về nghệ thuật:**  - Lược bỏ các chi tiết mưu mẹo và một số chi tiết khác của các nhân vật trong “Kim Vân Kiều Truyện”. Sáng tạo thêm một số chi tiết mới, tô đậm câu chuyện về tình người; biến các sự kiện chính của tác phẩm thành đối tượng để bộc lộ cảm xúc, tình cảm của nhân vật và người kể ; chuyển trọng tâm của truyện từ sự kiện sang nội tâm của nhân vật chính. Ngòi bút tả cảnh, tả tình, tả người rất điêu luyện của ND đã làm cho các nhân vật chân thực hơn, sâu sắc hơn.  - Sáng tạo từ nghệ thuật tự sự -> nghệ thuật kể chuyện bằng thơ đến nghệ thuật xây dựng nhân vật, miêu tả thiên nhiên…  - HS đọc phần tóm tắt.  - Gọi 3 hs tóm tắt 3 phần  - Một HS tóm tắt toàn bộ tp  ( GV có thể đan xen những câu Kiều phù hợp)  *H: Theo emND truyện Kiều có những giá trị lớn nào ?*  *H: Hiện thực nào của xã hội được phản ánh trong truyện Kiều?*  *H: Thái độ của tác giả khi nói về các nhân vật( Bọn quan lại, tay chân, buôn thịt bán người:Sở Khanh,Tú Bà, MGS, Bạc Bà, Bạc Hạnh,Hoạn Thư, Hồ Tôn Hiến…) tán ác , bỉ ổi…?*  *H: Qua phần tóm tắt t/p em hình dung XH được p/a trong truyện Kiều là XH ntn?*  *H: Những nhân vật: MGS, HTHiến, BBà, BHạnh, Sở Khanh….là những kẻ ntn?*  *H: Theo em giá trị nhân đạo của một t/p thường được thể hiện qua những nội dung nào?*  *(Cảm nhận của em về c/s, thân phận của TK cũng như của người phụ nữ trong XH cũ?)*  *H: Chuyện tình giữa Thuý kiều phản ánh giá trị nhân đạo nào của chuyện k?*  *H: ND xây dựng trong t/p 1nhân vật AH, là ai? Mục đích?*  ( Gv thuyết trình 2 thanh tựu lớn về nghệ thuật)  - GV minh hoạ cách sử dụng ng2, tả cảnh TN..  ( Đặc trưng thể loại truyện thơ )  **HĐ2. HDHS tổng kết:**  *H: Nêu cảm nhận của em về Truyện Kiều?*  - Đọc ghi nhớ SGK | **II. Truyện Kiều**  **1. Nguồn gốc tác phẩm**  - Truyện Kiều có nguồn gốc từ một tác phẩm văn học Trung Quốc: *“Kim Vân Kiều truyện”* của Thanh Tâm Tài Nhân. Nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du là hết sức lớn mang ý nghĩa q/đ sự thành công của truyện Kiều.Nguyễn Du bằng tài năng NT và tấm lòng nhân đạo sâu xa của mình, nhà thơ đã “thay máu đổi hồn” làm cho tp văn học bình thường trở thành một kiệt tác vĩ đại, mang dấu ấn ngàn đời.  **2. Tóm tắt tác phẩm** :  -Truyện Kiều gồm 3 phần  +) Phần thứ nhất: Gặp gỡ và đính ước.  +)Phần thứ hai:Gia biến và lưu lạc  +)Phần thứ ba : Đoàn tụ  **3. Giá trị truyện Kiều**  **a.Giá trị nội dung:**  **\* Giá trị hiện thực:**  - Truyện Kiều là bức tranh hiện thực  về xã hội đương thời qua những bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và số phận những con người bị áp bức đau khổ , đặc biệt là số phận bi kịch của người phụ nữ  *( xã hội mà đồng tiền đổi trắng thay đen được số phận con người)*  +)Tố cáo các thế lực đen tối trong xã hội phong kiến: bọn sai nha, quan sử  kiện cho đến họ Hoạn danh gia, quan tổng đốc trọng thần , rồi bọn ma cô chủ chứa…đều ích kỉ tham am, tàn nhẫn, coi rẻ sinh mạng và phẩm giá con người.  +) Nói lên sức mạnh ma quái của đồng tiền làm tha hoá con người , làm đảo điên: *“dẫu lòng đổi trắng thay đen khó gì”;* giẫm đạp lên lương tâm con người và xoá mờ công lí *“ Có ba trăm lạng việc này mới xuôi”*  **\*Giá trị nhân đạo:**  - Cảm thương sâu sắc trước những khổ đau của con người.  - Trân trọng, đề cao con người từ vẻ đẹp hình thức, phẩm chất → ước mơ khát vọng chân chính.  - Truyện kiều đề cao tình yêu tự do, phá vỡ những quy tắc thánh hiền về sự cách biệt nam nữ.  - Truyện kiều phản ánh ước mơ về tự do và công lí ( hình tượng Từ Hải anh hùng đội trời đạp đất)  **b.Giá trị nghệ thuật:**  - Truyện Kiều là kết tinhthành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên tất cả các phương diện ngôn ngữ, thể loại:  +) **Ngôn ngữ** Ngôn ngữ tiếng Việt đạt tới đỉnh cao của ngôn ngữ nghệ thuật có chức năng biểu đạt , biểu cảm , thẩm mỹ(Vẻ đẹp của nghệ thuật ngôn từ: giàu, đẹp)  + **Thể loại:** thể thơ lục bát đã đạt tới đỉnh cao rực rỡ. Nghệ thuật tự sự (kể chuyện) đã có những bước phát triển vượt bậc từ nghệ thuật dẫn chuyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, con người.  **-** Ngôn từ: trực tiếp( lời nhân vật), gián tiếp (lời tác giả), nửa trực tiếp( lời tác giả mang suy nghĩ, giọng điệu nhân vật).  - Khắc hoạ nhân vật: Dáng vẻ bên ngoài, đời sống nội tâm bên trong,  - Miêu tả thiên nhiên đa dạng: cảnh chân thực sinh động, tả cảnh ngụ tình.  **III. Tổng kết:**  **\*Ghi nhớ:** SGK/ 80 |

**4.Củng cố, luyện tập:**

*- Chốt lại những nội dung chính ?nội dung ,nghệ thuật truyện Kiều?*

*H: Tóm tắt ngắn gọn truyện Kiều?*

*H:* Vì sao nói Nguyễn Du có công sáng tạo lớn trong truyện Kiều?

**5. Hướng dấn hs học bài ở nhà:**

**-** Học bài. Nắm chắc nội dung, nghệ thuật truyện Kiều.

- Chuẩn bị: “ Chị em Thuý Kiều”:

+)Đọc thuộc văn bản - xem chú thích

+) Trả lời câu hỏi trong mục đọc hiểu

+) Xác định vị trí đoạn trích

+) Chia bố cục đoạn trích.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng*

***TIẾT 28.* CHỊ EM THUÝ KIỀU**

***Trích: “Truyện Kiều”***

**( Nguyễn Du)**

**I.Mục tiêu bài học :**

Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Bút pháp nt tượng trưng ước lệ của ND trong m/t nv.

- Cảm nhận được cảm hứng nhân đạo của ND: ngợi ca vẻ đẹp, tài năng của con ng qua một đoạn trích cụ thể.

**2.Kỹ năng :**

- Đọc - hiểu một vb truyện thơ trong vh trung đại .

- Theo dõi diễn biến sự việc trong t/p truyện Kiều.

- Có ý thức liên hệ với vb liên quan để tìm hiểu về nv. Phân tích đc một số chi tiết nt têu biểu cho bút pháp nt cổ điển của ND trong vb.

**3.Thái độ**

- Giáo dục lòng trân trọng, yêu quí vẻ đẹp của con người, đặc biệt là vẻ đẹp tự nhiên và nhân cách , tài năng của con người.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1.Giáo viên:**

+ Soạn bài,đọc Truyện Kiều-> tóm tắt đoạn trích tài liệu tham khảo,

tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

*H: Giá trị nội dung và nghệ thuật của Truyện Kiều? Tóm tắt ngắn gọn truyện*

*Kiều ?*

**3.Bài mới** :

- Trong TK Nguyễn Du miêu tả nhiều bức chân dung đặc sắc. Hai bức chân dung đầu tiên mà người đọc được thưởng thức chính là chân dung 2 người con gái họ Vương - Hai chị em Thuý Kiều, Thuý Vân. Vậy TKvà TV có vẻ đẹp và tài năng ntn chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc - tìm hiểu chú thích:**  - Gv đọc mẫu, nêu yêu cầu đọc: Miêu tả 2nhân vật bằng thái độ ngợi ca  ( giọng trân trọng )  - Gọi HS đọc  *H: Xác định vị trí đoạn trích?*  - Kiểm tra việc tìm hiểu chú thích ở 1 số chú thích:1,2,5,9,14?  **HĐ2. HDHS đọc - hiểu văn bản**    *H: Xác định phương thức biểu đạt?*  *H: Đoạn trích chia làm mấy phần ?*  *Trình tự miêu tả ?*  - Đọc đoạn 1  *H:Mở đầu tác giả giới thiệu hai chị em như thế nào ?*  *H: Em hiểu ntn về nd câu thơ ấy?*  *H:Em hiểu* ntn về nội dung, nghệ thuật câu thơ: *“Mai cốt cách tuyết tinh thần , Mỗi ng một vẻ mười phân vẹn mười”? như thế nào?*  *H:T/d của b/p nt ấy?*  *H: Nhận xét về cách gt 2 chị em của t/g?*  *H: Từ đó em nhận xét chung về bức chân dung TV-TK hiện lên ntn?*  *H: Đọc những câu thơ miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân ?*  *H: Những đường nét nào của TV được t/g nhắc tới?*  *H: Những h/a ngt nào mang tính ước lệ khi gợi tả vẻ đẹp của Thuý Vân?*  *H: Từ “trang trọng” gợi vẻ đẹp ntn?*  (đoan trang- sang trọng)  *H: Nhận xét về những h/a ẩn dụ tượng trưng cho vẻ đẹp của TV ?*  *H: Diễn xuôi ý 2 câu thơ?*  *H: Cảm nhận về vẻ đẹp của TV qua những yếu tố ngt đó?*  *H: Chân dung Thuý Vân gợi số phận ntn?->( Mây thua, tuyết nhường).*  - Một vẻ đẹp khiến tạo hoá phải xin “thua”“nhường”  *H: Đọc những câu thơ miêu tả vẻ đẹp của Thuý Kiều?*  *H:Tại sao tác giả lại miêu tả Thuý Vân trước rồi mới miêu tả Thuý Kiều ?*  *H: Nhận xét về số câu thơ miêu tả Thuý Vân và số câu thơ miêu tả TK?*  *H: TK được kể và tả ở những phương diện nào?*  *H: Câu thơ đầu tiên miêu tả khái quát về TK như thế nào?*  *H: Tác giả chọn h/ả ước lệ nào để miêu tả TK ?*  *H: Khi gợi tả vẻ đẹp TK t/g cũng sd những ngt mang tính ước lệ, có những điểm nào giống và khác khi miêu tả TV?*  *( Tại sao tác giả lại chọn miêu tả đôi Mắt?)*  ( Mắt-> thể hiện phần tinh anh của tâm hồn,trí tuệ)  *H: H/a ẩn dụ“ làn thu thuỷ” gợi vẻ đẹp ntn?*  *- “ Nét xuân sơn” gợi tả vẻ đẹp ntn?*  *H: Vẻ đẹp của TKiều hiện lên như thế nào ?*  *H: /g tả bao nhiêu câu thơ cho sắc của nàng? TK còn có tố chất ntn?*  *H:TK tài như thế nào?Những tài của Kiều? Mục đích miêu tả tài của TK? Tài nào được tả sâu, kỹ?*  *H:Em nhận xét gì về vẻ đẹp của TK?*  *H: Đọc những câu thơ miêu tả chân dung và tài năng em nhận thấy điều dự cảm gì về số phận của nàng trong lời thơ ND? Dựa vào câu thơ nào?*  ( “ ghen, hờn; Bạc mệnh” )  *H: C/ S hiện tại của chị em TK được tác giả nhận xét ntn?*  *H: Em nhận xét về thái độ tình cảm của nhà thơ khi miêu tả chân dung hai chị em?*  **HĐ3. HDHS tổng kết:**    *H: Cảm nhận của em về nghệ thuật và nội dung đoạn trích?*  *H: Cảm hứng nhân đạo trong đoạn trích ?*  ( Cảm hứng nhân đạo của t/p TK: đề cao giá trị con người; nhân phẩm, tài năng, khát vọng, ý thức về thân phận cá nhân …  - Đọc ghi nhớ | **I. Đọc - tìm hiểu chú thích:**  **1. Đọc.**  **2. Tìm hiểu chú thích** .  - Vị trí đoạn trích : phần đầu t/p  (giới thiệu gia cảnh nhà Vương viên ngoại và chân dung hai chị em Thuý Kiều)  - Từ khó: SGK  **II.Đọc- hiểu văn bản**  **1. Phương thức biểu đạt** : ts kết hợp với mt và b/c.  **2. Bố cục**:  +Đoạn 1: (4câu đầu)-> khái quát vẻ đẹp chung của hai chị em.  +Đoạn 2: (4 câu tiếp) ->vẻ đẹp của Thuý Vân.  +Đoạn 3: (12 câu tiếp)-> vẻ đẹp và tài năng của Thuý Kiều.  + Đoạn 4 :(4 câu cuối)-> cuộc sống êm đềm của 2 chị em.  **3. Phân tích :**  **a. Khái quát vẻ đẹp 2 chị em Thuý Kiều:**  *“Đầu lòng hai ả tố nga*  *TK là chị em là TV”*  - TK-TV là con đầu, đều là 2 cô gái rất đẹp -> “ Tố Nga” cô gái đẹp  *“Mai cốt cách tuyết t/thần*  *Mỗi ng một vẻ mười phân vẹn mười”*  - Vẻ đẹp của 2 cô gái đc miêu tả bằng h/ả ẩn dụ vẻ đẹp của t/nhiên ( mai- tuyết)-> vóc dáng như mai, tinh thần như tuyết.  - Nthuật:  +) So sánh , ẩn dụ tượng trưng ước lệ.  +)Phép đối tạo sự hài hoà trong vẻ đẹp giữa hình thức và p/c của TK-TV-> làm nổi bật vẻ đẹp trong trắng, thanh tao của hai chị em.  +)Cách giới thiệu ngắn gọn nhưng nổi bật đặc điểm của 2 chị em  => Hai cô gái mỗi ng có một vẻ đẹp riêng nhưng đều đạt đến độ hoàn mỹ.  **b.Vẻ đẹp của Thuý Vân:**  *“Vân xem….*  *Khuôn trăng....*  *Hoa cười....*  *…….. …………. màu da”*  - Vẻ đẹp Thuý Vân được miêu tả từ các đường nét: khuôn mặt,mái tóc, làn da, nụ cười, giọng nói.  - Nghệ thuật: so sánh vẻ đẹp của con người (hình ảnh ẩn dụ) với cái cao đẹp nhất của tự nhiên: Trăng, mây, hoa,tuyết, ngọc-> phép tượng trưng, ước lệ trong vh cổ -> vẻ đẹp con người hài hoà với tnhiên.    => H/ả TV hiện lên với vẻ đẹp hồn nhiên,trong sáng, đoan trang, phúc hậu->Vẻ đẹp TVân tạo nên sự hài hoà êm đềm với xung quanh**→** cuộc đời bình lặng, suôn sẻ.  c***.*Vẻ đẹp Thuý Kiều:**  “ Kiều càng ……………..  So bề tài sắc……  Làn thu thuỷ….  Hoa ghen… liễu hờn……….  Một hai………….  Sắc đành…. tài dành hoạ hai”  - Nghệ thuật đòn bẩy : Thuý Vân làm nền để khắc hoạ rõ nét vẻ đẹp của Thuý Kiều.  - Câu thơ miêt tả TK nhiều hơn câu thơ m/t TV->miêu tả TK ở cả sắc đẹp và tài năng.  - Khái quát:So với TV, TK sắc sảo hơn về nhan sắc, mặn mà hơn về tâm hồn.  - Hình ảnh ước lệ " Làn thu thuỷ nét xuân sơn”  - Không miêu tả TK tỉ mỉ mà chỉ tập trung vào đôi mắt, nét mày(đầu mày cuối mắt)  - Hình ảnh làn nước mùa thu gợn sóng → gợi lên sống động vẻ đẹp đôi mắt sáng trong, long lanh, linh hoạt  - Hình ảnh “ nét xuân sơn” ( nét núi mùa xuân) gợi đôi lông mày thanh tú trên gương mặt trẻ trung  =>TK hiện lên là một trang tuyệt sắc, vẻ đẹp độc nhất vô nhị sắc sảo, trẻ trung  “ nghiêng nước nghiêng thành”  - TK còn là cô gái thông minh,tài năng đạt đến mức lí tưởng  +)Tài: cầm, kỳ,thi, hoạ đều giỏi  +) Đặc biệt là tài đàn: là sở trường, năng khiếu(Nghề riêng); vượt lên trên mọi người ( ăn đứt)  +) Cung *“ Bạc mệnh”* Kiều sáng tác đã ghi lại tiếng lòng một trái tim nhân hậu,đa cảm.  =>Vẻ đẹp của TK là sự kết hợp giữa tài năng, nhan sắc và tâm hồn nhân hậu.  =>Vẻ đẹp và tài năng của TK khiến tạo hoá phải “hờn”,phải “ghen”, phải đố kị như dự báo trước TK sẽ có một cuộcđời không êm ả, suôn xẻ.  **d. Cuộc sống của hai chị em:**  - Hai chị em Kiều sống trong cảnh phong lưu, quí phái,êm đềm,đoan chính,gia phong.  *"Êm đềm…"*  **e.Cảm hứng nhân đạo của nhà thơ**  -Trân trọng,đề cao vẻ đẹp và tài năng của con người.  ( Nghệ thuật lí tưởng hóa phù hợp với cảm hứng ngưỡng mộ, ngợi ca con người)  **III. Tổng Kết:**  **- Nghệ thuật:**  +)hình ảnh ẩn dụ tượng trung ước lệ  ->lấy vẻ đẹp thiên nhiên gợi tả vẻ đẹp con người.  +) Nguyễn Du trân trọng ngợi ca vẻ đẹp con người ; gửi gắm quan niệm  “ Tài – mệnh”  **- Nội dung:**  **\*Ghi nhớ :** SGK - 83 |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Nhận xét chung về bức chân dung hai chị em và vẻ đẹp riêng của từng người?*

**5 . Hướng dẫn về nhà:**

- Học thuộc lòng, học nội dung đã phân tích.

- Soạn: “ Thuật ngữ”

- Trả lời hệ thống câu hỏi bài tập SGK

Đọc ghi nhớ,

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 29. THUẬT NGỮ***

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Nắm được khái niệm thuật ngữ và một số đặc điểm cơ bản của thuật ngữ.

**2.Kỹ năng :**

- Tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ trong từ điển. Sử dụng thuật ngữ trong q/tr đọc-hiểu và tạo lập vb k/học công nghệ.

**3.Thái độ**

- Giáo dục lòng yêu mến TV, có ý thức rèn luyện ng ngữ TV. Có ý thức tìm tòi 1 số thuật ngữ mới.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1.Giáo viên:**

+ Soạn bài, tài liệu tham khảo, Các thuật ngữ thuộc các ngành khoa học.

tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

*H: nêu các cách phát triển từ vựng tiếng Việt?*

**3.Bài mới** :

Thuật ngữ là lớp từ vựng đặc biệt của 1 ngôn ngữ. Lớp từ vựng này bao gồm các từ và ngữ cố định, gọi chung là từ ngữ biểu thị các khái niệm khoa học và công nghệ. Những từ ngữ này có đặc điểm cơ bản gì chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu qua bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu khái niệm thuật ngữ:**  - Cho hs đọc b/t và xđ y/c bt sgk  *H: Có mấy cách g/thích về từ “nước” và từ “muối”*  *H: Em nx ntn về 2 cách g/thích đó?*  -Nhận xét bổ sung  *H: Cách giải thích nào y/cphải có kiên thức hoá học mới hiểu đc?*  - Cho hs đọc b/t và xđ y/c bt sgk.  *H:Các định nghĩa trong b/t 2 thuộc môn học nào ?*  *H: Các từ ngữ này thường dùng trong văn bản nào ?*  *\*GV giảng giải* :Các từ ngữ đó còn đc dùng trong các bản tin,phóng sự,bài bình luận.. đôi khi dùng trong văn bản khác như báo chí .  - Gv: các từ ngữ ấy ta gọi là thuật ngữ.  *H: Vậy thuật ngữ là gì?*  - Cho hs đọc ghi nhớ  - Cho hs làm bt nhanh  *H: Tìm 5 thuật ngữ về môi trường?*  VD: Đất, nước, không khí, khí quyển, rừng…  **HĐ2.HDHS tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ:**  - Cho hs đọc b/t và xđ y/c bt sgk.  *H:Các thuật ngữ trong phần I.2 có còn tên gọi nào khác k? cónghĩa nào khác không ?*  - Cho hs đọc b/t và xđ y/c bt sgk.  *H: Trong 2 vd a và b từ muối nào mang sắc thái biểu cảm ?*  - GV: Từ muối trong vd a là thuật ngữ.  *H: Vậy thuật ngữ có đặc điểm gì?*  - Cho HS đọc ghi nhớ  **HĐ3.Vận dụng làm bài tập:**  - Cho hs đọc b/t và xđ y/c bt sgk.  - Hướng dẫn hs làm bài  - Gọi HS trình bày  - GV nhận xét bổ sung  - GV đưa ra bài tập  - Cho hs đọc b/t và xđ y/c bt sgk.  *H:Từ điểm tựa có đc dùng như một t/ngữ vật lý k? hay nghĩa của nó là gì?*  - Cho hs đọc b/t và xđ y/c bt sgk.  - Hướng dẫn hs làm bài tập 3  *H:Trong b, trường hợp nào “hỗn hợp” đc dùng như 1 thuật ngữ,trường hợp nào “ hỗn hợp” đc dùng như 1 từ thông thường?*  *H: Đặt câu từ “Hỗn hợp đc dùng theo nghĩa thông thường?*  - Y/c hs đ/n thuật ngữ cá theo Sinh học.  - Gv hướng dẫn hs làm b/t 5 | **I.Thuật ngữ là gì:**  **1.B/tập 1(87)**  **\*Nhận xét:**  - Có 2 cách g/t về từ “ nước”  và từ “ muối”.  - Cách 1: G/t đặc điểm bên ngoài của sự vật hình thành trên cơ sở kinh nghiệm có tính chất cảm tính.  - Cách 2: Giải thích thể hiện đặc tính bên trong của sự vật được cấu tạo từ yếu tố nào,quan hệ giữa các yếu tố đó.  => Cách giải thích thứ nhất -> cách giải thích với từ ngữ thông thường  - Cách 2 dựa trên cơ sở khoa học nên phải kiến thức về môn hoá họcmới hiểu được.  **2.B/tập 2(88)**  - Thạch nhũ : Địa lý  - Ba zơ : Hoá học  - Ẩn dụ : Văn học  - Phân số thập phân :Toán học  => Các từ trên là các định nghĩa thuộc các môn Đia lí, Hoá học, Ngữ văn, Toán học. Các từ ngữ trên thường được dùng trong văn bản khoa học, công nghệ  \* KL:Thuật ngữ biểu thị khái niệm khoa học công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.  **3.Ghi nhớ ( SGK)T88**  **II .Đặc điểm của thuật ngữ:**  **1.B/tập1 (88)**  **\*Nhận xét:**  - Các thuật ngữ này không có tên gọi khác,k có cách giải thích nào khác(chỉ có 1 tên gọi và biểu thị 1 k/n)  **2.B/tập 2(88)**  a. Từ muối trong định nghĩa hoá học là thuật ngữ ->không có tính biểu cảm.  b. Từ muối trong câu ca dao có sắc thái biểu cảm.  \* Kluận:  + Mỗi thuật ngữ biểu thị một khái niệm,ngược lại mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ  + Thuật ngữ không có tính biểu cảm  **3. Ghi nhớ ( SGKT89)**  **III . Luyện tập:**  **1.Bài tập1(89)**  **-**Lực : Vật lý  -Xâm thực : Địa lý  -Hiện tượng hoá học :Hoá học  -Trường từ vựng : TV  - Di chỉ: Lịch sử  - Thụ phấn: Sinh học  - Lưu lượng: Địa lí  - Trọng lực: Vật lí  - Khí áp: Đ/lí  - Đơn chất: Hoá học  - Thị tộc phụ hệ: L/sử  - Đường trung trực: Toán học.  **2.Bài tập 2(90)**  -Từ “Điểm tựa” trong đoạn trích không dùng với ý nghĩa một thuật ngữ vật lý( là điểm cố định của đòn bẩy) mà nó chỉ nơi làm chỗ dựa chính thẻ hiện niềm tự hào, hạnh phúc của người lính khi được đất nước giao trọng trách đấu tranh giữ nước.  **3.Bài tập 3(90)**  a. Hỗn hợp: là thuật ngữ  b. hỗn hợp:là từ ngữ thông thường.  - Đặt câu: Người ta chế biến thức ăn hỗn hợp cho gia súc rất tiện lợi.  **4.Bài tập 4(90)**  - Cá là đ/v có xương sống, ở dưới nước,bơi bằng vây,thở bằng mang.  **5.Bài tập 5(90)**  - Hiện tượng đồng âm giữa “thị trường” của kinh tế học và thuật ngữ “thị trường” của quang học không vi phạm nguyên tắc một thuật ngữ một khái niệm vì: hai thuật ngữ này dùng trong hai lĩnh vực khoa học riêng biệt |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Thế nào là thuật ngữ ? đ/đ của thuật ngữ? đặt câu có sử dụng thuật ngưc khoa học?*

**5 . Hướng dẫn về nhà:**

- Học thuộc khái niệm, học bài .

- Soạn: “ Cảnh ngày xuân”

- Đọc thuộc lòng đoạn trích ? chia bố cục ? Trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 30.* TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Củng cố những kiến thức về văn thuyết minh

- Đánh giá bài làm, rút kinh nghiệm,sửa chữa các sai sót về các mặt: ý từ, bố cục, câu, từ ngữ, chính tả.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kỹ năng diễn đạt, sửa lỗi, tự nx,đánh giá bài làm.

**3.Thái độ**

- hs có ýthức phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+ Soạn bài, tài liệu tham khảo, Các thuật ngữ thuộc các ngành khoa học.

tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

*H:Nêu các phương pháp thuyết minh?Vai trò của yếu tố miêu tả và các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh?*

**3.Bài mới** :

- Các em đã viết bài Tập làm văn số 1 về thể loại văn thuyết minh. Vậy những

ưu điểm và nhược điểm trong bài văn ra sao chúng ta cùng tìm hiểu ở giờ trả bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn bài:**  - HS nhắc lại đề bài  *H: Đề bài thuộc kiểu bài gì?*  *-* Thuyết minh  *H: Đối tượng thuyết minh?* Cây lúa Việt Nam  *H: Đề y/c như thế nào?* Thuyết minh về cây lúa Việt Nam  *H:Em hãy tìm các ý chính cần triển khai trong bài ?Em dự định sẽ thuyết minh về những đặc điểm nào của cây lúa?*  *H: Yêu cầu về hình thức như thế nào?*  *H: Yêu cầu về thái độ đối với đối tượng thuyết minh?*  *H: Phần mở bài em sẽ viết gì?*  *H: Thân bài em thuyết minh những đặc điểm gì của cây lúa?*  *H: Em sẽ trình bày phần kết bài như thế nào?*  **HĐ2.HDHS nhận xét bài viết:**  *GV : Dựa vào những nội dung trên em tự đánh giá bài làm của mình xem đã đạt đc các y/c như dàn bài chưa?*  ( hs tự đánh giá)  - Giáo viên nhận xét bài làm của học sinh.  **HĐ3.HDHS sửa lỗi diễn đạt của bài viết:**    - GV chọn một số câu , từ chưa hợp lí yêu cầu hs sửa.  *H: Câu sau sai ở chỗ nào? Hãy sửa lại cho đúng?*  - HS sửa lỗi diễn đạt tại chỗ, nhận xét.  - GV nhận xét, sửa chữa.  - HS lên bảng sửa lỗi dùng từ và chính tả, nhận xét.  - GV nhận xét sửa chữa.  **HĐ4.HDHS đọc bài hay điểm cao, bài văn văn mẫu:**  - GV gọi hs đọc một số bài văn hay của hs và đọc một bài văn mẫu . | **Đề bài:**  Thuyết minh về cây lúa Việt Nam  **I. Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn bài:**  **1. Tìm hiểu đề :**  - Kiểu văn bản: Thuyết minh.  - Đối tượng thuyết minh: Cây lúa Việt Nam.  **2. Tìm ý:**  - Cần chú ý tới các đặc điểm của đối  tượng:  + Đặc điểm về mặt sinh học (Thuộc loại cây một lá mầm, rễ chùm, ưa sống ở những vùng đầm lầy,…).  + Quá trình sinh trưởng của cây lúa (Mạ  -> trưởng thành,…).  + Là cây cung cấp lương thực cho đời sống con người,…  + Trước đây, cây lúa cung cấp lươngthực cho con người ở phạm vi trong nước, những từ khi thế giới với xu hướng toàn cầu hoá thì cây lúa còn là nguồn cung cấp lương thực để xuất khẩu (Việt Nam là nước xuất khẩu gạo đứng thứ 2 trên thế giới sau Thái Lan)  - Góp phần đưa nền kinh tế nước nhà tăng trưởng nhanh.  - Vận dụng vốn tri thức ở các lĩnh vực: Sinh học, địa lý, lịch sử, văn hoá-xã hội.  **\*Hình thức:**  - Học sinh cần xác đinh đúng yêu cầu của đề bài.  - Bài làm có bố cục rõ ràng, logic.  - Kết hợp biện pháp nghệ thuật, yếu tố miêu tả.  -Trình bày sạch sẽ, khoa học, chữ viết đúng chính tả.  **\*Thái độ:**  - Nghiêm túc, tích cực.  - Thể hiện được vốn tri thức của bản thân với cây lúa ở đất nước mình .Đồng thời thể hiện thái độ quý trọng loài câykhông những là nguồn cung cấp lương thực nuôi sống con người mà còn góp phần phát triển kinh tế đất nước.  **3. Lập dàn bài:**  **a.Mở bài:**  - Giới thiệu chung về cây lúa Việt Nam.  **b.Thân bài:**  Thuyết minh cụ thể ở các mặt sau:  -Nguồn gốc của cây lúa, đặc điểm bên ngoài của nó (Rễ,thân,lá,hoa, hạt)  - Quá trình phát triển của cây lúa.  - Phân loại: Lúa nếp, lúa tẻ (Lại có  nhiều loại).  - Cách chăm bón cho loại cây này. (1đ)  -Tác dụng : cung cấp lương thực cho  con người, cho gia súc (Truyền thuyết  Lang Liêu làm bánh chưng bánhgiầy  dâng vua cha🡪Nguyên liệu từ lúa gạo )  - Cây lúa còn là nguồn cung cấp mặt  hàng xuất khẩu (Nước ta là nước xuất  khẩu gạo thứ 2 trên thế giới sau Thái  Lan) góp phần phát triển kinh tế đất  nước  **c.Kết bài:**  - Vai trò và sự gắn bó của cây lúa với  con người Việt Nam:  **II. Nhận xét bài viết:**  **1. HS nhận xét:**  **2. GV nhận xét bài làm của học sinh:**  a. Ưu điểm:  - Xác định đúng yêu cầu của đề bài  Thuyết minh về cây lúa Việt Nam  - Sử dụng đúng các phương pháp thuyết minh, có sử dụng các biện pháp  nghệ thuật, sử dụng các yếu tố miêu tả.  - Đa số viết đúng yêu cầu.  - Nhiều bài viết mạch lạc, sáng tạo, từ ngữ giàu sắc thái biểu cảm.  **b.Nhược điểm:**  - Còn nhiều em sai chính tả, chưa biết chấm câu, diễn đạt lủng củng, chưa biết xây dựng đoạn và chuyển đoạn. Dấu câu đặt chưa hợp lí hoặc thiếu dấu câu.  - Có một số bài nội dung giống nhau,(nhìn bài nhau, quay cóp)  **III. Sửa lỗi diễn đạt:**  1. Lỗi dùng từ, đặt câu:  2.Lỗi chính tả:  **IV. Đọc bài hay điểm cao,bài văn văn mẫu:** |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- GV nhẫn mạnh những mặt mạnh cần phát huy, nhữngnhược điểm cần tránh.

**5 . Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- Chuẩn bị: “ Cảnh ngày xuân”- học bài cũ đoạn trích “Chị em Thuý Kiều”

- Đọc thuộc đoạn trích - Trả lời các câu hỏi đọc hiểu? Chia bố cục đoạn trích xác định vị trí đoạn trích ? Nêu chủ đề của đoạn trích?

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng*

**TUẦN 7- BÀI 6,7:**

***TIẾT 31.* CẢNH NGÀY XUÂN**

***Trích:*** **Truyện Kiều**

( Nguyễn Du)

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Thấy được nghệ thuật miêu tả thiên của Nguyễn Du.Sự đồng cảm của ND với những tâm hồn trẻ tuổi .

**2.Kỹ năng :**

- Bổ sung kiến thức đọc hiểu vb truyện thơ trung đại, phát hiện, phân tích đc các chi tiết m/t cảnh thiên nhiên trong đoạn trích.

- Cảm nhận đc tâm hồn trẻ trung của nv qua cái nhìn cảnh vật trong ngày xuân

- Vận dụng bài học để viết văn m/t, biểu cảm.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức trân trọng cái đẹp đặc biệt là cái đẹp của thiên nhiên và con người

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+ Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo,tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,

chuẩn bị tranh ND và các tư liệu về truyện Kiều.

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

Đọc thuộc lòng đoạn trích “ Chị em Thuý Kiều” Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật? Vì sao tác giả lại miêu tả chân dung TV trước TK mặc dù TV là em?

**3.Bài mới** :

- ND không chỉ là bậc thầy trong NT miêu tả chân dung con người mà nhà thơ còn là bậc thầy trong việc tả cảnh thiên nhiên. Sau bức tranh chân dung hai nàng tố nga diễm lệ là bức tranh tả cảnh ngày xuân tháng 3 tuyệt vời. Vậy chúng ta sẽ cùng nhau khám phá bức tranh ấy qua đoạn trích: “Cảnh ngày xuân”.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - GV hướng dẫn đọc(chú ý ngắt nhịp phù hợp). Đọc mẫu 4 dòng đầu. Gọi - HS đọc tiếp? - Hỏi một số chú thích?  **HĐ2. HDHS đọc- hiểu văn bản:**  *H:So với đoạn “Chị em Thuý Kiều” đoạn này nằm ở vị trí nào?*  *H:Đoạn trích chia làm mấyphần? Nội dung?*  - Đọc 4 câu đầu?  *H: Nhận xét về cách giới thiệu về thời gian của Nguyễn Du bằng 2 câu thơ đầu tiên?*  *H:én thường xuất hiện khi nào? én đưa thoi gợi tưởng? Thiều quang nghĩa là gì ? ý cả câu thơ như thế nào?*  *H: Chỉ ra các hình ảnh thiên nhiên là tín hiệu ngày xuân?*  *H:Những hình ảnh ấy gợi ấn tượng gì về mùa xuân?* (So sánh “cỏ non như khói.bến xuân tươi..”Nguyễn Trãi)  *H:Từ “Điểm” động từ khiến bức tranh thiên nhiên như thế nào?*  *H: Nxét cách dùng từ ngữ và bút pháp NT của ND khi gợi mùa xuân? theo em tg phải có năng lực nổi bật nào để viết 1 câu lục bát mà vẽ được bức tranh p/c mùa xuân đẹp như vậy?*(tài quan sát,tâm hồn nhạy cảm với cái đẹp  *H: Từ đó bức tranh mùa xuân hiện lên ntn?*    Đọc tiếp 8 câu tiếp theo?  *H: Những hoạt động lễ hội nàođược nói tới trong đoạn thơ?*  Lễ tạo mộ? Hồi Đạp Thanh?  *H:Hệ thống từ ghép sử dụng phong phú hãy phân chia theo từ loại và nêu ý nghĩa của từng loại?*  *H: Biện pháp nghệ thuạt nào đc sử dụng? “ yến anh”*  *H: Cảnh lễ hội hiện lên như thế nào?*  (Qua cuộc du xuân , tác giả khắc hoạ 1 truyền thống văn hoá lễ hội xưa)  - Đọc 6 câu cuối.  *H: Cảnh vật, không khí mùa xuân trong 6 câu cuối có gì khác so với 4 câu đầu ?*  *H: Các từ láy có ý nghĩa biểu đạt như thế nào?*  *H:Vậy tâm trạng con ng đc bộc lộ qua các từ ngữ ấy ntn?*  (Linh cảm điều sắp xảy ra: Gặp mộ đạm Tiên, gặp Kim Trọng)  *H:Khung cảnh chiều chị em TK du xuân hiện lên ntn?*  **HĐ3. HDHS tổng kết:**  *H: Nghệ thuật nổi bật của đoạn trích?*  *H :Cảm nhận của em về cảnh trong đoạn trích?*  - HS đọc ghi nhớ. | **I.Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1. Đọc:**  **2. Chú thích**  **II.Đọc- hiểu văn bản**  **1.Vị trí đoạn trích:**  - Sau đoạn “Chị em Thuý Kiều”- phần g/thiệu nv ( thuộc phần đầu của t/p truyện Kiều).  **2.Bố cục:**  - Bố cục 3 phần theo trình tự tg của cuộc du xuân.  +) 4 câu đầu: Khung cảnh ngày xuân  +) 8 câu tiếp: khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh.  +) 6 câu cuối: Cảnh chị em Kiều du xuân trở về. 3.Phân tích **a.Bức tranh thiên nhiên mùa xuân**  *“ Ngày xuân… thoi*  *Thiều quang…. Sáu mươi*  *Cỏ non…………….chân trời*  *Cành lê….. vài bông hoa”*  - Dùng hình ảnh thiên nhiên để nói về thời gian.  +) én đưa thoi->gợi thời gian, không gian.  +) Thiều quang :ánh sáng  =>Mùa xuân đẹp nhưng thấm thoát trôi mau tiết trời đã sang tháng 3 tháng cuối của mùa xuân .  -> NT ẩn dụ và nhân hoá  - Cỏ non xanh, cành lê trắng -> Bức hoạ đẹp về mùa xuân: cỏ non là gam màu nền cho bức tranh xuân trên nền ấy điểm xuyết bông lê trắng-> màu sắc hài hoà tôn lên vẻ đẹp của mùa xuân.  => Bức tranh mùa xuân có không gian khoáng đạt; cảnh mùa xuân trong trẻo tinh khôi đầy sức sống sinh động, có hồn,không tĩnh tại.  **b.Cảnh lễ hội trong tiết thanh minh:**  - Lễ tảo mộ: Dọn dẹp, sửa sang phần mộ của người thân, thắp hương...  - Hội đạp thanh: chơi xuân ở chốn đồng quê  - Nghệ thuật : sử dụng các từ ghép, từ láy:  +) Gần xa, nô nức (TT) -> tâm trạng náo nức  +) Yến anh, tài tử, giai nhân (DT): gợi sự đông vui náo nhiệt.  +) Sắm sửa, dập dìu (ĐT): không khí nhộn nhịp, rộn ràng  +) Cách nói ẩn dụ từng đoàn người chơi xuân như chim yến, chim oanh, làm nổi bật k/k ngày hội và tâm trạng của ng đi hội  => Không khí lễ hội: tưng bừng, đông vui, tấp nập, nhộn nhịp.  **c.Cảnh chị em Kiều du xuân trở về:**  *“ Tà tà …. Về tây*  *………………………..*  *Dịp cầu………….bắc ngang”*  - Bóng ngả về tây: Thời gian, không gian thay đổi (yên lặng dần, không còn nhộn nhịp, tưng bừng)  - Nghệ thuật : các từ tà tà, thanh thanh, nao nao,thơ thân-> từ láy không chỉ miêu tả sắc thái cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng con người-> cách vận dụng ng ngữ d/t sáng tạo độc đáo của ND.  - Tâm trạng bâng khuâng, xao xuyến, có chút tiếc nuối về một ngày vui xuân đang còn mà sự linh cảm điều gì sắp xảy ra đã xhiện(Nao nao đã nhuốm màu tâm trạng lên cảnh vật).  => Bức tranh chiều tà,cảnh vẫn mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân, mọi chuyển động đều nhẹ nhàng-> cảnh nhuốm màu tâm trạng.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**:  -Tả cảnh thiên nhiên đặc sắc bằng bút pháp tả, gợi. Sử dụng từ ghép, từ láy giàu chất tạo hình  **- Nội dung**:  Bức tranh thiên nhiên lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng.  **\* Ghi nhớ: SGK / 87** |

**4. Củng cố, luyện tập:**

***H: Bức tranh thiên nhiên mùa xuân được miêu tả ntn?***

*H: Không khí lễ hội thanh minh được miêu tả ra sao?*

*H: Cảnh chị em TK du xuân trở về?*

**5 . Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- Chuẩn bị: Miêu tả trong văn bản tự sự

+) Đọc văn bản

+) Trả lời hệ thống câu hỏi

+)Tìm yếu tố miêu tả nêu tác dụng

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 32.* MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Thấy đc nội tâm nv và m/t nội tâm nhân vật trong t/p tự sự.

- T/dụng của m/t nội tâm và mqh giữa nội tâm và ngoại hình trong khi kể chuyện.

**2.Kỹ năng :**

- Phát hiện và p/t đc t/d của m/t nội tâm trong vb tự sự.

- Kết hợp kể chuyện với m/t nội tâm khi làm bài văn tự sự.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả khi làm văn tự sự.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+ Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo,tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

- Ở chương trình NV 8, chúng ta đã được tìm hiểu “Miêu tả và biểu cảm trong VB tự sự”. Giờ học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu tiếp vai trò của miêu tả trong VB tự sự. Từ đó các em vận dụng viết các đoạn văn bài văn tự sự.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự:**  **-**  Ví dụ: đoạn trích (SGK tr 91)  **-** 2 HS đọc VD.  *H: Đoạn trích trên kể về trận đánh nào?*  *H:Trong trận đánh này Quang Trung xuất hiện (làm gì) như thế nào?*  .  *H:Hãy chỉ ra các chi tiết MT trong đoạn trích? Các chi tiết ấy nhằm thể hiện những đối tượng nào?*  *H: Các chi tiết miêu tả nhằm thể hiện những đối tượng nào?*  *H: Bạn kể lại ND đoạn trích với 4 sự việc (SGK tr91) đã được chưa, vì sao?*  *H: Hãy rút ra nhận xét: Yếu tố miêu tả có vai trò ntn đối với VB tự sự?*  1 HS đọc ghi nhớ.  **HĐ2. HDHS luyện tập**  GV hướng dẫn hs làm bài tập.  *H:Tìm yếu tố tả cảnh và tả người trong đoạn trích :" chị em Thuý Kiều và Cảnh ngày xuân"*  *H:Phân tích giá trị của những yếu tố ấy trong việc thể hiện nội dung của đoạn trích?*  .  *H : Viết một đoạn văn kể chuyện về việc chị em Thuý Kiều đi chơi xuân trong buổi chiều thanh minh.có sử dụng y/t m/t.*  - Hướng dẫn hs làm bài tập 3/92:  - HS làm bài - trình bày miệng trước lớp | **I.Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự:**  1. Bài tập:  a.Trận đánh đồn Ngọc Hồi.  - Vua Quang Trung chỉ huy tướng sĩ: rất mưu trí, oai phong: truyền lệnh cho binh lính chuẩn bị kế sách đánh giặc  -> nhà vua cưỡi voi ra trận đốc thúc  binh lính tiến công và chiến thắng.  b. Các chi tiết miêu tả*:*  *- “ Vua QT lại truyền…chảy thành suói”*  - Các chi tiết đó khắc hoạ rõ nét khí thế tấn công của quân TS đồng thời miêu tả sự thảm bại của quân giặc.  c. Mới chỉ là liệt kê các sự việc diễn ra theo trình tự thời gian và mới chỉ trả lời được câu hỏi “việc gì đã xảy ra” chưa trả lời được xảy ra ntn. Chưa sử dụng yếu tố miêu tả.  => Câu chuyện khô khan, không sinh động, nhân vạt không nổi bật.  \***Kết luận**: .  - Đoạn trích nhờ có yếu tố miêu tả các chi tiết, hình ảnh vua Quang Trung khắc hoạ khá rõ nét với tính cách quả cảm, mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt tài dụng binh là người tổ choc và là linh hồn của chiến công vĩ đại.  => Trong văn bản tự sự, sự miêu tả cụ thể, chi tiết về cảnh vật, nhân vật và sự việc có tác dung làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động.  **2. Ghi nhớ**: ( SGK/ **92)**  **II. Luyện tập:**  **1.Bài tập 1**: SGK tr 92.  - Thuý Vân  “Mây thua…màu da”  “Khuân trăng đầy đặn nét ngài…  Hoa cười ngọc thốt…  Mây thua…… tuyết nhường…da”  - Thuý Kiều  “Làn thu thuỷ…  …Liễu hờn kém xanh”   * Tả cảnh: êm đềm …   Tường đông…..mặc ai”  “Cỏ non xanh tận chân trời  Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”  “ Dập dìu tài tử…  Ngựa xe như nước…..nêm”  Ngổn ngang……………  Thoi vàng …………………bay  Tà tà bóng ngả về tây  …Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang”  => VB sinh động, hấp dẫn, giàu chất thơ.  +) Chị em TK : ND sử dụng yếu tố miêu tả:  **-**Tả người nhằm tái hiện lại chân dung mỗi người một vẻ khác nhau, dự cảm số phận khác nhau của hai chị em.  +) Cảnh ngày xuân: không khí lễ hội hiện lên tưng bừng náo nhiệt.Cảnh xuân tinh khôi giàu sức sống.  **2. Bài tập 2(92)**  - Chị em TK du xuân trở về khi bóng chiều đã ngả,họ tha thẩn dắt tay nhau vừa đi vừa ngắm cảnh.Cảnh ngày xuân vẫn mang cái thanh, cái dịu nhưng đã nhạt dần. Họ trở về trong tâm trạng bâng khuâng, xao xuyến và nuối tiếc một ngày vui qua mau.Con đường nhỏ,khe nước quanh co,chiếc cầu nho nhỏ xinh xinh làm cho phong cảnh thêm hữu tình và lòng ng thêm tiếc nuối.  **3.Bài tập 3**: SGK tr92  - Giới thiệu trước lớp về vẻ đẹp chị em Thuý Kiều.  Gợi ý: dựa vào VB “Chị em Thuý Kiều” |

**4. Củng cố, luyện tập:**

***H: Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự?***

**5 . Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- Học bài cũ sự phát triển của từ vựng. Chuẩn bị: Trau dồi vốn từ

+) Làm bài tập.

+) Trả lời hệ thống câu hỏi SGK.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 33.* TRAU DỒI VỐN TỪ**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Những định hướng chính để trau rồi vốn từ.

**2.Kỹ năng :**

- Giải nghĩa từ và sử dụng đúng nghĩa phù hợp với ngữ cảnh.

**3.Thái độ:**

- Ý thức giữ gìn sự trong sáng của TV.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+ Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo,tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,

**2.Học sinh** :

+ Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

- Giới thiệu bài: Làm thế nào để hiểu biết được đầy đủ và chính xác nghĩa của từ, qua đó ta còn biết cách dùng từ đúng, không những thế vốn từ của ta ngày càng thêm phong phú. Không có cách nào khác là trau dồi vốn từ. Cụ thể về vấn đề này ntn?, Các em cùng tìm hiểu bài học : “Trau dồi vốn từ”.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu việc rèn luyện** **để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng t**ừ:    **VD 1**: (SGK/99, 100)  1 HS đọc.  *H:Cho biết T/g Phạm Văn Đồng muốn nói gì?*  ->Muốn làm rõ 2 ý:  **\* VD 2**: (SGK/100)  *H: Xác định lối diễn đạt trong những câu văn*  *H: Giải thích vì sao lại có những lỗi trên?*  *H:Để “biết dùng tiếng ta” cần phải làm gì?*  *( muốn phát triển được vốn từ TV ta*  *phải làm gì?)*  - HS đọc ghi nhớ.  **HĐ2.HDHS rèn luyện để làm tăng vốn từ:**  - Đọc bt1 (SGK/100, 101)  *H:Em hiểu ý kiến của nhà văn TH ntn?*  *H: Từ ví dụ về việc trau dồi vốn từ của đại thi hào ND mà nhà văn TH phân tích, em rút ra kết luận gì cho việc trau dồi l* *àm tăng vốn từ vốn từ?*  **HĐ3. HDHS luyện tập:**  - Đọc yêu cầu BT  - Làm miệng trước lớp  - H/s khác nhận xét, bổ xung  - Hướng dẫn H/s làm bài.  - Hướng dẫn H/s làm bài tập.  - Hướng dẫn hs làm bài tập.  - Yêu cầu học sinh nhận xét về ý kiến của nhà phê bình Chế Lan Viên  - Đọc bài viết trước lớp.  - Đọc yêu cầu BT  *H:Nêu cách thể hiện để làm tăng vốn từ?*  *H:Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:*  - Đọc yêu cầu BT  - Hướng dẫn H/s làm bài  - Trình bày miệng.  - Hướng dãn hs làm bài tập | **I.Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng t**ừ:  **1.Bài tập1/99**  - Tác giả muốn làm rõ hai ý:  +)Tiếng Việt là một ngôn ngữ có khả năng rất lớn để đáp ứng nhu cầu diễn đạt của người viết.  **+)**Muốn phát huy khả năng tối đa của Tiếng Việt, mỗi cá nhân phải không ngừng trau dồi ngôn gữ của mình mà trước hết phải trau dồi vốn từ.  **2.Bài tập 2/99**  a.Thừa từ đẹp vì thắng cảnh: Cảnh đẹp  b. Sai từ dự đoán: vì dự đoán: “đoán trước tình hình sự việc nào đó xảy ra trong tương lai” Thay bằng từ ước tính, phỏng đoán.  c. Sai từ đẩy mạnh: có nghĩa là “thúc đẩy cho phát triển nhanh lên”->Mà ở đây nói về quy mô: mở rộng hay thu hẹp.  -> Người viết không biết chính xác nghĩa của từ ngữ mà mình sử dụng.  3. **Kết luận**:  - Trước hết cần trau dồi vốn từ ->Rèn luyện để nắm được đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ.  **\* Ghi nhớ SGK/101**  **II. Rèn luyện để làm tăng vốn từ:**  **1.Bài tập 1/100**  - Nhà văn Tô Hoài phân tích quá trình trau dồi vốn từ của đại thi hào Nguyễn Du bằng cách học lời ăn, tiếng nói của nhân dân:  **2. kết luận**  - Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, làm tăng vốn từ là việc thường xuyên phải làm để trau dồi vốn từ.  **\* Ghi nhớ:** SGK/101  **III. Luyện tập:**  1.**Bài tập 1**: (SGK/101)  - Hậu quả: b  - Đoạt: a  - Tinh tú: b  **2.Bài tập 2**: (SGK/101)  a.Dứt,không còn gì: tuyệt chủng, tuyệt giao, tuyệt tự, tuyệt thực  - Cực kì,nhất: Tuyệt đỉnh, tuyệt mật,  tuyệt tác, tuyệt trần.  b. Đồng:  - Cùng nhau, giống nhau: Đồng âm, đồng bào,đồng bộ,đồng dạng, đồng khởi, đồng môn, đồng niên, đồng sự,  - Trẻ em: Đồng dao, đồng ấu (trẻ  khoảng 7->8 tuổi), đồng thoại ( truyện viết cho trẻ em)  - Chất (đồng): trống đồng.  **3.Bài tập 3/102**: Sửa lỗi  a.Im lặng thay bằng tĩnh lặng (phù hợp với cảnh vật.)  b.Thành lập: lập nên, xây dựng-> nên thay bằng thiết lập  c.Cảm xúc: sự rung động trong lòng do tiếp xúc với sự việc gì thay bằng cảm phục.  **4. Bài tập 4/ 102**  - Tục ngữ ca dao không chỉ là kho tàng ngôn ngữ phong phú mà còn là kho ngôn ngữ phong phú của dân tộc, của người nông dân VN, Đó là thứ ngôn ngữ “giàu hình ảnh sắc màu” được sáng tạo trên cái nền của không gian đồng ruộng, không gian sinh hoạt từ bao đời của họ.  Từ “ một anh thanh niên nông thôn hay đến bà mẹ và ông nội của anh “…Tất cả đều xuất phát từ tình yêu, sự gắn bó máu thịt với cây lúa, cây cau , bờ tre, bãi mía…Điều đó đã hình thành nên một lớp ngôn ngữ mượt mà , giàu tình cảm, giàu hình ảnh trong ca dao, tục ngữ. Nhà lí luận phê bình Chế Lan Viên đã phát hiện ra điều đó và đã chứng minh bằng chính tiếng nói trong sáng, tượng hình của người nông dân.  Không chỉ dừng lại ở cảm hứng gợi ca và tự hào, Chế Lan Viên qua lời nhắn nhủ tới cô kĩ sư nông học , cũng đã nói bằng ngôn ngữ hình ảnh rằng nếu chúng ta quá chú trọng những giá tri vật chất thì dù “có thu được mùa lúa, nhưng đã bỏ mất cả một mùa ngôn ngữ đẹp đẽ của dân tộc” Từ đó tác giả khẳng định “ tôi muốn đồng thời với việc giữ gìn sự trong sáng của TV,phải giữ gìn sự giàu có, muôn vàn giàu có của nó” Trong xu thế hội nhập của đất nước, càng cần phải tự tin vào sự giàu có của tiếng nói dân tộc.  Là người VN không ai trong chúng ta không lại không tự hào về sự giàu đẹp của TVđược thể hiện trước hết qua ngôn ngữ của những người nông dân. Vậy nên, có ý thức học tập lời ăn tiếng nói của họ là chúng ta đã góp phần giữ gìn và phát triển sự giàu đẹp của tiếng ta.  **5.Bài tập 5**: (SGK/103)  - Chú ý quan sát, lắng nghe lời nói hằng ngày của mọi người xung quanh và trên các phương tiện thông tin đại chúng.  - Đọc sách báo.  - Ghi chép những từ ngữ mới + tra từ điển để hiểu nghĩa từ ngữ khó.  **6. Bài tập 6:** (SGK/104).  - Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:  a. điểm yếu  b. mục đích cuối cùng  c. đề đạt  d. láu táu  e. hoảng loạn  **7.Bài tập 7**: (SGK/104)  a. Nhuận bút: Tiền trả cho người viết một sản phẩm.  - Thù lao: trả công để bù đắp vào sức lao động bỏ ra  b. Tay trắng: là không có chút vốn liếng của cải gì.  - Trắng tay là mất hết cả tiền bạc, của cải không còn gì.  c. Kiểm điểm: Xem xét đánh giá lại từng cái hoặc từng việc để rút kinh nghiệm.  - Kiểm kê là kiểm lại từng cái , từng món để xác định số lượng và chất lượng của chúng.  d. Lược khảo là nghiên cứu khái quát về những cái chính không đi vào chi tiết.  - Lược thuật là kể, trình bày tóm tắt.  **8.Bài tập 8**/104  - Mẫu: - Lả lơi- lơi lả  - Thương xót- xót thương  - đau đớn- đớn đau  **9.Bài tập 9/104**  Mẫu: - Bất( không chẳng)-> bất biến, bất chính.  - Bí(kín)-> Bí danh |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H:* *muốn phát triển được vốn từ TV ta phải làm gì?*

*H: Rút ra kết luận cho việc trau dồi làm tăng vốn từ vốn từ?*

**5 . Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**-** Học bài cũ -> Thuộc 2 khái niệm trau dồi và làm tăng vốn từ

- Làm các bài tập 6,7,8,9 làm các bài tâp trong SBT

- Chuẩn bị: Viết bài tập làm văn số 2- đề văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.

+) Ôn lại cách viết văn tự sự sự việc, nhân vật, các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài văn tự sự - các đề bài trong Viết bài TLV số 2

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

# 

***TIẾT 34-35*. VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2**

**I. Mục tiêu bài học**:

**1.Kiến thức :**

- HS viết được bài văn tự sự theo yêu cầu có sử dụng yếu tố miêu tả.

- Củng cố những kiến thức về văn tự sự đã học ở các lớp dưới.

- GV đánh giá được năng lực nhận thức, khả năng viết bài của học sinh .

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kĩ năng viết bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả.

**3.Thái độ :**

- Có ý thức học và rèn kĩ năng viết văn tự sự.

**II.Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy học:**

**1. Giáo viên** : Soạn bài ,đọc tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng, ra đề xây dựng dàn bài và thang điểm.

**2.Học sinh** : Ôn các kiến thức được học về văntự sự, sử dụng yếu tố miêu

tả trong văn tự sự.

**III. Tiến trình hoạt động dạy học:**

**1. ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra đầu giờ**:

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :

- Trong những giờ học trước, các em đã được tìm hiểu việc sử dụng

tố miêu tả như thế nào vào văn bản thuyết minh cho có hiệu quả. Giờhọc

hôm nay, chúng ta sẽ vận dụng những kiến thức đó vào tạo lập

một văn bản tự sự hoàn chỉnh.

**I.Đề bài**

Tưởng tượng 20 năm sau, vào một ngày hè, em về thăm lại trường cũ.

Hãy viết thư cho một bạn học hồi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó.

**II.Yêu cầu chung**:

**1.Nội dung**:

- Kiểu văn bản: Tự sự

- Vận dụng các kĩ năng: Kể chuyện + tưởng tượng + miêu tả.

- Các nội dung cần nêu ra trong bài làm.

+ Vị trí của người kể chuyện: đã trưởng thành, có một công việc, một vị trí nào đó trong xã hội, mong trở lại thăm ngôi trường cũ.

+ Lí do trở lại thăm trường (đi công tác qua, hè về quê tới thăm trường…)

+ Đến thăm trường vào buổi nào?

+ Đến thăm trường đi với ai?

+ Đến trường gặp ai?

+ Quang cảnh trường như thế nào? (có gì thay đổi, có gì còn nguyên vẹn?)

+ Hồi tưởng lại cảnh trường ngày xưa mình học (Những gì gợi lại kỉ niệm buồn, vui của tuổi học trò, trong giờ phút đó bạn bè hiện lên như thế nào?)

**2.Hình thức:**

- Cần xác định đúng yêu cầu của đề bài: Kể chuyện.

- Hình thức viết bài: lá thư gửi người bạn cũ.

- Bài viết kết hợp tự sự + miêu tả.

- Trình bày sạch, đẹp, khoa học.

**3.Thái độ**:

- Nghiêm túc trong giờ viết bài.

- Bài viết thể hiện được sự kết hợp nhuần nhuyễn các kĩ năng đã học (dung từ, đặt câu, diễn đạt, kể chuyện ,miêu tả...)

- Qua bài làm học sinh cần thể hiện tình cảm yêu mến quý trọng mái trường mình đã học với kỉ niệm buồn vui của tuổi học trò.

**III.Đáp án chấm**:

1 Mở bài: (1 điểm)

+ Lí do viết thư của bạn.

2. Thân bài: (7 điểm)

\* Nội dung bức thư

+ Lời thăm hỏi bạn.

+ Kể cho (nghe) biết về buổi thăm trường đầy xúc động:

- Lí do trở lại thăm trường(tại sao về thăm trường?)(1,5 điểm)

- Thời gian đến thăm trường (sau bao nhiêu năm xa cách) (1,5 điểm)

- Đến thăm trường với ai? (Trong tư cách của ai về thăm trường)

- Diễn biến cuộc thăm trường: (4 điểm)- trong đó:

+) Gặp ai cảm nhận tâm trạng trong cuộc gặp ?(1 điểm)

+) Quang cảnh trường ntn?(cảm nhận về trường- sự đổi thay- hình ảnh trường xưa trở về trong kí ức…)(2 điểm)

+) Suy nghĩ của bản thân( tâm trạng của người về thăm)( 1 điểm)

3. Kết bài: (1 điểm)

- Lời chúc, lời chào, lời hứa hẹn.

- Hình thức: (1điểm)

**4. Củng cố , luyện tập:**

- GV thu bài

- Nhận xét giờ viết bài của H/s

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- Làm bài tập

**Đề bài**: Kể lại một giấc mơ, trong đó em được gặp lại người thân đã xa cách lâu ngày.

- Hãy lập dàn ý cho đề văn trên.

- Viết đoạn trong phần than bài trong đó có kết hợp kể và miêu tả.

+) Chuẩn bị:"Kiều ở lầu Ngưng Bích” - đọc thuộc thơ,

- Trả lời câu hỏi đọc- hiểu.

- Xác định vị trí đoạn trích, phân tích tâm trạng TK?

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 36.* KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

*Trích:* **Truyện Kiều**

( Nguyễn Du)

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Cảm nhận đc nỗi bễ bàng, cô đơn, buồn tủi của TK khi bị giam lỏng ở lầu NB và tấm lòng thuỷ chung,hiếu thảo của nàng.

- Ngôn ngữ độc thoại và n/t tả cảnh ngụ tình đặc sắc của ND.

**2.Kỹ năng :**

- Bổ sung k/t đọc hiểu truyện thơ trung đại. Nhận ra và thấy đc t/d của ngôn ngữ độc thoại, của n/t tả cảnh ngụ tình .

- Phân tích tâm trạng nv qua một đoạn trích trong t/p Truyện Kiều.

- Cảm nhận sự cảm thông sâu sắc của ND đối với nv trong truyện.

**3.Thái độ:**

**-** Căm phẫn khinh bỉ bọn buôn thịt bán người, đau đớn xót xa trước cảnh con người bị chà đạp

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài,tranh, đọc các tài liệu tham khảo,tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.;

*H: Đọc thuộc lòng đoạn trích “Cảnh ngày xuân , nêu giá trị nội dung và NT?*

**3.Bài mới** :

**-** Gia đình gặp tai hoạ, Kiều phải bán mình cứu cha và em. Tưởng là bán mình làm vợ lẽ không ngờ bị MGS, Sở Khanh lừa gạt bán vào lầu xanh.Ở đó Tú Bà bắt nàng tiếp khách làng chơi Kiều nhất quyết không chịu nên đã bị TBà mắng nhiếc, đánh đập; đau đớn, phẫn uất, tủi nhục nàng định rút dao tự vẫn nhưng vì có Đạm Tiên báo mộng ngăn cản nên đành thôi. Tú Bà sợ Kiều chết thì mất cả chì lẫn chài nên tìm cách xoa dịu, lập kế đưa Kiều ra ở tạm lầu Ngưng Bích để chờ dịp tìm người đứng đắn sẽ gả cho nhưng thực chất là bày mưu nham hiểm, giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện hơn .. Đoạn trích*: “Kiều ở lầu Ngưng Bích”* là 1 bức tranh tâm tình đầy xúc động. Đoạn trích giúp ta cảm nhận được tấm lòng chung thuỷ với người yêu và tấm lòng hiếu thảo của nàng đối với cha mẹ thật sâu sắc.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - GV hướng dẫn đọc- đọc mẫu  - Kiểm tra việc hiểu 1 số chú thích SGK  **HĐ2. HDHS đọc - hiểu văn bản:**  *H: Xác định vị trí đoạn trích?*  *H: Xác định bố cục và nội dung từng phần trong đoạn trích?*  - Đọc 4 câu đầu  *H: Cho biết: Khoá xuâncó nghĩa là gì?(* thực chất giam lỏng Kiều ở lầu NB )  *H: Đặc điểm không gian trước lầu Ngưng Bích được tgiả miêu tả qua cái nhìn của ai và được miêu tả ntn?*  *H:Đọc những câu thơ trên cho em cảm nhận như thế nào về không gian ấy?*  *H: NT tgiả sử dụng trong 4 câu đầu là gì?*  - HS đọc 2 câu thơ tiếp theo  *H:Thời gian qua cảm nhận của Kiều được tgiả miêu tả ntn?*  *H: Qua khung cảnh thiên nhiên ấy có thể thấy TK đang ở trong hoàn cảnh nào?*  *H: "Bẽ bàng" thuộc từ loại nào? tác dụng của nó là gì?(*từ láy-> td là diễn tả tâm trạng)  *H: Vậy tâm trạng của TK qua khung cảnh thiên nhiên ấy là gì?*  - GV bình: Tg và kg nghệ thuật trong bức tranh này hoàn toàn là tg và kg tâm trạng nên nó chấp nhận sự xáo trộn thời điểm, quy luật xa gần.  *H:Vậy NT nổi bật trong 6 câu thơ đầu này là gì?*( NT tả cảnh ngụ tình)  *“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu*  *Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”*  ( Nguyễn Du)  => Càng gợi cho nàng nhớ đến cha mẹ và người yêu trong sự thất vọng đến sợ hãi. | **I.Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1.Đọc:**  **2.Tìm hiểu chú thích**(SGK/ 94,95  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1.Vị trí đoạn trích:**  - Đoạn trích nằm ở phần thứ 2( gia biến và lưu lạc),sau đoạn Mã Giám Sinh lừa TK.Kiều bị nhốt ở lầu xanh nàng định tự vẫn Tú Bà giả vờ hứa hẹn đợi Kiều bình phục sẽ gả chồng cho nàng vào nơi tử tế, rồi đưa Kiều giam lỏng ở lầu Ngưng Bích  **2.Bố cục:**  - Đoạn trích gồm 3 đoạn  +)6 câu đầu:hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp của nàng Kiều ở lầu NBích  +) 8 câu tiếp: nỗi thương nhớ cha mẹ và người yêu  +)8 câu cuối: tâm trạng buồn đau lo âu tuyệt vọng của Kiều.  **3.Phân tích:**  \***4câu đầu**:  Trước lầu NB khoá xuân  Vẻ non xa tấm trăng gầnở chung  Bốn bề bát ngát xa trông  Cát vàng cồn nọ bụi hông dăm kia  - Không gian: được mtả qua cái nhìn của Tkiều.  + Đặc điểm: bát ngát, núi xa, cát vàng, trăng lạnh, cồn cát nối tiếp nhau, mù mịt trong bụi hồng.  -> không gian mênh mông, hoang vắng, rợn ngợp không có bóng người , cảnh vật trơ trọi-> lầu Ngưng Bích chơ vơ,giam hãm một thân phận đơn độc, nhỏ bé.  + Nghệ thuật: phép đối(cồn nọ- dặm kia)-> mở kg ra nhiều phía ( chiều cao, rộng,và chiều xa)  **\*2 câu sau**:  ***“Bẽ bàng*** *mây sớm đèn khuya*  *Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*”  - Thời gian: dằng dặc từ sáng tới khuya,  nàng chỉ biết làm bạn với mây buổi sớm, đèn buổi khuya, hết sáng lại tối - > gợi tg tuần hoàn khép kín trôi đi đơn điệu.  -> Kiều cô đơn tuyệt đối từ sớm tới khuya trong không gian lạnh lẽo hoang vắng .  =>Thuý Kiều trong tâm trạng bẽ bàng,cô đơn, buồn tủi, xấu hổ đối diện với mây sớm, đèn khuya nàng càng thêm thấm thía cái "bẽ bàng"của thân phận .Cảnh ấy, tình ấy làm lòng Kiều tan nát.  - NT: Tả cảnh ngụ tình. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H:**Đọc thuộc 6 câu thơ đầu? Nêu nội dung và giá trị nghệ thuật?*

**5 . Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- Chuẩn bị tiết 2 Kiều ở lầu Ngưng Bích: đọc thuộc lòng đoạn trích

+) Phân tích nỗi nhớ của Thuý Kiều

+)Phân tích tâm trạng của TK ở 8 câu thơ cuối?

+) Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong toàn đoạn trích

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 37.* KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH (TIẾP)**

*Trích:* **Truyện Kiều**

( Nguyễn Du)

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Cảm nhận đc nỗi bẽ bàng, cô đơn, buồn tủi của TK khi bị giam lỏng ở lầu NB và tấm lòng thuỷ chung,hiếu thảo của nàng.

- Ngôn ngữ độc thoại và n/t tả cảnh ngụ tình đặc sắc của ND.

**2.Kỹ năng :**

- Bổ sung k/t đọc hiểu truyện thơ trung đại. Nhận ra và thấy đc t/d của ngôn ngữ độc thoại, của n/t tả cảnh ngụ tình .

- Phân tích tâm trạng nv qua một đoạn trích trong t/p Truyện Kiều.

- Cảm nhận sự cảm thông sâu sắc của ND đối với nv trong truyện.

**3.Thái độ:**

**-** Căm phẫn khinh bỉ bọn buôn thịt bán người, đau đớn xót xa trước cảnh con người bị chà đạp.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài,tranh, đọc các tài liệu tham khảo,tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.;

*H:Đọc thuộc 6 câu thơ đầu và phân tích trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích* *?*

**3.Bài mới** :

- Trong tâm trạng cô đơn bẽ bàng tủi hổ cho thân phận Thuý Kiều đã nhớ đến ai và nỗi nhớ ấy được miêu tả như thế nào? Từ đó Thuý kiểu đã nghĩ và lo sợ như thế nào về tương lai mù mịt của nàng ? Chúng ta cùng tìm hiểu tiết học thứ hai của đoạn trích.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **II. HDHS đọc- hiểu văn bản(tiếp)**  - Đọc 8 câu tiếp  *H: Lời đoạn thơ của ai? NT độc thoại có ý nghĩa gì?*  *H:Trong tâm trạng cô đơn ấy, TK nhớ về ai? nỗi nhớ ấy đc m/t ntn?*  (nàng nhớ Kim Trọng trước đó là nỗi thương nhớ tự nhiên của một người đang yêu bỗng thấy cô đơn - phù hợp tâm lý)  *H: Em hiểu “tấm son.. phai” như thế nào?*  *H: Tâm trạng của Kiều ntn khi nàng nhớ tới Kim Trọng?*  *H:Nỗi nhớ cha mẹ có gì khác với cách thể hiện nỗi nhớ người yêu?* (Thương- xót)  *H:Những thành ngữ nào ? Điển cố nào được sử dụng trong câu thơ?*  *H: Trong cảnh ngộ của mình TK nhớ đến ai trước ai sau nhớ như vậy có hợp lí k?*  - Gv giảng bình  *H: Em có nx ntn về cách dùng từ ngữ của t/g khi diễn tả 2 nỗi nhớ khác nhau của TK?*  *H:Trong cảnh ngộ ở lầu NB, Kiều là người đáng thương nhất nhưng nàng quên cảnh ngộ bản thân để nhớ thương, xót xa đến cha mẹ, người yêu -> Kiều là người ntn ?*  - Đọc đoạn cuối.  *H:Cảnh ở 8 câu thơ cuối là cảnh thực hay cảnh ảo?*  *H: Mỗi cảnh vật đều có nét riêng nhưng lại có nét chung để diễn tả tâm trạng Kiều. Em hãy phân tích và chứng minh điều đó?*  (Tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này)  (Sắc cỏ “dầu dầu” ấy nàng đã 1 lần nhìn thấy ngày nào trên mộ Đạm Tiên: “*Sè sè nấm đất bên đường*  *“Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh”*  (Nhìn xa -> gần vừa buồn trông vừa lắng nghe...)  *H:Tiếng sóng vỗ khác sóng kêu ntn?*  - Giảng bình:  (Những chặng đường đầy cạm bẫy, nhiều máu và nước mắt có “ma đưa lối, quỷ dẫn đường” với Kiều đang ở phía trước, đoạn thơ Kiều ở lầu NB như chứa đầy lệ: lệ của người con gái lưu lạc, đau khổ vì cô đơn lẻ loi, buồn thương chua xót vì mối tình đầu tan vỡ, xót xa nhớ thương cha mẹ, lo sợ cho thân phận số phận mình; lệ của nhà thơ, 1 trái tim nhân đạo bao la đồng cảm, xót thương cho người thiếu nữ tài sắc hiếu thảo mà bạc mệnh)  *H: NX cách dùng điệp ngữ, từ láy, Câu hỏi tu từ trong đoạn cuối? Cách dùng nghệ thuật đó có tác dụng như thế nào trong việc diễn tả tâm trạng nhân vật?*  *H: Em cảm nhận như thế nào về nghệ thuật đoạn trích?*  *Thái độ, tình cảm của Nguyễn Du với nhân vật như thế nào?*  **HĐ2. HDHS tổng kết:**  *H: Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?*  - Đọc ghi nhớ | **b.Nỗi lòng thương nhớ cha mẹ và người yêu:**  **b.1) Kiều nhớ Kim Trọng:**  - Nhớ buổi thề nguyền đính ước: *"tưởng người dưới nguyệt..."*  *“Tấm son... phai”*  - Thuý K nhớ về Kim Trọng, nhớ chén rượu thề nguyền đôi lứa. Nàng Tưởng tượng Kim Trọng đang mong nhớ, ngóng trông tin tức của mình trong vô vọng: *"tin sương...mai chờ"*  *“Tấm son.. phai”*  - Tấm lòng son của Kiều bị vùi dập hoen ố biết bao giờ gột rửa được  - Ta cũng có thể hiểu câu thơ theo một nghĩa khác->Nàng k/đ t/c mà mình dành cho chàng K k bao giờ có thể phai nhạt->khẳng định lòng chung thuỷ son sắt.  => Nhớ Kim Trọng với nỗi đau đớn xót xa mang mặc cảm tội lỗi của người phụ tình  “ *Ôi kim lang hỡi Kim lang, Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây”*  -> nỗi nhớ của trái tim yêu tha thiết chung thuỷ.  **b.2) Nhớ cha mẹ:**  - Thương và xót cha mẹ, nàng tưởng tượng cha mẹ ngày thêm già yếu:  + Sớm chiều tựa cửa trông con  + Tuổi già sức yếu không người chăm sóc  - Thành ngữ, điển cố: “*Quạt nồng ấp lạnh”, “Sân lai, gốc tử”*  - Nthuật: tượng trưng - cái cây cha mẹ trồng tượng trưng cho h/ả của cha mẹ.  - TK đã đặt nỗi nhớ ng yêu lên trước nỗi nhớ cha mẹ(có vẻ như k hợp lí nhưng ND đã để như vậy bởi đó là 2 cung bậc t/c khác nhau và còn 1 lí do nữa khiến cho TK luôn chăn chở rằng nàng đã phụ bạc chàng Kim, phụ lại lời thề đôi lứa. Còn với cha mẹ ít nhất nàng cũng đã bán mình chuộc cha phần nào đền đáp đc chữ hiếu).  - Cách dùng từ ngữ đc lựa chọn độc đáo: “ tưởng ng”- “xót ng”để thể hiện 2 nỗi nhớ 2 cung bậc tình cảm khác nhau.  **TL:** Kiều là người tình thuỷ chung, sắc son;người con hiếu thảo hết lòng vì cha mẹ và gia đình.  **c.Tâm trạng buồn đau lo âu, tuyệt vọng:**  - Đây là bức tranh tả cảnh ngụ tình. Mỗi cảnh trong bức tranh đều có điểm chung: tả nỗi buồn của một tâm trạng cô đơn, buồn tủi.  - Tuy nhiên mỗi cặp câu -> một nỗi nhớ, nỗi buồn  +) “Thuyền... thấp thoáng... xa xa” -> thân phận bơ vơ nơi đất khách, nhớ đến quê hương, cha mẹ, người yêu gợi lên từ cảnh chiều tà bên bờ biển.  +) “Cánh hoa trôi... biết là về đâu” -> số phận chìm nổi long đong vô định, không biết đi dâu về đâu.  +) “Ngọn cỏ dầu dầu”“Chân mây mặt đất “xanh xanh”-> héo úa, mịt mờ.  -> Nỗi đau tê tái trong lòng.  +) Tiếng gió, tiếng sóng kêu quanh “ghế ngồi” -> âm thanh dữ dội -> biểu tượng tai hoạ khủng khiếp sắp giáng xuống -> nỗi lo sợ hãi hùng.  **+)Nghệ thuật:**  - Từ láy  + Cảnh xa - gần; màu sắc: đậm – nhạt; âm thanh: tĩnh - động; tình: từ buồn man mác->lo sợ hãi hùng.  =>Nỗi lo âu kinh sợ Kiều ngày càng tăng  - Điệp ngữ *“Buồn trông”* -> điệp khúc của tâm trạng diễn tả nỗi buồn triền miên dai dẳng dồn dập kéo đến.  - Câu hỏi tu từ không trả lời -> sự bế tắc, tuyệt vọng.  **TL:** Tâm trạng cô đơn,thân phận vô định,nỗi buồn tha hương,nỗi nhớ ng yêu và cha mẹ cùng sự bàng hoàng lo sợ. hãi hùng, bế tắc, tuyệt vọng, và cũng báo trước 1 duyên phận sẽ bị xô đẩy vùi dập k biết rồi sẽ đi đâu về đâu.  **III.Tổng kết**  - Nghệ thuật: Miêu tả nội tâm nhân vật: Diễn biến tâm trạng qua (ngôn ngữ độc thoại, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình)  - Nội dung: Thương cảm cảnh ngộ Thuý Kiều; ngợi ca vẻ đẹp thuỷ chung, hiếu thảo của Thuý Kiều.  ***\* Ghi nhớ:*** SGK – 96 |

**4. Củng cố, luyện tập:**

*H: Đọc thuộc bài thơ? Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật đoạn trích?*

**5 . Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- Học thuộc lòng, Phân tích từng đoạn trong bố cục.

- Chuẩn bị: Lục Vân Tiên: Đọc tác giả- tác phẩm trong chú thích (\*)

- Đọc tóm tắt tác phẩm, đoạn trích, tìm bố cục- Trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng*

***TIẾT 38.* LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

***Trích truyện:* “Lục Vân Tiên”**

( Nguyễn Đình Chiểu)

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Nắm được cốt truyện và những điều cơ bản về T/g, tác phẩm.

- Qua đoạn trích hiểu được khát vọng cứu người, giúp đời của T/g và phẩm chất của 2 nhân vật: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyện Nga

- Tìm hiểu đặc trưng phương thức khắc hoạ tính cách nhân vật của truyen

**2.Kỹ năng :**

- Đọc truyện thơ, phân tích cách kể chuyện và xây dung nhân vật

**3.Thái độ:**

- Giáo dục cho học sinh tinh thần nghĩa hiệp , biết giúp đỡ người xung quanh trong những hoàn cảnh cụ thể.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, ảnh chân dung NĐC , đọc các tài liệu tham khảo,tài liệu chuẩn

kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.;

*H: Đọc thuộc lòng đoạn trích: “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” Phân tích nỗi nhớ*

*Người yêu và cha mẹ của Thuý Kiều?*

*- Phân tích 8 câu thơ cuối? Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật đoạn trích.*

**3.Bài mới** :

- Có một tác phẩm được G.Ô-ba-rê đánh giá "như là một trong những sản phẩm hiếm có của trí tuệ con người, có cái ưu điểm lớn là diễn tả được trung thực những tình cảm của cả một dân tộc"- đó chính là tác phẩm "Lục Vân Tiên". Chúng ta cùng vào bài học hôm nay để hiểu những nét chính nhất về T/g và một phần của tác phẩm.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - Hướng dẫn H/s đọc: rõ ràng , truyền cảm, thay đổi giọng cho phù hợp với câu thơ kể, tả, đối thoại.  - H/s đọc chú thích (SGK/112)  *H:Giới thiệu những nét chính về T/g?*  - GV diễn giảng thêm.  *H:Truyện được viết theo hình thức*  *ntn ?*  *H: Giới thiệu những nét tiêu biểu về tác phẩm?Truyện được viết nhằm mục đích gì?*  *H: Truyện thể hiện ước mơ gì của nhân dân?*  *H:Truyện thơ Lục Vân Tiên có nghệ thuật đặc sắc gì?*  *H:Truyện có kiểu kết cấu ntn?*  - Học sinh đọc tóm tắt sgk.  - Yêu cầu học sinh tóm tắt tác phẩm. | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  **1.Đọc.**  **2.Tìm hiểu chú thích**: (SGK/112, 113, ->115)  **a)Tác giả:**  - Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) Tục gọi là Đồ Chiểu, Quê cha Thừa Thiên Huế, sinh ra và lớn lên ở quê mẹ- Gia Định.  - Năm 1843(21 tuổi) thi đỗ tú tài nhưng chưa kịp thi tiếp thì bất hạnh ập tới :  ( mẹ mất , ông ốm nặng 26 tuổi bị mù, đường công danh nghẽn lối, đường tình duyên trắc trở, về quê nhà gặp buổi loạn li)  - Là người có nghị lực sống và cống hiến cho đời, Không gục ngã trước số phận: ngẩng cao đầu sống, sống có ích đến hơi thở cuối cùng.  + Là thầy giáo danh tiếng, khắp miền lục tỉnh (khi ông mất cả cánh đồng Ba Tri rợp trắng khăn tang của các thế hệ học trò)  + Ở cương vị thầy thuốc, hết lòng cứu nhân độ thế.  + Để lại cho đời bao trang thơ bất hủ, được lưu truyền rộng rãi: "Lục Vân Tiên", "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc"  - Là người có lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm  cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn bạc việc đánh giặc. viết văn thơ khích lệ tinh thần kháng chiến của nhân dân.  + Khi cả Nam kì rơi vào tay giặc, vẫn nêu cao tinh thần bất khuất trước kẻ thù *"thua cuộc rồi lưng vẫn thẳng, đầu vẫn ngẩng cao,* ngay kẻ thù cũng phải kính nể", giữ trọn lòng trung thành với Tổ Quốc, với nhân dân cho tới lúc mất.  **b.Tác phẩm:**  "Truyện Lục Vân Tiên”  - Truyện thơ nôm: kể nhiều hơn để đọc, để xem.  - Sáng tác khoảng đầu những năm 50 - trước thế kỉ XIX.  - Được lưu truyền rộng rãi dưới hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian như "kể thơ", "nói thơ vân Tiên", "hát Vân Tiên"…Có ảnh hưởng sâu rộng tới toàn quốc.  - Gồm 2082 câu thơ lục bát.  - Truyện được kết cấu theo kiểu truyền thống của loại truyện phương đông: theo từng chương hồi, xoay quanh diễn biến của các nhân vật chính.  - Truyện được viết ra nhằm mục đích trực tiếp là truyện dạy đạo lí làm người:  + Xem trọng tình nghĩa giữa con người với con người trong XH: tình cha mẹ, con cái, vợ chồng, tình yêu.  + Đề cao tinh thành nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy.  + Thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời (kết thúc có hậu)  - Nghệ thuật: Truyện thơ nôm có tính chất kể nhiều hơn để đọc, để xem, hành động nhiều hơn miêu tả nội tâm - tính cách của nhân vật cũng thường bộc lộ qua việc làm, lời nói, cử chỉ.  - Kết cấu ước lệ gần như thành khuôn mẫu: người tốt thường gặp gian truân, trắc trở kẻ xấu hãm hại nhưng họ vẫn được cưu mang -> Cuối cùng nạn khỏi tai qua, kẻ xấu bị trừng trị-> khát vọng của nhân dân ở hiền gặp lành, thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà.  **3. Tóm tắt tác phẩm:**  - Tóm tắt tác phẩm: SGK/113 |

**4. Củng cố , luyện tập:**

- Hệ thống bài

- Những nét chính về: + T/g Ng. Đình Chiểu

+ Tác phẩm "Truyện Lục Vân Tiên"

+Kết cấu, Nội dung, nghệ thuật

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm

- Tìm đọc toàn tác phẩm

- Chuẩn bị: đọc thuộc đoạn trích: trả lời câu hỏi đọc hiểu, bố cục, đặc điểm nhân vật .

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 39.* LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA(TIẾP)**

***(Trích truyện:* “Lục Vân Tiên”**

( Nguyễn Đình Chiểu)

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Phẩm chất của 2 nhân vật: Lục Vân Tiên, Kiều Nguyện Nga.

- Tìm hiểu đặc trưng phương thức khắc hoạ tính cách nhân vật của truyện.

**2.Kỹ năng :**

- Đọc truyện thơ, phân tích cách kể chuyện và xây dựng nhân vật.

**3.Thái độ:**

- Giáo dục cho học sinh tinh thần nghĩa hiệp , biết giúp đỡ người xung quanh trong những hoàn cảnh cụ thể.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, ảnh chân dung NĐC, đọc các tài liệu tham khảo,tài liệu chuẩn

kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.;

*H: Tóm tắt truyện Lục Vân Tiên?*

**3.Bài mới** :

- Các em đã tìm hiểu về tác giả NĐC và khái quát tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên . Bài học nàychúng ta sẽ tìm hiểu một trích đoạn cụ thể trong tác phẩm để hiểu được tư tưởng của tác giả gửi gắm trong các nhân vật của mình.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc- hiểu văn bản:**    *H: Xác định vị trí đoạn trích trong văn bản?*  *H: Nêu bố cục và nội dung chính của từng phần.*  - H/s đọc lại đoạn 1  *H:Hình ảnh Lục Vân Tiên đánh cướp được miêu tả ở những câu thơ nào?*  *H: H/ ảnh VT đánh cướp đc miêu tả như thế nào?*  *H: Nhận xét gì về NT kể chuyện của T/g trong đoạn này?*  *H: H/ảnh Lục Vân Tiên hiện lên ntn?*  *H: T* *ác giả so sánh Lục Vân Tiên với hình ảnh những nhân vật nào trong truyện cổ Trung Hoa?*  *H:Sau trận đánh, Lục Vân Tiên có thái độ, cách cư xử với Kiều Nguyệt Nga và Kim Liên ntn?* (thể hiện qua những câu thơ nào?)  *H:Qua đây em còn hiểu thêm được gì về tính cách và phẩm chất cuả Lục Vân Tiên?*  *H:Quan niệm về người anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện ở những câu thơ nào? giải thích ý nghĩa quan niệm đó?*  \* Đây cũng là quan niệm của Ng. Du qua nhân vật Từ Hải "Anh hùng ... bất bằng mà tha"  -> Xuất phát từ câu nói của Mạnh Tử "Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã" (thấy việc nghĩa mà không làm không phải là người anh hùng)  *H: Nhận xét chung về Lục Vân Tiên. theo em T/g gửi gắm gì qua nhân vật này?*  *H: H/ảnh Nguyệt Nga được hiện lên qua những lời lẽ mà nàng giãi bày với Lục Vân Tiên, hãy tìm những lời lẽ của nàng qua đoạn trích?*  *H:Em có nhận xét gì về lời lẽ của nàng?*  *H: Qua đây em hiểu được điều gì ở Kiều Nguyệt Nga?*  *H:Nguyệt nga suy nghĩ gì về việc làm của Lục Vân Tiên đối với mình? thể hiện cụ thể qua lời nói nào?*  *H:Em hiểu những câu nói này có ý nghĩa gì?*  *H:Nhận xét chung về nhân vật Kiều Nguyệt Nga?*  **HĐ2.HDHS tổng kết:**    *H: Cảm nhận của em về nội dung và nghệ thuật đoạn trích?*  - HS đọc ghi nhớ: SGK/115 | **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Vị trí đoạn trích:**  -Thuộc phần đầu TP Truyện Lục Vân  Tiên.  **2. Bố cục**: 2 phần:  + Phần 1: (14 câu đầu): LVT đánh tan bọn cướp, tiêu diệt tên cầm đầu Phong lai.  + Phần 2: đoạn còn lại: Cuộc trò chuyện giữa LVT với KNN sau trận đánh.  **3. Phân tích:**  **a. Nhân vật Lục Vân Tiên:**  - Trước đoạn trích này là cảnh Vân Tiên thấy nhân dân đau khổ bèn hỏi thăm và được biết ở đó bọn cướp Phong Lai hung hãn đang hoành hành. Mọi người khuyên chàng không nên tự chuốc lấy nguy hiểm.  *- " VT ghé lại bên đàng*  *Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô*  *…chớ quen…hại dân*  *…tả đột hữu xông*  *Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang*  *…một gậy thác rày thân vong"*  - Vân Tiên chỉ có một mình, tay không.Trong khi bọn cướp đông người, gươm giáo đủ đầy, tiếng tăm lẫy lừng. Vân Tiên bẻ cây làm gậy xông vào đánh cướp.  - NThuật: Sự dụng các động từ, so sánh, từ láy.  => dũng cảm, anh hùng và tấm lòng vị nghĩa vong thân (vì việc nghĩa, quên thân mình)  - Hình ảnh Lục Vân Tiên được so sánh với dũng tướng Triệu tử Long - trận Đương Dang - truyện "Tam quốc diễn nghĩa"  - Hình ảnh Lục Vân Tiên được khắc hoạ theo một mô típ quen thuộc ở truyện nôm truyền thống: một chàng trai tài giỏi, cứu một cô gái thoát khỏi tình huống hiểm nghèo, rồi từ ân nghĩa đến tình yêu.  -> Niềm mong ước của tác giả và cũng là của nhân dân (trong thời buổi hỗn loạn, người ta trông mong ở những người tài đức, dám ra tay cứu nạn giúp đời).  - Sau khi đánh thắng bọn cướp Phong Lai  *"+ Hỏi: ai than khóc ở trong xe này?*  *+…nghe nói động lòng*  *Đáp rằng: Ta đã trừ dòng lâu la*  *Khoan khoan ngồi đó chớ ra*  *Nàng là phận gái ta là phận trai*  *…*  *Nghe nói liền cười*  *Làm ơn há dễ trông người trả ơn"*  -> Vân Tiên: hỏi -> động lòng -> tìm cách an ủi -> ân cần hỏi han -> nghe nói muốn được lạy tạ vội gạt đi ngay  -> từ chối lời mời về thăm nhà của Nguyệt Nga để cho nàng đền đáp công ơn (đoạn sau còn từ chối nhận chiếc châm vàng của nàng…)  => Hào hiệp, chính trực, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm, nhân hậu, (sẵn sàng giúp đỡ người khác, có lòng thương người, ngay thẳng…)  - Quan niệm về người anh hùng:  "Nhớ câu kiến nghĩa bất vi  Làm người thế ấy cũng phi anh hùng"  -> thấy việc nghĩa mà bỏ qua không làm thì không phải là người anh hùng.  => Với Vân Tiên làm việc nghĩa là một bổn phận, một lẽ tự nhiên, không coi đó là công trạng - đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán.  \* Lục Vân Tiên: anh dũng, tài năng, có tấm lòng vị nghĩa vong thân, hào hiệp, chính trực, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm, nhân hậu  -> Hình ảnh lí tưởng tác giả gửi gắm niềm tin và ước vọng.  **b.Nhân vật Kiều Nguyệt Nga:**  *-" Thưa rằng…*  *…làm con đâu dám cãi cha*  *Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành*  *…trước xe quân tử tạm ngồi*  *Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa?"*  -> Cách xưng hô khiêm nhường, nói năng,dịu dàng, mực thước, trình bày vấn đề rõ ràng, khúc triết, đáp ứng đầy đủ niềm thăm hỏi ân cần của Lục Vân Tiên, thể hiện chân thành niềm cảm kích, xúc động của mình.  => Lời lẽ của một cô gái khuê các, thuỳ mị, nết na, có học thức  *“Lâm nguy chẳng gặp giải ngay*  *Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi"*  *…"lấy chi cho phí tấm lòng cùng ngươi"*  -> Nàng là người chịu ơn, Lục Vân Tiên đã cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng, nàng áy náy, băn khoăn, tìm cách đền đáp, dù nàng hiểu rằng có đền đáp đến mấy cũng là chưa đủ cuối cùng nàng đã tự nguyện gắn bó cuộc đời với chàng)  \*Người con gái nết na, đức hạnh theo quan niệm truyền thống cổ xưa.  **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gần với lời nói thông thường, mang màu sắc địa phương Nam Bộ  - Ngôn ngữ thơ đa dạng phù hợp với diễn biến tình tiết (Đoạn đầu: lời Vân Tiên đầy phẫn nộ, tướng cướp kiêu căng, đoạn sau: cuộc đối thoại giữa Lục Vân Tiên và Nguyệt Nga thì lời lẽ mềm mỏng, xúc động, chân thành.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: qua hành động, cử chỉ, lời nói.  **2. Nội dung**:  - Văn bản trích thể hiện khát vọng hành giúp đời của tác giả và khắc hoạ những phẩm chất tốt đẹp của 2 nhân vật Lục Vân Tiên Tiên và Kiều Nguyệt Nga.  **\* Ghi nhớ**: SGK/115 |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Hệ thống bài :

- Nhân vật ?Nhận xét gì về NT xây dựng nhân vật của T/g ?

H: Nêu nội dung chính của văn bản (trích)?

+ Lục Vân Tiên: dũng cảm, tài ba, trọng nghĩa.

+ Kiều Nguyệt Nga: hiền hậu, nết na, ân tình

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật của T/g

H: Nhận xét gì về ngôn ngữ của VB (trích) ?

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà :**

- Làm bài tập (SGK/116)

- Học thuộc lòng Vb (trích) + học bài

- Chuẩn bị: "Miêu tả nội tâm trong VB tự sự"- trả lời hệ thống câu hỏi bài tập SGK.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 40.* MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hiểu được vai trò của miêu tả nội tâm và mối quan hệ nội tâm với ngoại hình trong khi kể chuyện.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn luyện kĩ năng kết hợp: kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi viết bài văn tự sự.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức đưa yếu tố miêu tả nội tâm vào quá trình viết bài Tlàm văn.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo,tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài, (trả lời câu hỏi đọc hiểu sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.;

*H: Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự ?*

**3.Bài mới** :

Ở các lớp dưới, các em đã được làm quen với miêu tả, song chủ yếu được đề cập tới miêu tả ở dạng bên ngoài. Đối với người đó là miêu tả ngoại hình. Trong chương trình NV9, các em sẽ được cung cấp một số hiểu biết về miêu tả hoàn cảnh, ngoại hình và nội tâm. Đối tượng miêu tả của nội tâm là những suy nghĩ, tình cảm, diễn biến tâm trạng của nhân vật. Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này mời các em vào bài học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự:**  - Yêu cầu HS đọc đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích -93  *H: Tìm những câu thơ tả cảnh t/nhiên trong vb Kiều ở lầu NB?*  *H*: *Dấu hiệu nào cho thấy đây là những câu thơ tả cảnh sắc bên ngoài? (Thời gian, không gian, màu sắc, cảnh vật).*  *H: Những câu thơ tả cảnh có mối quan hệ ntn với việc thể hiện nội tâm nhân vật?*  *H: Những câu thơ tả cảnh đó giúp em đọc được tâm trạng gì của nhân vật Thuý Kiều?*  ( Đó là bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc trong thơ văn Trung đại Việt Nam mà ND là người đạt tới đỉnh cao của bút pháp ấy)  - Người ta gọi đây là cách miêu tả nội tâm gián tiếp.  *H: Em hiểu như thế nào về cách miêu tả nội tâm nhân vật gián tiếp?*  ( mượn cảnh vật được miêu tả để nói lên tâm trạng nhân vật ->tả cảnh ngụ tình).  *H: Tìm những câu thơ tả tâm trạng của Thuý Kiều?*  *H:Dấu hiệu nào cho em biết đoạn thơ trên miêu tả tâm trạng của nàng Kiều?*  *H: Vậy tâm trạng của thuý kiều trong những câu thơ này có cần mượn yếu tố nào để bộc lộ không?*  *H: Em hiểu như thế nào về cách miêu tả nội tâm nhân vật trực tiếp?*  (dùng các từ ngữ miêu tả tâm trạng con người để miêu tả: bẽ bàng, tưởng người…, xót người -> ta đọc được tâm trạng nhân vật trực tiếp qua lời thơ miêu tả)  *H: Từ đó em cho biết miêu tả nội tâm có tác dụng ntn đối với việc khắc hoạ nhân vật trong VB tự sự?*  (nhân vật là yếu tố quan trọng nhất của tác phẩm tự sự. Xây dựng nhân vật nhà văn thường miêu tả ngoại hình và miêu tả nội tâm. Miêu tả nội tâm nhằm tái hiện lại những trăn trở dằn vặt, những rung động tinh vi trong tình cảm, tư tưởng của nhân vật -> chân dung tinh thần của nhân vật).  (Đoạn văn SGK/117)  1 H/s đọc.  *H: Đoạn văn trên Nam Cao miêu tả ai, với những đặc điểm gì?*  *H: Qua những đặc điểm được miêu tả trên đây, em nhận thấy Lão Hạc đang có những cảm xúc, ý nghĩ gì ?*  *H: Đoạn văn trờn cũng được coi là đoạn văn miêu tả nội tâm của Lão Hạc, em có nhận xét gì về cách miêu tả của nội tâm của T/g?*  *H: Qua các ngữ liệu vừa tìm hiểu trên hãy cho biết có mấy cách miêu tả nội tâm*  ?  -> Có 2 cách miêu tả nội tâm:  Trực tiếp + gián tiếp.  *H: Qua ngữ liệu trên, em hiểu thế nào là miờu tả nội tâm trong VB tự sự?*  nội tõm tro - Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự là tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc và diễn biến tâm trạng của nhân vật. Đó là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, làm cho nhân vật sinh động.  1 H/s đọc ghi nhớ.  *H:Tìm một số đoạn văn,thơ đã học có yếu tố miêu tả nội tâm nhân vật.*  *H: Miêu tả bên ngoài và m/t nội tâm có gì khác nhau?*  - MT bên ngoài: Đối tượng là cảnh thiên nhiên,diện mạo, hành động và ngôn ngữ nhân vật-> quan sát trực tiếp.  -MT bên trong( nội tâm): Đối tượng là suy nghĩ, tình cảm, tính cách ,diễn biến tâm trạng của nhân vật, nhìn chiều sâu tâm trạng nhân vật ->trực tiếp, gián tiếp.  **HĐ2.** **Hướng dẫn hs luyện tập.**  *H: Thuật lại đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều nằng văn xuôi?*  \*Hdẫn: - Khi thuật lại bằng văn xuôi phải miêu tả được diện mạo của Mã Giám Sinh để làm nổi bật tính cách nhân vật.(Quá niên trạc tuổi tứ.....bảnh bao)  - Khi thuật nội tâm Thuý Kiều cần diễn tả được tâm trạng của Kiều qua các câu thơ miêu tả của ND bởi ông dùng các hình ảnh ước lệ tượng trưng để tả Tkiều: *“Nỗi mình thêm tức nỗi nhà...ngại ngùng dợn gió....mặt dày).*  ... *Nột buồn như cỳc điệu gầy như mai”*  - Chú ý lựa chọn ngôi kể: Kể theo ngôi thứ 3 hoặc ngụi thứ nhất.  - Gv hướng dẫn h/s làm bt2  *H: Đóng vai nàng Kiều viết đoạn văn kể lại việc báo ân báo oán, trong đó bộc lộ trực tiếp tâm trạng của Kiều lúc gặp Hoạn Thư.*  \*Gợi ý :*Sau khi chuyện đó xảy ra tâm trạng của em ntn? Phải miêu tả được nội tâm của em lúc đó ra sao?* | **I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự :**  **1.Bài tập1/117** :  **\*Nhận xét**  - Những câu thơ tả cảnh thiên nhiên :  *"Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân*  *…Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia"*  *Và "Buồn trông cửa bể chiều hôm*  *…Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi"*  - Dấu hiệu tả cảnh: Đối tượng miêu tả ở những câu thơ này là: Khung cảnh thiên nhiên ở lầu Ngưng Bích (núi,trăng…>thời gian, không gian, màu sắc, cảnh vật.)  \* Từ việc miêu tả khung cảnh thiên nhiên ở lầu Ngưng Bích mênh mông, hoang vắng, rợn ngợp ta thấy tâm trạng của TKiều ở đây buồn rầu, tủi hổ, cụ đơn, lẻ loi, lo lắng.  - Tả cảnh cửa bể chiều hôm, ngọn nước lớn, cánh hoa trôi, nội cỏ tàn úa, gió cuốn, tiếng sóng ầm ầm…là phương tiện để thể hiện tâm trạng của TKiều: cô đơn, nỗi nhớ nhà, quê hương, lo lắng cho thân phận chìm nổi trước cuộc đời, mông lung, lo âu, sợ hãi (nghệ thuật tả cảnh ngụ tình)  - Những câu thơ tả tâm trạng Tkiều:  *“ Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*  *Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.*  *Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*  *Tin sương luống những dày trông mai chờ.*  *Bên trời góc bể bơ vơ*  *…………………………..*  *Có khi gốc tử đó vừa người ôm"*  - Dấu hiệu tả tâm trạng: Tập trung miêu  tả , nỗi tủi thẹn bẽ bàng, nỗi nhớ về Kim Trọng, cha mẹ, nghĩ về thân phận cô đơn, bơ vơ nơi đất khách quê người…  -> Tâm trạng TK được bộc lộ trực tiếp trong lời thơ: bẽ bàng, tưởng người…, xót người…  \* Miêu tả nội tâm có vai trò và tác dụng rất to lớn trong việc khắc hoạ đặc điểm, tính cách, tâm trạng nhân vật ,nhằm khắc hoạ “chân dung tinh thần” của nhân vật, tái hiện những niềm vui, hạnh phúc hay những trăn trở, dằn vặt, khổ đau…những rung động tinh vi trong t/c,tư tưởng của nv.  ->Những y/t này nhiều khi k thể tái hiện bằng việc m/t ngoại hình.  **2.Bài tập 2/117** :  **\*Nhận xét**  - Đoạn văn miêu tả Lão Hạc với những đặc điểm về nột mặt,đầu…(tư thế)  ->Tâm trạng đau khổ, dằn vặt của Lão Hạc khi bán con Vàng.  -> Miêu tả nội tâm Lão Hạc qua nét mặt, cử chỉ -> cách miêu tả gián tiếp.  **3. Kết luận:** ghi nhớ SGK/117.  **III. Luyện tập:**  **1. BT1/117**  Sau khi Kiều quyết định bán mình chuộc cha, có mụ mối đã đánh hơi thấy món hời liền sốt sắng dẫn một gã đàn ông đến. Trông bề ngoài, anh ta đã hơn 40 tuổi, ăn mặc chải chuốt tới mức đỏm dáng, trai lơ. Cách ăn mặc cầu kì của anh ta khiến người ta có thể đoán được đây là một gã đàn ông vô công rồi nghề hoặc thuộc loại ăn chơi đàn đúm. Khi vào nhà Vương Ông, gia chủ chưa kịp mời thì gã đã ngồi tót lên ghế một cách thật lỗ mãng, xấc xược. Đến khi chủ nhà hỏi han trò chuyện thì gã bộc lộ rõ chân tướng của một kẻ vô học bằng những câu trả lời cộc lốc, trống không. Gã có vẻ đắc chí ngồi gật gù ngắm nhìn mụ mối giở trò vén tóc, nắm tay ... để “kiểm tra” mặc cả đúng nòi con buôn.  Trong khi mụ mối và MGS dường như đang say mồi với một cuộc mua bán thì nàng Kiều đáng thương của chúng ta chết lặng đi trong nỗi đau đớn, tủi nhục ê chề, nàng bước đi, hai hàng lệ tuôn trào.  Là người luôn ý thức được nhân phẩm, nàng xút xa, đau đớn cho số phận ngang trái,tình duyên lỡ làng, dang dở, kiếp mệnh đa đoan;uất ức"nỗi nhà" bị vu oan giá hoạ.Bao trùm tâm trạng Kiều ở đây là sự đau đớn, tủi hổ)  Nàng đâu ngờ cuộc đời mình lại đến nông nỗi này,.. người con gái tài hoa nhan sắc, khuê các bỗng trở thành món hàng mặc cả bán mua...  Cuối cùng thì cuộc mặc cả cũng đến hồi kết thúc, chao ôi, một người con gái tài hoa xinh đẹp sắc sảo và đoan trang, hiếu thảo nhường ấy mà cuối cùng cũng chỉ là một món hàng được định giá “ngoài 400” thật khiến cho ta đau lòng.  **2.Bài tập 2** /117  - Tâm trạng Kiều lúc gặp Hoạn Thư: oán giận, hả hê (lời lẽ mềm mỏng, lễ phép, những thực ra là châm biếm, mỉa mai, chì chiết -> Nghe Hoạn Thư "trình bày" phân vì khó xử -> quyết tha bổng cho Hoạn Thư.  3. **Bài tập 3**/117  Kể lại diễn biến sự việc, chú ý miêu tả tâm trạng sau khi gây ra việc không hay với bạn  (ví dụ: tõm trạng băn khoăn, hối hận khi việc không hay đó đã xảy ra) |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Hệ thống nội dung bài học

- Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự - vai trò của nó

- 2 cách miêu tả nội tâm

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- Học bài + xem lại và hoàn thành các bài

- Chuẩn bị cho chương trình địa phương phần văn.

- Sưu tầm các tác giả quê hương VP và các tác phẩm viết về quê hương VP.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 41.* CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN VĂN**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Bổ sung vốn hiểu biết về văn học địa phương bằng việc nắm được những tác giả và một số tác phẩm từ sau 1975 viết về địa phương mình.

**2.Kỹ năng :**

- Bước đầu biết cách sưu tầm, tìm hiểu tác giả, tác phẩm văn học địa phương

**3.Thái độ:**

- Hình thành sự quan tâm và tình cảm yêu mến với văn học của địa phương.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo, sưu tầm tài liệu thơ văn đia phương, đọc tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài,sưu tầm tài liệu thơ văn đia phương

(trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.;

Báo cáo việc sưu tầm tài liệu thơ văn địa phương.

**3.Bài mới** :

Trong chương trình địa phương ở lớp 8, các em đã bước đầu tìm hiểu VH địa phương đến năm 1975. Ở chương trình địa phương năm nay, các em sẽ tiếp tục tìm hiểu để bổ sung những hiểu biết về VH địa phương từ sau năm 1975.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | | | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** | | |
| **HĐ1. HD học sinh tập hợp theo tổ bản thống kê đã sưu tầm được:**  - Gv hướng dẫn học sinh lần lượt thực hiện các hoạt động  **HĐ2. HD các tổ đọc trước lớp bản thống kê:**  - Gv hình thành 1 bảng thống kê đầy đủ (dựa vào tư liệu và bản thống kê của H/s) | | | **I.Học sinh tập hợp theo tổ bản thống kê đã sưu tầm được:**  - Các thành viên trong tổ (nhóm) nộp bản thống kê  - Tổ trưởng (nhóm trưởng) tập hợp vào thành một bản  **II.Các tổ đọc trước lớp bản thống kê** (danh sách T/g, tác phẩm đã sưu tầm)  - Bổ sung vào bản thống kê của mình những tác phẩm T/g còn thiếu | | |
| **STT** | **TÊN TÁC GIẢ** | **NĂM SINH - QUÊ** | | | **TÁC PHẨM CHÍNH** |
| **1** | Nguyễn Đình Ảnh | 4/3/1942  Sơn Dương  Lâm Thao - PThọ | | | - Chào đất nước (1970); Trăng rừng (1977)  - Trước cổng trời (1989); Giã biệt một cánh sao chiều (1984); Sắc cầu vồng (1998) |
| **2** | Nguyễn Ngọc Bái | 1945  Vũ Yển  Thanh Ba - P.Thọ | | | - Trầm tĩnh cánh rừng (1990); thấp thoáng bóng mình (1991); đa mồ côi (1992); Thời áo lính (1993); Thạch thảo miền rừng (1994) |
| **3** | Tạ Minh Châu | 13/12/1949  Thuỵ Vân - Việt Trì | | | - Đi ngược hoàng hôn (1994)  - Lời rao trong đêm (2001) |
| **4** | Đào Ngọc Chung | 10/3/1939 | | | - Trăng khuyết (1972); Phía núi xa mờ (1993); Kỉ niệm dọc đường (1994); Đường cỏ hương quê (1999) |
| **5** | Nguyễn Đức Duyệt | Sinh năm 1943  Thị trấn Tam Sơn- Sông Lô, Vĩnh Phúc. | | | Một thời để nhớ |
| **6** | Phạm Tiến Duật | 14/1/1941  Thị xã Phú Thọ | | | - Ở hai đầu núi (1981); Nhóm lửa (1996)  - Vầng trăng và những quầng lửa (1983) |
| **7** | Kim Dũng | 1/6/1939  Bạch Hạc - Việt Trì | | | Mùa lúa mùa trăng (1978); Khát vọng (1982); Trăng trên phố (1994); Thức với dòng song (2001) |
| **8** | Xu©n Mai | 20/4/1949  Lim - Bắc Ninh | | | Ở một vùng quê; Tổ quốc; Hình trong thơ |
| **9** | Nguyễn Công Dương | 6/9/1939  Mê Linh- Vĩnh Phúc | | | - Mặt trời của em (1977)  - Cỏ ướt (1992); Cánh gió (1997) |
| **10** | Trịnh Hoài Đức | 14/7/1945  Thuỵ Vân - Việt Trì | | | Thả lên vòm nhớ (2002) |
| **11** | Dương Dương Thảo | 15/4/1972  Đông Anh - Hà Nội | | | Nắng lưu ly (1996) |
| **12** | Nguyễn Hưng Hải | 8/4/1959  Hùng Đô-Tam Nông | | | Ban mai chóng mặt (1989); Đêm Thị Mầu (1994); Thềm trăng |
| **13** | Đỗ Thị Thu Hiền | 25/5/1969  Cổ Tiết - Tam Nông | | | Vệt nắng đầu tiên; Hũ vàng của cha; Cổ tích người lữ hành |
| **14** | Lê Như Kí | 3/7/1934  Lâm Thao | | | Hoa vùng chè (1978) |
| **15** | Nguyễn Văn Mạch | 10/9/1942  Hạ Giáp Phù Ninh  Phú Thọ | | | Hoa gạo tháng 3 (1999) |
| **16** | Ngô Quang Nam | 1941  Tiền Hải-Thái Bình | | | Rừng cọ; Điệp khúc lời ru; Tìm nhau; Bút tre; Duyên một vầng trăng |
| **17** | Trần Thị Nương | 15/11/1953  Phụ Khánh-Hạ Hoà | | | Đừng đánh mất (1993); Tiếng gọi từ trăng núi (1995); Bão tím (1999); Ngọn lửa (2002) |
| **18** | Trần Nhương | 17/12/1942  Thạch Sơn  -L. Thao | | | Gương mặt tôi yêu (1980); Bài thơ tình của lính (1987); Sắc màu và con chữ (1998) |
| **19** | Khánh Nguyễn | 10/1/1942  Vĩnh Yên -V.Phúc | | | Lời từ đất (1973); Nắng lên cao (1975); Chân trời (1977); Tranh trên đất (1997) |
| **20** | Lª Xu©n KiÒu | 1939  TT Tam Sơn , Sông Lô, Vĩnh Phúc | | | * Vải thiều. * Vườn cò nhà ông. |
| **21** | Ng. Thị Minh Thông | 12/12/1949  Lâm Thao P.Thọ | | | Đất nước (1991); Bông hồng sau chiến tranh (1998) |
| **22** | Nguyễn Văn Toại | 27/5/1940  Xuân Lăng  L. Thao | | | Thảo nguyên hoạ mi (1972); Gom nhặt nhưng ngày (2003) |
| **23** | Hoµng Hïng | 1938  Bản Giản, Lập Thạch , Vĩnh Phúc | | | - Cây xương rồng |
| **24** | Nguyễn Văn Cầu | 7/1934  Tam Nông-  Phú Thọ | | | Tập truyện "Ngưỡng cửa mùa xuân"  Tập thơ "Giọt sữa" |
| **25** | Hà Thị Hải | 1970  Phong Châu-  P. Thọ | | | Ký ức sông Lô |
| **26** | Hà Phạm Phú | 15/9/1943  Đan Hoà - Hạ Hoà Phú Thọ | | | Hát về người (1981); Hương nắng tiếng chim (1982); Cỏ yêu (1999) |
| **27** | Lâm Quý | 18/4/1947  Quang Yên Lập Thạch | | | Tình Thơ cao Lan (1997)  Điều có thật trong dân gian (1988) |
| 28  29 | Nguyễn Bùi Vợi  ( Bùi Vợi)  Hữu Thỉnh( Nguyễn Hữu Thỉnh)- 1942 | Vĩnh Phúc  TamDương- Vĩnh Phúc | | | Qua Thâm Thình  - Lá cọ; Các anh về...  - Sang thu |
| **HĐ3. HD HS nhận xét đánh giá:**  - H/s nhận xét  - GV đánh giá  **HĐ4. Tìm hiểu những tác phẩm viết về địa phương Vĩnh Phúc** | | | | **III. Đại diện từng tổ đọc trước lớp bài viết tốt nhất:**  (Giải thích và nêu cảm nghĩ về 1 trong những T/p viết về địa phương)  **IV. Tác phẩm viết về địa phương Vĩnh Phúc.** | | |

**4. Củng cố -luyện tập:**

GV khái quát lại bài - Nhận xét.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Tiếp tục tìm đọc các tác phẩm

- Chuẩn bị: Tổng kết về từ vựng

+ Ôn lại các khái niệm (từ đơn, từ ghép, từ láy, từ tượng thanh , từ tượng hình, từ nhiều nghĩa, hiện tượng chuyển nghĩa…)

+ Làm các bài tập sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn*

*Ngày giảng*

***TIẾT 42.* TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

**(TỪ ĐƠN ,TỪ PHỨC..........TỪ NHIỀU NGHĨA)**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hệ thống hoá k/thức từ vựng từ lớp 6-> 9 Nắm đc một só k/n liên quan đến từ vựng . Nắmvững những k/t đã học về từ đơn, từ phức, thành ngữ, tục ngữ, nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa, hiện tưỡng chuyển nghĩa...

**2.Kỹ năng :**

- Biết vận dụng các kiến thức đã học vào g/t, đọc hiểu và tạo lập vb.

**3.Thái độ:**

- Yêu TV, giữ gìn sự trong sáng của TV.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài, làm các câu hỏi bài tập ôn lại các khái niệm:

từ đơn từ phức, từ ghép, từ láy,thành ngữ, nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa...

(trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.;

*H: Nêu các cách phát triển từ vựng TV? bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong Tv là ngôn ngữ nào?*

**3.Bài mới** :

**-** Để củng cố các kiến thức đã học từ lớp 6 đến lớp 9 về từ vựng, từ đó các em có thể nhận diện và vận dụng khái niệm, hiện tượng đã học một cách tốt hơn, chúng ta cùng vào tìm hiểu giờ học hôm nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **I. HĐ1.HDHS ôn tập từ đơn và từ phức, phân biệt các loại từ phức:**  *H:Nhắc lại KN: từ đơn, từ phức? cho VD?*  *H:Phân loại từ phức, cách phân biệt?*  - 1 H/s đọc BT 2  - Làm bài tập -> trình bày trước lớp  *H: Xác định từ ghép và từ láy?*  1 H/s đọc yêu cầu BT  *H: Xác định từ láy có sự "giảm nghĩa" và "tăng nghĩa" so với tiếng gốc?*  **HĐ2. HDHS ôn tập thành ngữ:**  *H:Nhắc lại khái niệm thành ngữ?*  - Đọc yêu cầu BT  - Hướng dẫn H/s làm bài  *H: xác định tổ hợp là thành ngữ và tổ hợp là tục ngữ?*  *- Giải nghĩa của các thành ngữ và tục ngữ đó?*  H/s đọc yêu cầu BT  Làm BT -> trình bày trước lớp (chia nhóm)  *H:Tìm 2 thành ngữ có yếu tố chỉ động vật và 2 thành ngữ có yếu tố chỉ thực vật, giải thích nghĩa và đặt câu với mỗi thành ngữ vừa tìm được?*  - Đọc yêu cầu BT  *H:Tìm thành ngữ được sử dụng trongvăn chương?*  **HĐ3. HDHS ôn tập nghĩa của từ:**  *H:Em hiểu thế nào là nghĩa của từ? Cho VD?*  *H:Muốn hiểu đúng nghĩa của từ ta phải đặt từ trong hoàn cảnh nào?*  - Hướng dẫn H/s làm BT  *H: Chọn cách hiểu* *đúng trong những cách hiểu sau?*  *H: Cách gthích nào đúng? Vì sao?*  **HĐ4. HDHS ôn tập từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ:**  *H: Từ nhiều nghĩa có đặc điểm gì?*  ?Hiện tượng chuyển nghĩa của từ?  Hướng dẫn Hs làm BT. | **I.Ôn lại khái niệm từ đơn, từ phức,**  **1. Khái niệm:**  - Từ đơn: là từ chỉ gồm 1 tiếng có nghĩa tạo thành:  VD: nhà, cửa, gà, vịt…  - Từ phức: Do 2 hoặc nhiều tiếng có nghĩa tạo nên:  VD: Bàn ghế, quần áo,sách vở,…  - Từ phức gồm 2 loại:  +) Từ ghép: được cấu tạo bởi những tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa: VD: nhà cửa, xăng dầu, chìm nổi…Có 2 cách ghép là ghép đẳng lập và ghép chính phụ  +) Từ láy: được cấu tạo bởi các tiếng có quan hệ với nhau về mặt âm VD: ầm ầm, rào rào…  **2.Bài tập:**  **2.1) Bài tập 2** SGK/122  - Từ ghép: giam giữ, tươi tốt, cỏ cây, đưa đón, rơi rụng, mong muốn, bọt bèo,bó buộc, nhường nhịn, ngặt nghèo  - Từ láy: nho nhỏ, gật gù, lạnh lùng, xa xôi, lấp lánh.  **2.2) Bài tập 3**: SGK/123  - Từ láy: có sự giảm nghĩa so với nghĩa gốc: trăng trắng, đèm đẹp, nho nhỏ, lành lạnh, xâm xấp  - Từ láy có sự tăng nghĩa so với nghĩa gốc: sạch sành sanh, sát sàn sạt, nhấp nhô  **II. Thành ngữ**:  **1.Khái niệm:** là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. Nghĩa của thành ngữ thường là nghĩa bóng.  VD: châu chấu đá xe, khẩu phật tâm xà, khôn nhà dại chợ, mượn gió bẻ măng, việc nhà thì nhác việc chú bác thì siêng…  **2. Bài tập**  **2.1. Bài tập 2**: SGK/123 mục (II)  - Tổ hợp từ là tục ngữ :a,c  - Tổ hợp từ là thành ngữ: b, d, e  +) *"Đánh trống bỏ dùi":* làm việc không đến nơi,đến chốn, bỏ dở, thiếu trách nhiệm.  +)Tục ngữ:*"Chó treo mèo đậy":* muốn giữ gìn thức ăn với chó thì phải treo lên, với mèo thì phải đậy lại.  +) *"Được voi đòi tiên":* tham lam được cái này muốn cái khác hơn.  +) *"Nước mắt cá sấu":* sự thông cảm thương xót, giả dối nhằm đánh lừa người khác.  - Tục ngữ: *"Gần mực…thì rạng":* hoàn cảnh, môi trường XH có ảnh hưởng quan trọng đến tính cách, đạo đức của con người.  2.2.**Bài tập 3**: Mục II  - Thành ngữ có yếu tố chỉ động vật:  +) Chó cắn áo rách: chỉ h/cảnh khốn cùng hoặc chỉ người nghèo lại còn thêm tai hoạ  Đặt câu: Anh ấy vừa cháy nhà,nay lại mất trộm,đúng là cảnh chó cắn áo rách.  +) Mèo mù vớ cá rán: 1 sự măy mắn tình cờ do h/cảnh đem lại không phải có được bằng tài năng, trí tuệ hay sự cố gắng nào đó.  +) Đầu voi đuôi chuột-> thiếu cân đối.  -Thành ngữ có yếu tố chỉ thực vật:  +) Cây nhà lá vườn: những thức rau, hoa, quả do nhà trồng được (không cầu kì, bày vẽ)  +) Bãi bể nương dâu: Theo tgian cuộc đời có những thay đổi khiến con người phải giật mình suy nghĩ.  +) Dây cà ra dây muống-> nói dài dòng lan man.  - Đặt câu: Anh đứng trước cái vườn hoang không còn dấu vết gì của ngôi nhà tranh khi xưa lòng chợt buồn về cảnh bãi bể nương dâu.  **2.3.Bài tập 4**: Tìm 2 dẫn chứng việc sử dụng thành ngữ trong văn chương  VD1: Vợ chàng quỷ quái tinh ma  Phen này “kẻ cắp bà già” gặp nhau”  (Thuý Kiều báo ân báo oán)  VD2:Một đời được mấy anh hùng  Bõ chi “cá chậu chim lồng mà chơi”  (ND- Truyện Kiều)  VD3: Tình cờ chẳng hẹn mà nên  “Mạt cưa mướp đắng” đôi bên một phường”  ( ND- Truyện Kiều)  VD4:“Thân em vừa trắng lại vừa tròn- Bẩy nổi ba chìm với nước non”  ( Bánh trôi nước- HXH)  **III. Nghĩa của từ:**  **1.Khái niệm:**  - Nghĩa của từ là toàn bộ nội dung (sự vật, t/chất, hđộng, qhệ) mà từ biểu thị  - Muốn hiểu đúng nghĩa của từ ta phải đặt từ trong câu cụ thể  VD: Thuyền, biển, tốt, xấu…  **2.Bài tập**:  **a.Chọn cách hiểu đúng trong những cách hiểu sau:**  - Nghĩa của từ mẹ là: "người phụ nữ, có con, nói trong quan hệ với con"  **b.Chọn cách giải thích đúng, giải thích vì sao lại chọn cách giải thích đó:**  - Cách giải thích đúng b: vì dung từ "rộng lượng" định nghĩa cho từ "độ lượng"(gthích bằng từ đồng nghĩa), phần còn lại là cụ thể hoá cho từ "rộng lượng"  - Cách gthích a không hợp lí vì dung ngữ DT chỉ thực thể để định nghĩa choTTchỉ tính chất  **IV.Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ**;  **1.Khái niệm**: - từ có thể có một hoặc nhiều nghĩa  VD: Từ 1 nghĩa: xe đạp, máy nổ  -Từ nhiều nghĩa: chân, mũi, xuân  - Hiện tượng chuyển nghĩa của từ: là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ tạo ra những từ nhiều nghĩa .Trong từ nhiều nghĩa có nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện từ đầu là cơ sở để hình thành các nghĩa khác. Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc, có quan hệ với nghĩa gốc  **2.Bài tập**:  - Từ hoa trong thềm hoa, lệ hoa được dùng theo nghĩa chuyển song nó chỉ có nghĩa như vậy trong văn cảnh này, chưa có trong từ điển(nghĩa chuyển lâm thời) nó chưa làm thay đổi nghĩa của từ -> không được coi là hiện tượng chuyển nghĩa của từ. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Hệ thống bài: 4 nội dung: Từ đơn, từ phức, thành ngữ, nghĩa của từ, hiện tượng chuyển nghĩa của từ - từ nhiều nghĩa.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học + ôn tập lại các kiến thức + làm BT

- Chuẩn bị : "Tổng kết về từ vựng"(tiếp theo)

+) Học thuộc các khái niệm: từ đồng âm,từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, cấp độ khái quát nghĩa của từ, trường từ vựng ; làm các bài tập trong SGK/124, 125, 126.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 43.* TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

**(TƯ ĐỒNG ÂM...... TRƯỜNG TỪ VỰNG)**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu được:

**1.Kiến thức :**

- Hệ thống hoá k/thức từ vựng từ lớp 6-> 9 Nắm đc một só k/n liên quan đến từ vựng . Nắmvững những k/t đã học về (từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ, trường từ vựng)

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kỹ năng hệ thống hoá kiến thức.

**3.Thái độ:**

- Yêu TV, giữ gìn sự trong sáng của TV.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài, làm các câu hỏi bài tập ôn lại các khái niệm:

Từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ, trường từ vựng (trả lời câu hỏi sgk)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.;

*H: Nêu khái niệm từ đơn, từ phức(từ ghép, từ láy); từ nhiều nghĩa, thành ngữ?*

*Cho ví dụ ?*

**3.Bài mới** :

**-** Giờ học trước, chúng ta đã cùng ôn lại những kiến thức về từ vựng đã học (từ đơn,….hiện tượng chuyển nghĩa của từ). Giờ này chúng ta ôn lại các nội dung: từ đồng âm,…trường từ vựng để giúp các em nắm vững hơn và biết vận dụng các kiến thức này vào giải quyết các bài tập.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS ôn tập từ đồng âm**:  *H:Thế nào là từ đồng âm?*  *H: Hãy phân biệt từ nhiều nghĩa với hiện tượng từ đồng âm? Cho VD?*  Làm bài tập (mục V/SGK 124)  *H:Trong 2 trường hợp (a) và(b) trường hợp nào có hiện tượng từ nhiều nghĩa trường hợp nào có hiện tượng từ đồng âm? Vì sao?*  **HĐ2. HDHS ôn tập từ đồng nghĩa**:  *H:Thế nào là từ đồng nghĩa? Cho VD?*  - HD H/s làm bài tập mục VI.  *H:Chọn cách hiểu đúng trong những cách sau đây? Giải thích vì sao lại chọn như vậy?*  - Đọc yêu cầu BT 3  - Làm BT  - Trình bày miệng trước lớp  *H:Trên cơ sở nào từ "xuân" có thể thay thế cho từ tuổi?*  *H: Việc thay thế từ trong câu trên có tác dụng diễn đạt ntn?*  **HĐ3. HDHS ôn tập từ trái nghĩa**:  *H:Nhắc lại khái niệm từ trái nghĩa? Cho VD?*  - Đọc yêu cầu BT  *H: Cho biết các cặp từ sau cặp từ nào có quan hệ trái nghĩa?*  - Gv hướng dẫn hs làm bài tập  **HĐ4.HDHS ôn tập cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ**:  *H:Nêu khái niệm về cấp độ* *khái quát của nghĩa từ ngữ? Cho VD?*  - 1 HS lên bảng, lập bảng hệ thống  - 1 H/s trình bày miệng  H/s khác bổ sung  **HĐ5.HDHS ôn tập cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ**:  *H:Nhắc lại khái niệm từ vựng? Cho VD?*  - HD H/s làm BT  - Trình bày trước lớp | **V.Từ đồng âm**:  **1.Khái niệm**:  - Từ đồng âm là những từ phát âm giống nhau nhưng nghĩa khác xa nhau  VD: Kiến **bò** đĩa thịt **bò =>** đồng âm  **ĐT DT**  \*) Phân biệt hiện tượng từ nhiều nghĩa với hiện tượng từ đồng âm.  a) Hiện tượng từ nhiều nghĩa: một từ có chứa nhiều nét nghĩa khác nhau.  VD: Từ "chín"  - Chỉ lương thực, thực phẩm đã nấu chín: Cơm chín…  - Chỉ thực vật phát triển đến giai đoạn cuối có thể thu hoạch hoặc sử dụng được: Lúa chín, mít chín.  - Chỉ sự vật đã được xử lí qua nhiệt như 1 công đoạn bắt buộc: Vá chín  b) Hiện tượng đồng âm: 2 hoặc nhiều từ ngữ phát âm giống nhau có nghĩa khác xa nhau.  VD: Con ngựa **lồng** lên, **lồng** vỏ chăn  **2.Bài tập2(124)**  a. Từ lá ở đây là từ nhiều nghĩa:  - Lá 1: nghĩa gốc  - Lá 2 (lá phổi): nghĩa chuyển  b. Đường 1: đường ra trận  Đường 2: như đường  => từ đồng âm nghĩa khác nhau  **VI.Từ đồng nghĩa**:  **1.Khái niệm**:  - Là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau .  VD: mẹ và má, chết - hi sinh, quả- trái  **2.Bài tập**:  **a.Bài tập 2(125)**  - Chọn cách hiểu d: "các từ đồng nghĩa với nhau có thể không thay thế được cho nhau trong nhiều trường hợp sử dụng"  VD: Nhóm từ: chết, bỏ mạng, khuất núi, tỏi, hai năm mươi…không thể thay thế cho nhau trong nhiều trường hợp.  **b.Bài tập 3(125)**  - Khi người ta đã ngoài 70 xuân…  -> từ xuân thay thế cho từ tuổi  => xuân chỉ một mùa trong 4 mùa của năm - 1năm lại tương ứng 1 tuổi. - ->Như vậy lấy 1 mùa để chỉ 4 mùa là phép hoán dụ (lấy bộ phận để chỉ toàn thể ) - 4mùa= 1năm = 1tuổi là phép so sánh ngang bằng.  - Từ "xuân" ở đây được sử dụng để tránh lặp từ tuổi tác,có hàm ý chỉ sự tươi đẹp trẻ trung đồng thời thể hiện tinh thần lạc quan của tác giả.  **VII.Từ trái nghĩa**  **1.Khái niệm**:  - Là những từ có nghĩa trái ngược nhau xét trên một cơ sở chung nào đó. - Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau.  VD: già >< trẻ (độ tuổi)  Già >< non ( sự vật)  **2.Bài tập**:  **a.Bài tập1(125)** cặp từ có quan hệ trái nghĩa:  Xấu - đẹp, xa - gần, rộng - hẹp  **b.Bài tập 2(125)**  - Cùng nhóm với sống - chết có: chẵn - lẻ; chiến tranh - hoà bình (trái nghĩa lưỡng phân: biểu thị 2 khái niệm đối lập nhau và loại trừ nhau,thường không có khả năng kết hợp được với những từ chỉ mức độ: rất, hơi, lắm, quá)  - Cùng nhóm với già - trẻ: yêu - ghét, cao - thấp, nông - sâu, giàu - nghèo (trái nghĩa thang độ: biểu thị khái niệm có tính chất thang độ, khẳng định cái này không có nghĩa là phủ định cái kia, có khả năng kết hợp được với các từ chỉ mức độ: rất, hơi, lắm, quá)  **VIII.Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ**:  **1.Khái niệm**:  - Từ được coi là nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của từ bao hàm phạm vi nghĩa của 1 số từ khác  - Từ được coi là nghĩa hẹp khi phạm vi nghĩa của từ được bao hàm trong phạm vi nghĩa của từ khác  VD: Động vật: chó, mèo, gà, lợn  - Một từ ngữ co nghĩa rộng đối với những từ ngữ này đồng thời có thể có nghĩa hẹp đối với 1 từ ngữ khác  **2.Bài tập2(126)**  - Từ: từ đơn và từ phức  - Từ phức: từ ghép và từ láy  + Từ ghép: chính phụ + đẳng lập  + Từ láy: láy toàn bộ + láy bộ phận  Láy bộ phận: Láy âm và lấy vần  Từ  ( Xét về đ/đ cấu tạo)    Từ đơn từ phức    từ ghép từ láy        C/phụ Đ/lập T/bộ B/phận    Âm Vần  - Giải thích nghĩa của những từ trong sơ đồ  **VD:** Từ láy âm là từ láy các bộ phận phụ âm đầu…  **IX.Trường từ vựng**  **1.Khái niệm:**  - Là tập hợp tất cả những từ có một nét chung về nghĩa.  VD: Trường từ vựng đồ dùng học tập: vở, sách bút…  **2. Bài tập:**  2 từ cùng trường từ vựng là tắm - bể  -> tăng giá trị biểu cảm của câu nói, khiến cho câu văn có hình ảnh sinh động và có giá trị biểu cảm. Sức tố cáo tội ác thực dân Pháp mạnh mẽ hơn. |

**4. Củng cố - luyện tập:**

- Hệ thống bài

- Các nội dung: : từ đồng âm … trường từ vựng.

- Học + ôn lại các nội dung đã học.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Làm các bài tập

- Lập dàn bài chi tiết cho đề bài viết số 2- chuẩn bị học giờ trả bài

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 44.* TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Nắm vững hơn cách làm bài văn tự sự kết hợp với miêu tả; nhận ra được những chỗ mạnh, chỗ yếu của mình khi viết loại bài văn này

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kỹ năng viết văn tự sự, kĩ năng trình bày diễn đạt, kĩ năng tìm hiểu đề, lập dàn ý .

**3.Thái độ:**

- Có thái độ nghiêm túc học hỏi và sửa lỗi.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, chấm chữa, chuẩn bị các phương án nhận xét, nội dung cần

đánh giá.

**2.Học sinh** :

- Đọc lại bài, tìm hiểu đề lập dàn bài cho đề văn.

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra** đầu giờ **: ( Kiểm tra 15 phút)**

***Câu 1:*** *Miêu tả nội tâm là gì? Các cách miêu tả nội tâm nhân vật ?Vai trò của yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự ?*

***Câu 2****: Viết một đoạn văn ngắn miêu tả tâm trạng Thuý Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích?*

**Đáp án**:

Câu 1*(5 điểm)* Miêu tả nội tâm là miêu tả những suy nghĩ những cảm xúc, tâm trạng diễn ra trong tâm hồn nhân vật.

- Có 2 cách miêu tả nội tâm:

- Miêu tả trực tiếp và miêu tả gián tiếp.

- Vai trò: Tái hiện lại chân dung tinh thần của nhân vật , tái hiện lại những cung bậc của cảm xúc: vui buồn, hạnh phúc, khổ đau, rằn vặt và những rung động tinh vi của tình cảm …đang diễn ra trong tâm hồn nhân vật. Từ đó khắc hoạ được tính cách phẩm chất của nhân vật.

*Câu 2(5 điểm).* Học sinh viết đoạn văn làm nổi bật các ý sau:

+) Hoàn cảnh của Thuý Kiều.

+) Tâm trạng cô đơn, bẽ bàng tủi hổ, nhớ thương của TK.

+) Nỗi lo sợ , hãi hùng cho thân phận trước hoàn cảnh đó.

**3.Bài mới** :

**- Giới thiệu bài**: Chúng ta đã cùng nhau viết bài TLV số 2: đó là kiểu bài yêu cầu kể chuyện kết hợp với miêu tả. Để đánh giá xem bài viết của các em đã làm được những gì, còn điểu gì chưa hoàn thành hoặc cần tránh. Tất cả những điều trên, chúng ta cùng nhau thực hiện trong giờ học này.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu đề và lập dàn bài**  - HS đọc lại đề bài TLV số 2  *H:Hãy xác định yêu cầu của đề bài?* (kiểu VB, các kĩ năng cần vận dụng vào bài viết)  *H:Hãy lập dàn ý cho đề văn*  - H/s khác theo dõi bổ sung  *H: Sử dụng yếu tố miêu tả vào các ý nào thì phù hợp?*  -> Sử dụng yêu tố miêu tả vào các ý: 2, 4, 5 trong phần thân bài (cần linh hoạt)  **HĐ2. HDHS nhận xét ưu và khuyết điểm:**  - GV nhận xét ưu điểm và nhược điểm  - Nhận xét và chỉ ra những tồn tại trong bài làm của H/s  Đưa ra các lỗi trong bài -> H/s sửa  **HĐ4. Trả bài, sửa lỗi:**  - GV trả bài cho học sinh  - Gv hướng dẫn học sinh sửa những lỗi sai  **HĐ5. Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến .**  - GV đọc mẫu những đoạn văn, bài văn viết tốt.  - Gọi học sinh trình bày ý kiến (nếu có) | **I.Đề bài**: Tưởng tượng 20 năm sau, vào một ngày hè, em về thăm lại trường cũ. Hãy viết thư cho một bạn học hồi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó  **II.Phân tích đề, lập dàn ý:**  **1.Phân tích đề**:  - Kiểu VB: tự sự kết hợp với miêu tả  - Vận dụng các kĩ năng: kể chuyện  + tưởng tượng + miêu tả  ***2.Lập dàn ý***:  **a) Mở bài**: (1 điểm)  Lí do viết thư cho bạn  **b) Thân bài:** (7 điểm)  \* Nội dung bức thư:  - Lời thăm hỏi bạn  - Kể cho bạn biết về buổi thăm trường đầy xúc động:  + Lí do trở lại thăm trường  + Thời gian đến thăm trường  + Đến thăm trường với ai  + Quang cảnh trường ? lớp học cũ ra sao? tâm trạng?…)  **c. Kết bài**: ( 1 điểm)  - Lời chúc, lời chào, lời hứa hẹn  - Kí tên  Hình thức (1 điểm)  **III.Nhận xét ưu, nhược điểm**  **1.Ưu điểm:**  - Các em đã xác định được yêu cầu của đề bài (kiểu văn bản cần tạo lập, các kĩ năng cần sử dụng trong bài viết)  - Vận dụng yếu tố miêu tả vào bài khá linh hoạt  - Bài viết sinh động, giàu cảm xúc: ví dụ bài làm của H/s: Phương, Linh, Trang…  - Diễn đạt lưu loát, bố cục bài viết khá chặt chẽ  ***2.*Nhược điểm**  - Bố cục bài làm ở một số em chưa mạch lạc, cần chú ý tách ý, tách đoạn.  - Sử dụng yếu tố miêu tả chưa linh hoạt, đôi khi qua lạm dụng làm cho bài viết thiếu tập chung.  - Còn mắc lỗi diến đạt, dùng từ, đặt câu:  - Còn sai chính tả.  - Chữ viết ở một số bài còn cẩu thả, chưa khoa học.  - Một số bài làm còn sơ sài, kết quả chưa cao  **IV. Trả bài, sửa lỗi và giải đáp thắc mắc**:  - Lỗi chính tả: + Sum suê -> xum xuê  + Buổi xớm -> sớm  + Sợ xệt -> sợ sệt  + dảnh dỗi -> rảnh rỗi  - Dấu câu, diễn đạt, dùng từ, cấu trúc...  **V.Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến .** |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- GV hệ thống lại cách làm bài văn tự sự hay, cách đưa yêú tố miêu tả vào bài văn tự sự và tác dụng.

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- Xem lại bài TLV số 2

- Chuẩn bị : Kiểm tra văn học trung đại

+) Ôn cụm truyện trung đại: Các bài Chuyện người con gái Nam Xương…Truyện Lục Vân Tiên.

+) Tác giả, tác phẩm, tóm tắt truyện, thể loại, nội dung , nghệ thuật,phân tích nhân vật: Vũ Nương, Quang Trung- NH, Lục Vân Tiên, Cảm nhận về các đoạn trích trong Truyện Kiều.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 45*. ĐỒNG CHÍ**

**(Chính Hữu)**

**I.Mục tiêu bài học** :

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Cảm nhận được vẻ đẹp chân thực, giản dị của tình đồng chí, đồng đội và hình ảnh của người lính cách mạng được thể hiện trong bài thơ.

- Nắm được nghệ thuật đặc sắc của bài thơ: chi tiết chân thực, hình ảnh gợi cảm và cô đúc, giàu ý nghĩa biểu tượng.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn luyện năng lực cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh trong tác phẩm thơ giàu cảm hứng hiện thực mà không thiếu sức bay bổng.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức trách nhiệm đối với bạn bè, trân trọng tình bạn,ý thức được trách nhiệm của công dân với đất nước.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới** :Từ sau CM tháng 8, trong văn hiện đại VN xuất hiện một đề tài mới: Tình đồng chí, tình đồng đội của người chiến sĩ cách mạng - anh bộ đội Cụ Hồ. Chính Hữu là một trong những nhà thơ đầu tiên đóng góp thành công vào đề tài ấy bằng bài thơ đặc sắc: "Đồng chí"

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - Hướng dẫn H/s đọc: chậm rãi, tình cảm,chú ý những câu thơ tự do, vần chân, câu thơ" Đồng chí" đọc với giọng lắng sâu,ngẫm nghĩ ; câu thơ cuối cùng đọc với giọng ngân nga  - Nhịp 3/4; 4/4, 2/5, 3/5->nhịp biến chuyển theo từng câu từng ý thơ.  - GV đọc mẫu -> H/s đọc  *H: Dựa vào phần chú thích, giới thiệu những nét chính về T/g?*  - Hs phát biểu- Gv nhận xét, kết luận  *H:Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?*  *H: Đồng chí và tri kỉ có nghĩa là gì?*  **HĐ2.HDHS đọc - hiểu văn bản:**  *H:Bài thơ được làm theo thể thơ gì? đặc điểm?*  *H: Bài thơ có sự đan xen của nhiều PTBĐ. Đó là những phương thức nào? PTBĐ nào là chủ yếu? Vì sao em xđịnh như thế?*  *H:Bài thơ này có thể chia làm mấy đoạn? Nêu nội dung chính của mỗi đoạn trong bài thơ?*  - 1 H/s đọc 7 câu thơ đầu  *H: Theo T/g tình đồng chí (giữa tôi và anh) bắt nguồn trên những cơ sở nào?*  *H:Họ có đặc điểm gì chung về hoàn cảnh xuất thân?*  *( H/ả nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá nói lên điều gì về nguồn gốc xuất thân của anh và tôi?)*  *H: NT mà tgiả sử dụng? Tdụng của nó là gì?-> có sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân*  (->chúng ta đều là những người ndân nghèo mặc áo lính: quê anh là vùng đất chiêm chũng quanh năm chiêm khê mùa úng - làng tôi là vùng đất trung du bạc màu hoặc khô cằn sỏi đá)  *H: Vì sao từ mọi phương trời xa lạ, họ lại có được tình đồng chí?*  *H: NT tgiả sử dụng? Tdụng của nó?*  - GV bình: họ vốn chẳng quen nhau nhưng lí tưởng chung của thời đại đã gắn kết họ lại với nhau trong hàng ngũ qđội "súng" biểu tượng cho nhiệm vụ chiến đấu,"đầu" biểu tượng cho lí tưởng,suy nghĩ, ĐNgữ (súng, đầu, bên) tạo âm điệu khoẻ,chắc, nhấn mạnh sự gắn kết cùng chung lí tưởng, cùng chung nhiệm vụ.  *H: Em hiểu câu thơ "Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ" ntn?*  - GV bình: cái khó khăn thiếu thốn hiện lên: đêm rét chăn không đủ đắp nên phải "chung chăn" nhưng chính sự "chung chăn" ấy, sự chia sẻ với nhau trong gian khổ ấy đã trở thành niềm vui ,thắt chặt t/cảm của những người đồng đội để trở thành " đôi tri kỉ"  *H:Từ các câu thơ trên, đến câu thơ thứ 7 tác giả viết: "Đồng chí!", em thấy có đặc điểm gì đặc biệt ở đây?*  *? Tác dụng của câu thơ?*  1 H/s đọc 10 câu thơ tiếp  *H: Ba câu thơ đầu cho em biết tình đồng chí ở đây được biểu hiện ntn?*  *H:Em hiểu từ "mặc kệ" ở đây ntn?*  - GV bình:Người lính đi chiến đấu để lại sau lưng những gì thương quý nhất của qhương: ruộng nương,gian nhà, giếng nước, gốc đa. Từ "mặc kệ" cho thấy tư thế ra đi dứt khoát của người lính nhưng sâu xa trong lòng họ vẫn da diết nhớ qhương.  *H: Năm câu tiếp theo tình đồng chí còn được biểu hiện ntn?*  *H: NT được sử dụng trong 5 câu thơ này là gì? tác dụng?*  *H: Câu thơ "thương nhau tay nắm lấy bàn tay" gợi cho em suy nghĩ gì?*  *H: Qua các câu thơ trên hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ buổi đầu kháng chiến hiện lên ntn?*  1 H/s đọc đoạn kết bài thơ  *H: Ba dòng thơ cuối cùng đã gợi 1 cảnh tượng như thế nào?*  *H:Trên cảnh "Rừng hoang sương muối" là những h/ả nào được gắn kết với nhau?Tdụng của những h/ả này?*  *H: Nêu cảm nhận của em về hình ảnh thơ ở cuối VB "Đầu súng trăng treo"*  - GVbình: "Súng" biểu tượng cho chiến tranh, cho hiện thực khốc liệt."Trăng" biểu tượng cho vẻ đẹp yên bình,mơ mộng và lãng mạn.Hai h/ả "súng"và "trăng" kết hợp tạo nên 1 biểu tượng đẹp về cuộc đời người lính: chiến sĩ và thi sĩ, thực tại và mơ mộng,chất chiến đấu và chất trữ tình…Vẻ đẹp của trăng cũng là vẻ đẹp cao cả thiêng liêng của tình đồng chí  **HĐ3.HDHS tổng kết:**  *H: Nhận xét về NT của VB này?*  *H:Nêu nội dung chính của VB này?*  - 1 H/s đọc ghi nhớ | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1. Đọc**  **2. chú thích**:  **a) Tác giả:** Chính Hữu tên khai sinh là Trần Đình Đắc ( 1926- 2007) quê ở huyện Can Lộc – Hà Tĩnh.  -Từ người lính trung đoàn thủ đô trở thành nhà thơ quân đội.Thơ ông hầu như chỉ viết về ng lính và 2 cuộc kháng chiến đặc biệt là những tình cảm cao đẹp của ng lính.  -Tác phẩm chính: Tập thơ "Đầu súng trăng treo"(1966)  - Năm 2000 nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật  **b) Tác phẩm:**  - Bài thơ được sáng tác vào đầu năm 1948 - sau khi t/g cùng đồng đội tham gia chiến dịch VB( thu-đông) 1947. Đây là bài thơ tiêu biểu viết về ng lính CM của v/h thời kì chống Pháp.  - Bài thơ được đồng chí Minh Quốc phổ nhạc.  **c) Từ khó:**  - Đồng chí: người cùng chí hướng, lí tưởng  - Tri kỉ: biết mình; đôi tri kỉ: đôi bạn thân thiết  **II. Đọc hiểu văn bản**  **1)Thể loại -phương thức biểu đạt:**  - Thể thơ: tự do các câu với số tiếng khác nhau, chủ yếu là vần chân, nhịp thơ không cố định, theo dòng mạch cảm xúc.  - PTBĐ: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm. Biểu cảm là pthức chủ yếu vì tập trung diễn tả cảm nghĩ của con người về tình đồng chí.  **2) Bố cục:** 3 đoạn  +) 7 câu đầu: những cơ sở để hình thành tình đồng chí.  +) 10 câu tiếp: những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí  +) 3 câu còn lại: Chất thơ trong cuộc sông chiến đấu gian khổ của người lính  **3) Phận tích:**  **a. Những cơ sở để hình thành tình đồng chí:**  - Tương đồng về hoàn cảnh xuất thân, cùng giai cấp: đều là người nông dân lao động nghèo khổ.  "**Quê hương** **anh> < Làng tôi nghèo** …  **nước mặn đồng chua><đất** **cày lên sỏi đá…"**  ->NT: đối, thành ngữ    - Cùng chung nhiệm vụ,cùng chung lí tưởng. Tình đồng chí còn được nảy sinh từ sự cùng chung nhiệm vụ sát cánh bên nhau trong chiến đấu:  *"Tôi với anh đôi người xa lạ*  *…chẳng hẹn quen nhau,*  *Súng bên súng, đầu sát bên đầu*  *… đôi tri kỉ”*  -> hình ảnh thơ sóng đôi , điệp ngữ.  - Tình đồng chí, đồng đội nảy nở và trở nên bền chặt trong sự chia sẻ mọi gian lao thiếu thốn cũng như niềm vui trong cuộc sống.  *"Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ"*  - Dòng thơ đặc biệt, 2 tiếng ,1từ, dấu chấm than "Đồng chí!" => tạo 1 nốt nhấn như một phát hiện, 1 lời khẳng định, là quá trình tất yếu dẫn đến 1 t/cảm cao đẹp của tình đồng chí. Câu thơ được lấy làm nhan đề của bài, biểu hiện chủ đề, là linh hồn của bài thơ. =>Nó như bản lề nối liền 2 đoạn thơ khép mở 2 ý thơ: nhữngcơ sở của tình đồng chí và những biểu hiện của tình đồng chí  **b. Những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí:**  -Tình đồng chí là sự cảm thông sâu xa những tâm tư nỗi lòng của nhau:  *"Ruộng nương …****mặc kệ****… ra lính"*    +)"Mặc kệ" thể hiện quyết tâm ra đi cứu nước tạm quên tình riêng gđình  **-**Tình đồng chí là thông cảm với nhau về bệnh tật trong chiến đấu mà người lính mắc phải:  *"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*  *Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi"*  - Tình đồng chí là cùng nhau chia sẻ những gian lao và thiếu thốn trong cuộc đời người lính,  *" Áo anh …..chân không giày"*  NT: Sử dụng các câu thơ song đôi, đối ứng, tả thực. Cấu trúc ấy đã diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội  - Sự yêu thương nhau thể hiện chân thành giản dị họ nắm tay để truyền cho nhau hơi ấm và sức mạnh của tình đồng chí hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá"  -> Sức mạnh của tình cảm keo sơn gắn bó sâu sắc giữa những người lính giúp ho vượt qua mọi khó khăn thiếu thốn và gian khổ.  \* Chân dung anh bộ đội Cụ Hồ buổi đầu kháng chiến sống gian khổ, thiếu thốn nhưng tình đồng chí sưởi ấm lòng họ.  **c.Chất thơ trong cuộc sống chiến đấu gian khổ:**  - Bức tranh đẹp về tình đ/c, đồng đội của người lính, là biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ.  - Trên cảnh rừng hoang sương muối là 3 hình ảnh gắn kết : người lính, khẩu súng, vầng trăng.  => Làm nên sức mạnh của tình đồng đội giúp họ vượt lên những khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ thiếu thốn.  - "Đầu súng trăng treo"  "suốt đêm vầng trăng ở bầu trời cao xuống thấp dần và có lúc như treo lơ lửng ở trên đầu mũi súng"  (suy nghĩ của tác giả.-> hình ảnh được nhận ra từ những đêm hành quân, phục kích chờ giặc của tác giả.)  + Súng và trăng, gần và xa , thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ.  -> Các mặt này bổ sung cho nhau, hài hoà với nhau của cuộc đời người lính cách mạng(biểu tượng của thơ kháng chiến: kết hợp chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn)  **III.Tổng kết**  **1.Nghệ thuật**:  - Thể thơ tự do, lời thơ giản dị, mộc mạc, cô đọng  - Các câu thơ song đôi, đối ứng tả thực  **2 Nội dung:** Bài thơ thể hiện hình tượng người lính cách mạng- thời kì chống Pháp, và sự gắn bó keo sơn của họ qua những chi tiết hình ảnh, ngôn ngữ giản dị.  **\*Ghi nhớ (SGK/**131**)** |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Hệ thống nội dung bài : - Vì sao tác giả lại đặt tên cho bài thơ là Đồng chí?

-> Đồng chí: cùng chung chí hướng, lí tưởng -> cách xưng hô của những người cùng trong 1 đoàn thể cách mạng.

=> Đồng chí là bản chất cách mạng của tình đồng đội và thể hiện sâu sắc tình đồng đội.

**5. Hướng dẫn hs học bài ở nhà:**

- Học bài + đọc thuộc lòng, diễn cảm bài thơ

- Vì sao câu thơ cuối bài lại được tgiả chọn làm nhan đề của cả tập thơ?

- Soạn: Bài thơ về tiểu đội xe không kính" trả lời câu hỏi đọc- hiểu, đọc thuộc lòng bài thơ.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

**TIẾT 46. BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

**(Phạm Tiến Duật)**

**I.Mục tiêu bài học** :

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hs có những hiểu biết bước đầu về nhà thơ Phạm Tiến Duật. Đặc điểm của thơ PTD qua một sáng tác cụ thể: Giàu chất hiện thực và tràn đầy cảm hứng lãng mạn.

- Hiện thực cuộc k/c chống Mĩ đc p/a trong t/p; vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm, tràn đầy niềm lạc quan cách mạng…của những con ng đã làm nên con đg Trường Sơn huyền thoại đc khắc hoạ trong bài thơ.

**2.Kỹ năng :**

- Đọc- hiểu một bài thơ hiện đại.

- Phân tích đcvẻ đẹp hình tượng ng chiến sỹ lái xe Trường Sơn trong bài thơ.

- Cảm nhận đc ngôn ngữ hình tượng thơ độc đáo trong bài thơ.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức trách nhiệm đối với bạn bč, trân trọng těnh bạn,ý thức được trách nhiệm của công dân với đất nước.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,

bảng phụ.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiẻm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

Hãy đọc thuộc lòng bài thơ?

Giải thích: Vì sao tác giả lại đặt tên cho bài thơ của mình là “Đồng chí”?

**3.Bài mới** :Trong mỗi người chắc không ai không thuộc bài hát "Trường Sơn đông Trường Sơn tây" phổ thơ của nhà thơ Phạm Tiến Duật. Giờ học này chúng ta sẽ tìm hiểu thêm về người lính trường sơn năm xưa qua một bài thơ khác của ông: đó là "Bài thơ về tiểu đội xe không kính"

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - HD H/s đọc: giọng vui , khoẻ khoắn, dứt khoát , thể hiện tư thế ung dung tự tại, tinh thần dũng cảm của tuổi trẻ trước khó khăn nguy hiểm.  - Ngắt nhịp:4/4;2/6;2/2/2->nhịp thơ biến chuyển linh hoạt  - GV đọc mẫu -> H/s đọc tiếp.  *H: Giới thiệu những nét cơ bản về*  *T/g?*  *H:Em hãy giới thiệu vài nét về tác phẩm?*  *H:Em hiểu thế nào là Bếp Hoàng Cầm, tiểu đội, chông chênh…?*  **HĐ2.HDHS đọc- hiểu văn bản**:    *H:Xác định thể thơ của VB?*  *H: Chia bố cục của bài thơ?*  *H: Bài thơ làm theo thể thơ nào?*  *H: Phương thức biểu đạt?*  *H:Em có nhận xét gì về nhan đề bài thơ?*  *H:T/g thêm 2 chữ "bài thơ" vào nhan đề trên có tác dụng gì?*  *H:Hình ảnh những chiếc xe không kính trong bài thơ được hiện lên qua những câu thơ nào?*  *H:Nguyên nhân nào khiến những chiếc xe kh kính?*  *H: Nhận xét cách nói trong bthơ và tác dụng của nó?*  *H: Xe k kính là h/tượng bình thường hay bất bình thường trong chiến tranh?*  *H: Hiện thực nào về c/tr đc thể hiện qua h/ả những chiếc xe k kính?*  *H: T/g giới thiệu về h/a xe k kính với giọng điệu thơ ntn?*  *H: Vậy h/ả những chiếc xe k kính trở nên đọc đáo là do đâu?*  *H: Nhân vật trữ tình trong bài thơ là những chiếc xe k kính hay nh ng lính lái xe?*  ( Người lính lái xe)  *H: Hình ảnh người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn được hiện lên trong những câu thơ nào?*  *H:Những ng lính lái xe mang tư thế và phong thái ntn khi ngồi lái những chiếc xe k kính?*  *H: Tầm nhìn của các anh ra sao khi lái những chiếc xe k kính?*  *H:Các anh có cảm giác ntn trong khi lái xe?- Đọc khổ thơ thứ 3,4:*  *H: Mặc dù vậy các anh cũng gặp k ít k/k nguy hiểm khi lái những chiếc xe k kính, đó là những k/k nào?*  *H: Nhận xét về nhịp thơ, BP tu từ mà t/g sử dụng?tác dụng?*  *H:Điều gì đã khiến những ng lính lái xe quên đi những khó khăn nguy hiểm để chấp nhân thực tại?*  *H: Vẻ đẹp nào đc bộc lộ trong phẩm chất của những ng lính lái xe TS?*  *H:Đọc những câu thơ nói về tình đồng đội của những người lính lái xe?*  *H: Em nhận xét như thế nào về đời sống sinh hoạt của những ng lái xe ntn ?*  *H: Trong h/c ấy tinh thần đồng đội của họ đc thể hiện ntn?*  *H: Em cảm nhận đc điều gì từ những cái bắt tay qua cửa kính vỡ của những ng lính lái xe?*  *H:Ở khổ thơ cuối t/g còn cho ta thấy những khiếm khuyết nào của xe?*  *H: Điều gì khiến người lính lái xe vượt qua tất cả những trở ngại đó?*  *H: phép tu từ ở khổ thơ cuối là gì?*  *H: Em có suy nghĩ gì về nội dung hai câu thơ cuối?*  => Xe vẫn chạy vì miền Nam ...Chỉ cần trong xe có **1 trái tim**  +>Hình ảnh hoán dụ .  GV: Khó khăn kh thể ngăn cản ý chí quyết tâm c/đ.  Vẻ đẹp của sự trung thành với lí tưởng CM gpdt.  - *“Không có kính…tim”:* thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu lại là hoàn cảnh để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp: sức mạnh tinh thần lớn lao, lòng dũng cảm, tinh thần bất chấp gian khổ, khó khăn.  *H: Qua phần phân tích trên đây, hãy nhận xét chung về người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn năm xưa?*  **HĐ3.HDHS tổng kết:**  *H: Cảm nhận về giá trị nội dung và nghệ thuật sau khi học văn bản?* | **I.Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1.Đọc**  **2. Chú thích:**  **a)Tác giả:** Phạm Tiến Duật (1941- 2007)  - Quê: Thanh Ba- Phú Thọ  - Năm1964 gia nhập quân đội và hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn  - Là gương mặt tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trẻ thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước  - Thơ ông có giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc.  **b)Tác phẩm**:  Bài thơ nằm trong chùm thơ của Phạm Tiến Duật được tặng giải nhất cuộc thi thơ do báo văn nghệ năm 1969 và được đưa vào tập "Vầng trăng quầng lửa"  **c)Chú thích khác ( SGK)**  **II.Đọc- hiểu văn bản**:  **1.Thể loại:**  - Thể thơ tự do, câu dài ngắn khác nhau, vần gieo ở tiếng cuối cùng của dòng thơ.  **2. Bố cục:**  - Bài thơ gồm 3 phần:  +Phần 1(4 khổ thơ đầu)  =>H/ả những chiếc xe k kính và những ng lính lái xe.  + Phần 2( Hai khổ thơ giữa)=>Tình đồng đội của những ng lính lái xe.  + Phần 3(Khổ thơ cuối)  ->Quyết tâm của những ng lính lái xe.  \* Thể thơ: Thể thơ tự do  \*Phương thức biểu đạt : Biểu cảm, tự sự và miêu tả  **2.phân tích:**  **a)Nhan đề bài thơ và hình ảnh những chiếc xe không kính:**  \***Nhan đề bài thơ** "Bài thơ…không kính"  - Dài, tưởng như có chỗ thừa (các từ "bài thơ về")-> mới lạ và độc đáo  -> Làm nổi bật và rõ h/ả toàn bài: những chiếc xe không kính và những ng lính lái xe trên tuyến đường TS.  =>Hai chữ "bài thơ"thêm vào nhan đề giúp người đọc thấy rõ hơn cách nhìn cách khai thác hiện thực của tgiả. Ông đã khai thác chất thơ từ hiện thực chiến tranh qua những chiếc xe không kính. Đó cũng là chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm, trẻ trung, vượt lên thiếu thốn, gian khổ, nguy hiểm của chiến tranh.  **\*Hình ảnh những chiếc xe không kính:**  “*Không có kính khg phải vì xe khg có kính*  *Bom giật bom rung kính vỡ mất rồi”.*  *“… xe không kính*  *Không có đèn, không mui*  *Thùng xe có xước”*  - Xe vốn có kính nhưng đã bị bom đạn tàn phá-> không có kính  - Nghệ thuật:dùng động từ mạnh(giật, rung, vỡ) ; dùng từ phủ định “*không phải”*  =>Hình ảnh những chiếc xe trở nên độc đáo.  - Đây là hiện tượng bình thường trong h/cảnh c/tr ác liệt.  - Gợi lên sự tàn phà khốc liệt của c/tr.  - Giọng điệu:Hóm hỉnh,tinh nghịch lạc quan.  => Hồn thơ nhạy cảm, giọng thơ ngang tàng, tinh nghịch của người lính đã khiến những chiếc xe k kính trở thành h/tg thơ độc đáo của thời c/tr chống Mĩ.  **b.Hình ảnh những chiên sĩ lái xe Trường Sơn:**  *"Ung dung buồng lái ta ngồi*  *Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng."*  *"Nhìn thấy gió xoa vào mắt đắng*  *…như sa như ùa vào buồng lái."*  - Tư thế:hiên ngang sẵn sàng băng ra trận-> tìm thấy niềm vui, niềm hp, khi được /đấu vỡ ho bỡnh.  - Phong thái: ung dung, làm chủ hoàn cảnh.  - Tầm nhìn bao quát k/gian “ nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng”  - Cảm giác tự do như được bay lên bầu trời,cảm giác sảng khoái được hoà nhập với t/n, vũ trụ- giao cảm với t/g bên ngoài chiêm ngưỡng vẻ đẹp của t/n.  *"Không có kính ừ thì có bụi*  *…chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc….ha ha.*  *…không có kính, ừ thì ướt áo*  *Mưa tuôn mưa xối… trời*  *…chưa cần thay lái trăm cây số nữa*  *…………………..khô mau thôi.”*  - Khó khăn: mưa, bụi, sự khắc nghiệt của thởi tiết(gió rét)=> T/đ xấu đến sức khoẻ.  - NT:Sdụng điệp từ, so sánh, cấu trúc câu thơ được lặp lại: *ừ thì,chưa cần;*  nhịp thơ dồn dập, khoẻ khoắn, vui tươi  ->khắc hoạ nột tâm hồn sôi nổi của tuổi trẻ.  - Tinh thần lạc quan, thái độ bình thản, sẵn sàng chấp nhận gian khổ nguy hiểm, vượt lên hoàn cảnh.  =>Những con ng có phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh thần lớn lao, dũng cảm vượt gian khó để hoàn thành n/vụ.  **c. Tình đồng đội:**  *Những chiếc xe từ trong bom rơi*  *……………..tiểu đội*  *…gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới*  *Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi."*  *Bếp hoàng cầm………..*  *………….gia đình đấy*  *……………..trời xanh thêm.”*  - Việc ăn uống, nghỉ ngơi tất cả chỉ là tạm thời->Sinh hoạt khẩn trương nhưng vẫn đàng hoàng.  - Tác phong sống nhanh nhẹn, hoạt bát, sôi nổi, lạc quan, tinh nghịch, ấm áp tình đồng đội.  - Bắt tay quyết tâm - truyền cho nhau sức mạnh tinh thần lớn lao, vượt qua gian khó.  =>Tình đồng chí, đồng đội, gắn bó như anh em g/đình ruột thịt.  *“ Chung bát đũa… gia đình đấy”*  **d.Ý chí giải phóng miền Nam**  - Lái những chiếc xe, k kính, k đèn, k mui, thùng xe xước…Tất cả đều a/h đến k/năng lăn bánh của xe.  - Tình yêu nc nồng nhiệt của tuổi trẻ,ýchí chiến đấu và giải phóng Miền Nam thống nhất nước nhà khiên những người lái xe vượt qua khó khăn gian khổ.  *“ Xe vẫn chạy vì miền Nam ...Chỉ cần trong xe có* ***1 trái tim”***  - NT :Hình ảnh hoán dụ .  -> Khẳng định quyết tâm giải phóng miền nam không gì lay chuyển, tình yêu miền Nam là sức mạnh vô song (xe có thể thiếu nhiều thứ, nhưng không thể thiếu được trái tim hướng về miền Nam - xe chạy = trái tim = xương máu của những người chiến sĩ lái xe anh hùng)  \*Hình ảnh những người chiến sĩ lái xe: trẻ trung, tinh nghịch , ngang tàng mà kiên định lạc quan, yêu đời  -> Ýchí quyết tâm giải phóng miền Nam của toàn dân, toàn quân ta, khẳng định con người mạnh hơn sắt thép.  **III.Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ tự do (kết hợp linh hoạt thể bảy chữ và thể tám chữ)  - Điệp từ, điệp cấu trúc câu  - Ngôn ngữ, giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên khoẻ khoắn, tinh nghịch.  **2.Nội dung:**  - Hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam |

**4. Củng cố , luyện tập:**

- Hệ thống bài:

- Nhan đề bài thơ -> độc đáo thu hút

- Hình ảnh những chiếc xe không có kính

- Hình ảnh người lính lái xe

- Đọc diễn cảm bài thơ.

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- Làm Bài tập 1, 2 SGK/133

- Học bài + làm bài tập (SBT)

- Ôn tập chuẩn bị cho kiểm tra 2 tiết văn học trung đại. Học thuộc lòng bài thơ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 47, 48.* KIỂM TRA VỀ TRUYỆN TRUNG ĐẠI**

**I.Mục tiêu bài học** :

**1.Kiến thức :**

- Nắm lại những kiến thức cơ bản về truyện trung đại Việt Nam: những thể loại chủ yếu, giá trị nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm tiêu biểu

- Qua bài kiểm tra, đánh giá được trình độ của mình về các mặt kiến thức và năng lực diễn đạt.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kỹ năng tổng hợp kiến thức, trình bày, diễn đạt.

**3.Thái độ:**

- Có thái độ nghiêm túc , tự giác khi làm bài kiểm tra.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+)Đọc các tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,soạn bài, rađề

**2.Học sinh** :

+) Ôn tập phần văn học trung đại tác giả, nội dung tác phẩm- giá trị nghệ thuật, hệ thống nhân vật chính, các đoạn trích trong Truyện Kiều)

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới:**

**\*Khung ma trận đề kiểm tra văn:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Tên CĐ | Nhận biết | Thông Hiểu | Vận dụng | | Cộng |
| Thấp | Cao |
| Chủ đề 1:  Chuyện người con gái nam Xương,  Hoàng Lê nhất thống chí. | Xác định được lí do việc tác giả xây dựng h/ả vua QT  thật đẹp, thật hay. |  |  | Phân tích được nhân vật Vũ  Nương để thấy được số phận người phụ nữ dưới chế độ pk |  |
| Số câu:  Tổng điểm:  Tỷ lệ % | Số câu : 1  Số điểm:0.5  Tỉ lệ:5% |  |  | Số câu: 1  Sốđiểm:5  Tỉlệ:50% | Số câu: 2  Số điểm :5.5  Tỉ lệ:55 % |
| **C**hủ đề 2:  Truyện Kiều | Nhận biết được giá trị nghệ thuật của truyện Kiều, nghệ thuật đoạn trích “Chị em Thuý Kiều” | Học sinh hiểu được mục đích của tác giả trong đoạn trích “Cảnh ngày xuân”  Cảm nhận được không gian lầu Ngưng Bích. | Học sinh thuộc thơ và cảm nhận được nội dung giá trị nghệ thuật 8 câu cuối đoạn trích: Kiều ở lầu NB |  |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ % | Số câu:2  Số điểm: 1  Tỉ lệ :10% | Số câu: 2  Số điểm:1  Tỉ lệ :10% | Số câu: 1  Số điểm:2  Tỉ lệ:20% |  | Số câu:5  Số điểm:4  Tỉ lệ :40% |
| **C**hủ đề 3:  Truyện Lục Vân Tiên |  | Hiểu được khát vọng NĐC gửi gắm trong nhân vật LVT |  |  |  |
|  |  | Số câu : 1  Số điểm:0.5  Tỉ lệ:5% |  |  | Số câu: 1  Sốđiểm:  0.5  Tỉ lệ:5% |
|  | Số câu : 3  Số điểm:1.5  Tỉ lệ:15% | Số câu : 3  Số điểm:1.5  Tỉ lệ: 15% | Số câu : 1  Số điểm:2  Tỉ lệ:20% | Số câu: 1  Sốđiểm:5  Tỉlệ:50% | Số câu: 8  Sốđiểm:10  Tỉlệ:100% |

**Đề bài:**

**I. Phần trắc nghiệm:**

- Trả lời câu hỏi bằng cách Lựa chọn mộ phương án đúng nhất.

*Câu 1: Vì sao trong đoạn trích: “Hồi thứ mười bốn” của tác phẩm “ Hoàng Lê nhất thống chí” tác giả vốn trung thành với nhà Lê mà lại viết rất chân thực và hay về Quang Trung?*

A.Vì họ có ý thức dân tộc. B. Vì họ tôn trong sự thật lịch sử.

C.Vì họ ủng hộ kẻ mạnh D. Vì họ không còn ủng hộ nhà Lê.

***Câu 2****. Dòng nào nhận định* ***không*** *đúng về nghệ thuật truyện Kiều?*

A. Nghệ thuật xây dựng cốt truyện độc đáo.

B. Ngôn ngữ dân tộc và thể thơ lục bát đã đạt đến đỉnh cao rực rỡ.

C. Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên tài tình.

D. Nghệ thuật khắc hoạ tính cách nhân vật và miêu tả tâm lí nhân vậtkhéo léo, tinh tế.

**Câu 3***. Bút pháp nghệ thuật nào được Nguyễn Du sử dụng để tả hai chị em Thuý Kiều trong đoạn trích: “ Chị em Thuý Kiều”*

A. Bút pháp tả thực B. Bút pháp lãng mạn

C. Bút pháp ước lệ D. Bút pháp khoa trương

**Câu 4.** *Nội dung chính của đoạn trích : Cảnh ngày xuân” là gì?*

A. Tả cảnh ngày xuân rực rỡ

B. Tả cảnh lễ hội trong tiết thanh minh nhộn nhịp

C. Giới thiệu hai chị em Thuý Kiều

D. Tả cảnh chị em Thuý Kiều đi chơi xuân

**Câu 5**. *Trong đoạn trích : “ Kiều ở lầu Ngưng Bích”, không gian trước lầu Ngưng Bích gợi cho em cảm nhận gì?*

A. Nhẹ nhàng. thanh bình

B. Mênh mông hoang vắng đến rợn ngợp.

C.Yên ả , trong lành

D. Bình dị, thân quen

**Câu 6**. *Trong đoạn trích : “ Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” khát vọng nào của nhà thơ được gửi gắm qua đoạn trích?*

A. Trở nên giàu sang có địa vị xã hội

B. Làm nên công danh lừng lẫy.

C. Cứu người, giúp đời

D. Người anh hùng sẽ được lưu danh sử sách

**II. Phần tự luận:**

***Câu 1****: Chép thuộc lòng 8 câu thơ cuối đoạn trích : “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ đó?*

***Câu 2****. Phân tích nhân vật Vũ Nương để thấy được số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến?*

**Đáp án và hướng dẫn chấm**:

**I. Phần trắc nghiệm:** mỗi câu đúng 0.5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Điểm | B | A | C | D | B | C |

**II. Phần tự luận:**

***Câu 1****: Chép thuộc lòng 8 câu thơ cuối đoạn trích : “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ đó?*

- Tám câu thơ cuối (1điểm)

“Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Buồn trong ngọn nước mới xa

Hoa trôi man mác biết là về đâu

Buồn trông nội cỏ dầu dầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

- Nội dung(0.5điểm): Tâm trạng cô đơn buồn đau thương nhớ, hãi hùng lo sợ của TK khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích .

- Nghệ thuật( 0.5 điểm): Điệp ngữ “ Buồn trông”lặp đi lặp lại, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, câu hỏi tu từ->Tâm trạng TK tăng tiến từ man mác buồn cô đơn đến cồn cào nhớ thương -> lo sợ hãi hùng .

***Câu 2****. Phân tích nhân vật Vũ Nương để thấy được số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến?*

**a. Mở bài**: (0.5 điểm) Giới thiệu tác giả - truyện – nhân vật VN-> đại diện điển hình cho số phận người phụ nữ trong xã hội pk.

**b. Thân bài:**

- Vũ nương đẹp người đẹp nết. (0.5 điểm)

Đây là người phụ nữ hội tụ đầy đủ những phẩm chất tốt đẹp cao quý của người

phụ nữ VN với công- dung- ngôn- hạnh- tam tòng tứ đức. Để làm sáng tỏ điều này nhà

văn đã đặt người phụ nữ này vào những hoàn cảnh cụ thể khác nhau.

-Khi chưa lấy chông nàng được giới thiệu là người con gái : *“thuỳ mỵ, nết na, tư dung*

*tốt đẹp”*

**Trong cuộc sống với chồng hằng ngày :** Nàng là người vợ tốt biết giữ đạo vợ

chồng, giữ gìn khuôn phép, thu xếp gia đình luôn thuận hoà êm ấm(*Trương Sinh*

*có* *tính...đến thất hoà)(0.5 điểm)*

**- Khi tiễn chồng ra trận** :nàng không mong vinh hiển mà chỉ cầu cho chồng sớm bình an trở về sum họp. Nàng bộc lộ t/c đằm thắm thiết tha, cảm thông với những gian lao mà chồng sẽ gặp nơi chiến trận *“ Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám...bình yên ,thế là đủ”.*Lời bày tỏ t/c đầy tình nghĩa của nàng khiến bao bạn đọc phải rơi lệ. Đối với nàng, chồng nàng được trở về bình yên là quá đủ,bởi nàng hiểu chồng nàng ra trận phải đối mặt với bao vất vả gian lao và hiểm nguy *“ Chỉ e việc quân khó liệu...gian lao”.* Nàng bày tỏ tâm trạng lưu luyến, nhớ nhung, khắc khoải: *“Nhìn trăng soi...bay bổng: (1 điểm)*

**- Khi xa chồng**:

**\* Đối với chồng** (1 điểm)

Nàng là người vợ chung thuỷ, yêu chồng tha thiết; Nàng sống trong nỗi nhớ lúc âm ỉ lúc trào dâng dữ dội, nỗi buồn nhớ cứ dài theo năm tháng, nàng luôn ngóng trông tin tức của chồng *“ Ngày qua tháng lại...khi bướm lượn đầy trời mây che kín núi thì nỗi buồn chân trời góc bể k thể nào ngăn đc.”*

- Mặc dù xa chồng ngóng trông mòn mỏi , một hình một bóng nuôi dạy con thơ nhưng nàng không quên bổn phận làm nàng dâu hiền thảo, hết lòng thương yêu chăm sóc mẹ chồng khi ốm đau*“ nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật*

*...khuyên lơn”.* - Nàng lo lắng chu toàn khi mẹ chồng mất *“nàng hết lời thương xót...như đối với cha mẹ đẻ mình”*

=> Nàng làm tất cả những việc đó bằng tình cảm xuát phát từ tấm lòng trong sáng thánh thiện của một người con dâu hiếu thảo và người mẹ chồng đã thấu hiểu tình cảm ấy và ghi nhận tình cảm ấy của nàng. Lời chăng chối cuối cùng của mẹ chồng là minh chứng cho nhân cách và công lao của nàng đối vời g/đ chồng *“ Ngắn dài có số ...sau này trời xét lòng lành...chẳng phụ mẹ”*

**\* Khi bị chồng nghi oan**(1 điểm)

- Nàng đã phân trần với chồng mong chồng hiểu để cố gắng gìn giữ hạnh phúc

gia đình:

=> Nàng nói tới thân phận mình, tình nghĩa vợ chồng và khẳng định tấm lòng

thuỷ chung, trong sáng ,xin chồng không nên nghi oan cho mình.Hết lòng tìm

cách hàn gắn cái hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ.

->Nỗi dau đớn, thất vọng,tuyệt vọng đành cam chịu số phận, hoàn cảnh

*(Bị đối sử bất công, gia đình tan nát,…)*

- Nàng quyết lấy cái chết để chứng minh cho sự oan khuất và sự trong sạch của

mình. Đây cũng là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự,

hành động ấy vừa có nỗi tuyệt vọng, vừa có sự chỉ đạo của lý trí.

- Tìm đến với cái chết là hành động tuyệt vọng k có lối thoát.Thực chất là nàng đã bị bức tử.

Một người phụ nữ sinh đẹp, nết na, hiền thục, lại đảm đang, tháo vát, thờ kính

mẹ chồng, rất mực hiếu thảo, một dạ thuỷ chung với chồng, hết lòng vun đắp hạnh

phúc gia đình, song lại phải chết một cách oan khuất, đau đớn. cuộc đời phải

chịu nhiều bất hạnh ngang trái. Cái chết oan khuất của Vũ Nương là lời tố cáo

đanh thép đối với xã hội phong kiến dung túng cho những người đàn ông

độc đoán.

Vũ nương là nhân vật đại diện điển hình cho số phân chung của người phụ nữ trong xã hội pk.- liên hệ nhân vật TK- Người p/nữ trong bài thơ bánh trôi nước của HXH…

**c. Kết bài:** ( 0.5 điểm)đánh giá chung:dưới chế độ xã hội pk số phận người phụ nữ thật đáng thương đáng xót xa - bằng ngòi bút giàu lòng yêu thương dành cho người phụ nữ nhà văn đã viết về họ thật đẹp nhưng thật bất hạnh từ đó ta đọc được lời tố cáo đanh thép trong những trang viết của nhà văn đối với xã hội phong kiến.

**4. Củng cố -luyện tập:**

GV thu bài và nhận xét giờ kiểm tra.

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

***Chuẩn bị bài:*Tổng kết từ vựng***.(học thuộc các khái niệm từ đồng âm-> trường từ vựng) làm các bài tập SGK.*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 49*. TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG**

**(SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG … TRAU DỒI VỐN TỪ)**

**I.Mục tiêu bài học** :

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hs hệ thống hoá k/t về các cách p/tr của từ vựg TV, các k/n từ mượn , từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội.

**2.Kỹ năng :** Nhận diện các từ mượn , từ Hán Việt, tuật ngữ và biệt ngữ xh.

Hiểu và sử dụng từ vựng chính xác trong g/t, đọc- hiểu và tạo lập vb.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức sử dụng TV đúng cách và giữ gìn sự trong sáng của TV.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi làm bài tập sáchGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiẻm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*Nhắc lại nôi dung đã ôn tập về từ vựng ở tiết trước.Nhắc lại nôi dung đã ôn tập về từ vựng ở tiết trước.*

**3.Bài mới** :

**-** Các giờ trước chúng ta đã ôn lại những kiến thức về từ vựng (Từ…trường từ vựng). Giờ học này, chúng ta ôn lại những nội dung còn lại về từ vựng đã học (Sự phát triển của từ vựng…trau dồi vốn từ)

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS ôn tập sự phát triển của từ vựng**:    *H:Nhắc lại các cách phát triển nghĩa của từ?*  *1 H/s lên bảng điền ND thích hợp vào sơ đồ SGK/135*  *H:Tìm dẫn chứng minh hoạ cho những cách phát triển của từ vựng?*  Hướng dẫn H/s trả lời câu hỏi3(SGK/135)  **HĐ2.HDHS ôn tập từ mượn**:    *H:Nhắc lại khái niệm từ mượn?*  *H:Bộ phận mượn từ quan trọng nhất trong tiếng Việt là gì?*  - Hướng dẫn H/s làm BT  *H:Em hãy chọn nhận định đúng trong các nhận định sau*  *H: Những từ mượn như : săm , lốp, ga, xăng, phanh có gì khác so với những từ mượn : Ra- đi- ô, axit, vi ta min ?*  **HĐ3.HDHS ôn tập từ Hán-Việt**  *H:Nhắc lại khái niệm từ HánViệt? Cho VD?*  Hướng dẫn H/s làm bài tập.  **HĐ3.HDHS ôn tập thuật ngữ và biệt ngữ xã hội**:  ***H:*** *Nhắc lại khái niệm thuật ngữ và biệt ngữ XH? Cho VD?*  H/s thảo luận câu hỏi? (SGK/136)  *H:Em hãy cho biết vai trò của thuật ngữ trong đời sống hiện nay?*  **HĐ4.HDHS ôn tập trau dồi vốn từ**:  *H:Có mấy hình thức trautrau dồi vốn từ? đó là những hình thức nào?*  - Hướng dẫn học sinh làm bài tập.  - Trình bày miệng trước lớp?  *H: Giải thích nghĩa của của một số từ ngữ sau?*  *H: Sửa lỗi dùng từ trong các câu sau?* | **I.Sự phát triển của từ vựng**:  **1.Các cách phát triển của từ vựng**:  - Các cách phát triển từ vựng: 2 cách:  **- Cách 1:** Phát triển nghĩa của từ ngữ:  + Thêm nghĩa mới  + Chuyển nghĩa  **- Cách 2:** Phát triển số l­îng từ ngữ  + tạo từ mới  + mượn từ ngữ của nước ngoài  **2.Bài tập**:  a. Chuyển nghĩa:  + Trao tay  + Tay buôn người (nghĩa chuyển)  - Tạo từ ngữ mới:  + từ ngữ mới xuất hiện: mô hình X + Y…  VD: văn + học -> văn học  + từ ngữ mới xuất hiện  VD: du lịch sinh thái: khu chế xuất  - Vay mượn: Kịch trường…  b. Không có nghĩa mà từ vựng chỉ phát triển theo cách phát triển số lượng từ ngữ vì:  - Số lượng các sự vật, hiện tượng, khái niệm mới là vô hạn, do đó nếu ứng với khái niệm , sự vật, hiện tượng mới lại phải có thêm 1 từ ngữ mới thì số lượng các từ ngữ quá lớn, qúa cồng kềnh, rườm rà, mặt khác số lượng từ ngữ có giới hạn  **II.Từ mượn**:  **1.Khái niệm**: Từ mượn là những từ Tiếng Việt vay mượn tiếng nước ngoài để biểu thị sự vật, hiện tượng, đặc điểm… mà Tiếng Việt chưa có từ ngữ thật thích hợp để thay Thế  VD: Độc lập, tự do, giai cấp…  - Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là tiếng Hán, ngoài ra còn mượn một số ngôn ngữ khác đó là tiếng( Anh, Pháp,Nga)  **2.Bài tập**:  - Chọn nhận định đúng(C )  Nhận định tiếng Việt vay mượn nhiều từ ngữ của các ngôn ngữ khác là để đáp ứng nhu cầuu giaù giao tiếp của người Việt  **3. Bài tập 3:**  **-** Nhữngtừ mượn như: săm, lốp( bếp)ga, phanh...là những từ vay vay mượn đó đã được Việt hóa, nó được Việt hóa, nó được dùng giống như từ thuần Việt.  -Các từ: a- xít, ra – đi-ô, vi- ta – min là những từ vay mượn chưa được Việt hóa hoàn toàn, nó khác tiếng Việt về cách cấu tạo và thường khó phát âm hơn từ thuần Việt.  **III.Từ Hán-Việt**  **1.Khái niệm**: Từ H¸n ViÖt là từ mượn của tiếng Hán, nhưng được phát âm và dùng theo cách dùng của người Việt: Quốc gia, gia đình, giáo viên…  **2.Bài tập**:  Chọn quan niệm đúng: b. Câu (a) ngược lại với quan niệm trong câu (b) cũng như câu (d).  **IV.Thuật ngữ và biệt ngữ xã hội**:  **1.Khái niệm**:  - Thuật ngữ: là từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ và thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ: phẫu thuật, siêu âm…  - Biệt ngữ xã hội: là những từ ngữ chỉ dùng trong 1 một tầng lớp xã hội nhất định  VD1: cậu, mợ chỉ cha mẹ: cách gọi của tầng lớp thượng lưu trong xã hội cũ.  VD2: gậy: 1, ngỗng 2, ghi đông 3 ... tầng lớp HS, SV.  **2.Bài tập:**  \* Vai trò của thuật ngữ trong đời sống hiện nay:  Cuéc sèng hiện nay: thời đại khoa học, công nghệ phát triển mạnh mẽ, có ảnh hưởng lớn đối với đời sống con người. Trình độ dân trí của người Việt Nam ngày càng nâng cao, nhu cầu giao tiếp và nhận thức của mọi người về những vấn đề khoa học, công nghệ ngày càng tăng. Trong tình hình đó, thuật ngữ đóng vai trò quan trọng và ngày càng trở nên quan trọng hơn.  \* Liệt kê một số thuật ngữ là biệt ngữ xã hội: cậu, mợ, cha, linh mục, xứ đạo…  **V.Trau dồi vốn từ**:  **1.Các hình thức trau dồi vốn từ:**  - Cách 1: Rèn luyện để nắm đầy đủ và chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ.  - Cách 2: Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, làm tăng vốn từ  **2.Bài tập:**  **\*Giải thích nghĩa của những từ sau:**  - Bách khoa toàn thư: từ điển bách khoa, ghi đầy đủ tri thức của các ngành.  - Bảo hộ mậu dịch: chính sách bảo vệ sản xuất trong nước chống lại sự cạnh tranh của hàng hoá nước ngoài trên thị trường nước mình.  - Dự thảo:  + ĐT: thảo ra để đưa thông qua  => DT: bản thảo để đưa thông qua  - Đại sứ quán: cơ quan đại diện chính thức và toàn diện của một nhà nước ở nước ngoài, do một đại sứ đặc mệnh toàn quyền đứng đầu  - Hậu duệ: con cháu của người đã chết  - Khẩu khí: khí phách của con người toát ra từ lời nói  - Môi sinh: môi trường sống của sinh vật  **3. Bài tập 3**  a, Béo bổ: tính chất cung cấp chất bổ dưỡng cho cơ thể -> thay bằng từ béo bở: dễ mang lại nhiều lợi nhuận  b, Đạm bạc: có ít thức ăn, toàn thứ rẻ tiền, chỉ đủ ở mức tối thiểu -> thay bằng từ tệ bạc: không nhớ gì ơn nghĩa, không giữ trọn tình nghĩa trước sau trong quan hệ đối xử  c, Tấp nập: gợi tả quang cảnh đông người qua lại không ngớt -> thay bằng tới tấp: nghĩa là liên tiếp, dồn dập, cái này chưa qua, cái khác đã tới. |

**4. Củng cố -luyện tập:**

Bài tập 1: Tìm các thuật ngữ thuộc các môn: Văn học, toán học, Sinh vật học, Hoá học

Bài tập 2: Tìm các từ địa phương trong văn bản trích của "Truyện Lục Vân Tiên" tìm các từ địa phương tương ứng

- Hệ thống bài: Các nội dung đã ôn tập.

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Học bài + hoàn thiện các BT.

- Chuẩn bị : Nghị luận trong VB tự sự.

+) Đọc và trả lời hệ thống câu hỏi sgk

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn:***

*Ngày giảng*

***TIẾT 50.* NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I.Mục tiêu bài học** :

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- HS nắm đc y/t nghị luận trog vb tự sự. Mục đích của việc sử dụng y/t nghị luận trong vb tự sự . Thấy đc t/d của y/t nghị luận trong vb tự sự.

**2.Kỹ năng :**

Biết đưa y/t nghị luận vào bài văn nghị luận trong khi làm bài. phân tích đc các y/t nghị luận y/t nghị luận trong một vb t/s cụ thể.

**3.Thái độ:**

- G d ý thức ham học , Có ý thức sử dụng y/t nghị luận sau khi học vào việc tạo lập một vb tự sự.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng,

bảng phụ.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi làm bài tập sách GK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

\*Kiểm diện**:** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*Vai trò t/d của y/t m/t nội tâm trong vb ts ?*

**3.Bài mới** :

- Giờ TLV trước chúng ta đã tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự . Giờ học này cô cùng các em tìm hiểu thêm một yếu tố co vai trò quan trọng trong văn bản tự sự nữa đó là yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự .

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự:**  - Gọi hs đọc bài tập  *H: Nhắc lại khái niệm nghị luận*  - Nhắc lại: Nghị luận là nêu dẫn chứng , lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ một quan điểm tư tưởng nào đó.  *H:Hãy tìm yếu tố nghị luận có trong hai đoạn trích a và b?*  - Đây là những suy nghĩ nội tâm của nhân vật ông giáo, ông đã đối thoại với chính mình để thuyết phục bản thân: vợ mình k ác nên ông chỉ buồn mà không nỡ giận.  *H: Vấn đề ông giáo nêu ra là gì? phát triển vấn đề ra sao? bằng những lí lẽ nào?*  *H: Ông giáo đã đưa ra luận điểm và lập luận như thế nào?*  *H: Các câu văn trên thuộc kiểu câu gì Chr ra kiểu câu đc sử dụng trong đoạn trích ?*  *H: Đây có phải là cuộc đối thoại không? Em hình dung cảnh này thường xuất hiện ở đâu?*  Ai là quan toà ? Ai là bị cáo?  *H: Hoạn Thư đã biện minh cho mình bằng những luận điểm nào?*  => Với cách lập luận trên Kiều phải công nhận tài của Hoạn Thư là"khôn ngoan đến mực nói năng phải lời" | **I. Yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.**  **1. Bài tập:** Tìm yếu tố nghị luận :  **a) Đoạn trích (a)** là đoạn suy nghĩ nội tâm của nhân vật ông giáo. Ông đối thoại với chính mình rằng : vợ mình không ác -> Đoạn văn có yếu tố nghị luận.    **\*Nêu vấn đề:** (câu 1) Nếu ta không cố tìm…với họ.    **\* Phát triển vấn đề**: Vợ tôi không phải người ác , nhưng thị khổ quá rồi.(vì sao vậy?)  - Khi người ta đau chân thì chỉ nghĩ đến cái chân đau(quy luật tự nhiên)  - Khi khổ quá thì không nghĩ đến ai được  - Bản tính tốt nhưng bị những buồn đau , lo lắng che lấp mất  **\*Kết thúc vấn đề:**Tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận  +) Hình thức: Đoạn văn chứa nhiều câu , từ mang tính chất nghị luận : Nếu…thì, Vì…nên, Khi(A)…thì (B)  - Câu văn: sử dụng câu ghép có 2 vế có cặp từ hô ứng.Các câu khẳng định ngắn gọn, khúc triết như diễn đạt các chân lí.  => Các đặc điểm, ndung, hình thức, cách lập luận đều rất phù hợp với tính cách nhân vật ông giáo : 1 người có học thức , hiểu biết, giàu lòng thương người luôn suy nghĩ , trăn trở, dằn vặt về cách sống, cách nhìn đời nhìn người  **b) Đoạn trích (b)** là 1 phiên toà có bị cáo và người buộc tội diễn ra dưới hình thức nghị luận phù hợp với 1 phiên toà . Mỗi bên đều có lí lẽ và cách lập luận của mình  - Kiều ở 4 câu đầu: sau câu chào mỉa mai là lời đay nghiến"càng cay nghiệt càng chuốc lấy oan trái" (khẳng định: càng…càng)  - Hoạn Thư (lập luận ở 8 câu tiếp) với 4 luận điểm:  + Tôi là đàn bà ghen tuông là chuyện thường tình  + Tôi đã đôi xử tốt với cô khi ở gác viết kinh ->Cô trốn khỏi nhà tôi cũng chẳng đuổi theo(kể công) |

**4. Củng cố -luyện tập:**

Hệ thống bài:

- vai trò của yếu tố nghị luận trong tự sự

- Cách sử dụng

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài + hoàn thành các BT

- Soạn "Đoàn thuyền đánh cá

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 51.* ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ (TIẾT 1)**

**(**Huy Cận)

**I.Mục tiêu bài học** :

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- HS có những hiểu biết bước đầu về t/g Huy Cận và h/c ra đời của bài thơ.

- Bố cục của bài thơ và hình ảnh ng lao động trong thiên nhiên.

- Cảm hứng về lao động, đa dạng trước cuộc sống mới, ngôn ngữ tinh tế

**2.Kỹ năng :**

Đoc diễn cảm một t/p thơ hiện đại. Phân tích đc một số chi tiết nghẹ thuật trong bài thơ.

**3.Thái độ**:

- G d ý thức ham học biết yêu thiên nhiên, yêu lao động và tự hào về đất nước, con người lao động.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu, làm bài tập sách GK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*H:* *Hãy nêu những cảm nhận của em về hình ảnh những chiến sĩ lái xe Trường Sơn trong bài: “Bài thơ về tiểu độ xe không kính”?*

3.Bài mới :

**-** Đoàn thuyền đánh cá là 1 bài thơ đặc sắc trong chùm thơ của Huy Cận viết về vùng trời, vùng mỏ, vùng biển Quảng Ninh- Hạ Long ca ngợi cuộc sống lao động tập thể tràn ngập niềm vui lãng mạn, hào hứng của những người dân đánh cá xa bờ.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích**  - GV hướng dẫn hs cách đọc: giọng vui, phấn chấn nhịp vừa phải  Khổ 2,3,7 giọng đọc cần cao hơn , nhịp nhanh hơn  Gv đọc mẫu 1 đoạn - 2hs đọc văn bản  Gv nhận xét cách đọc  - HS đọc chú thích SGK  *? Em hãy nêu những nét cơ bản về nhà thơ Huy Cận?*  *H: Bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh nào? in trong tập thơ nào của tgiả?*  ( HC có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ QNinh . Sau đó hồn thơ HC thực sự nảy nở trở lại và dồi dào trong cảm hứng về TN đất nước lao động và niềm vui trước cuộc sống mới)  - GV so sánh 2 bài thơ : Tràng Giang (trước CMT8) và Đoàn thuyền đánh cá (sau CMT8)  **Hđ2. HDHS đọc - hiểu văn bản:**      - Bài thơ được triển khai theo trình tự chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá.  *H: Dựa vào trình tự ấy xác định bố cục của bài thơ?* *Nội dung của mỗi đoạn là gì?*  - HS đọc diễn cảm 2 khổ thơ đầu  Bài thơ là những bức tranh lộng lẫy lung linh sắc màu , vang động âm thanh, vừa thực vừa lãng mạn về TN và lao động . Trước hết là cảnh đoàn thuyền ra khơi trong thời điểm hoàng hôn buông xuống và tâm trạng con người.  *H: Hình dung của em về cảnh hoàng hôn xuống biển dựa theo liên tưởng và tưởng tượng của nhà thơ?*  *H: Hai câu thơ đầu tgiả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?*  *H: Đặt trong cảnh TN trên, con người ra khơi trong cảm hứng nào?*  *H: Từ "lại" trong câu "Đoàn thuyền lại ra khơi" có hàm ý gì? Em hiểu câu hát "căng buồm" ntn? gợi mơ ước gì của người đánh cá?*  *H: Nhận xét về khí thế của đoàn thuyền ra khơi?*  *H:Trong đoạn đầu có sự đối lập giữa hoạt động của thiên nhiên với hoạt động của con người . Diễn giải sự đ*ối lập này? ý nghĩa của sự đối lập? | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1.Đọc:**  **2.Chú thích**  **a)Tác giả:** Tên đầy đủ là C Huy Cõn (1919-2005) quê Hà Tĩnh  - Ông là nhà thơ nổi tiếng của phong trào Thơ mới với tập "Lửa thiêng" 1940  - Thơ ca sau cách mạng tràn ngập niềm vui tươi, tình yêu cuộc sống là 1 trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại VN  - Năm 1996 ông được trao tặng giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật  - Tác phẩm chính: Lửa thiêng (1940);  Trời mỗi ngày lại sáng(1958)  **b) Tác phẩm:**  - Bài thơ được sáng tác năm 1958 và in trong tập "Trời mỗi ngày lại sáng" nhân chuyến ông đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ QNinh  **c) Từ khó( SGK)**  **II.Đọc hiểu văn bản**  **1.Thể loại - Phương thức biểu đạt**  - Thơ tự do  - PTBĐ: Biểu cảm+kết hợp miêu tả  **2. Bố cục:**  **+)Gồm 3 đoạn:**  - Hai khổ đầu : Cảnh đoàn thuyền ra khơi và tâm trạng náo nức của con người  - Bốn khổ tiếp: Cảnh hoạt động của đoàn thuyền trên biển ban đêm  - Khổ cuối: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về.  **3. Phân tích**  **a)Cảnh đoàn thuyền ra khơi và tâm trạng con người**  **\*Cảnh thiờn nhiờn:**  Mặt trời xuống biển như hòn lửa  Sóng đã cài then ,đêm sập cửa  - NThuật :  + So sánh: mặt trời như quả cầu lửa khổng lồ đang từ từ lặn xuống biển-> hoàng hôn đẹp rực rỡ, trỏng lệ.  + Nhân hoá: vũ trụ như ngôi nhà rộng lớn mà màn đêm là tấm cửa, lượn sóng như những then cài cửa. Vũ trụ th/nhiên là ngôi nhà vĩ đại mà mẹ tạo hoá đã ban tặng cho con ng.  => Biển cả hùng vĩ, mênh mông, tráng lệ như thần thoại . Sự sống của biển cả đang dần khép lại đi vào trạng thái nghỉ ngơi trong khi hoạt động của con người mới bắt đầu.  **\* HĐ của con người:**  *"Đoàn thuyền đánh cá* ***lại*** *ra khơi*  *Câu hát căng buồm cùng gió khơi"*  - Từ "lại" diễn tả hoạt động thường xuyên lặp đi lặp lại.  - Câu hát căng buồm -> niềm vui, lạc quan tin tưởng của người lao động.  - Bài ca gọi cá:  +) Nghệ thuật: liệt kê, so sánh, nhân hóa.  Nhấn mạnh sự phóng phú, rực rỡ đẹp đẽ của các loài cá, sự giàu có của biển, đồng thời thể hiện niềm mong ước đánh bắt được nhiều hải sản xây dựng cuộc sống mới,làm giàu quê hương đất nước.  => Đoàn thuyền ra khơi đầy khí thế, hào hùng, phấn khởi, lạc quan của những ng l/đ đc làm chủ làm chủ cuộc đời đi chinh phục thiờn nhiờn. |

**4. Củng cố , luyện tập:**

1. Hai khổ thơ đầu của bài thơ diễn tả điều gì?
2. Biện pháp tu từ nào được dùng trong hai câu thơ sau :

Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa"

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- Học thuộc lòng bài thơ.Chuẩn bị tiếp nội dung còn lại.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 52.* ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ (TIẾP)**

**(Huy Cận)**

**I.Mục tiêu bài học** :

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Những xúc cảm của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và c/s của ngư dân trên biển . Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo dựng những h/a tráng lệ, lãng mạn.

**2.Kỹ năng :**

- Phân tích một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong thơ.

- Cảm nhận đc cảm hứng về thiên nhiên và c/s lao động của t/g đc đề cập trong t/p.

**3.Thái độ:**

- G d ý thức ham học biết yêu thiên nhiên, yêu lao động và tự hào về đất nước, con người lao động.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu, làm bài tập sách GK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*H: Đọc thuộc lòng bài thơ, phân tích khổ thơ đầu.*

**3.Bài mới :**

- Đoàn thuyền ra khơi xa với không khí lao động khẩn trương tràn đầy niềm vui và đầy ắp thành quả lao động, đc m/t bằng những h/a thơ giàu chất lãng mạn và trí tưởng tg tg bay bổng của nhà thơ .

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc hiểu văn bản (tiếp)**  - Hs đọc diễn cảm khổ thơ tiếp theo  *H: Tìm những chi tiết, h/ả m/t cảnh đoàn thuyền trên biển?*  *H:Tác giả sử dụng các biện pháp nt nào để miêu tả cảnh đánh cá trên biển đêm?*  *H: Cảnh đoàn thuyền trên biển hiện lên ntn qua các h/ả ấy?* *H: Vẻ đẹp của t/n và ng lao động hiện lên ntn?* *H: Em nhận xét như thế nào về lời ca gọi cá trong nhịp trăng gõ thuyền?*  *H: Nhà thơ đã ca ngợi và thể hiện lòng biết ơn biển ntn ?*  *H: Sự giàu có đẹp đẽ của cá trên biển được tả trong khổ thơ nào?*  *H:Trong đoạn thơ tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì? Qua những hình ảnh đẹp đẽ đó giúp em hình dung ra vùng biển Hạ Long như thế nào?*  *H:Công việc lao trên biển chuẩn bị kết thúc được khắc họa như thế nào?* *H : Cảnh đoàn thuyền trở về đc m/t ntn?**( t/g, k/g, cảnh vật)**Hãy so sánh khổ thơ cuối và khổ thơ đầu? Qua đó nhà thơ thể hiện ý nghĩa gì?* *H: Nhận xét gì về các câu thơ "câu hát căng buồm"? Về hình ảnh "đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời"? Hình ảnh" mắt cá huy hoàng" ?* *H: Nêu cảm nhận của em về cảnh đoàn thuyền trở về?*HĐ2.HDHS tổng kết:*H: Cảm nhận của em về nội dung và nghệ thuật?* | **II. Đọc hiểu văn bản tiếp:**  **b) Cảnh đánh cá trên biển đêm:**  \* **Hình ảnh con thuyền trên biển** :  “ Thuyền ta lái.....trăng  ………………vây giăng”  - NThuật:  + Nói quá, nhân hoá, bút pháp lãng mạn làm cho con thuyền nhá bÐ trở nên kì vĩ, khổng lồ, hoà nhập vào thiên nhiên, vũ trụ.  + Sử dụng các động từ như “lướt, đậu, dò,giàn đan..” gợi không khí lao động khẩn trương, đoàn kết. Con thuyền ra khơi có gió làm lái, trăng làm buồm,dàn đan thế trận, bao vây, buông lưới...  - Cảm hứng lao động và cảm hứng thiên nhiên vũ trụ hoà hợp , công việc của người lao động đánh cá như gắn liền hài hòa với nhịp sống trời đất.  - *" Ta hát bài ca... trăng cao*"-> bóng trăng in xuống mặt nước hòa vào sóng vỗ mạn thuyền cùng câu hát ngân vang của người đánh cá tạo thành bài ca lao động hân hoan tràn ngập niềm vui, niềm tin.  *-" Biển cho ta cá... buổi nào"*  - Nghệ thuật sao sánh, nhân hóa-> Lời ca ngợi và biết ơn biển cả như lòng mẹ hiền hòa bao dung nuôi lớn bao thế hệ người dân trài.  \* **Hình ảnh các loài cá**:  *"Cá nhụ, cá chim cùng cá đé,*  *Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,*  *Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe,*  *Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long"*  - Nghệ thuật: liệt kê, nhân hoá, bút pháp lãng mạn ->Ca ngợi biển cả thanh bình, giàu có, với nhiều loài cá ngon nổi tiếng.  Biển đêm như sinh vật đại dương mà tiếng thở của nó là ánh sao lùa nước.  \* **Hoạt động chuẩn bị trở về:**  *"Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng,*  *Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.*  *Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông,*  *Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.*  - Kéo xoăn tay: từ ngữ gợi hình tả thực động tác kéo lưới tạo vẻ đẹp mạnh mẽ, rắn rỏi, khỏe khoắn.  - Kịp: Hoạt động khẩn trương gấp rút.  -> Xếp lưới buồm lên...nắng hồng" sự nhịp nhàng giữa lao động của con người với sự vận hành của vũ trụ. Con người muốn chia sẻ niềm vui bởi thành quả lao động mà họ đạt được”chùm cá nặng” với ánh bình minh.    => trong ánh nắng ban mai rực rỡ, hiện lên hàng nghìn, hàng vạn con cá lấp lánh vẩy bạc, đuôi vàng xếp ăm ắp trên những con thuyền trở về.  ***c) Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về:***  - Khổ thơ cuối hụ ứng với khổ thơ đầu tạo hai cảnh đối xứng.Bài thơ kết thỳc bằng hỡnh ảnh đoàn thuyền đỏnh cỏ trở về trong ỏnh bỡnh minh rực rỡ "Cőu hỏt trăng buồm cựng giú khơi  ...mắt cỏ huy hoàng muụn dặm phơi"  - "Câu hát căng buồm" - lặp lại gần như toàn bộ câu thơ ở khổ thơ 1 -> niềm vui thắng lợi sau một chuyến ra khơi may mắn, tôm cá đầy khoang  - "Đoàn thuyền...mặt trời" -> hào hứng, chạy đua tốc độ với thời gian, với mặt trời, một ngày mới bắt đầu.  -> Hình ảnh " mắt cá huy hoàng" tưởng tượng sỏng tạo-> một tương lai huy hoàng đầy hứa hẹn đang chờ đợi những con người lao động  - Đoàn thuyền trở về trong khung cảnh một ngày mới bắt đầu, con ng­ời chạy đua với thời gian, tranh thủ thời gian để lao động và đã thu đ­ược thành quả to lớn.  **III. Tổng kết** 1. Nghệ thuật:- Phương thức biểu đạt:b/c, m/t kết hợp với bút pháp lãng mạn.ss, ẩn dụ, nhân hoá, óc tưởng tượng bay bổng phong phú.2.ND:Qua bức tranh thơ tác giả cho ta thấy thiên nhiên thống nhất, hài hoà với con người . Con ngư­ời lao động làm chủ thiên nhiên, làm chủ c/s .\* Ghi nhớ: SGKT 112 |

**4. Củng cố- luyện tập:**

- Hệ thống bài: *Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển? Trở về? Các loài cá ,Đọc diễn cảm bài thơ.*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học thuộc lòng bài thơ

- Chuẩn bị: tổng kết từ vựng : Xem lại các khái niêm, làm bài tập.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 53.* TỔNG KẾT TỪ VỰNG**

**(TỪ TƯỢNG THANH, TỪ TƯỢNG HÌNH, MỘT SỐ PHÉP TU TỪ TỪ VỰNG)**

**I.Mục tiêu bài học** :

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

**-** Nắm vững hơn và biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã hoọctừ lớp 6 đến lớp 9 (từ tượng hình, từ tượng thanh, một số phép tu từ từ vựng: so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giản, nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ)

**2.Kỹ năng :**

- Nhận diện từ tượng hình, từ tượng thanh. Phân tích giá trị của các từ tượng hình và từ tượng thanh trong vb.

- Nhận diện các phép tu từ nhân hoá, ẩn dụ, so sánh, hoán dụ, nói quá, nói giảm, nói tránh, điệp ngỡ,chơi chữ trong ột vb. Phân tích tác dụng của cácphép tu từ trong vb cụ thể.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức tổng hợp kiến thức đã học.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+)Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu, làm bài tập sách GK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A:

9C:

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*H:Nêu các cách phát triển từ vựng? Cách trau dồi vốn từ?*

**3.Bài mới :**

- Giờ học trước các em đã được ôn tập về từ vựng : các cách phát triển từ vựng, trau dồi vốn từ, từ địa phương và biệt ngữ xã hội, từ Hán- Việt; từ mượn… Giờ học này chúng ta sẽ tổng kết về từ tượng hình từ tượng thanh; các phép tu từ từ vựng.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu từ tượng thanh, từ tượng hình:**  *H: Nêu khái niệm từ tượng thanh, từ tượng hình ?cho ví dụ?*  HS làm các bài tập  *H:Tìm tên những loài vật là từ tượng thanh?*  *H:Tìm các từ tượng hình, phân tích giá trị sử dụng?*  **HĐ2. HDHS củng cố kiến thức về một số phép tu từ, từ vựng**:  *H:Kể tên các phép tu từ từ vựng đã học?*  *H:THế nào là phép tu từ so sánh?*  *H: Ẩn dụ là gì? Cho VD?*  *H:Nhân hoá là gì? Cho VD?*  *H:Thế nào là BPTT hoán dụ?Cho VD?*  *H:Nói quá là gì? Cho VD?*  *H:Thế nào là nói giảm, nói tránh? Cho VD?*  *H: Điệp ngữ là gì?Cho VD?*  *H:Thế nào là chơi chữ?Cho VD?*  HD H/s làm BT  - Trình bày miệng trước lớp.  *H: Phân tích nét nghệ thuật độc đáo của những câu thơ sau?*  *H: Phân tích nét NT đặc sắc của những đoạn thơ sau?*  **Bài tập bổ sung**:  ***Bài tập 1***: Phân tích giá trị biểu cảm trong những câu thơ:  *Đoạn trường thay lúc phân kì,*  *Vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh*  -> 2 từ gợi hình gợi lên sự không bằng phẳng của con đường, câu thơ chia làm 2 vế, mỗi vế có một từ tượng hình gợi lên những chông gai trắc trở trên đường đi, dự báo một tương lai không tốt lành và cũng là nhịp thổn thức của lòng người trong hoàn cảnh éo le của TKiều cùng Thúc Sinh rời khỏi nhà sau khi làm lễ cưới hỏi. | **I.Từ tượng thanh và từ tượng hình:**  **1.Khái niệm**:  **a.Từ tượng thanh:** Mô phỏng âm thanh của thiên nhiên của con người  VD: ào ào, choang choang, choe choé…  **b.Từ tượng hình:** Gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật  VD: Lắc lư, lảo đảo, ngật ngưỡng…  **2.Bài tập2*:***  **VD:** Tu hú, tắc kè, quốc, chèo bẻo, mèo, bò…  **3.Bài tập 3**  - Các từ: lốm đốm, lê thê, loáng thoáng, lồ lộ -> miêu tả đám mây 1 cách cụ thể, sinh động.  **II.Một số phép tu từ, từ vựng**:  **1.Khái niệm**:  **a.So sánh:** đối chiếu sự việc này, sự vật này, sự vật khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt  VD: Đẹp như tiên, Nặng như chì…  **b.Ẩn dụ:** Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật,hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt  VD: Uống nước nhớ nguồn…  **c.Nhân hoá:** Gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật...bằng những từ ngữ vốn trước dùng để gọi hoặc tả con người, làm cho thế giới loài vật, cây cối trở nên gần gũi với con người  VD: Nhện chờ đợi ai…  **d.Hoán dụ:** Gọi tên sự vật, hiện tượng khái niệm bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt  VD: Vì sao trái đất nặng ân tình  Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh  **e.Nói quá:** là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để gây ấn tượng mạnh, tăng sức biểu cảm  VD: Cày đồng đang buổi ban trưa  Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày  **g,Nói giảm, nói tránh:** Là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự.  VD: Bác Dương thôi đã thôi rồi  Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta  **h,Điệp ngữ:** Là biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc một câu) để làm nổi bật ý gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại gọi là phép điệp ngữ, từ ngữ lặp lại gọi là điệp ngữ  VD: Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy  Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu  Ngàn dâu xanh ngắt một màu  Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai  “ Buôn trông….”  **i,Chơi chữ:** lợi dụng đặc sắc về âm, nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước...làm câu văn hấp dẫn thú vị hơn  VD: Con cá đối nằm trong cối đá  Con mèo cái nằm trên mái kèo  **2.Bài tập2**:  **a, Ẩn dụ:** hoa, cánh -> Thúy Kiều và cuộc đời của nàng  cây, lá -> gia đình của Thuý Kiều (Kiều bán mình để cứu gia đình)  - Cả hoa, lá, cây, cánh đều đẹp nhưng rất mong manh trước bão tố cuộc đời  **b,So sánh**: tiếng đàn của Thuý Kiều với tiếng hạc, tiếng suối, tiếng gió thoảng, tiếng trời đổ mưa -> Tiếng đàn của Kiều hay như trời sinh ra đã hay như vậy rồi.  **c,Phép nói quá, nhân hoá**: Tài sắc của TK"hoa ghen liễu hờn"->Vẻ đẹp của tự nhiên tưởng đã hoàn mĩ nhưng lại thua cái đẹp của con người.  **d,Phép nói quá**: Gác quan Âm nơi Thuý Kiều bị Hoạn Thư bắt ra chép kinh rất gần với phòng đọc của Thúc Sinh. Tuy cùng ở trong khu vườn nhà Hoạn Thư, gần nhau từng gang tấc nhưng giờ đây 2 người đã cách trở gấp mười quan san -> tả sự xa cách giữa thân phận cảnh ngộ của Thuý Kiều và Thúc Sinh  **e,Phép chơi chữ**: Tài - Tai  -> Thân phận người phụ nữ trong xă hội cũ  **3. Bài tập 3**  **a,Phép điệp ngữ+ từ đa nghĩa** nghĩa “ say sưa” => thể hiện tình cảm của mình  ( mạnh mẽ và kín đáo).  **b.Nói quá:** Sự lớn mạnh của nghĩa quân Lam Sơn  **c.Phép so sánh**: miêu tả sắc nét và sinh động âm thanh của tiếng suối và cảnh rừng dưới đêm trăng  **d.Nhân hoá**: thiên nhiên trong bài (ánh trăng): có hồn gắn bó với con người  **e.Phép ẩn dụ**: Em bé - mặt trời 2  -> gắn bó của đứa con với người mẹ, đó là nguồn sống, nguồn nuôi sống niềm tin của mẹ với ngày mai. |

**4. Củng cố- luyện tập:**

- Hệ thống bài: Các phép tu từ từ vựng đã ôn tập.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Xem lại các bài tập đã làm; Làm các bài tập còn lại.

- Chuẩn bị: Tập làm thơ 8 chữ( trả lời câu hỏi sgk)

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 54.* TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ**

**I.Mục tiêu bài học** :

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

**-**  Đặc điểm của thể thơ tám chữ.

**2.Kỹ năng :**

- Nhận biết thơ tám chữ.

- Tạo đối, vần nhịp trong khi làm thơ.

**3.Thái độ:**

- Yêu thích thơ văn có ý thức p/tr năng khiếu làm thơ.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc các tài liệu tham khảo, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu, làm bài tập SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*H: Nêu tên và khái niệm của các phép tu từ từ vựng?*

**3.Bài mới :**

Các em đã được học các bài thơ theo thể thơ 8 chữ, vậy cách gieo vần, nhịp và luật thơ của thể thơ 8 chữ như thế nào ? Chúng ta cùng tìm hiểu cách làm thơ 8 chữ trong giờ học này.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS nhận diện thể thơ tám chữ:**  - 1 HS đọc đoạn thơ a  - 1 HS đọc đoạn thơ b  - 1 HS đọc đoạn thơ c  *H:Nhận xét số chữ trong mỗi dòng ở các đoạn thơ trên?*  *H: Tìm những chữ có chức năng gieo vần?*  *H: Nhận xét về cách gieo vần?*  *H:Cách ngắt nhịp ở mỗi đoạn thơ?*  *H: Cách gieo vần, ngắt nhịp ở đoạn thơ này?*  *H: Qua các đoạn thơ vừa được tìm hiểu trên đây, hãy rút ra đặc điểm của thể thơ 8 chữ ?*  **HĐ2.HDHS luyện tập nhận diện thể thơ 8 chữ :**  *H:Hãy điền vào chỗ trống các dòng thơ các từ cho sẵn sao cho phù hợp.*  *H: Tìm ra chỗ sai và sửa lại cho đúng*  **HĐ3.HDHS thực hành làm thơ 8 chữ :**  - GV hướng dẫn H/s các bước thực hiện:  *H:Tìm những từ đúng thanh đúng vần để điền vào chỗ trống trong khổ thơ sau?*  *H: Làm thêm một câu thơ cho phù hợp với ND cảm xúc và đúng vần của các câu thơ trước?*    *H:Đại diện tổ, nhóm đọc và bình trước lớp bài thơ đã chuẩn bị* | **I.Nhận diện thể thơ tám chữ:**  **1.Bµi tËp 1(SGK)**  **2. Bµi tËp 2(sgk)**  - Số chữ trong mỗi dòng thơ: 8 chữ  - Những chữ có chức năng gieo vần  **a.Đoạn thơ a :**  **+)Những chữ có chức năng gieo vần:**  Tan- ngàn- mới - gội, bừng - rừng, gắt - mật  -> Đây là vần chân theo từng cặp khuôn âm ( vần liền)  - Cách ngắt nhịp:  1: 2 / 3 / 3  2: 3 / 2 / 3  3: 3 / 2 / 3  4: 3 / 3 / 2  **b, Đoạn thơ b:**  về - nghe, học - nhọc, bà - xa  -> Gieo vần chân liên tiếp theo từng cặp  - Cách ngắt nhịp:  1. 3 / 3 / 2  2. 4 / 2 / 2  3. 4 / 4  4. 3 / 3 / 2  **c,Đoạn thơ c:**  - Gieo vần: các từ: ngát - hát; non - son; đứng - dựng; tiên - nhiên hiệp vần với nhau -> vần chân giãn cách theo tõng cÆp ( Cßn gäi lµ vÇn «m)  - Ngắt nhịp:  1. 3 / 3 / 2  2. 3 / 2 / 3  3. 3 / 3 / 2  4. 3 / 2 / 3  **3. Kết luận**  ***\*Ghi nhớ***: (SGK/150)  +) Đặc điểm của thể thơ 8 chữ:  + Mỗi dòng có 8 chữ  + Cách ngắt nhịp đa dạng  + Có thể gồm nhiều đoạn dài (không hạn định số câu)  + Có thể chia thành các khổ (4 câu 1 khổ)  + Phổ biến là cách gieo vần chân (được gieo liên tiép hoặc gián c¸ch)  **II.Luyện tập nhận diện thể thơ 8 chữ:**  **1.Bài 1**: Điền từ thích hợp  Câu 1: ca hát Câu 3: bát ngát  Câu 2 : ngày qua Câu 4: muôn hoa  **2.Bài 2**: Điền từ thích hợp vào chỗ trống  1. cũng mất  2. tuần hoàn  3. đất trời  **3.Bài 3**: Đoạn thơ trong bài "Tựu trường" - Huy Cận  - Sai ở câu thơ thứ 3  - Vì: Lẽ ra âm tiết cuối của câu thơ này phải mang thanh bằng và hiệp vần với từ gương ở cuối câu thơ trên  - Chép đúng: cuối câu thứ 3 là từ: vào trường  **4.Bài 4**: Trình bày bài thơ, đoạn thơ tự làm  **III.Thực hành làm thơ tám chữ**:  **1.Bài tập 1:**  - Gợi ý: Từ điền vào chỗ trống ở câu 3: phải là thanh bằng.  - Ở câu thứ 4 phải có **khuôn âm a** để hiệp với chữ **xa** ở cuối dòng thứ 2 và mang thanh b»ng.  - Khổ thơ này được chép chính xác là:  *“Trời trong biếc không qua mây gợn trắng*  *Gió nồm nam lộng thổi cánh diều xa*  *Hoa lựu nở đầy một* ***vườn*** *đỏ nắng*  *Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay* ***qua”***  **2.Bài tập 2**:  - Gợi ý: Câu thơ này phải có 8 chữ và chữ cuối phải có khuôn âm **ương** hoặc **a,** mang thanh bằng.  - C©u 4 cã thÓ: "Bóng ai kia thấp thoáng giữa màn sương" hoặc " tThoang thoảng hương bay dịu ngọt quanh ta"  **3.Bài tập 3**  - Trao đổi nhóm để chọn một bài đăc sắc hơn cả.  - Trình bày trước lớp  - Cả lớp tham gia nhận xét, đánh giá |

**4.Củng cố-Luyện tập**

- Làm một bài thơ 8 chữ với nội dung tự chọn

- 1 H/s nhắc lại đặc điểm thể thơ 8 chữ

**5. Hướng dẫn hs về nhà:**

- Hoàn thành bài thơ.

- Sưu tầm những bài thơ 8 chữ; chuẩn bị: Trả bài kiểm tra văn - xem lại nội dung đề bài kiểm tra - nhận xét bài làm.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*8

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 55.* TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN**

**I.Mục tiêu bài học** :

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Qua bài viết củng cố lại nhận thức về các truyện trung đại đã học từ giá trị nội dung tư tưởng đến hình thức thể loại, bố cục, lời kể chuyện.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kĩ năng: Sửa chữa bài viết của bản thân, nhận xét bài làm của bạn

**3.Thái độ:**

- Nhận rõ được ưu nhược điểm trong bài viết của mình để có ý thức sửa chữa, khắc phục

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, chấm chữa bài ; chuẩn bị nội dung nhận xét,đánh giá.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu, làm bài tập SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*H: Nêu đặc điểm của thể thơ tám chữ.*

**3.Bài mới :**

- Các em đã làm bài kiểm tra văn học trung đại , để nhìn lại kết quả bài làm những gì các em đã làm tốt; những gì các em làm chưa tốt cần khắc phục để các em rút ra kinh nghiêm học tập. Chúng ta tìm hiểu qua tiết học trả bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS trả lời câu hỏi trắc nghiệm**  **HĐ2. HDHS trả lời câu hỏi tự luận:**  - Yêu cầu học sinh nêu những nội dung chính sẽ trình bày trong bài.  Gọi hs lên bảng lập dàn bài.  **HĐ3. HDHS Nhận xét về bài làm của H/s**  - GV nhận xét đánh giá ưu điểm -tồn tại.  **HĐ4. Trả bài và giải đáp thắc mắc của học sinh:**  - GV trả bài - giải đáp thắc mắc (nếu có) | **I. Phần trắc nghiệm:** mỗi câu đúng 0.5 điểm   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | | Điểm | B | A | C | D | B | C |   **II. Phần tự luận:**  ***Câu 1****: Chép thuộc lòng 8 câu thơ cuối đoạn trích : “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ đó?*  - Tám câu thơ cuối (1điểm)  *“Buồn trông cửa bể chiều hôm*  *Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xaBuồn trong ngọn nước mới xa*  *Hoa trôi man mác biết là về đâu*  *Buồn trông nội cỏ dầu dầu*  *Chân mây mặt đất một màu xanh xanh*  *Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*  *Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*  - Nội dung(0.5điểm): Tâm trạng cô đơn buồn đau thương nhớ, hãi hùng lo sợ của TK khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích .  - Nghệ thuật( 0.5 điểm): Điệp ngữ “ Buồn trông”lặp đi lặp lại, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, câu hỏi tu từ->Tâm trạng TK tăng tiến từ man mác buồn cô đơn đến cồn cào nhớ thương -> lo sợ hãi hùng .  ***Câu 2****. Phân tích nhân vật Vũ Nương để thấy được số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến?*  **a. Mở bài**: (0.5 điểm) Giới thiệu tác giả - truyện – nhân vật VN-> đại diện điển hình cho số phận người phụ nữ trong xã hội pk.  **b. Thân bài:**  - Vũ nương đẹp người đẹp nết. (0.5 điểm)  Đây là người phụ nữ hội tụ đầy đủ những phẩm chất tốt đẹp cao quý của người  phụ nữ VN với công- dung- ngôn- hạnh- tam tòng tứ đức. Để làm sáng tỏ điều này nhà  văn đã đặt người phụ nữ này vào những hoàn cảnh cụ thể khác nhau.  -Khi chưa lấy chông nàng được giới thiệu là người con gái : *“thuỳ mỵ, nết na, tư dung*  *tốt đẹp”*  **Trong cuộc sống với chồng hằng ngày :** Nàng là người vợ tốt biết giữ đạo vợ  chồng, giữ gìn khuôn phép, thu xếp gia đình luôn thuận hoà êm ấm (*Trương Sinh*  *có* *tính...đến thất hoà)(0.5 điểm)*  **- Khi tiễn chồng ra trận** :nàng không mong vinh hiển mà chỉ cầu cho chồng sớm bình an trở về sum họp. Nàng bộc lộ t/c đằm thắm thiết tha, cảm thông với những gian lao mà chồng sẽ gặp nơi chiến trận  *(1điểm)*  **- Khi xa chồng**:  **\* Đối với chồng** (1 điểm)  Nàng là người vợ chung thuỷ, yêu chồng  - Mặc dù xa chồng ngóng trông mòn mỏi , một hình một bóng nuôi dạy con thơ nhưng nàng không quên bổn phận làm nàng dâu hiền thảo, hết lòng thương yêu chăm sóc mẹ chồng khi ốm đau  - Người mẹ chồng đã thấu hiểu tình cảm ấy và ghi nhận tình cảm ấy của nàng.  **\* Khi bị chồng nghi oan**(1 điểm)  - Nàng đã phân trần với chồng  mong chồng hiểu để cố gắng gìn giữ  hạnh phúc gia đình:  ->tìm cách hàn gắn cái hạnh phúc gia  đình đang có nguy cơ tan vỡ.  ->Nỗi dau đớn, thất vọng,tuyệt vọng  đành cam chịu số phận, hoàn cảnh  - Nàng quyết lấy cái chết để chứng  minh cho sự oan khuất và sự trong  sạch của mình. Đây cũng là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự,  hành động ấy vừa có nỗi tuyệt vọng,  vừa có sự chỉ đạo của lý trí.  => Một người phụ nữ sinh đẹp, nết na,  hiền thục, lại đảm đang, tháo vát, thờ  kính mẹ chồng, rất mực hiếu thảo, một  dạ thuỷ chung với chồng, hết lòng vun  đắp hạnh phúc gia đình, song lại phải chết một cách oan khuất, đau đớn. cuộc đời phải  chịu nhiều bất hạnh ngang trái.  - Cái chết oan khuất của Vũ Nương là  lời tố cáo đanh thép đối với xã hội  phong kiến dung túng cho những  người đàn ông độc đoán.  Vũ nương là nhân vật đại diện điển hình cho số phân chung của người phụ nữ trong xã hội pk.- liên hệ nhân vật TK- Người p/nữ trong bài thơ bánh trôi nước của HXH…  **c. Kết bài:** ( 0.5 điểm)đánh giá chung:dưới chế độ xã hội pk số phận người phụ nữ thật đáng thương đáng xót xa - bằng ngòi bút giàu lòng yêu thương dành cho người phụ nữ nhà văn đã viết về họ thật đẹp nhưng thật bất hạnh từ đó ta đọc được lời tố cáo đanh thép trong những trang viết của nhà văn đối với xã hội phong kiến.  **III Nhận xét về bài làm của H/s**  ***1 Ưu điểm:***  - Xác định đúng yêu cầu của đề bài  - Phần trắc nghiệm làm rất tốt  - Phần tự luận: Nêu được những ý cơ bản  - Một số bài viết tốt đạt kết quả cao:  - Một số bài trình bày sạch sẽ, khoa học:  ***2.Tồn tại***:  - Phần tự luận hiểu song viết chưa sâu  - Hầu hết mới nêu suy nghĩ chưa có dẫn chứng từ tác phẩm -> chưa thuyết phục  - Còn mắc nhiều lỗi dùng từ, diễn đạt, câu chính tả:  - Một số bài kết quả thấp.  **IV.Trả bài, giải đáp thắc mắc, sửa lỗi**  **1.Trả bài:**  **2.Giải đáp thắc mắc**:  **3.Sửa lỗi:**  VD:+ Sinh đẹp - xinh đẹp  + Luôn vẫn tốt đẹp -> lặp: bỏ một từ luôn. |

**4.Củng cố, luyện tập:**

- GV hệ thống lại các vấn đề cần phát huy và khắc phục.

**5. Hướng dẫn hs học bài ở nhà:**

Chuẩn bị: Bài Bếp lửa- đọc thơ;

- Trả lời các câu hỏi đọc - hiểu.

- Tác giả tác phẩm năm sáng tác ;

- Chủ đề bài thơ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*8

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 56.* BẾP LỬA**

**(Bằng Việt)**

**I.Mục tiêu bài học** :

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hs có những hiểu biết bước đầu về t/g Bằng Việt và h/c ra đời của bài thơ.

- Giúp Hs cảm nhận được xúc cảm chân thành của t/g( người cháu) và hình ảnh người bà giàu tình thương, giàu đức hi sinh .

- Việc sử dụng kết hợp các y/t miêu tả, tự sự, bình luận của tác giả trong t/p trữ tình.

**2.Kỹ năng :**

- Hs nhận diện phân tích đc các y/t m/t, tự sự, bình luận và biểu cảm trong bài thơ.

- Liên hệ để thấy đc nỗi nhớ về ng bà trong h/c tác giả đg ở xa Tổ Quốc có mối liên hệ chặt chẽ với những t/c với q/hg đất nc.

**3.Thái độ:**

- Kính trong và biết ơn ông bà cha mẹ, yêu thương những ng thân trong g/đ.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu, làm bài tập SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*- Đọc thuộc lòng bài thơ “đoàn thuyền đánh cá” của nhà thơ Huy Cận?nêu nội dung và nghệ thuật của bài thơ?*

**3.Bài mới :**

Bằng Việt thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ chống Mĩ cứu nước. Thơ bằng Việt trong trẻo mượt mà , khai thác những kỉ niệm và mơ ước của tuổi trẻ nên gần gũi với bạn đọc trẻ . Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi ấy tác giả đang là sinh viên du học tại Liên Xô và mới bắt đầu đến với thơ. Bài thơ gợi lại những kỉ niệm về người bà và tình bà cháu vừa sâu sắc thấm thía, vừa quen thuộc với người đọc.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS Đọc vàtìm hiểu chú thích:**  - HD đọc  H/s đọc: to, rõ, chính xác, chậm rãi, tình cảm, lắng đọng...  - GV đọc mẫu - H/s đọc  *H:Giới thiệu những nét chính về T/g?*  *H:Em hãy giới thiệu vài nét về tác phẩm?*  - Y/c xem 1 số chú thích khó SGK  **HĐ2. HDHS đọc - hiểu văn bản:**  - Em hãy cho biết thể loại của bài thơ.  *H: Cho biết mạch cảm xúc của bài thơ?*  *H:Tìm bố cục của bài thơ? Nội dung chính của từng phần?*  - Học sinh đọc khổ thơ đầu tiên  *H: Cháu nhớ bà, trong kí ức của người cháu có hình ảnh nào xuất hiện đầu tiên?*  *H: Hình ảnh “ một bếp lửa” lặp lại có tác dụng gì trong câu thơ?*  *H: Hình ảnh bếp lửa trong kí ức của cháu được miêu tả qua từ ngữ nào?*  H: Từ láy "*chờn vờn*"*" ấp iu"*  có tác dụng gợi hình và gợi cảm ntn?  *( Từ "ấp iu" là sự kết hợp 2 từ "ấp ủ" và "nâng niu" em liên tưởng ntn về h/ả người nhóm bếp?)*  *H: Điều gì trong lòng người cháu cùng xuất hiện với bếp lửa nồng đượm?*  *H:Cáchnói "biết mấy nắng mưa"hay ở chỗ nào?* (Cách nói ẩn dụ ->gợi ra cuộc đời vất vả lo toan của bà)  *H: Em cảm nhận như thế nào về nội dung 3 câu thơ đầu?* | **I. Đọc - tìm hiểu chú thích**  **1.Đọc:**  **2.Chú thích** (SGK/145)  **a)Tác giả:** Bằng Việt(Nguyễn Việt Bằng) sinh 1941.  Quê: Thạch Thất - Hà Tây- HN  - Làm thơ từ đầu 1960 và thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong KCCMĩ  - Hiện là chủ tịch hội liên hiệp VHNT Hà Nội.  **b) Tác phẩm:**  “ Bếp lửa”sáng tác năm 1963 - T/g đang là sinh viên học ngành Luật ở Liên Xô  - Bài thơ được đưa vào tập "Hương cây- bếp lửa"(1968). Đây là tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.  **c) Chú thích khác** (SGK/145)  **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1.Thể loại**  - Thơ tự do: 8 tiếng/ câu  - Gieo vần: Vần chân và vần liền- theo cặp câu.  **2. Mạch cảm xúc và bố cục**:  **a) Mạch cảm xúc của bài thơ**: đi từ quá khứ đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm theo dòng hồi tưởng.  - Bài thơ là lời của người cháu ở nơi xa nhớ về bà và những kỉ niệm với bà, nói lên lòng kính yêu và những suy ngẫm về bà.  **b) Bố cục**: Gồm 4 đoạn"  - Đ1: phần mở đầu: 3 dòng đầu  ->Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng cảm xúc về bà.  - Đ2: 4 khổ tiếp: hồi tưởng những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà và hình ảnh bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa.  - Đ3: khổ 5: suy ngẫm về cuộc đời bà.  - Đ4: khổ cuối: khẳng đinh tình cảm của người cháu đã trưởng thành, đi xa song không nguôi nhớ bà.  **3. Phân tích**  **a. Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng, cảm xúc về bà**  - Hình ảnh đầu tiên xuất hiện trong kí ức*"bếp lửa"*  *“Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*  *Một bếp lửa ấp iu nồng đượm”*  -> Điệp ngữ “một bếp lửa" diễn đạt 1 kỉ niệm rất riêng tư không mờ phai trong kí ức về hơi ấm gia đình.  - *"chờn vờn"*->từ láy tượng hình miêu tả h/ảnh ngọn lửa trong sương sớm->Gợi cảm giác ấm áp , quen thuộc trong mỗi gia đình ở một miền quê yên tĩnh.  - "ấp iu" -> vừa gợi tả chính xác công việc nhóm bếp vừa gợi tả bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm lửa.  - Cùng xuất hiện với h/ả "bếp lửa" là tình cảm *"Cháu thương bà…nắng mưa"*  => H/ả bếp lửa trong kí ức đã đưa cháu trở về với nỗi nhớ thương bà, gọi về kỉ niệm những năm tháng tuổi thơ bên bà . |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- GV hệ thống lại bài.

*H: Ý nghĩa của hình ảnh bếp lửa trong 3 câu thơ đầu?*

- HS đọc diễn cảm lại bài thơ.

**5. Hướng dẫn học bài ở nhà:**

- HS về nhà học bài thuộc lòng.

- Soạn tiếp bài theo câu hỏi SGK(câu :2,3,4,5)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 57.* BẾP LỬA (TIẾP)**

**(Bằng Việt)**

**I.Mục tiêu bài học** :

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Giúp Hs cảm nhận được xúc cảm chân thành của t/g(người cháu) và hình ảnh người bà giàu tình thương, giàu đức hi sinh .

- Việc sử dụng kết hợp các y/t miêu tả, tự sự, bình luận của tác giả trong t/p trữ tình.

**2.Kỹ năng :**

- Hs nhận diện phân tích đc các y/t m/t, tự sự, bình luận và biểu cảm trong bài thơ.

- Liên hệ để thấy đc nỗi nhớ về ng bà trong h/c tác giả đg ở xa Tổ Quốc có mối liên hệ chặt chẽ với những t/c với q/hg đất nc.

**3.Thái độ:**

- Kính trong và biết ơn ông bà cha mẹ, yêu thương những ng thân trong g/đ.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu, soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu, làm bài tập SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*- Đọc thuộc lòng bài thơ “ Bếp lửa”*

**3.Bài mới :**

- Hình ảnh “bếp lửa” trong kí ức khi cháu nhớ về bà đã gọi về cả một thời thơ ấu bên bà được bà yêu thương chăm sóc, tuổi thơ nhọc nhằn nhưng ấm áp tình bà cháu. Từ đó cháu đã suy nghĩ như thế nào về cuộc đời bà ? Khẳng định tình cảm của mình với bà,với quê hương như thế nào?chúng ta cùng tìm hiểu tiết học thứ 2 của bài thơ “ Bếp lửa”.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc - hiểu văn bản**  ( tiếp):  - HS đọc lại bài thơ.  - HS đọc 5 câu thơ tiếp theo" Lên 4 tuổi…còn cay"  *H: Kí ức tuổi thơ bên bà được thể hiện*  *qua các hình ảnh thơ nào?*  *H: Từ câu thơ : “ Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh” Thể hiện đức tính gì của bà?*  *H: Vì sao trong ký ức của ngư­ời cháu luôn có những kỷ niệm về bà và hình ảnh bếp lửa ?*  *H: Ấn tượng sâu đậm nhất của tuổi thơ tác giả hiện lên qua hình ảnh nào?*  ( bà và bếp lửa )Hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa (10 lần)  *H: Trong kí ức tuổi thơ của cháu còn có âm thanh nào hiện về?*  *H: Vì sao âm thanh tiếng tu hú lại ám ảnh tâm trí người cháu sâu đậm đến vậy?*  *H: Đầu bài thơ là h/ả bếp lửa cuối bài thơ là h/a ngọn lửa biểu đạt ý nghĩa gì?*  *H: Từ đó em nx về những kỉ niệm tuổi thơ bên bà của nhà thơ?*  - Gọi hs đọc 2 khổ thơ cuối.  *H: Em hiểu lận đận nghĩa là gì?biết mấy nắng mưa nghĩa là gì?*  *H: Từ đó em thấy cháu suy nghĩ gì về cuộc đời bà?*  *H: Thói quen dậy sớm của bà thể hiện phẩm chất gì của bà?*  *H: Em hiểu như thế nào về ý nghĩa các câu thơ: “Nhóm...*  *Nhóm....*  *Nhóm.... tâm tình tuổi nhỏ”*  *H: Người bà đã nhóm lên trong lòng cháu những điều gì?*  *H: T/g đã sử dụng b/p nghệ thuật nào trong ba câu thơ ấy ?T/d?*  *H: Theo em Bằng Việt có dụng ý gì khi dùng câu cảm thán” Ôi kì lạ và thiếng liêng bếp lửa”?tại sao bếp lửa lại là h/ả kì lạ và thiêng liêng?*  *H: Cháu thể hiện tình cảm như thế nào qua lời bình về cuộc đời bà?*  - GV yêu cầu HS đọc 4 câu thơ cuối.  *H: Người cháu tự thấy mình được sống trong điều kiện ra sao?*  *H: Trong điều kiện ấy, tác giả vẫn cảm thấy thiếu điều gì?*  *H: Qua đó, em cảm nhận được gì về tấm lòng của tác giả ? Tác giả nhắn nhủ người đọc những gì?*  - Cho HS liên hệ và tìm những câu thơ, bài thơ về tình yêu quê hương...  *H: Cháu đã suy nghĩ về c/đ bà bằng những t/c ntn?*  **HĐ2. HDHS tổng kết:**  *H: Nêu lại đặc sắc nghệ thuật?*  *H:Qua bài thơ T/g muốn thể hiện chiều sâu tư tưởng gì?*  - Gọi hs đọc ghi nhớ sgk/155 | **II. Đọc- hiểu văn bản (tiếp)**  **3. Phân tích (tiếp)**  **b)Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu**:  \* Kỉ niệm về thời thơ ấu bên bà  *“Lên 4 tuổi…mùi khói”*  *Năm ấy….đói mòn dói mỏi”*  *………………khô rạc ngựa gâỳ*  *………khói hun nhèm mắt cháu*  *……………sống mũi còn cay”*  *“Tám năm dòng………*  *…………chứa niềm tin dai dẳng”*  - Tuổi thơ ấy nhiều gian khổ, thiếu thốn nhọc nhằn:  +)Tuổi thơ có bóng đen của chiến tranh và nạn đói năm 1945.  +) Có mối lo của giặc tàn phá xóm làng  +) Có hình ảnh chung của nhiều gia đình Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp: mẹ và cha đi công tác xa.  +) Cháu sống trong sự cưu mang dạy dỗ của bà, bà thay trách nhiệm cha mẹ chăm sóc cháu, cháu sớm phải có ý thức tự lập.  - Lời bà bình dị thể hiện đức hi sinh cao cả vì con vì cháu vì cuộc k/c trường kì của d/t.  - Kỷ niệm tuổi thơ là gắn với bà và bếp lửa.  - Âm thanh tu hú khắc khoải gọi hè:  -> Gợi tình cảnh vắng vẻ và khắc khoải nhớ mong của hai bà cháu  -> âm thanh thân thuộc của quê hương.  - Bếp lửa là h/ả thực.  - Ngọn lửa là h/ả khái quát tượng trưng cho t/c của bà(ngọn lửa tình bà, ngọn lửa niềm tin mà bà truyền cho cháu)  =>Kỉ nệm tuổi thơ bên bà là những kỉ niệm đẹp, đầy ắp tình bà cháu, bà nuôi cháu lớn khôn chắp cánh ước mơ cho cháu trện mọi chặng đường đời.  **c.Cảm nghĩ của cháu về cuộc đời bà:**  *“ Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa.*  *…..Ôi kì lạ ….bếp lửa”*  - *“Lận đận”*->vất vả k suôn sẻ.  - “*biết mấy nắng mưa”->*lam lũ vất vả.  =>Cuộc đời bà là cuộc đời vất vả gian truân k suôn sẻ.  - Một người bà chịu thương, chịu khó, giàu lòng nhân ái, đức hi sinh thầm lặng,nhận gian khổ về mình  => h/a của người bà, người mẹ VN.  *"nhóm nồi xôi, nhóm yêu thương, nhóm tâm tình"*  - Ngọn lửa không chỉ được bà nhóm lên bằng nguyên liệu bên ngoài mà còn được nhóm bằng ngọn lửa của lòng yêu thương , niềm tin, sức sống trong lòng bà đối với con cháu và đất nước. (ngọn lửa mang ý nghĩa biểu tượng)  - Bà nhóm lên ngọn lửa của t/y thương và niềm tin trong lòng cháu => Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa -> ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.  - NT: Điệp từ: “*nhóm*”-> Nhấn mạnh công việc và ý nghĩa của công việc bà làm.  - Câu cảm đảo trật tự cú pháp “ Ôi...”  ->nhấn mạnh h/ả “*Bếp lửa*” của bà kì lạ, vì nó cháy sáng và ấm áp trong mọi hoàn cảnh ; nó thiêng liêng bởi bà là máu thịt là cội nguồn là quê hương...  => Cháu hiểu bà ,yêu bà, yêu dân tộc mình.  - Cháu xa quê, xa bà: có ngọn khói trăm tàu, sống trong điều kiện đủ đầy, hiện đại.Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả:cuộc sống ấm êm và hạnh phúc tràn trề.  - Cháu vẫn thấy thiếu hơi ấm từ bếp lửa của bà-> thiếu tình bà.  =>Cháu yêu bà , yêu dt- cháu trân trọng và nâng niu t/c của bà hiểu đc những gian nan vất vả, khó nhọc mà bà đã trải qua=> Yêu bà ,cháu yêu quê hương, đất nước -> H/ả bà trở thành biểu tượng của quê hương đất nước trong nỗi nhớ của cháu.  **III. Tổng kết:**  **1.Nghệ thuật**:  - Sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng  - Kết hợp miêu tả, biểu cảm, tự sự và bình luận trong thơ trữ tình  - Giọng điệu và thể thơ 8 chữ phù hợp với cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm.  **-** Các phép tu từ: điệp ngữ, h/ả bếp lửa, ngọn lửa lặp đi lặp lại-> nhấn mạnh h/ả chủ đạo xuyên suốt bài thơ.  **2.Nội dung**: Triết lí thầm kín: Những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức toả sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài, rộng của cuộc đời. Tình yêu thương bà và lòng biết ơn bà chính là biểu hiện cụ thể của tình yêu thương, sự gắn bó với gia đình, quê hương và đó cũng là khởi đầu của tình yêu con người, tình yêu đất nước  **\* Ghi nhớ: SGK/ 155** |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Bài tập: "Có người nói rằng" hình ảnh bà trong bài thơ là hình ảnh người nhóm lửa, người giữ lửa" em suy nghĩ gì về nhận xét đó?

**5. H­íng dẫn học bài ở nhà:**

- Học thuộc lòng bài thơ + phân tích bài thơ

- Nêu cảm nhận của em về hình ảnh bếp lửa trong bài thơ?

- Chuẩn bị bài:Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ

- Trả lời các câu hỏi đọc hiểu văn bản: SGK

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 58.* Hướng dẫn đọc thêm:**

**KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ**

**( Nguyễn Khoa Điềm)**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hs có những hiểu biết bước đầu về t/g Nguyễn Khoa Điềm và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

- Giúp Hs cảm nhận được tình cảm bà mẹ Tà Ôi dành cho con gắn chặt với t/y quê hương đất nước và niềm tin vào sự tất thắng của C/M.

- Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, h/ả thơ mang tính biểu tượng âm hưởng của những khúc hát ru thiết tha trìu mến.

**2.Kỹ năng :**

- Hs nhận diện các y/t ng ngữ , h/ả mang màu sắc dân gian trongbài thơ.

- Phân tích đc mạch cảm xúc trữ tình của bài thơ qua các khúc hát của bà mẹ, của t/g.

- Cảm nhận đc tinh thần k/c của nd ta trong thời kì chống Mĩ cứu nước.

**3.Thái độ:**

- Kính trong và biết ơn những ng mẹ VN có công với đất nước/cm,Yêu thương những ng thân trong g/đ, yêu gia đình, quê hương, đất nước.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu, soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu, làm bài tập SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*Đọc thuộc lòng bài thơ “ Bếp lửa” Phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh ngọn lửa trong bài thơ ?*

**3.Bài mới :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích**:  - GV hướng dẫn hs cách đọc : giọng tha thiết ngọt ngào chú ý các đoạn điệp khúc, các câu thơ đối xứng  Gv đọc mẫu 1 đoạn - HS đọc bài  *H:Em hãy nêu vài nét về tác giả NKĐ?*  *H: Hoàn cảnh ra đời bài thơ: Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ?*  H: Tìm hiểu nghĩa của 1 số chú thích khó SGK?  **HĐ2.HDHS đọc - hiểu văn bản**  *H: Xác định thể loại và bố cục của bài thơ?*  (mỗi đoạn lại gồm 2 lời ru :lời ru của nhà thơ và lời ru của mẹ)  *H:Nhận xét về cấu trúc lặp lại của các khúc hát du ?tác dụng của cách ngắt nhịp thơ trong mỗi lời du ?*  *H: Người mẹ Tà Ôi đc m/t làm những công việc gì?*  *H: Mẹ làm việc trong h/c ntn?*  *H: Em nx ntn về công việc mẹ làm?*  *H: Công việc mẹ làm có ý nghĩa ntn?*  *H:T/g đã sử dụng biện pháp nt nào trong những câu thơ nói vè công việc của mẹ?*  *T/d của những biện pháp nt ấy?*  *H: Từ đó h/ả ng mẹ Tà Ôi hiện lên ntn?*  - Mỗi công việc của mẹ Tà Ôi gắn với một ước mơ và niềm tin của mẹ.  *H:Vậy trong khi làm việc mẹ thể hiện niềm tin và ước mơ gì?*  *H: Mẹ gửi gắm ước mơ của mình vào đâu?*  *H: Mẹ thể hiện niềm tin vào điều gì trong mỗi ước mơ?*  *H: Để thể hiện niềm tin và ước mơ của mẹ nhà thơ đã thể hiện giọng điệu lời thơ ntn?*  H: Em hiểu ntn về nd câu thơ: *“ Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*  *Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng”?*  *H:Qua các khúc hát ru t/c và khát vọng của ng mẹ có sự p/tr ntn?*  *H:Từ đó em thấy t/y thương con của ng mẹ Tà Ôi gắn với những t/c nào?*  *H: Qua đó em thấy t/g thể hiện thái độ t/c gì của nd ta từ ước mơ của ng mẹ Tà Ôi?*  *H: Em đcbồi dưỡng t/c gì sau khi học b/thơ?*  **HĐ3.HDHS tổng kết:**  *H: Nêu nhưng cảm nhận của em về nd và nghệ thuật bài thơ sau khi học?*  - Gọi hs đọc ghi nhớ SGK | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1.Đọc :**  **2.Chú thích**  **a)Tác giả:** Nguyễn Khoa Điềm (1943) huyện Phong Điền- Tỉnh Thừa Thiên Huế, trong một gia đình trí thức cách mạng  - Ông thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong K/C chống Mĩ  - Từng là Tổng thư kí hội nhà văn VN Từ năm 2000 giữ cương vị là uỷ viên bộ chính trị, trưởng ban tư tưởng văn hoá T/Ư  - Chất chính luận làm cho thơ NKĐ vừa dạt dào cảm xúc, vừa lắng đọng suy nghĩ.  **b) Tác phẩm**  - Bài thơ được sáng tác năm 1971 khi ông đang công tác ở chiến khu miền tây Thừa Thiên.  - Bài thơ là lời hát ru có 3 khúc(mỗi khúc có 2 khổ) ý thơ phát triển, xác thực và giàu tính biểu tượng.  **c) Chú thích khác(SGK)**  **II.Đọc - hiểu văn bản**  **1. Thể loại**  \*Thể loại:Thơ 8 chữ  **2.Bố cục**: 3 đoạn  +) 2 khổ đầu: khúc hát ru thứ nhất , khúc hát ru của người mẹ thương con, thương bộ đội  +) 2 khổ tiếp: khúc hát ru thứ 2: người mẹ ru con và thương dân làng  +) Còn lại: khúc hát ru thứ 3: khúc hát ru của người mẹ thươngcon, thương đất nước.  - Ở từng lời ru trực tiếp, nhịp thơ lại được ngắt đều đặn ở giữa dòng-> cách lặp lại ấy đã tạo âm điệu dìu dặt, vấn vương của lời ru.  - Giọng điệu trữ tình thể hiện đặc sắc tình cảm thiết tha, trìu mến của người mẹ Tà Ôi.  **3. Phân tích**  **a. H/ả người mẹ Tà Ôi:**  - Mẹ giã gạo nuôi bộ đội .  - Mẹ tỉa bắp góp lương thực cho k/c.  - Mẹ chuyển lán bảo vệ căn cứ.  - Mẹ tham gia chiến dịch.  ->Mẹ vừa địu con vừa làm việc.  -> Công việc nặng nhọc vất vả.  -> Mẹ làm việc để phục vụ bộ đội , k/c.  - Nghệ thật: Điệp khúc, so sánh, h/ả tương phản- “ Lưng núi...to... lưng mẹ... nhỏ”...=>Gây ấn tượng về t/c công việc vất vả, nhọc nhằn và ý nghĩa công việc mẹ làm vì bộ đội vì buôn làng, vì cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.  => Người mẹ quyết tâm làm việc hết mình vì k/c, yêu con thương bộ đội và buôn làng.  **b. Mong ước của ng mẹ Tà Ôi:**  - Mẹ giã gạo -> mơ gạo trắng.  -> con lớn khoẻ mạnh  “ vung chày lún sân”  - Mẹ tỉa bắp -> mơ bắp lên đều.  ->con lớn giỏi giang  (phát mười Ka- lưi)  - Chuyển lán - giành trận cuối-> mơ thấy BH-> mơ con đc làm ng tự do  ( đất nước thống nhất).  - Mẹ gửi ước mơ vào lời hát ru, vào giấc mơ của con.  - Mẹ tin tưởng vào tương lai đất nc, mẹ tin con mẹ lớn lên sẽ mạnh giỏi, trở thành người lính chiến đấu vì nền độc lập và trở thành người dân của môt đất nước hoà bình( là ng tự do).  - Giọng điệu: ngọt ngào, vang xa- thiết tha,trìu mến.  - H/ảnh mặt trời ở câu thơ thứ hai là h/ả ẩn dụ về em bé => con là mặt trời soi sáng sưởi ấm niềm tin, ước mơ và ý chí của mẹ trong c/s.  => T/c và khát vọng của mẹ ngày càng lớn rộng hoà cùng với cuộc k/c gian khổ- hào hùng của d/t.  -T/y con của mẹ luôn gắn với t/y quê hương, đất nc.  => Qua hình ảnh người mẹ Tà Ôi nhà thơ thể hiện tình yêu quê hương đất nước, ý chí chiến đấu cho độc lập tự do và khát vọng thống nhất đất nước của nhân dân ta.  => Bồi dưỡng t/y quê hương đất nước,niềm tự hào d/t.Có thể hi sinh h/p riêng tư vì độc lập tự do.  **III. Tổng kết:**  **1.Nghệ thuật:**  - Sáng tạo trong kết cấu khúc hát ru, tạo nên sự lặp lại giống như những giai điệu của lời ru, âm hưởng của lời ru  - NT ẩn dụ, tương phản., phóng đại.  - Liên tưởng độc đáo, diễn tưởng bằng những h/ả thơ có ý nghĩa biểu tượng.  **2. Nội dung:**  - Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ ngợi ca tình cảm thiết tha và cao đẹp của bà mẹ Tà Ôi dành cho con, cho quê hương, đất nước trong cuộc k/c chống Mĩ cứu nước  -> khát vọng thống nhất đất nước của nhân dân ta.  **\*Ghi nhớ SGKT155** |

**4. Củng cố- luyện tập:**

- GV nhắc laị những kiến thức bài học

**5.Hướng dẫn học sinh học ở nhà**

- Học bài theo câu hỏi và đọc thuộc lòng bài thơ

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Tổng kết về từ vựng - làm các bài tập sgk.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 59.* TỔNG KẾT TỪ VỰNG (LUYỆN TẬP TỔNG HỢP)**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học để phân tích những hiện tượng ngôn ngữ trong thực tiễn giao tiếp, nhất là trong văn chương.

+ Hệ thống những kiến thức về nghĩa của từ, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, trường từ vựng, từ tượng thanh, từ tượng hình, các biện pháp tu từ từ vựng

+ Tác dụng của việc sử dụng các phép tu từ trong các văn bản NT

**2.Kỹ năng :**

- Nhận diện được các từ vựng, các biện pháp tu từ từ vựng trong văn bản

- Phân tích tác dụng của việc lựa chọn, sử dụng từ ngữ và biện pháp tu từ trong văn bản

**3.Thái độ:**

- Yêu thích môn học, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của TV.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu, làm bài tập SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*H: Nêu hiểu biết của em về các phép tu từ từ vựng: Nhân hoá, ẩn dụ so sánh, hoán dụ, điệp ngữ,chơi chữ, nói quá, nói giảm ,nói tránh. Cho ví dụ ?*

**3.Bài mới :**

Những giờ học trước các em đã được hệ thống tất cả những kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6-9. Hôm nay các em sẽ vận dụng những kiến thức đó để giải các bài tập trong SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1: HDHS làm các bài tập luyện tập:**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - So sánh 2 dị bản của câu ca dao.  *H: Cho biết trong trường hợp này "Gật đầu" hay " Gật gù" thể hiện thích hợp hơn ý nghĩa cần biểu đạt? Vì sao?*  *H: Nhận xét cách hiểu nghĩa từ ngữ của người vợ trong truyện cười sau.*  *? Vì sao người vợ lại hỏi như vậy.*  - HS đọc yêu cầu của bài tập.  *H: Các từ : vai , miệng, chân, tay được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển…Phương thức ẩn dụ hay hoán dụ?*  - HS đọc yêu cầu bài tập.  *H: Vận dụng kiến thức đã học về trường từ vựng để phân tích cái hay trong cách dùng từ của bài thơ?*  -1HS đọc yêu cầu bài tập.  *H: Tìm 5 VD về những sự vật, hiện tượng được gọi tên theo cách dựa vào đặc điểm riêng biệt của chúng.*  - 1HS đọc đề bài.  - Đọc truyện cười.  *H: Chi tiết nào trong truyện gây cười? Phê phán điều gì?* | **1.Bài tập 1(SGK )**  -"Gật đầu" : cúi xuống rồi ngẩng lên ngay, thường để chào hỏi hay tỏ sự đồng ý(động từ).  -"Gật gù" Động từ, từ láy tượng hình (mô tả tư thế)  gật nhẹ và nhiều lần, biểu thị thái độ đồng tình, tán thưởng.  => Như vậy: gật gù thể hiện thích hợp hơn ý nghĩa cần biểu đạt; tuy món ăn rất đạm bạc nhưng đôi vợ chồng nghèo ăn rất ngon miệng vì họ biết chia sẻ những niềm vui đơn sơ trong cuộc sống.  **2.Bài tập 2 (SGK 158)**  - Chồng: -> Đội này chỉ có một **chân** sút.  -Vợ-> rõ khổ có 1 **chân** thì còn chơi bóng …  => Người vợ không hiểu cách nói của người chồng: Nói theo nghĩa chuyển phương thức hoán dụ ( lấy bộ phận chỉ toàn thể) nghĩa là cả đội bóng chỉ có một người giỏi ghi bàn. ở đây người vợ hiểu theo nghĩa gốc.  **3. Bài tập 3: (SGK 159)**  - Những từ được dùng theo nghĩa gốc: miệng,.  chân , tay.  - Những từ được dùng theo nghĩa chuyển.  + Vai: phương thức hoán dụ.  + đầu: phương thức ẩn dụ (phần mũi súng nơi đạn được thoát ra).  **4.Bài tập 4(SGK 160)**  - Nhóm từ : đỏ, xanh, hồng nằm cùng trường nghĩa.  - Nhóm từ: lửa, cháy, tro thuộc cùng trường từ vựng chỉ lửa và những sự vật, hiện tượng có quan hệ với lửa.  => Các từ thuộc 2 trường từ vựng lại có quan hệ chặt chẽ với nhau. màu áo đỏ của cô gái thắp lên trong mắt chàng trai và bao người khác ngọn lửa. Ngọn lửa đó lan toả trong con người anh say đắm, ngất ngây.(đến mức có thể cháy thành tro) và lan ra cả không gian, làm không gian cũng biến sắc( Cây xanh …..theo hồng  => Xây dựng được những hình ảnh gây ấn tượng mạnh mẽ vơí người đọc, qua đó thể hiện mạnh mẽ tình yêu mãnh liệt.  **5. Bài tập 5 (SGK 159)**  - Các sự vật hiện tượng đó được gọi tên theo cách dùng từ ngữ có sẵn với một nội dung mới dựa vào đặc điểm của sự vật, hiện tượng được gọi tên.  - VD: chim lợn: là loài chim cú có tiếng kêu eng éc như lợn.  - Xe cút kít: xe thô sơ có một bánh gỗ 2 càng, do người sử dụng đẩy, khi chuyển động thường có tiếng kêu cút kít.  - Mực: Động vật sống ở biển, thân mềm, chân ở đầu có hình tua, có túi chứa chất lỏng đen như mực.  - Cá kiếm: Cá cảnh nhiệt đới cỡ nhỡ đuôi dài và nhọn như cái kiếm  **5-Bài tập 6: (SGK 160)**  - Chi tiết gây cười: “Đừng … gọi bác sĩ , gọi cho bố ông đốc tờ!”  => Phê phán thói sính dùng từ ngữ nước ngoài của ông bố sắp chết vẫn còn đòi gọi"đốc tờ" |

**4.Củng cố, luyện tập :**

- Các nội dung đã ôn luyện, xem lại các bài tập đã làm.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn thiện các bài tập.

- Chuẩn bị bài mới: Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố

nghị luận.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 60.* LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ**

**CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hs thấy rõ v/trò kết hợp của các y/t nghị luận trong đoạn văn tự sự và vận dụng viết đoạn văn tự sự có sử dụng y/t nghị luận .

**2.Kỹ năng :**

- Viết đoạn văn tự sự có sử dụng y/t nghị luận với độ dài trên 90 chữ .

- Phân tích t/d của y/t lập luận trong đoạn văn tự sự.

**3.Thái độ:**

- Yêu thích môn học, có ý thức đưa yếu tố nghị luận vào đoạn văn tự sự

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi bài tập SGK)

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*H: Cách đưa yếu tố nghị luận vào bài văn tự sự? Vai trò của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự?*

**3.Bài mới :**

- Giờ học này các em được thực hành, tập viết đoạn văn tự sự có có sử dụng yếu tố nghị luận. Đã là đoạn văn tự sự phải có nhân vật, sự việc làm nòng cốt, từ đó mới kết hợp, lồng ghép các yếu tố khác như miêu tả, biểu cảm, thuyết minh. Trong bài này là kết hợp với các yếu tố nghị luận, nghị luận thường diễn ra dưới các dạng các cuộc đối thoại (độc thoại) nhằm thuyết phục một ai đó về một vấn đề, 1 nhận xét, 1 quan điểm, tư tưởng , Chúng ta cùng tìm hiểu bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS thực hành tỡm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự:**  1HS đọc đoạn văn(SGK 160)  *H: Trong cõu chuyện trờn yếu tố nghị luận thể hiện ở những câu văn nào?*  *H:Chỉ ra vai trò của các yếu tố nghị luận trong việc làm nổi bật ND của đoạn văn?*  *H:Bài học rút ra từ đoận văn trên là gì?*  *H: Nếu lược bỏ các yếu tố nghị luận đó đi có được không, vì sao?*  1 HS đọc yêu cầu bài tập.  *H:Em cần trình bày những gì trong đoạn văn?*  - Dựa vào gợi ý viết thành đoạn văn.  - Trình bày miệng trước lớp  - HS khác nhận xét , bổ sung.  - GVđánh giá.  1 HS đọc yêu cầu bài tập.  - Đọc tham khảo văn bản “Bà nội”.  *H: Tìm yếu tố nghị luận trong văn bản?*  *H: Yếu tố nghị luận trong văn bản có vai trò gì ?*  - GV gợi ý học sinh làm bài tập. Viết vào vở.  - Trình bày trước lớp.  - HS khác nhận xét , bổ sung.  ***- Viết đoạn văn:***  Gợi ý: + Người em kể là ai?  + Người đó đã để lại một việc làm, lời nói hay một suy nghĩ ? Điều đó diễn ra trong hoàn cảnh nào?  + Nội dung cụ thể là gì? Nội dung đó giản dị mà sâu sắc, cảm động như thế nào?    + Suy nghĩ , bài học rút ra từ câu chuyện trên. | **I.Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.**  **1.Bài tập 1(160)**  **Cõu chuyện**:“Lỗi lầm và sự biết ơn”  - **Yếu tố nghị luận** :thể hiện ở các câu văn sau:  *+ “Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xoá nhoà theo thời gian…, trong lòng người”.*  *+ “Vậy mỗi chúng ta… ghi những ân nghĩa lên đá”.*  **- Vai trò của các yếu tố nghị luận** **trên:**  + Làm cho câu chuyện sâu sắc, giàu tính triết lý, cú tính giáo dục cao.  + Giỳp người nghe(người đọc) cú cách ứng xử có văn hoá trong cuộc sống vốn rất phức tạp.  => Bài học rút ra từ câu chuyện là sự bao dung, lòng nhân ái, biết tha thứ và ghi nhớ ân nghĩa, ân tình  => Không được vì giảm đi tính tư tưởng của đoạn văn và do đó ấn tượng  **II.Thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.**  **1.Bài tập 1** (SGK 161)  ***\* Gợi ý:*** Những nội dung cần trình bày trong đoạn văn:  - Buổi sinh hoạt lớp diễn ra như thế nào?  + Thời gian : tiết 5 ngày thứ 7  + Địa điểm :tại phòng học của lớp  + Người điều khiển: lớp trưởng  + Không khí của buổi sinh hoạt : nghiêm túc.  - Nội dung của buổi sinh hoạt: tổng kết việc thực hiện các nội dung,kế hoạch trong tuần.  + Phát biểu về vấn đề: Nam là người bạn tốt(lý do:lớp tuyên dương những bạn đã biết giúp đỡ các bạn khác… nhưng không có bạn Nam )  -Thuyết phục cả lớp với lý lẽ như thế nào?(đưa ra ví dụ, lời phân tích…)  **2.Bài tập 2**(SGK/ 161)  **\*Đọc tham khảoVB “ Bà nội” của Duy Khán.**  -Yếu tố nghị luận:  + “Người ta bảo … hư làm sao được”.  + “Bà nói những câu … nó gãy”  =>Vai trò của yờỳ tố nghị luõn: thể hiện rõ tình cảm của người cháu với phẩm chất, đức hy sinh của người bà. Đồng thời thể hiện suy ngẫm của tác giả về nguyên tắc giáo dục.  **\*Gợi ý**:  - Người em kể là bà nội của em.  - Bà dạy bảo nghiêm khắc khi em mắc lỗi.  - Bà kể lại một câu chuyện hoặc dùng lí lẽ để khuyên răn em.  - Điều khiến em cảm động bởi lời của bà nhẹ nhàng nhưng chứa đựng những điều triết lí về đạo đức  - bổn phận làm con và trách nhiệm của mỗi người đối với gia đình. |

**4.Củng cố- luyện tập :**

- GV hệ thống lại bài

- Vai trò của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự? Ta đưa yếu tố nghị luận vào văn bản tự sự như thế nào?

**5. Hướng dẫn hs học ở nhà**

- Hoàn thành các bài tập.

- Đọc, soạn văn bản “Ánh trăng”

+) Đọc bài thơ, chú ý giọng đọc cách đọc.

+) Trả lời các câu hỏi đọc hiểu văn bản.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 61.* ÁNH TRĂNG**

**( Nguyễn Duy**)

**I. Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hiểu những kỉ niệm về một thời gian lao nhưng nặng nghĩa tình của ng lính.

- Sự kết hợp các y/t tự sự , nghị luận một t/p thơ VN hiện đại

- Ngôn ngữ, h/ả giàu suy nghĩ , mang ý nghĩa biểu tượng.

**2.Kỹ năng :**

- Đọc- hiểu vb thơ đc s/t năm 1975.

- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong t/p thơ VN hiện đại.

**3.Thái độ:**

- “Uống nước nhớ nguồn”, trân trọng quá khứ tốt đẹp của d/tvà phát huy những giá trị tốt đẹp của quá khứ .

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*H: Nêu tên các bài thơ viết về đề tài người lính và chiến tranh? tình đồng đội của những người lính được thể hiện như thế nào?*

**3.Bài mới :**

- Nhà thơ Nguyễn Duy thuộc lớp nhà thơ trưởng thành trong cuộc k/c chống Mĩ nửa cuối TK XX. Thế hệ này từng trải qua nhiều thử thách, gian khổ, từng chứng kiến quá khứ gian lao, hào hùng của dân tộc , gắn bó tình đồng trong chiến tranh, từng sống gắn bó cùng thiên nhiên núi rừng tình nghĩa. Khi đã hết thời bom đạn ác liệt, trở về với cuộc sống thường nhật, được sống trong hoà bình với những tiện nghi sinh hoạt của thời hiện đại, không phải ai cũng nhớ những gian nan, những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đã qua . Bài thơ “Ánh trăng”ghi lại một thoáng, suy tư của nhà thơ trước cái điều vô tình dễ gặp ấy .

- Bài thơ là tiếng lòng, là cảm xúc và suy ngẫm của riêng nhà thơ nhưng không phải chỉ bó hẹp như thế mà nó có ý nghĩa nhắc nhở, gợi suy nghĩ và liên tưởng cho mọi người, nhất là những người đã từng gắn bó với quá khữ gian lao hào hùng của dân tộc và cho cả thế hệ tương lai.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc- tìm hiểu chú thích:**  - GVhdẫn hs đọc: to, rõ, truyền cảm, ngắt nhịp đúng, thay đổi giọng đọc cho phù hợp:  +)Ba khổ thơ đầu giọng kể , nhịp thơ trôi chảy,bình thường:  +) khổ 4: giọng đột ngột ngất cao ngỡ ngàng với bước ngoặt của sự việc(sự xuất hiện của vầng trăng)  +)Khổ 5-6: giọng điệu thiết tha rồi trầm lắng cùng xúc cảm và suy tư lặng lẽ.  *H: Nờu những hiểu biết của em về tỏc giả Nguyễn Duy?*  *H: Giới thiệu nét chính về tác phẩm, hoàn cảnh ra đời của bài thơ?*.    **HĐ2.HDHS đọc- hiểu văn bản:**  *H: Bài thơ được viết theo thể thơ nào? giống bài thơ nào đã học ở lớp dưới?*  *H: Bài thơ khai thác đề tài nào để thể hiện chủ đề của tác phẩm?Tìm một số tác phẩm thơ có cùng đề tài?*  ( Muốn làm thằng cuội- TĐ; Ngắm trăng- Hồ chí Minh)  - Mỗi nhà thơ lại mượn đề tài về ánh trăng để thể hiện một tư tưởng chủ đề khác nhau…  *H:Tìm bố cục của bài thơ, nêu nội dung chính của từng phần?*  1 HS đọc 2 khổ thơ đầu.  *H: Trăng gắn bó với nhân vật trữ tình trong những hoàn cảnh nào?*  (em nhận xét như thế nào về phạm vi không gian trong các hình ảnh thơ:sông , đồng, bể)  *H: Lúc ấy tình cảm người và trăng như thế nào?*  *H:Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào để nói về tình cảm giữa người và trăng?*  *H: Vì sao khi ấy người cảm nhận trăng là tri và con người có tình nghĩa với trăng? Lúc ấy phong cách sống của con người như thế nào?*  - Vì khi đó trăng gắn với trò chơi của tuổi thơ kỉ niệm, ước mơ trong sáng thời thơ ấu và trăng gắn với kỉ niệm của cuộc đời quân ngũ ( ánh trăng dẫn lối trên đường hành quân, trăng làm bạn trong những đêm phục kích chờ giặc ấm áp tình đồng chí.. trăng là niềm vui bầu bạn của người lính trong gian lao ->Trăng đẹp đẽ ân tình  - Liên hệ bài thơ “Đồng chí” : *“Đầu súng trăng treo”*  *H: Hai khổ thơ đầu cho em cảm nhận về vầng trăng trong quá khứ của nhà thơ là vầng trăng như thế nào?để người: “ ngỡ không bao giờ quên”*  - Gọi hs đọc 1 khổ thơ tiếp.  *H: Rời xa quân ngũ, người lính về với cuộc sống hiện tại, qua các từ “ỏnh điện” và “cửa gương”, “ phòng buyn-đinh” em thấy lúc này người lính năm xưa có cuộc sống như thế nào?*  *H: Lúc này quan hệ giữa người và trăng như thế nào?* *Thế nào là người dưng và người dưng qua đường?*  - Người dưng: người lạ không quen biết  - Người dưng qua đường: hoàn toàn là người xa lạ không hề quen biết với mình  *H: Theo em tại sao lại có sự lãng quên như vậy?*  *H:Từ nguyên nhân dẫn đến sự xa lạ giữa người và trăng, tác giả muốn nói với chúng ta điều gì ?*  - Gọi hs đọc khổ thơ thứ 4  *H:Tình huống nào khiến con người gặp lại trăng, đối diện với trăng?*  *H:Trong tình huống ấy vầng trăng hiện lên như thế nào?*  - Gọi hs đọc 2 khổ thơ cuối.  *H:Trong tư thế đối diện với vầng trăng tròn đầy vẹn nguyên con người có cảm xúc như thế nào?*  *H: Em hãy diễn tả lại cảm xúc dưng dưng?*  *H: Nguyên nhân nào khiến nhân vật trữ tình xúc động như vậy?*  *H: Khổ thơ có điệp từ “là” cùng với hình ảnh (sông, đồng, bể, rừng) xuất hiện liên tiếp có ý nghĩa gì?*  (đó là kỉ niệm tuổi thơ hồn nhiên trong sáng, kỉ niệm thời quân ngũ với những lời thề đồng đội khắc cốt ghi xương, những nơi anh đã sống, đã gắn bó, đã đi qua tất cả đều gắn bó với vầng trăng ân nghĩa, thuỷ chung)  H: *“ Trăng cứ tròn vành vạnh*  *kể chi người vô tình”*  *Những câu thơ này cho em cảm nhận được vẻ đẹp nào của trăng?(trăng ở đây mang mấy tầng ý nghĩa?)*  *H: Em cảm nhận như thế nào về nghĩa của câu thơ “ ánh trăng im phăng phắc, đủ cho ta giật mình?*  *H: Tại sao nhà thơ lại giật mình?ý nghĩa của cái giật mình ấy?*  *H: Nếu trăng tượng trưng cho vẻ đẹp và những giá trị tốt đẹp của quá khứ thì cái giật mình của con người trước trăng có ý nghĩa nhắc nhở chúng ta điều gì?*  **HĐ3.HDHS tổng kết:**  *H: Cảm nhận của em về giá trị nghệ thuật và nội dung (tư tưởng chủ đề của bài thơ)* | **I.Đọc - tìm hiểu chú thích:**  **1.Đọc:**  **2.Tìm hiểu chú thích:**  **a)Tác giả:**  - Nguyễn Duy (1948)  - Tên khai sinh : Nguyễn Duy Nhuệ  - Quờ : Thanh Hoỏ.  - Nguyễn Duy thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong thời kì khỏng chiến chống Mỹ cứu nước.  - Từ năm 1977 ông là đại diện thường trú của báo Văn nghệ tại TPHCM.  - Được nhận giải nhất cuộc thi thơ của báo Văn nghệ năm 1972-1973.  **b)Tác phẩm:**  - Bài thơ: “Ánh trăng” được sáng tác năm 1978(ba năm sau khi nước nhà thống nhất) tại thành phố Hồ Chí Minh.Bài thơ đượcin trongtập thơ từng được tặng giải A của hội nhà văn Việt Nam năm 1984.  **c) Từ khú:**  - Tri kỉ  - Buyn đinh  - Người dưng  **II. Đọc - hiểu văn bản:**  **1.Thể loại , phương thức biểu đạt:**  -Thơ 5 chữ ( mang dáng dấp một câu chuyện nhỏ kể theo trình tự thời gian, không gian. Mỗi khổ như một câu thơ,chỉ, viết hoa chữ cái đầu tiên ) **khổ**  - Đề tài: “ánh trăng” -> đề tài quen thuộc trong thơ ca.  **2.Bố cục:** 3 đoạn  +) Đoạn1: 2 khổ đầu-> Quan hệ giữa người và trăng trong quá khứ.  +) Đoạn 2: Khổ thứ 3- 4-> quan hê giữa người và trăng trong hiện tại.  +) Đoạn 3: Khổ 5,6-> Cảm xúc và suy ngẫm của tác giả.  **3. Phân tích**  **a)Cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ**  -" **Hồi nhỏ** sống với đồng  với sông rồi với bể  **hồi chiến tranh** ở rừng"  vầng trăng thành tri kỉ”  - Vầng trăng gắn với tuổi thơ trải rộng trên một không gian bao la( sống với đồng, sông , bể)  - Trăng gắn với những năm tháng quân ngũ ở rừng.    =>Trăng trở thành người bạn tri kỉ.  - Nghệ thuật: nhân hoá-> trăng gần gũi thân thiết gắn bó với người  - Khi đó con người sống giản dị, thanh cao,chân thật trong sự hoà hợp, gần gũi với thiên nhiên: *“ Trần trụi với thiên nhiên…. cây cỏ”*      => Đó là ánh trăng tri kỉ đẹp đẽ ân tình, gắn với hạnh phúc và gian lao của mỗi người, của đất nước.  **b) Cảm nghĩ về vầng** tr**ăng hiện tại**  *“ Từ hồi về thành phố*  *Quen ánh điện cửa gương*  *vầng trăng đi qua ngõ*  *như người dưng qua đường”*  - Người sống ở những buyn - đinh cao tầng,có đầy đủ tiện nghi hiện đại, có điện thắp sáng suốt ngày đêm.  - Trăng trở nên xa lạ, không còn gắn bó với người như trước nữa, thậm chí cả 2 đều tự thấy xa lạ với nhau  - Thời gian, không gian sống đổi thay, điều kiện sống cũng khác: con người có ánh điện,cửa gương nên coi thường, dửng dưng,vì không còn cần đến trăng.  =>Cuộc sống hiện đại,tiện nghi dễ làm con người ta quên đi những giá trị trong quá khứ.  ***“ Thình lình*** *đèn điện tắt*  *phòng buyn-đinh tối om*  ***vội*** *bật tung cửa sổ*  ***đột ngột*** *vầng trăng tròn”*  -Tình huống: mất điện bất ngờ *“thình lình”->*ngườivội vã đi tìm nguồn sáng  *“ vội bật tung cửa sổ”*  => Trăng hiện lên bất ngờ: một vầng trăng tròn đầy, vẹn nguyên.  **c)Cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật trữ tình.**  *“Ngửa mặt lên nhìn mặt*  *có cái gì dưng dưng*  *như là đồng là bể*  *như là sông là rừng*  *Trăng cứ tròn vành vạnh*  *kể chi người vô tình*  *ánh trăng im phăng phắc*  *đủ cho ta giật mình.”*  - Cảm xúc *“ có cái gì dưng dưng”*  - *dưng dưng”->* niềm xúc động dâng trào, dung động,xao xuyến, gợi nhớ thương.  + Gặp lại người bạn tri kỉ,tình nghĩa thuỷ chung ngày nào.  + ánh trăng tròn đầy,vẹn nguyên làm sống dậy một thời quá khứ đẹp đẽ.  - Điệp từ “là”, phép liệt kê*(sông, đồng, bể, rừng )*  liên tiếp dồn dập diễn tả kỉ niệm trong quá khứ ùa về.  - Trăng luôn là vẻ đẹp vĩnh hằng của thiên nhiên.  - Trăng bao dung độ lượng, tình nghĩa thuỷ chung không đòi hỏi đền đáp.  - Trăng *“ im phăng phắc*”: sự nghiêm khắc nhắc nhở,sự trách móc trong im lặng.  - Cái *“giật mình”* đáng trân trọng của con người đi tìm lại chính mình, tự thấy phải thay đổi cách sống để tự hoàn thiện mình.  => Con người phải biết trân trọng những giá trị truyền thống tốt đẹp trong quá khứ.  **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Kết cấu: Giống như một câu chuyện nhỏ kể theo trình tự thời gian, không gian có diễn, có nhân vật và sự việc.  - Giọng thơ: lúc tâm tình tự nhiên, khi dâng cao ngỡ ngàng, khi thiết tha trầm lắng suy tư.  - Thể thơ năm chữ: kết hợp hài hoà tự sự,trữ tình, nghị luận;tiết tấu nhịp nhàng, mỗi khổ viết liền mạch như một câu thơ, tạo sức truyền cảm.  - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ: So sánh, nhân hoá, điệp từ.  - H/ả “ánh trăng” mang ý nghĩa biểu tượng.  **2. Nội dung**( tư tưởng chủ đề )  - Từ một tâu chuyện riêng, bài thơ như một lời nhắc nhở chính mình, củng cố, cảnh tỉnh ở người đọc về thái độ sống  “ uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thuỷ chung với qúa khứ.  **\**Ghi nhớ (*SGK/ 157)** |

**4.Củng cố- luyện tập :**

- GV hệ thống lại bài.

*H: Tình cảm giữa người và trăng trong quá khứ được khẳng định như thế nào? Trong hiện tại ? Từ đó nhà thơ nói lên cảm nhận gì? Ý nghĩa của hình tượng ánh trăng ? Giải thích nhan đề bài thơ?*

**5. Hướng dẫn hs học ở nhà**

- Đọc thuộc lũng bài thơ ? vẽ bản đồ tư duy nội dung bài học?

+) Đọc bài thơ, chú ý giọng đọc cách đọc.

+) Trả lời các câu hỏi đọc hiểu văn bản.

+) Chuẩn bị: “ Làng” - đọc tóm tắt văn bản,, trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 62.* LÀNG**

**(Kim Lân)**

**I. Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- HS nắm đc nhân vật , sự việc, cốt truyện trong một t/p truyện hiện đại .

- Đối thoại, độc thoại nội tâm ; sự kết hợp các y/t m/t, b/c trong vb tự sự hiện đại

- T/y làng, yêu nước, tinh thần k/c của ng nông dân VN trong thời kì k/c chống thực dân Pháp.

**2.Kỹ năng :**

- Đọc- hiểu vb thơ đc s/t năm 1975.

- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong t/p thơ VN hiện đại.

**3.Thái độ:**

- Bồi dưỡng t/yêu quê hương, đất nước, tự hào về quê hương, đất nước.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu. soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

Đọc thuộc lòng bài thơ: “ Ánh trăng” của nhà thơ Nguyễn Duy ? Nêu ý nghĩa biểu tượng của hình tượng ánh trăng.

**3.Bài mới :**

Mỗi người dân Việt Nam đều vô cùng gắn bó với làng quê của mình, nơi sinh ra và sống suốt cả cuộc đời cần lao giản dị. Sống ở làng, chết nhờ làng. Không gì khổ bằng phải bỏ làng đi tha hương cầu thực, lâm vào cảnh sống nơi đất khách, chết chôn quê người ... Tình cảm đặc biệt đó đã được nhà văn Kim Lân thể hiện một cách độc đáo trong một hoàn cảnh đặc biệt. Kháng chiến chống Pháp, để viết lên truyện ngắn : “Làng”. Giờ học này chúng ta cùng tìm hiểu.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích.**  HD hs đọc: to, rõ ràng, chính xác từ ngữ trong văn bản, thể hiện được diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai.  - GV đọc mẫu - HS đọc.  - GV nhận xét.  - Yêu cầu 1,2 hs tóm tắt văn bản.  *H: Giới thiệu những nét chính về tác giả Kim Lân.*  *H:Tác phẩm được sáng tác trong hoàn cảnh nào?*  Chú ý các chú thích từ khó: vạt, gồng, liếp, vưỡn?  **HĐ2.HDHS đọc hiểu văn bản:**  ?Tìm bố cục của văn bản,nêu nội dung chính của từng phần.  - GV kể lại một số chi tiết thể hiện tình yêu làng quê của ông Hai ở phần đầu của truyện.  - GV lưu ý về tình yêu làng của ông Hai trong phần đầu của truyện.  \*Tình yêu làng quê của ông Hai trong phần đầu của truyện:  -Tính hay khoe về làng từ xưa cho đến nay:với ông Hai làng chợ Dầu thật không đâu bằng và cái gì cũng đáng tự hào:  +Nhà ngói san sát sầm uất như tỉnh.  + Đường làng toàn lát đá xanh .  + Làng có phòng thông tin tuyên truyền sáng sủa,rộng rãi nhất vùng, chòi phát thanh cao bằng ngọn tre ,chiều chiều loa gọi cả làng đều nghe thấy.  +Những ngày kháng chiến dồn dập ở làng,ông gia nhập phong trào từ hồi còn bóng tối.  +Những công trình không để đâu hết (những hố,những ụ, những giao thông hào…)  -Khi chính quyền vận động đi tản cư ông không muốn đi cứ nấn ná mãi…  *H: Để khắc hoạ nổi bật chủ đề của chuyện, tính chất của nhân vật . Kim Lân đã đặt nhân vật chính vào 1 tình huống truyện ntn?*  *H: Cái tin ấy đến khi tâm trạng ông Hai đang ntn?*  *H: Tình huống truyện ấy có tác dụng ntn?*  *H:Tâm trạng của ông Hai thể hiện ra sao trong tình huống này?*  (diễn biến tâm trạng của ông Hai sẽ phân tích sâu hơn ở tiết sau.  *H:Tình huống truyện có phù hợp với diễn biến tâm lý của nhân vật không?*  *H: Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện?* | **I.Đọc và tìm hiểu chú thích.**  **1.Đọc - tóm tắt.**  **2.Tìm hiểu chú thích**  **a)Tác giả:** Kim Lân tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài (1920-2007) quê Từ Sơn- Bắc Ninh.  - Sáng tác văn học từ trước năm 1945,là nhà văn có sở trường về truyện ngắn.  - Gắn bó và am hiểu đời sống nông thôn và người nông dân.  - Đề tài chủ yếu: sinh hoạt làng quê và  những cảnh ngộ của người nông dân **b)Tác phẩm**.  - Viết trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Đăng lần đầu tiên trên tạp chí văn nghệ: 1948.  - Khai thác 1 tình cảm bao trùm và phổ biến trong con người thời kháng chiến tình cảm yêu quê hương , đất nước.  **c) Từ khó:**  **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1.Bố cục: 3 đoạn**  **- Phần1**: Từ đầu đến “không nhúc nhích”:Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu làm Việt gian theo Tây.  **- Phần 2**: tiếp đến “đôi phần”: Tâm trạng đau khổ , xấu hổ , buồn bực của ông hai ba bốn ngày sau đó.  **- Phần 3**: Còn lại: Tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng ông không theo giặc.  **2.Tình huống truyện**  -Tình huông: ông Hai tình cờ nghe được tin làng chợ Dầu của ông đã trở thành việt gian theo pháp phản k/c , phản Cụ Hồ từ miệng những người tản cư dưới xuôi lên.  - Cái tin ấy đến với ông vào một buổi trưa giữa lúc tâm trạng của ông đang rất phấn chấn vì nghe được nhiều tin ta đánh giặc trên tờ báo ở phòng thông tin.  => Tác giả diễn tả cụ thể sự mâu thuẫn, giằng xé tâm can, nỗi ám ảnh nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông Hai cùng với nỗi đau xót, tủi hổ của ông trước cái tin làng mình theo giặc=> Qua tình huống ấytgiả cho thấy tình yêu làng yêu nước chân thành giản dị của người nông dân VN trong cuộc k/ccp  **=>**Tâm trạng của ông Hai**:** Từ chỗ sững sờ đến chưa tin hẳn, rồi ông phải tin vì những người nói ra tin đó họ vừa ở dưới xuôi lên  **-** Tình huống truyện rất phù hợp với diễn biến tâm lý của nhân vật.  -Về mặt nghệ thuật : tạo nên một cái nút thắt trong câu chuyện ,gây ra một mâu thuẫn giằng xé tâm trí ông lão , tạo điều kiện để thể hiện tâm trạng và phẩm chất ,tính cách của nhân vật thêm chân thực và sâu sắc , góp phần giải quyết chủ đề của tác phẩm. |

**4.Củng cố- luyện tập :**

- Chủ đề củaVB: Tình yêu làng, yêu nước chân thành của người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp .

-Tình huống truyện.

**5. Hướng dẫn về nhà**

-Tóm tắt truyện. Soạn tiếp tiết 2 theo câu hỏi SGK( theo hệ thống câu hỏi đọc hiểu )

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 63.* LÀNG (TIẾP)**

**(Kim Lân)**

**I. Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

Học sinh hiểu các đối thoại, độc thoại nội tâm ; sự kết hợp các y/t m/t, b/c trong vb tự sự hiện đại.

- T/y làng, yêu nước, tinh thần k/c của ng nông dân VN trong thời kì k/c chống thực dân Pháp.

**2.Kỹ năng :**

- Đọc- hiểu mọt tác phẩm truyện viết về người nông dân trong kháng chiến chống pháp.

**3.Thái độ:**

- Bồi dưỡng t/yêu quê hương, đất nước, tự hào về quê hương, đất nước.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

soạn bài

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

*Tóm tắt ngắn gọn truyện ngắn “ Làng” ?*

**3.Bài mới :**

**-** Để tiếp tục hoàn thiện cảm nhận của mình về tình yêu làng, yêu nước và tinh thần k/c của ông Hai chúng ta tiếp tục tìm hiểu tiết 2 truyện ngắn Làng của nhà văn Kim Lân.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc hiểu văn bản(tiếp)**  - 1HS đọc từ đầu bay dật dờ.  *H: Khi nghe tin do những người tản cư cho biết: cả làng chúng nó Việt gian theo Tây thì thái độ và tâm trạng ông Hai ntn? ( PT cử chỉ và những câu nói của ông Hai )*  *H: Về nhà nằm vật ra giường như bị cảm, nhìn lũ con chơi với nhau tâm trạng của ông Hai diễn biến ntn?*  *H: Khi trò chuyện với vợ tâm trạng và thái độ của ông Hai ntn?*  *H: Những điều trên đã chứng tỏ tin xấu ảnh hưởng đến ông Hai ntn?*  *Những ngày sau nghe tin làng theo Tây ông Hai có tâm trạng gì ?*  *H: Qua những chi tiết trên đây. Hãy hệ thống tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng chợ đầu theo Tây?*  *H: Qua câu chuyện với mụ chủ nhà, vợ chồng ông Hai đã bị đẩy tới tình cảnh nào?*  *H:Trong bản thân ông Hai đã có sự đấu tranh ntn? Sự đấu tranh đó thể hiện điều gì ở ông Hai?( xung đột nội tâm)*  *H: Qua đoạn trò chuyện với đứa con út , em cảm nhận được gì ở nhân vật ông Hai.*  *H: Tác giả đã giải quyết tình huống trong văn bản như thế nào?*  *H: Tâm trạng của nhân vật ông Hai đã có sự thay đổi ra sao khi nghe tin cải chính làng chợ Dầu không phải theo Tây. Lúc này cử chỉ của ông Hai có gì đặc biệt? Những cử chỉ đó p/á nội tâm ntn?*  *H: Tư đó tác giả khẳng định tình cảm gì của nhân vật ông Hai?*  **HĐ2.HDHS tổng kết:**  *H: Nêu những biện pháp nghệ thuật nhà văn sử dụng khi kể chuyện?*  *H: Nêu nhựng nội dung cần nắm được sau khi học văn bản?*  - HS đọc mục ghi nhớ Sgk | **3. Phân tích:**  ***a. Tâm trạng của Ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo việt gian***  - Tin đến đột ngột , bất ngờ làm ông sững sờ,bàng hoàng “Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại,da mặt tê rân rân , nước mắt giàn ra, giọng lạc đi” -> Cảm xúc: đau đớn, tê tái, bẽ bàng  - Lảng chuyện cười nhạt thếch, cúi mặt mà đi -> Trốn tránh vì xấu hổ và nhục nhã  - Về nhà: “Nằm vật ra giường” … “Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ dàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ dúng hắt hủi đấy ư? …”-> Thương con  => Căm giận dân làng->gọi là chúng bay->Căm ghét, khinh bỉ, nguyền rủa họ phản bội ,bán nước  - Khi trò chuyện với vợ ông Hai bực bội, gắt gỏng vô cớ, đau đớn, trằn trọc thở dài rồi lo lắng-> chân tay rủn ra,nín thở, lắng nghe không nhúc nhích.  ***=***> Nỗi ám ảnh nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên cùng nỗi đau xót , tủi hổ trước cái tin làng mình theo giặc.  **\* Tâm trạng của ông Hai mấy ngày sau đó:**  - Suốt mấy hôm ông không dám đi đâu, chỉ ở trong nhà nghe ngóng tình hình trong sự sợ hãi, lo lắng,luôn bị ám ảnh về chuyện làng theo Tây. Cứ thấy một đám đông túm lại … ông cũng chột dạ …  “ thoáng nghe những tiếng Tây Việt gian … lủi ra một góc nhà , nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”  - Gia đình ông không biết sẽ sống nhờ ở đâu, tâm trạng của ông lúc này thật bế tắc tuyệt vọng.  + Có ý nghĩ “Hay là quay về làng” nhưng  “ vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức phản đối ngay” … “nước mắt ông dàn ra. Về làng … làm nô lệ cho thằng tây .. thế rồi ông quyết định “ Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”.  =>Tình cảm tự do tình cảm cách mạng, lòng yêu làng, yêu nước đã thực sự hoà quện trong tâm hồn ông. Mối mâu thũân trong nội tâm và tình thế của nhân vật dường như đã thành sự bế tắc, đòi hỏi phải được giải quyết.  - Ông Hai trò chuyện với đứa con út.  + Muốn đứa con ghi nhớ “ Nhà ta ở làng chợ Dầu”-> Tình yêu sâu nặng với làng quê.  - Tấm lòng thuỷ chung với kháng chiến với cách mạng với Cụ Hồ." Cụ Hồ muôn năm…"  -Tình cảm sâu nặng, bền vững, thiêng liêng của ông, của gia đình ông với kháng chiến, với cách mạng, ông yêu làng nhưng phải yêu đất nước-> ông là người có tâm hồn ngay thẳng , trọng danh dự, yêu ghét rạch ròi  **c.Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin cải chính:**  - Biết sự thật làng không theo tây còn chiến đấu anh dũng ,ông Hai tươi vui rạng rỡ hẳn lên,Ông mua quà cho con  + Ông Hai vui mừng phấn chấn đi khoe khắp nơi nhà ông bị tây đốt cháy lấy làm tự hào vì đó là bằng chứng làng ông không theo tây"vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về làng-> sung sướng hả hê đến cực điểm.  -> Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai thật chân thật, giản dị mà sâu sắc.  **III.Tổng kết**  **1.nghệ thuật.**  - Xây dựng cốt truyện tâm lý.  - NT miêu tả tâm lý nhân vật sâu sắc, tinh tế.  - Ngôn ngữ nhân vật sinh động, giàu tính khẩu ngữ thể hiện cá tính của nhân vật.  **2. Nội dung:**  **\* Ghi nhớ : SGK/174** |

**4 . Củng cố, luyện tập :**

- Tình huống truyện.

- Diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc.

**5. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:**

- Làm bài tập 1,2 (SGK )

- Học bài.

Chuẩn bị: + Chương trình địa phương.

+ Đối thoại, độc thoại …

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 64.* ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI VÀ ĐỘC THOẠI NỘI TÂM**

**TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

**I. Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- HS nắm đc vai trò của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong vb tự sự

- T/d của việc sử dụng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong vb tự sự.

**2.Kỹ năng :**

- Phân biệt đc đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

- Phân tích đc v/tr của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong vb t/s.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức sử dung các y/t trên trong quá trình viết văn tự sự, yêu thích viết văn.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảoSGK,SGV.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi bài tập SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh

**3.Bài mới :**

Trong văn bản tự sự ta thường gặp người đối thoại có khi là độc thoại hay độc thoại nội tâm. Vậy yếu tố này có vai trò gì và khi sử dụng cần lưu ý những điểm nào? Giờ học hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu được những vấn đề trên.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHStìm hiểu yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.**  1HS đọc BT SGK  *H:Trong 3 câu đầu đoạn ai nói với ai? Tham gia câu chuyện có mấy người?*  *H: Dấu hiệu nào cho biết đó là 1 cuộc trò chuyện trao đổi qua lại?*  - Sao bảo làng chợ Dầu…  - Ấy thế mà bây giờ…đấy  ? *H: Câu “Nắng gớm, về nào …” Ông Hai nói với ai, đây có phải là 1 câu đối thoại không? Vì sao?*  *H: Đoạn trích còn có những câu kiểu này không. VD: “Ông lão …. rít lên”*  *- Chúng bay … thế này”*  *H: Những câu “Chúng nó … Việt gian đấy ư?” là những câu hỏi ai ?*    *H: NX gì về hình thức của các câu hỏi này?*  *H: Các hình thức diễn đạt trên có tác dụng ntn trong việc thể hiện diễn biến của câu chuyện và thái độ của những người tản cư trong buổi trưa ông Hai gặp họ?*  *H: Qua việc phân tích các ngữ liệu trên đây, cho biết để thể hiện tâm trạng nhân vật trong văn bản tự sự ta có những hình thức nào.*  *H: Thế nào là đối thoại, độc thoại , độc thoại nội tâm?*  *H: Dấu hiệu của đối thoại độc thoại và độc thoại nội tâm là gì?*  Gọi HS đọc ghi nhớ SGK.  **HĐ2.HDHS luyện tập.**  Hs đọc bài tập SGK  *H: Em hãy phân tích tác dụng của hình thức đối thoại trong đoạn trích sau đây?*  Hs trao đổi, thảo luận làm bài tập  - Gv nhận xét đánh giá kết luận  *Đề bài: Viết một đoạn văn kể chuyện theo đề tài tự chọn, trong đó sử dụng cả hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.* | **I. Tìm hiểu yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.**  **1. Bài tập**  **\* Nhận xét:**  **a.** Mấy câu mở đầu đoạn trích có ít nhất hai người phụ nữ tản cư đang nói chuyện với nhau.  - Dấu hiệu: có 2 lượt lời qua lại, nội dung của mỗi người đều hướng tới người tiếp chuyện  - Hình thức thể hiện trong đ/v bởi hai gạch đầu dòng. Đây là những câu đối thoại  **b**. Ông lão đang nói với chính mình. Đó không phải là cuộc đối thoại vì không có lời đáp cũng chẳng liên quan đến chủ đề mà 2 người đàn bà trao đổi ông lão nói một câu bâng quơ, đánh trống lảng để tìm cách thoát lui. Đó là một lời độc thoại.  - Câu " chúng bay ăn miếng cơm hay ăn miếng gì…"  **c.** Ông Hai hỏi chính mình ,những câu này không phát ra thành tiếng mà chỉ âm thầm diễn ra trong suy nghĩ và tình cảm của ông Hai.Chúng thể hiện tâm trạng dằn vặt , đau đớn của ông Hai trong những phút giây khi nghe tin làng mình theo giặc.  - Hình thức : Không có gạch đầu dòng vì không thốt ra thành lời chỉ nghĩ thầm và chúng là những câu độc thoại nội tâm.  **d.**Các hình thức đối thoại tạo cho câu chuyện có không khí như cuộc sống thật thể hiện thái độ căm giận của người tản cư đối với dân làng chợ Dầu. Tạo tình huống để đi sâu vào nội tâm nhân vật. Những hình thức độc thoại và độc thoại nội tâm đã giúp nhà văn khắc hoạ sâu sắc tâm trạng dằn vặt , đau đớn xấu hổ , nhục nhã khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc, nghĩa là làm cho câu chuyện sinh động hơn  **2. Kết luận**  - Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm là những hình thức quan trọng để thể hiện nhân vật trong văn bản tự sự  - Đối thoại hình thức đối đáp , trò chuyện giữa 2 hoặc nhiều người. Mỗi lượt lời là 1 lần gạch đầu dòng.  - Độc thoại: Lời của 1 người nào đó nói với chính mình hoặc nói với ai đó trong tưởng tượng, nói thành lời thì phía trước có gạch đầu dòng.  - Độc thoại nội tâm : Lời của một người nào đó nói với chính mình hoặc là nói với một ai đó trong tưởng tượng song không nói thành lời, không có gạch đầu dòng.  **\* Ghi nhớ ( SGK 178)**  **II. Luyện tập.**  **1. Bài tập1(178)**  - Cuộc đối thoại diễn ra không bình thường giữa hai vợ chồng ông Hai.Một người thức và 1 người tưởng như đang ngủ có 2 tâm trạng khác nhau  + Một bên đang dằn vặt trong lòng không ngủ được còn 1 bên vô tư muốn tìm hiểu câu chuyện  + Cuộc đối thoại Có ba lượt lời trao(của bà Hai) nhưng chỉ có hai lời đáp, lời trao. Lời trao- đáp rất ngắn gọn, 1 bên vì bực bội không muốn nói còn 1 bên thì dè dặt. Mỗi lời hỏi của bà Hai đánh thức ông lão từ chỗ nằm im như rũ ra-> 1 tiếng hỏi gọn lỏn"gì', rồi đến động tác nhúc nhích, sau đó là 1 tiếng gắt, tiếp đó là sự lặng đi của gian nhà  => Có thể nói đoạn đối thoại thể hiện được 2 tính cách, 2 tâm trạng, 1 quan hệ vợ chồng  **Bài tập2(178)**  - Hs viết đoạn văn theo đề tài tự chọn đạt các y/c sau: Đoạn văn có cả 3 y/t vừa học đối thoại, độc thoại và độc thoạ nội tâm.Có câu văn mở đoạn, /tr đoạn và kết đoạn. Trình bày mạch lạc lô gích. -Tập trung vào chủ đề mà hs lựa chọn. K sai chính tả.Trình bày sạch, đẹp. |

**4**. **Củng cố- luyện tập:**

GV hệ thống laị bài:

*H: Thế nào là đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm?.*

*H: Tác dụng của các yếu tố trên trong văn bản tự sự?*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài + hoàn thành các bài tập

- Chuẩn bị bài tiếp theo: Luyện nói…..Lập dàn bài, tập nói.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 65.* LUYỆN NÓI TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI NGHỊ LUẬN VÀ**

**MIÊU TẢ NỘI TÂM**

**I. Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- HS nắm đc vai trò của tự sự, nghị luận và m/t nội tâm trong kể chuyện.

- T/d của việc sử dụng các y/t tự sự, nghị luận và m/t nội tâm trong kể chuyện

**2.Kỹ năng :**

- Nhận biết các y/t tự sự, nghị luận và m/t nội tâm trong một vb.

- Sử dụng các y/t tự sự, nghị luận và m/t nội tâm trong văn kể chuyện.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức sử dụng các y/t trên trong quá trình viết văn, kể chuyện, yêu thích viết văn, kể chuyện.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảoSGK,SGV.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài luyện nói (trả lời câu hỏi bài tập SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ**: **Kiểm tra 15 phút**

***Đề bài: Viết một đoạn văn kể chuyện theo đề tài tự chọn, trong đó sử dụng cả hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.***

***Đáp án:***

*- Bạn đang làm gì mà say sưa vậy?*

*Tiêng Nga nói làm tôi giật mình cắt ngang dòng suy nghĩ, tôi cất vọi cuốn nhật kí vào ngăn bàn.*

*- À, mình đang xem bài toán cô giao về nhà mà*

*Thoát khỏi sự tò mò của Nga, tôi cứ nghĩ mãi về những chữ trong nhật kí của Mai. Vậy mà tôi và các bạn trong lớp đã không hiểu gì về hoàn cảnh của Mai, về cuộc sống vất vả mà Mai đang phải đối trọi từng ngày, vây mà có lúc chúng tôi đã cô lập bạn ấy vì cho răng Mai lập dị. Chúng tôi đâu biết răng bạn ấy mặc cảm*

*vì thua kém bạn bè trong lớp . Tôi nhận thấy mình mới ích kỉ làm sao. Tôi tự nhủ*

*tôi sẽ gặp Mai để nói với bạn ấy rằng: “ Mai ơi, mình thành thật xin lỗi bạn”*

**3.Bài mới :**

Khả năng nói trước tập thể , trước đám đông, không phải ai cũng có được.

Vì vậy luyện nói là một trong những kỹ năng được môn Ngữ văn bổ sung và chú ý nhiều hơn trước . Gìơ học này với những kiến thức đã chuẩn bị theo hướng dẫn , các em sẽ thể hiện khả năng nói của mình trước tập thể lớp.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS chuẩn bị luyện nói trên lớp:**  HS đọc đề các bài tập (3 bài tập SGK 179)  Nhóm 1: BT1  Nhóm 2: BT2  Nhóm 3: BT3  **HĐ2.HDHS phân tích đề , lập dàn ý**    *H: Xác định yêu cầu của các bài tập trên.*    GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm cử đại diện trình bày dàn ý của 1 bài tập.  *H: Tâm trạng của em sau khi để xảy ra 1 chuyện có lỗi với bạn?*  *H: Kể lại buổi sinh hoạt lớp ở đó em đã phát biểu ý kiến: Nam là 1 người bạn tốt?*  *H: Hãy đóng vai Trương Sinh để kể lại câu chuyện và bày tỏ niềm ân hận của mình?*  **HĐ3.HDHS trình bày bài luyện nói trước lớp:**  - Cử đại diện nhóm trình bày trước lớp.  HS khác nghe, nhận xét, bổ sung ( nếu có)  **HĐ4.Nhận xét đánh giá:**  - GV nhận xét ưu , nhược điểm của HS trong giờ học.  - GV đánh giá, ghi điểm cho những HS đã trình bày trươc lớp.  **HĐ5.HDHS luyÖn tËp**  - GV giao bµi tËp h­íng dËn lµm ë nhµ | **I.Đề bài:**  **1.Bài tập 1:**  Tâm trạng của em sau khi để xảy ra 1 chuyện có lỗi với bạn.  **2.Bài tập 2:**  Kể lại buổi sinh hoạt lớp, ở đó em đã phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là một bạn rất tốt.  **3.Bài tập 3:**  Dựa vào nội dung phần đầu tác phẩm : “Chuyện người con gái Nam Xương”(Từ đầu đến “Bấy giờ …qua rồi”), hãy đóng vai Trương Sinh để kể lại câu chuyện và bày tỏ niềm ân hận.  **II.Phân tích đề , lập dàn ý :**  **1.Yêu cầu:**  **-** Cả 3 đề đều là kể chuyện song phải biết kết hợp sử dụng yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm, các hình thức đôí thoại , độc thoại.  **2.Lập dàn ý:**  **a.Bài tập 1*:***  **\*Gợi ý**: - Diễn biến của sự việc:  + Nguyên nhân nào dẫn tới lỗi của em với bạn.  + Sự việc gì ? Có lỗi với bạn ở mức độ nào.  + Có ai chứng kiến hay chỉ một mình em biết.  - Tâm trạng:  + Tại sao em phải suy nghĩ, dằn vặt? Do em tự vấn lương tâm hay có ai nhắc nhở?  + Em có suy nghĩ gì?  + Lời tự hứa với bản thân ra sao?  **b.Bài tập 2:**  - Gợi ý :- Buổi sinh hoạt lớp diễn ra như thế nào(thời gian? địa điểm? người điều khiển? không khí của buổi sinh hoạt?)  - Nội dung của buổi sinh hoạt lớp (sinh hoạt lớp với nội dung gì? em dã phát biểu để chứng minh Nam là người bạn rất tốt như thế nào: Lý do, dẫn chứng)  **c.Bài tập 3:**  - Gợi ý: - Xác định ngôi kể  - Xác định cách kể  + Hoá thân vào nhân vật Trương Sinh để kể lại câu chuyện.  + Làm nổi bật sự dằn vặt, đau khổ ở Trương Sinh.  **III.Học sinh trình bày.**  - Bài tập 1: Nhóm 1  - Bài tập 2: Nhóm 2  - Bài tập 3: Nhóm 3  **IV-Nhận xét, đánh giá.**  **1. Ưu điểm:**  **2. Tồn tại:**  **3. Đánh giá, ghi điểm.**  **V. Luyện tập.**  **Bài tập:** Tự chọn một trong ba đề trên đề viết thành một bài văn hoàn chỉnh. |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- GV nhấn mạnh vai trò của giờ luyện nói,

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

+ Hoàn thành bài tập ở phần luyện tập.

- Chuẩn bị văn bản: “Lặng lẽ Sa Pa”.

+) Đọc văn bản.

+Tóm tắt.

+)Trả lời câu hỏi đọc hiểu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 66.* LẶNG LẼ SA PA**

**(Nguyễn Thành Long)**

**I. Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- HS đọc và cảm nhận vẻ đẹp của hình tượng con ng thầm lặng cống hiến quên mình vì TQ trong t/p. Hiểu đc nghệ thuật kể chuyện, m/t sinh động hấp dẫn trong truyện.

**2.Kỹ năng :**

- Nắm bắt diễn biến và tóm tắt đc truyện, phân tích đc hình tượng nhân vật người thah niên trong tác phẩm.

**3.Thái độ:**

- Bồi dưỡng t/yêu quê hương, đất nước, ý thức trách nhiệm với công việc yêu công việc.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK)

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

*- Phân tích tâm trạng ông hai khi nghe tin làng theo giặc? Tóm tắt tryyện ngắn “ Làng”*  **3.Bài mới :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - Hướng dẫn học sinh đọc: to, rõ, chính xác, chậm rãi, tình cảm, sâu lắng (GV đọc mẫu – HS đọc – nhận xét).  *H: Giới thiệu những nét chính về tác giả Nguyễn Thành Long.*  *H: Nêu hoàn cảnh sáng tác văn bản.*  **HĐ2.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  *H: Em hãy cho biết thể loại và PTBĐ của tác phẩm?*  *H:Tìm bố cục của văn bản, nêu nội dung chính của từng phần.*    *H: Em có nhận xét gì về cốt truyện và tình huống cơ bản của truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa"?*  *H: Trong truyện có những nhân vật nào?*  *H: Nhân vật chính là ai?*  *H: Nhân vật nào có vị trí quan trọng trong truyện, vì sao.*  *H: Nêu chủ đề của truyện?* | **I.Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1.Đọc - tóm tắt.**  (Kết hợp kể tóm tắt với đọc)  **2. chú thích** (SGK 188, 189)  a)**Tác giả:** Nguyễn Thành Long (1925- 1991) Quê Duy Xuyên,Tỉnh Quảng Nam.  - Là nhà văn thời kccp, là cây bút chuyên viết truỵện ngắn và ký hướng vào cuộc sống.  b)**Tác phẩm:** “Lặng lẽ Sa Pa” viết năm 1970 trong chuyến đi Lào Cai của tác giả, đc in trong tập “Giữa trong xanh” (1972).  **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1.Thể loại-PTBĐ**  -Thể loại: truyện ngắn  - PTBĐ:Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm và lập luận  **2.Bố cục:** 3 phần  Đ1: Từ đầu đến "Kìa anh ta kìa":Bác lái xe giới thiệu với ông hoạ sỹ già và cô kỹ sư 1 người cô độc nhất thế gian.  - Đ2: Tiếp theo đến “như thế”: Cuộc gặp gỡ và trò chuyện giữa anh thanh niên với ông hoạ sỹ, cô kỹ sư.  - Đ3: Còn lại: Họ chia tay, ông hoạ sỹ và cô kỹ sư trẻ xuống đồi cứ vấn vương vì sao anh thanh niên không tiễn ra tận xe.  **3. Tình huống truyện, hệ thống nhân vật và chủ đề của truyện.**  **\*Tình huống truyện**  - Cốt truyện đơn giản tập trung vào cuộc gặp gỡ tình cờ của mấy người khách( ông hoạ sĩ,cô kĩ sư) với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn- Sa Pa  ***\*Hệ thống nhân vật:***  - Bác lái xe, ông hoạ sỹ, cô kỹ sư, anh thanh niên, ông kỹ sư ở vườn rau, anh kỹ sư khí tượng lập bản đồ sét …  - Nhân vật chính:anh thanh niên.  - Nhân vật có vị trí quan trọng trong truyện:ông hoạ sĩ, vì truyện mặc dù không kể theo ngôi thứ nhất nhưng đã được trần thuật chủ yếu từ điểm nhìn và ý nghĩ của nhân vật ông hoạ sỹ.  - Nhân vật phụ: ông hoạ sĩ, cô kĩ sư, bác lái xe-> nhìn về nhân vật chính-> tạo sự phong phú, đầy đủ, rõ nét về nhân vật chính  ***\*Chủ đề của truyện:***  - Ca ngợi những con người lao động mới đang ngày đêm lặng lẽ âm thầm làm việc cống hiến hết mình cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. |

**4.Củng cố - luyện tập:**

- GV hệ thống bài: Khắc sâu hệ thống nhân vật và chủ đề tác phẩm.,

**5. Hướng dẫn học ở nhà**:

+ Kể tóm tắt văn bản.

+ Học bài: Xác định tình huống truyện? Chủ đề của truyện?

+ Soạn tiếp bài còn lại theo câu hỏi đọc hiểu SGK.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 67.* LẶNG LẼ SA PA(TIẾP)**

**(Nguyễn Thành Long)**

**I. Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- HS đọc và cảm nhận vẻ đẹp của hình tượng con ng thầm lặng cống hiến quên mình vì TQ trong t/p. Hiểu đc nghệ thuật kể chuyện, m/t sinh động hấp dẫn trong truyện.

**2.Kỹ năng :**

- Nắm bắt diễn biến và tóm tắt đc truyện, phân tích đc hình tượng nhân vật người thah niên trong tác phẩm, các nhân vật liên quan đến nội dung truyện.

**3.Thái độ:**

- Bồi dưỡng t/yêu quê hương, đất nước, ý thức trách nhiệm với công việc yêu công việc.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK)

**III. Tiến trình các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

Xác định tình huống truyện ? Nêu chủ đề của truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa”?

**3.Bài mới :**

Giờ trước chúng ta đã tìm hiểu chủ đề , tình huống và hệ thống nhân vật trong truyện, giờ học này các em sẽ được tìm hiểu sâu hơn vào từng nhân vật, đặc biệt là các nhân vật anh thanh niên, ông hoạ sỹ.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc - hiểu văn bản**  **( tiếp)**  *H: Nhân vật anh thanh niên có xuất hiện từ đầu VB không, xuất hiện trong hoàn cảnh nào ?*  *H:Nhận xét về cách miêu tả của tgiả đối với nhân vật này? Có dụng ý ntn?*  *H: Cho biết hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật anh thanh niên .*    *H: Nhận xét gì về công việc của nhân vật ? Tính chất công việc?*  *H:Em có suy nghĩ gì về hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên?.*  *H:Anh thanh niên đã có suy nghĩ gì về công việc của mình?.*  *H: Em nhận xét như thế nào về suy nghị ấy của anh thanh niên?*  *H: Cách tổ chức ,sắp xếp công việc của anh thanh niên ra sao để cuộc sống không buồn tẻ?*  *H:Trong cuộc trò chuyện giữa anh thanh niên với các nhân vật khác,em thấy nhân vật này còn bộc lộ những nét tính cách và phẩm chất gì nữa ?*  *H: Nhận xét chung về nhân vật anh thanh niên ?*  *H:Vai trò của nhân vật ông hoạ sĩ trong tác phẩm ?*  *H: Tình cảm thái độ của ông hoạ sĩ đối với anh thanh niên bộc lộ được quan điểm về con người và NT ở những chi tiết nào?*  *H: Nhân vật cô kĩ sư hiện lên trong truyện như thế nào* ?  *H: Nhân vật bác lái xe có vai trò gì trong truyện?.*  *H: Các nhân vật xung quang có vai trò như thế nào trong việc xây dựng hình tượng người thanh niên?*  *H: Truyện còn có những nhân vật gián tiếp nào khác? họ là những người như thế naog có vai trò gì trong việc thể hiện củ đề tác phẩm?*  **HĐ2.HDHS tổng kết:**  *H: Cảm nhận của em về nghệ thuật truyện ngắn “Lặng lẽ sa pa”*  *H: Cảm nhận về nội dung?*  - Yêu cầu học sinh đọc ghi nhớ SGK/189  GK/189 | **4) Phân tích:**  **a.Nhân vật anh thanh niên:**  - Không xuất hiện từ đầu truyện.  - Hiện ra trong cuộc gặp gỡ giữa các nhân vật khác với anh khi xe của họ dừng để nghỉ.  - Hiện ra trong chốc lát, đủ đế các nhân vật khác ghi nhận một ấn tượng, một “ký hoạ chân dung” về anh rồi dường như lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa  => Cách miêu tả của tgiả anh thanh niên được hiện lên qua sự nhìn nhận , suy nghĩ , đánh giá của các nhân vật khác .  **\*Hoàn cảnh sống và làm việc:**  - Một mình trên đỉnh núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây mù lạnh lẽo  - Công việc khí tượng kiêm vật lí địa cầu: “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu” -> đòi hỏi phải tỉ mỉ , chính xác, có tinh thần trách nhiệm cao.  - Cái gian khổ nhất là phải vượt qua được sự cô đơn vắng vẻ 1 mình trên đỉnh núi cao không 1 bóng người=> =>Hoàn cảnh sống và làm việc thật đặc biệt thèm người quá kiếm kế dừng xe lại, "dùng gỗ ngáng đường"  **\*Những suy nghĩ của nhân vật về công việc.**  - Anh ý thức được công việc của mình, anh có lòng yêu nghề, thấy được công việc thầm lặng ấy là rất có ích cho cuộc sống, cho mọi người.  - Có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người “ khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được… cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”  - Còn có sách làm bạn để cuộc sống không cô đơn, buồn tẻ.  - Tổ chức, sắp xếp cuộc sống khoa học ngăn nắp: căn nhà giản dị, đồ đạc sơ sài cuộc đời riêng của anh thu gọn lại 1 góc trái gian với 1 chiếc giường con , 1 chiếc bàn học, 1 giá sách”  - Anh có nhiều nét tính cách và phẩm chất đáng mến: cởi mở, chân thành, quý trọng tình cảm của mọi người, khao khát được gặp gỡ và trò chuyện với mọi người, khiêm tốn, thành thực.  => Dù chỉ xhiện trong khoảnh khắc , tình tiết diễn biến cuộc gặp gỡ ngắn ngủi nhưng tgiả đã phác hoạ được chân dung nhân vật chính với những nét đẹp về tinh thần , tình cảm và cách sống , những suy nghĩ về cuộc sống về ý nghĩa công việc thật đúng đắn sâu sắc, cảm động.  **b.Nhân vật ông hoạ sĩ và các nhân vật khác**  **\*Nhân vật ông hoạ sĩ**  - Hầu như người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông hoạ sĩ để quan sát miêu tả cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của chuyện :anh thanh niên .  - Ngay từ phút đầu gặp anh thanh niên , bằng sự từng trải nghề nghiệp và niềm khao khát của người nghệ sĩ đi tìm đối tượng nghệ thuật , ông đã xúc động bối rối : “ Vì hoạ sĩ bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết , ôi , một nét thôi cũng đủ khẳng định một tâm hồn , khơi gợi một ý sáng tác , một nét đủ là giá trị một chuyến đi dài .”  - Ông hoạ sĩ muốn ghi lại hình ảnh anh thanh niên bằng nét bút kí hoạ , “người con trai ấy đáng yêu thật , nhưng làm cho ông nhọc quá . Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh.Và về những điều anh suy nghĩ trong cái vắng vẻ vòi vọi hai nghìn sáu trăm mét trên mặt biển , cuồn cuộn tuôn ra khi gặp người .”  - Ông còn có những xúc cảm về anh thanh niên và những điều khác nữa được khơi gợi từ câu chuyện của anh thanh niên làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp  **\*Các nhân vật khác**  -Nhân vật cô kĩ sư :cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên khiến cô thấy “bàng hoàng”, “ cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên ,về cái thế giới những con người như anh mà anh kể , và về con đường cô đang đi tới”.  Đó là sự bừng dậy của những tình cảm lớn lao , cao đẹp khi người ta gặp được những ánh sáng đẹp đẽ toả ra từ cuộc sống , từ tâm hồn người khác .  - Nhân vật bác lái xe: Qua lời kể của nhân vật này , ông hoạ sĩ , cô gái , người đọc được kích thích sự chú ý , đón chờ sự xuất hiện của anh thanh niên , cũng qua đó ta còn biết được những nét sơ lược về nhân vật người thanh niên .  ***\*Thông qua những cảm xúc*** , suy nghĩ cùng thái độ cảm mến của các nhân vật phụ , hình ảnh anh thanh niên hiện ra càng rõ nét và đẹp hơn .  - Ngoài ra trong tác phẩm còn có những nhân vật không xuất hiện trực tiếp mà chỉ được giới thiệu qua lời của nhân vật khác nhưng cũng góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm (Ông kĩ sư ở vườn rau , anh cán bộ nghiên cứu sét)  **III.Tổng kết:**  **1.Nghệ thuật**  - Câu chuyện đậm chất trữ tình  -Tình huống hợp lý  - Cách kể chuyện tự nhiên , kết hợp giữa tự sự ,trữ tình với bình luận .  - Nghệ thuật quy chiếu tầng bậc .  **2.Nội dung: (SGK)**  **\* Ghi nhớ SGK/189** |

**4.Củng cố , luyện tập:**

- GV hệ thống bài : Chủ đề của VB

- Hướng dấn HS làm bài tập :Bài tập SGK (190 ) + 5 bài tập trong SBT (86)

**5.Hướng dẫn về nhà** :

- Học bài và làm các bài tập .:

+)tóm tắt truyện

+) phân tích nhân vật anh thanh niên.

+) Chuẩn bị tốt cho giờ viết bài tập làm văn số 3 .

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 68,69.* VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3**

**I. Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Biết vận dụng những kiến thức đã học để thực hành viết một bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận .

**2.Kỹ năng :**

- Rèn luyện kĩ năng diễn đạt , trình bày, đưa yếu tố nghị luận đối thoại độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.

**3.Thái độ:**

- Ý thức viết bài trung thực, độc lập,cố gắng trong sáng tạo.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Ra đề, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu đề đáp án.,soạn bài.

. **2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài xem kĩ các dạng đề.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới : Chép đề**

**\* Đề bài .**

Hãy kể về một lần em trót xem nhật kí của bạn?

**1.Yêu cầu của đề:**

- Kiểu văn bản: Văn bản tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả, nghị luận, đối thoại, độc thoại…

- Nội dung: Kể về 1 lần em trót xem nhật kí của bạn

**2.Đáp án- biểu điểm**

***a. Mở bài(2đ)***

- Giới thiệu hoàn cảnh lí do em trót xem nhật kí của bạn

+ Lí do khách quan: Bạn gửi cặp sách đem về, giở ra thấy có cuốn nhật kí hoặc đến chơi nhưng bạn đi vắng tình cờ thấy cuốn nhật kí để ngỏ ở trên bàn (1đ)

+ Lí do chủ quan: Tò mò muốn xem để bắt chước? Hay có ý xem để doạ bạn( 0,5đ)

- Suy nghĩ dằn vặt trăn trở(0,5)

***b. Thân bài :(6đ)***

- Em trót xem nhật kí của bạn vào lúc nào, ở đâu? (1đ)

- Sự việc diễn ra ntn? Bạn và người khác có biết không? Có ai nhìn thấy không? (1đ)

- Em đã đọc được những gì? (1đ)

- Sau khi trót xem em có nói cho người khác biết nội dung cuốn nhật kí của bạn hay không?( 1đ)

- Sau đó em đã dằn vặt, ân hận, băn khoăn ntn?( miêu tả suy nghĩ, tình cảm của mình sau khi đã trót hành động như trên ) (nội tâm) (1đ)

- Đấu tranh nội tâm quyết định nói với bạn hay không? ( nếu không có ai biết) (nghị luận) (1đ)

***c.Kết bài:***

***-*** Những suy nghĩ dằn vặt trăn trở (1đ)

- Từ câu chuyện này em rút ra bài học gì cho bản thân về việc tôn trọng những bí mật riêng tư của người khác (1đ)

**3. Hình thức**

- Chữ viết sạch sẽ , không sai lỗi chính tả , không viết tắt , viết số .

- Bài viết trình bày khoa học

**4.Củng cố- luyện tập :**

+Thu bài

+ Nhận xét giờ viết bài .

**5.Hướng dẫn về nhà** :

+Hoàn thành bài tập .

+Chuẩn bị : “ Người kể chuyện trong văn bản tự sự:

- Đọc và trả lời các câu hỏi sách giáo khoa.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 70.* TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN:**

**NGƯỜI KỂ CHUYỂNTONG VĂNTỰ SỰ**

**I. Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hs hiểu ng kể chuyện là hình tượng ước lệ về ng trần thuật trong t/p truyện.Thấy đc t/d củaviệc lựa chon ng kể chuyện trong một số t/p đã học.Thấy đc vai trò của g kể chuyện trong t/p tự sự.

- Những hình thức kể chuyện trong t/p tự sự.

- Đặc điểm của mỗi hình thức ng kể chuyện trong một số t/p tự sự.

**2.Kỹ năng :**

- Nhận diện ng kể chuyện trong t/p văn học.Vận dụng hiểu biết về ng kể chuyện đẻ đọc hiểu văn bản tự sự hiệu quả.

**3.Thái độ:**

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài (trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK)

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

H: Đối thoại ,độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự ?

**3.Bài mới :**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự:**  ***\*Đoạn trích*** SGK/192  1 HS đọc  *H: Cho biết đoạn trích trên kể về ai, về sự việc gì?*    *H: Ai là người kể về các nhân vật và sự việc trên?*  *H: Những dấu hiệu nào cho biết ở đây các nhân vật không phải là người kể chuyện*?    *H: Những câu “giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ”, “những người con gái sắp xa ta, …nhìn ta như vậy”…là nhận xét của người nào , về ai ?*  *H: Nếu câu nói này là câu nói trực tiếp của anh thanh niên thì ý nghĩa , tính khái quát của câu nói có sự thay đổi không?.*  *H:Vì sao có thể nói : Người kể chuyện ở đây dường như thấy hết và biết tất mọi việc , mọi hành động , tâm tư , tình cảm của các nhân vật?.*  *H: Qua ngữ liệu trên , hãy cho biết trong văn bản tự sự ta có thể kể theo những ngôi nào , tác dụng của từng ngôi?*  *H: Người kể chuyện trong văn bản tự sự có vai trò gì ?*  **HĐ2.HDHS luyện tập:**  - 1HS đọc yêu cầu BT  - Hướng dẫn HS làm bài tập  - HS trình bày miệng trước lớp .  -HS khác nhận xét , bổ sung .  - GV đánh giá  -HS đọc yêu cầu bài tập .  -GV hướng dẫn HS làm bài tập | **I.Vai trò của người kể chuyện trong**  **văn bản tự sự:**    **1.Bài tập**  a. Đoạn trích kể về phút chia tay giữa người hoạ sĩ già , cô kĩ sư và anh thanh niên  - Người kể là vô nhân xưng , không xuất hiện trong câu chuyện.  - Các nhân vật đều trở thành đối tượng miêu tả một cách khách quan . Mặt khác, ngôi kể và lời văn không có sự thay đổi (không xưng tôi hoặc xưng tên một trong ba nhân vật đó )  - Lời nhận xét của người kể chuyện về anh thanh niên và suy nghĩ của anh ta .  - Câu “những người con gái…như vậy”, người kể chuyện như nhập vai vào nhân vật anh thanh niên để nói hộ suy nghĩ và tình cảm của anh ta , nhưng vẫn là câu trần thuật của người kể chuyện . Câu nói đó vang lên không chỉ nói hộ anh thanh niên mà là tiếng lòng của rất nhiều người trong tình huống đó .  -Tính khái quát sẽ bị hạn chế rất nhiều  - Căn cứ vào chủ thể đứng ra kể câu chuyện , đối tượng được miêu tả , ngôi kể, điểm nhìn và lời văn , ta có thể nhận xét như trên.  **2.Kết luận:**  -Vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự  -Trong văn bản tự sự ,ngoài hình thức kể chuyện theo ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) còn có hình thức kể chuyện theo ngôi thứ ba .Đó là người kể chuyện giấu mình nhưng có mặt khắp nơi trong văn bản. Người kể này dường như biết hết mọi việc, mọi hành động , tâm tư , tình cảm của các nhân vật.  - Người kể chuyện có vai trò dẫn dắt người đọc vào câu chuyện: giới thiệu nhân vật và tình huống , tả người và tả cảnh vật ,đưa ra các nhận xét đánh giá về những điều được kể  **II.Luyện tập:**  **1.Bài tập 1** ( SGK/193)  - Cách kể ở đoạn trích này là nhân vật “ tôi”(ngôi thứ nhất)-chú bé – trong cuộc gặp gỡ cảm độngvới mẹ mình sau những ngày xa cách .  -Ưu điểm và hạn chế của ngôi kể này:  + Giúp cho người kể dễ đi sâu vào tâm tư , tình cảm miêu tả được những diễn biến tâm lý tinh vi , phức tạp đang diễn ra trong tâm hồn nhân vật “tôi”.  +Hạn chế: trong việc miêu tả bao quát các đối tượng khách quan sinh động , khó tạo ra cái nhìn nhiều chiều ,do đó đễ gây nên sự đơn điệu trong giọng văn trần thuật .  **2.Bài tập 2 (b)** :(SGK/194)  Chọn một trong ba nhân vật là người kể chuyện , sau đó chuyển đoạn văn trích ở mục I thành một đoạn văn khác , sao cho nhân vật , sự kiện , lời văn và cách kể phù hợp với ngôi thứ nhất . |

**4.** **Củng cố, luyện tập :**

- GV hệ thống bài : Ngôi kể , người kể chuyện trong văn bản tự sự

- Vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự ? Tác dụng và hạn chế của từng ngôi kể?

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài

- Hoàn thành các bài tập .

- Chuẩn bị: “Chiếc lược ngà” đọc văn bản SGK, kể tóm tắt, trả lời hệ thống câu hỏiđọc hiểu.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 71.* CHIẾC LƯỢC NGÀ**

**(Nguyễn Quang Sáng)**

**I. Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong 1 đoạn truyện “ Chiếc lược ngà”

- Tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

- Sự sáng tạo trong NT xây dựng tình huống truyện. miêu tả tâm lí nhân vật

**2.Kỹ năng :**

- Đọc- hiểu vb truyện hiện đại sáng tác trong thời kì k/c chống Mĩ cứu nước.

-Vận dụng kiến thức về thể loại và sự k/h các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận 1 vb truyện hiện đại.

**3.Thái độ:**

- Trân trọng tình cảm cha con sâu nặng trong mọi hoàn cảnh.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài: đọc và kể tóm tắt,trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

Phân tích hình tượng người thanh niên trong truyện ngắn : “Lặng lẽ Sa Pa”

**3.Bài mới :**

Trong cuộc sống có rất nhiều tình huống éo le xảy ra nhất là trong h/c chiến tranh ác liệt để thể hiện và thử thách tình cảm con người ."Chiếc lược ngà" của nhà văn Nguyễn Quang Sáng được xây dung trên cơ sở những tình huống thật ngặt nghèo trong những năm k/c chống Mĩ gian lao ở miền Nam.Qua đó khắc sâu tình cảm cha con sâu nặng của người cán bộ chiến sĩ .

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc bài  - Gọi học sinh tóm tắt văn bản  *H: Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Nguyễn Quang Sáng?*  *H:Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm?*  - Giải thích từ khó trong SGK  **HĐ2.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  *H: Xác định thể loại?*  *H:Đoạn trích chia làm mấy phần?*  *Nêu nội dung mỗi phần?*  *H: Nhận xét gì về ngôi kể? ngôi kể ấy có tác dụng gì?*  *H:Nêu tình huống truyện?*  *H: Chú ý đoạn truyện kể về nhân vật bé Thu trong những ngày ông Sáu về thăm nhà, tìm những chi tiết kể về lần đầu bé Thu gặp cha?*  ( Bé Thu có những p/á ntn khi ông Sáu gọi mình là con và xưng ba?  *H: Bé Thu đã tròn mặt nhìn đó là đôi mắt nhìn ntn?*  *H: Bé Thu đã vụt chạy và kêu thét lên"Má Má. Đó là những cử chỉ ntn?Những cử chỉ và tiếng kêu ấy biểu hiện cảm xúc gì của bé Thu tronglúc này?)*  *H: Những ngày ông Sáu ở nhà diễn biến thái độ, tình cảm của bé Thu như thế nào?*  *H: Vì sao bé Thu lại phản ứng như vậy?* | I**. Đọc và tìm hiểu chú thích**  1**. Đọc , kể tóm tắt:**  **2**.**Tìm hiểu chú thích**:  **a. *Tác giả:***  - Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932, quê ở An Giang  - Ông là nhà văn quân đội trưởng thành trong quân ngũ từ 2 cuộc k/c của dân tộc  - Từ sau 1954 tập kết ra Bắc, viết văn  - Đề tài : Thường viết về cuộc sống và con người Nam Bộ  **b. Tác phẩm:**  - Viết năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ được đưa vào tập truyện cùng tên. Văn bản trong SGK là đoạn trích phần giữa truyện  **c. *Từ khó*:** 15 từ ở SGK  **II.Đọc - hiểu văn bản**  **1. Thể loại**: Truyện ngắn.  **2. Bố cục:**  **- Gồm 2 phần**  +) Cuộc gặp gỡ sau tám năm của cha con ông Sáu  +) Tình cha con sâu nặng- Hình ảnh chiếc lược ngà  **3. Ngôi kể**  - Ngôi thứ nhất,đặt vào nhân vật anh Ba.  - Tác dụng: tạo được 1 giọng điệu kể chuyên thủ thỉ gợi cảm giác chân thực gần gũi -> tăng độ tin cậy và tính trữ tình của câu truyện.  **4. Phân tích:**  **a.Tình huống truyện :**  - Cuộc gặp gỡ của 2 cha con ông Sáu sau 8 năm xa cách nhưng trớ trêu là bé Thu ko chịu nhận cha, đến lúc em nhận và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì lại phảii chia tay (đây là tình huống cơ bản của truyện)  - Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình thương yêu và mong nhhớ đứa con vào việc làm cây lược ngà để tặng con nhưng chưa kịp tặng thì ông đã hi sinh  =>Tình phụ tử sâu sắc của hai cha con ông Sáu  **b. Diễn biến tâm lí và tình cảm của bé Thu trong lần về thăm nhà**  **\*Thái độ và hành động của bé Thu trước khi nhận ông Sáu là cha**  - Nghe gọi: con bé giật mình, tròn xoe mắt nhìn-> Nó ngơ ngác , lạnh lùng.  - Thấy lạ: mặt nó bỗng tái đi, vụt chạy và kêu thét : "má, má"  - Mắt mở to không chớp-> biểu lộ sự ngạc nhiên, cảnh giác.  => Cử chỉ nhanh, mạnh, biểu lộ ý định cầu cứu => Lo lắng, sợ hãi  - Ba ngày ông Sáu ở nhà càng muốn gần con thì con lại tỏ ra lạnh nhạt:  + Nói trống không  + Hất miếng trứng cá ra khỏi bát cơm.  +Bỏ sang nhà ngoại khi bị ông Sáu đánh  => Kiên quyết không nhận cha, cự tuyệt 1 cách quyết liệt.  - Không phải là đứa bé hư vì bé Thu không chấp nhận một người khác với cha mình trong tấm ảnh =>Chứng tỏ tình cảm thương yêu của Thu với cha. |

**4**.**Củng cố, luyện tập :**

-Kể tóm tắt nội dung truyện.

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

Tìm hiểu về thái độ và hành động của bé Thu trong buổi chia tay.

Tìm hiểu các chi tiết về ông Sáu.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 72.* CHIẾC LƯỢC NGÀ (TIẾP)**

**(Nguyễn Quang Sáng)**

**I. Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một đoạn truyện “ Chiếc lược ngà”

- Tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

- Sự sáng tạo trong NT xây dựng tình huống truyện. miêu tả tâm lí nhân vật

**2.Kỹ năng :**

- Đọc- hiểu vb truyện hiện đại sáng tác trong thời kì k/c chống Mĩ cứu nước.

-Vận dụng kiến thức về thể loại và sự k/h các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận 1 vb truyện hiện đại.

**3.Thái độ:**

- Trân trọng tình cảm cha con sâu nặng trong mọi hoàn cảnh.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài: đọc và kể tóm tắt,trả lời câu hỏi đọc hiểu SGK.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

H: Nêu tình huống truyện? Phân tích diễn biến tâm lí của bé Thu khi gặp cha?

**3.Bài mới :**

Chỉ vì một vết sẹo trên mặt, vết thương trong chiến đấu mà một người cha sau bao năm xa cách ko thể ôm con mình vào lòng. Đó là 1 tình hưống trớ trêu mà 1 người cha đi kháng chiến đã phải trải qua. Kết cục câu chuyện ra sao, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua truyện ngắn “ Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  *H: Ánh mắt bé Thu ngày ông Sáu đi như thế nào?*  *H: Điều đó biểu lộ một nội tâm như thế nào?*  *H:Bé Thu phản ứng như thế nào khi nghe ông Sáu nói " Thôi ,ba đi nghe con”?*  *H:Nhận xtes cuae em về tnhf camr của bé thu đối với cha lúc ấy?*  *H: Nhận xét gì về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật bé Thu trong đoạn trích trên? Từ đó bé Thu hiện lên với tính cách gì trong cảm nhận của em?*  *H: Vì sao người thân mà ông Sáu khao khát được gặp nhất chính là đứa con?*  *H:Tìm chi tiết miêu tả cảnh ông Sáu lần đầu trông thấy con-lúc ấy tâm trạng của ông như thế nào?*  *H: Hình ảnh ông Sáu khi bị con khước từ được miêu tả như thế nào?Tâm trạng của ông ra sao?*  *H:Ông Sáu đã có những biểu hiện gì khi bé Thu phản ứng trước và trong bữa cơm?*  *H:Từ những biểu hiện đó nỗi lòng nào của ông được bộc lộ?*  -Theo dõi đoạn truyện kể về ngày ông Sáu ra đi.  *H: Hành động của ông sáu trước khi xa con?*  *H:Em nghĩ gì về đôi mắt anh Sáu nhìn con và nước mắt của người cha lúc chia tay?*  *H: hành động của ông sáu khi be Thu bất ngờ gọi cha?*  *H: Khi ở chiến khu ông Sáu có những suy nghĩ và việc làm như thế nào?*  *H:Cây lược có ý nghĩa như thế nào?*  *H: Những suy nghĩ và việc làm ấy thể hiện tình cảm của ông đối với con như thế nào?*    **HĐ3.HDHS tổng kết:**    *H:Nêu giả trị nghệ thuật và nội dung của truyện?*  *H: Để thể hiện các nhân vật và thái độ của mình nhà văn đã có cách kể chuyện như thế nào?*  *H:Đọc đoạn trích em cảm nhận được vẻ đẹp nào của tình cha con bé Thu?Từ đó giá trị tình cảm nào của con người được khẳng định trong chiến tranh?*  **HĐ4.HDHS** l**uyện tập:**  *H: Giải thích nhan đề : “Chiếc lược ngà”?* | **b.Thái độ và hành động của bé Thu trong buổi chia tay**  - Cái nhìn không ngơ ngác, không lạnh lùng ,nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa  =>Tâm lí thăng bằng, không còn lo lắng sợ hãi nữa.  - Nó bỗng kêu thét lên : “Ba..a..ba..a” ,nhanh như sóc, nó thót lên và dang tay ôm chặt lấy cổ ba nó, nói trong tiếng khóc.  - Nó hôn ba nó…  -Ôm chầm lấy ba nó, mếu máo…  =>Tình yêu nỗi nhớ, niềm ân hận, nuối tiếc của bé Thu bị dồn nén lâu nay bùng ra mạnh mẽ, hối hả ,cuống quýt, mãnh liệt ào ạt.  \*Nhà văn miêu tả dáng vẻ, lời nói cử chỉ. để bộc lộ nội tâm kết hợp bình luận về nhân vật =>Bé Thu: hồn nhiên chân thật trong tình cảm, mãnh liệt trong tình yêu thương.  **2. Nhân vật ông Sáu :**  - Từ tám năm nay ông chưa một lần gặp mặt đứa con gái đầu lòng mà ông vô cùng thương nhớ.  **\* Vừa gặp con**:  - ông gọi“*Thu ! con.”,* vừa bước , vừa khom người đưa tay chờ đón con.  =>ông rất vui và tin đứa con sẽ chạy ào đến với mình.  - Bị con từ chối tình cảm ông đứng sững, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại, hai tay buông xuống như bị gãy->Buồn bã ,thất vọng.  - Trong bữa cơm: ông Sáu nhìn con ,khe khẽ lắc đầu cười. Khi con hất miếng trứng cá, anh vung tay đánh, hét lên.  =>Tình yêu thương của người cha trở nên bất lực.Ông buồn vì tình yêu thương của người cha chưa được con đền đáp.  **\*Trước khi ông sáu trở lại chiến trường**  - Trước khi đi ông chỉ dám nhìn con trìu mến lẫn buồn rầu, chào con " ba đi nghe con"-> Sự lưu luyến xen nỗi tiếc nuối, ân hận vì lỡ đánh con.  - Khi bé thu bất ngờ nhận cha: ông Sáu một tay ôm con ,một tay lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con.  =>Đó là đôi mắt giàu tình yêu thương và độ lượng, đó là nước mắt sung sướng, hạnh phúc của người cha cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình.  - Ở chiến khu: ân hận vì đã đánh con, tự mình làm chiếc lược ngà: tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc , tẩn mẩn khắc từng nét “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Lúc sắp qua đời móc cây lược, nhìn bác Ba hồi lâu.  - Cây lược trở thành kỉ vật thiêng liêng mà người cha để lại cho con. ông luôn nhớ con, giữ lời hứa với con.  => Ông Sáu là người cha có tình yêu thương con sâu nặng.  **III.Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Tạo tình huống truyện éo le.  - Có cốt truyện mang yếu tố bất ngờ.  - Lựa chọn người kể chuyện là bạn ônng Sáu (ngôi thứ nhất) chứng kiến toàn bộ câu chuyện, thấu hiểu cảnh ngộ và tâm trạng của n/v trong truyện.  - Cách kể tự nhiên, giản dị, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt.  **2. Nội dung**: Là câu huyện cảm động về tình cha con sâu nặng, Chiếc lược ngà cho ta hiểu thêm về những mất mát to lớn của chiến tranh mà ND ta đã trải qua trong cuộc k/c chống Mĩ cứu nước.  **IV. Luyện tập**  Truyện được đặt tên là “ Chiếc lược ngà” bởi lẽ chiếc lược ngà là chiếc cầu nối, là biểu hiện thiêng liêng của tình cha con, là kỉ vật cuối cùng ông Sáu để lại cho con. Nó làm dịu đi nỗi ân hận, chứa đựng TY vô bờ của người cha. |

**4.Củng cố - luyện tập :**

- Hệ thống lại nội dung bài.

- Nêu suy nghĩ của em về một chi tiết em thấy thú vị nhất trong truyện?

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Chuẩn bị bài : Ôn tập Tiếng Việt.

- Chuẩn bị kiểm tra Tiếng Việt, kiểm tra về thơ và truyện hiện đại

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 73.* ÔN TẬP TIẾNG VIỆT(CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**

**........ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP)**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Các phương châm hội thoại

- Xưng hô trong hội thoại

- Lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp

**2.Kỹ năng :**

- Khái quát 1 số kiến thức Tiếng Việt đã học về phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

**3.Thái độ:**

- Học sinh biết vận dụng từ ngữ xưng hô phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài: xem lại các khái niệm và làm bài tập.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới :**

- Ở học kì I chúng ta đã tiếp thu kiến thức về phưong châm hội thoại. cách chọn từ ngữ xưng hô trong các tình huống giao tiếp cụ thể, cách dẫn lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp trong cách tạo lập vb. Hôm nay, chúng ta sẽ ôn tập, củng cố những kiến thức đó.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS ôn tập các phương châm hội thoại:**  **-** Giao yêu cầu cho học sinh  *H:Thế nào là phương châm về lượng? nêu ví dụ?*  *H: Thế nào là phương châm về chất? Cho ví dụ?*  *H:Thế nào là phương châm quan hệ? Cho ví dụ?*  *H: Thế nào là phương châm cách thức? Cho ví dụ?*  *H:Thế nào là phương châm lịch sự ? Cho ví dụ?*  - Hãy kể 1 tình huống giao tiếp trong đó có 1 hoặc 1số phương châm hội thoại nào đó không được tuân thủ?  **HĐ2.HDHS ôn tập xưng hô trong hội thoại:**    *H: Hãy kể tên các đại từ xưng hô? được chia theo mấy ngôi?*  *H: Ngoài đại từ xưng hô còn có các đại từ loại nào cũng dùng để xưng hô? Lấy vd?*  *H: Em hiểu phương châm xưng khiêm hô tôn ntn? Cho ví dụ minh hoạ?*  *H: Ngày xưa trong xhội quần thần việc xưng hô với vua ntn? Những nhà sư và kẻ sĩ xưng hô ntn?*  *H: Vì sao trong tiếng việt khi gtiếp phải lựa chọn từ ngữ xưng hô?*  *H: So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gtiếp?*  **HĐ3.HDHS ôn tập cách dẫn trực tiếp và cáchdẫn gtiếp**  - GVhướng dẫn hs làm bài tâp  **HĐ4.HDHS luyện tập:**  - HS làm bài tập dưới sự điều khiển của GV  - GVhướng dẫn hs làm bài tâp | **I. Các phương châm hội thoạ**i:  **1. Phương châm về lượng**  - Khi giao tiếp cần nói cho có nội dung, nội dung lời nói phải đúng yêu cầu cuộc giao tiếp không thiếu, không thừa  VD: Anh đã ăn cơm chưa?  Tôi đã ăn cơm rồi.  **2.Phương châm về chất**  - Khi giao tiếp đừng nói những điều mà mình không tin là đúng và không có bằng chứng xác thực  VD: Con bò to gần bằng con voi  **3.Phương châm quan hệ**  - Khi giao tiếp cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề  VD: anh đi đâu đấy? TôI đi bơi(đúng)  Con mèo đen đã chết(Sai p/c quan hệ)  ông nói gà bà nói vịt (vi phạm pcqh)  **4.Phương châm cách thức**  **-** Khi giao tiếp cần nói ngắn gọn, rành mạch, tránh cách nói mơ hồ  VD: Dây cà ra dây muống (vi phạm pcct)  **5.Phương châm lịch sự**  **-** Khi giao tiếp cần tế nhị và tôn trọng người khác  VD: Nhân tiện đây xin hỏi  **II.Xưng hô trong hội thoại**  **1.Các từ ngữ xưng hô**  - Đại từ xưng hô: Tôi, tao, tớ, chúng tôi , chúng tao, chúng nó, bọn nó…  - Được chia theo ba ngôi: ngôi thứ nhất, ngôi thứ 2, ngôi thứ 3  - Dùng các từ chỉ quan hệ họ hàng,quan hệ XH làm từ xưng hô: Cô, dì, chú bác…  **2.Xưng khiêm, hô tôn**  - Phương châm này có nghĩa là: khi xưng hô,người nói tự xưng mình 1 cách khiêm nhường và gọi người đối thoại 1 cách tôn kính-> phương châm gtiếp lịch sự của nhiều nước  VD: Thời trước: Bề hạ, bần tăng, bần sĩ  Ngày nay: Quý ông, quý bà  - Gọi người nghe là anh hoặc bác và xưng hô là em  **3.Lựa chọn từ ngữ xưng hô**  - Mỗi từ ngữ xưng hô thể hiện tính chất của tình huống gtiếp và mqh người nói, người nghe chú ý lựa chọn để đạt kquả gtiếp  **III.Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gtiếp**  - Có 2 cách dẫn lời hay ý nghĩ của 1 người, 1 nhân vật nào đó: dẫn trực tiếp và dẫn gtiếp  **1.phân biệt 2 cách dẫn:**  \*Giống nhau:  - Đều là lời dẫn  \* Khác nhau:  - Dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật và đặt trong dấu ngoặc kép  - Dẫn gtiếp tức là thuật lại lời nói hay ỹ nghĩ của người nói có điều chỉnh cho thích hợp không đặt trong dấu ngoặc kép  **IV. Luyện tập**  **1. Bài tập 1**  Trong giờ Vật lí, thầy giáo hỏi một học sinh :  -Em cho thầy biết sóng là gì?  Học sinh giật mình , trả lời:  -Thưa thầy "Sóng "là bài thơ của Xuân Quỳnh ạ!  **2. Bài tập 2**  - Khi xưng hô ,người nói tự xưng mình một cách khiêm nhường là "xưng khiêm "và gọi người đối thoại một cách tôn kính gọi là " hô tôn ".  Ví dụ:  -Vua tự xưng là "quả nhân "(người kém cỏi ) để thể hiện sự khiêm tốn và gọi các nhà sư là "cao tăng "để thể hiện sự tôn kính.  - Các nhà nho tự xưng là "hàn sĩ ", "kẻ hậu sinh " và gọi người khác là "tiên sinh ".  **3. Bài tập 3**.  \*Chuyển thành lời dẫn gián tiếp  Vua Quang Trung hỏi Nguyễn Thiếp là quân Thanh sang đánh, nếu nhà vua đem binh ra chống cự thì khả năng thắng thua như thế nào. |

**4.Củng cố- luyện tập :**

-Hệ thống toàn bài.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn tập kiến thức , làm lại các bài tập.

- Giờ sau kiểm tra viết:thơ truyện hiện đại. (học sinh ôn lậícc bài thở truyện đã học)

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 74,75.* KIỂM TRA THƠ VÀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

-Trên cơ sở học sinh tự ôn tập, nắm vững văn bản, giá trị nội dung và nghệ thuật của các văn bản thơ , truyện hiện đại đã học từ tuần 10 đến tuần 15 để làm bài kiểm tra viết 1 tiết tại lớp. Qua đó đánh giá kết quả học tập của các em về kiến thức, kĩ năng , thái độ.

- Tích hợp kiến thức Tiếng Việt và Tập làm văn.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn cho học sinh kĩ năng trình bày bài kiểm tra rõ rằng sàng, sạch đẹp.

**3.Thái độ:**

- Học sinh dc rèn thái dộ làm bài nghiêm túc, cháp hành nội quy.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

Ra đề phù hợp với nhận th\cs của học sinh.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài :tóm tắt, phân tích các hình ảnh thơ, nhân vật trong truyện , phát hiện các chi tiết nghệ thuật.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới :**

**\*Khung ma trận đề kiểm tra văn:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Tên CĐ | Nhận biết | Thông Hiểu | Vận dụng | | | Cộng |
| Thấp | Cao | |
| Chủ đề 1:  Thơ hiện đại | Nhận biết về hoàn cảnh ra đời ,phương thức biểu đạt, đề tài của các bài Ánh trăng, Đồng chí, Bếp lửa.  Thuộc khổ 3,4 “Ánh trăng” | Hiểu được ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng trong bài thơ “Ánh trăng”  Nội dung khổ thơ 3,4 |  | Phân tích được bài thơ “ đồng chí” thấy được hình ảnh người lính cách mạng trong k/c chống Pháp. | |  |
| Số câu:  Tổng điểm:  Tỷ lệ % | Số câu: 3  Số điểm:1.5  Tỉ lệ:15% | Số câu : 2  Sốđiểm:2.5  Tỉ lệ:5% |  | Số câu: 1  Sốđiểm:5  Tỉlệ:50% | | Số câu: 6  Số điểm 9  Tỉ lệ:90 % |
| **C**hủ đề 2:  Truyện hiện đại |  | Học sinh hiểu được tình huống truyện, nêu được tình huống truyện  “ Làng” |  |  | |  |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ % |  | Số câu : 1  Số điểm:1  Tỉ lệ:10% |  |  | | Số câu:1  Số điểm:1  Tỉ lệ :10% |
| Số câu:  Số điểm:  Tỉ lệ % | Số câu : 3  Số điểm:1.5  Tỉ lệ:15% | Số cõu : 3  Số điểm:3.5  Tỉ lệ: 35% |  | Số cõu: 1  Sốđiểm5  Tỉlệ:50% | Số cõu: 7  Sốđiểm:10  Tỉlệ:100% | |

**A.Đề bài:**

**I/ Phần trắc nghiệm** :

**Hãy trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:**

***Câu 1:******Nhận định nào nói đúng nhất phương thức biểu đạt của bài "Bếp lửa"?***

1. Tự sự, biểu cảm, miêu tả
2. Miêu tả, nghị luận, biểu cảm
3. Tự sự, biểu cảm, miêu tả, nghị luận
4. Biểu cảm, tự sự, nghị luận

***Câu 2 Bài "ánh trăng" được sáng tác vào năm nào? ở đâu?***

1. 1970- Hà Nội C. 1975 TP HCM

B. 1978- TP HCM D. 1978- Huế

***Câu 3:******Hai bài thơ:"Đồng Chí" và"Bài thơ về tiểu đội xe không kính" cùng giống nhau ở điểm nào?***

A. Cùng viết về đề tài người lính trong chiến tranh

B. Cùng viết theo thể thơ 8 chữ

C. Cùng nói lên sự hi sinh của những người lính

D. Cả A và B , C đều đúng.

***Câu 4****:* ***Dòng nào sau đây nói đầy đủ nhất ý nghĩa của vầng trăng trong bài thơ: “ Ánh trăng” ?***

A.Trăng biểu tượng cho thiên nhiên tươi mát.

B. Trăng biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình

C. Trăng biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị vĩnh hằng của cuộc sống

D. Cả ba ý thơ trên.

**II.Phần tự luận**:

***Câu 1:******Chép thuộc lòng khổ 3,4 của bài thơ “ Ánh trăng", nêu nội dung của đoạn vừa chép?***

***Câu2****:* ***Nêu tình huống truyện trong truyện ngắn  « Làng » của nhà văn Kim Lân.***

***Câu3: Viết một bài văn ngắn phân tích tình tình “Đồng chí” của những người lính cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp.***

**B-Đáp án- thang điểm**:

**I. Phần trắc nghiệm**:(2đ- mỗi ý đúng 0,5đ)

Câu 1: C

Câu 2: B

Câu3: A

Câu 4:D

**II.Phần tự luận( 8đ)**

**Câu 1(2đ)**

- Đoạn thơ: "Từ hồi về thành phố…Vầng trăng tròn"

=> Mối qhệ giữa người và trăng từ khi chuyển về thành phố: trở nên xa lạ không quen biết. Tình huống đột ngột mất điện, con người gặp lại vầng trăng.

**Câu 2(1đ)**

\* Tình huống: ông Hai nghê được tin làng chợ theo giặc từ miệng người đàn bà đi tản cư dưới xuôi lên.

**Câu 3 (5 đ)**

- Giới thiệu tác giả hoàn cảnh ra đời , khái quát nội dung bài thơ.

**a. Những cơ sở để hình thành tình đồng chí:**

- Tương đồng về hoàn cảnh xuất thân, cùng giai cấp: đều là người nông dân lao động nghèo khổ.

"**Quê hương** **anh> < Làng tôi nghèo** …

**nước mặn đồng chua><đất** **cày lên sỏi đá…"**

->NT: đối, thành ngữ

- Cùng chung nhiệm vụ,cùng chung lí tưởng. Tình đồng chí còn được nảy sinh từ sự cùng chung nhiệm vụ sát cánh bên nhau trong chiến đấu:

*"Tôi với anh đôi người xa lạ*

*…chẳng hẹn quen nhau,*

*Súng bên súng, đầu sát bên đầu*

*… đôi tri kỉ”*

*-*> hình ảnh thơ sóng đôi , điệp ngữ.

- Tình đồng chí, đồng đội nảy nở và trở nên bền chặt trong sự chia sẻ mọi gian lao thiếu thốn cũng như niềm vui trong cuộc sống.

*"Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ"*

- Dòng thơ đặc biệt, 2 tiếng ,1từ, dấu chấm than "Đồng chí!" => tạo 1 nốt nhấn như một phát hiện, 1 lời khẳng định, là quá trình tất yếu dẫn đến 1 t/cảm cao đẹp của tình đồng chí. Câu thơ được lấy làm nhan đề của bài, biểu hiện chủ đề, là linh hồn của bài thơ. =>Nó như bản lề nối liền 2 đoạn thơ khép mở 2 ý thơ: nhữngcơ sở của tình đồng chí và những biểu hiện của tình đồng chí

**b. Những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí:**

-Tình đồng chí là sự cảm thông sâu xa những tâm tư nỗi lòng của nhau:

*"Ruộng nương …****mặc kệ****… ra lính"*

+)"Mặc kệ" thể hiện quyết tâm ra đi cứu nước tạm quên tình riêng gđình

**-**Tình đồng chí là thông cảm với nhau về bệnh tật trong chiến đấu mà người lính mắc phải:

*"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi"*

- Tình đồng chí là cùng nhau chia sẻ những gian lao và thiếu thốn trong cuộc đời người lính,

*" Áo anh …..chân không giày"*

NT: Sử dụng các câu thơ song đôi, đối ứng, tả thực. Cấu trúc ấy đã diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội

- Sự yêu thương nhau thể hiện chân thành giản dị họ nắm tay để truyền cho nhau hơi ấm và sức mạnh của tình đồng chí hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá"

-> Sức mạnh của tình cảm keo sơn gắn bó sâu sắc giữa những người lính giúp ho vượt qua mọi khó khăn thiếu thốn và gian khổ.

\* Chân dung anh bộ đội Cụ Hồ buổi đầu kháng chiến sống gian khổ, thiếu thốn nhưng tình đồng chí sưởi ấm lòng họ.

**c.Chất thơ trong cuộc sống chiến đấu gian khổ:**

- Bức tranh đẹp về tình đ/c, đồng đội của người lính, là biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ.

- Trên cảnh rừng hoang sương muối là 3 hình ảnh gắn kết : người lính, khẩu súng, vầng trăng.

=> Làm nên sức mạnh của tình đồng đội giúp họ vượt lên những khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ thiếu thốn.

- "Đầu súng trăng treo"

"suốt đêm vầng trăng ở bầu trời cao xuống thấp dần và có lúc như treo lơ lửng ở trên đầu mũi súng"

(suy nghĩ của tác giả.-> hình ảnh được nhận ra từ những đêm hành quân, phục kích chờ giặc của tác giả.)

+ Súng và trăng, gần và xa , thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ. Các mặt này bổ sung cho nhau, hài hoà với nhau của cuộc đời người lính cách mạng(biểu tượng của thơ kháng chiến: kết hợp chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn)

=>Bài thơ thể hiện hình tượng người lính cách mạng- thời kì chống Pháp, và sự gắn bó keo sơn của họ qua những chi tiết hình ảnh, ngôn ngữ giản dị.

**4.Củng cố- luyện tập:**

- Thu bài, kiểm bài

- Nhận xét giờ kiểm tra.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn tập lại các bài đã học.

- Chuẩn bị bài: “Cố hương”: Đọc ,tóm tắt văn bản và trả lời hệ thống câu hỏi đọc hiểu , nêu tình huống truyện .

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 76.* CỐ HƯƠNG**

**(Lỗ Tấn)**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

-Những đóng góp của Lỗ Tấn vào nền vh Trung Quốc và vh nhân loại.

-Tinh thần phê phán sâu sắc xh cũ và niềm tin vào sự xuất hiện tất yếu của cuộc sống mới, con người mới.

-Màu sắc trữ tình đậm đà trong tác phẩm.

-Những sáng tạo về nghệ thuật của nhà văn Lỗ Tấn trong truyện *Cố hương*

**2.Kỹ năng :**

- Rèn cho học sinh kĩ năng đọc -hiểu vb truyện hiện đại nước ngoài.

-Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận 1 vb truyện hiện đại.

-Kể và tóm tắt được truyện.

**3.Thái độ:**

- Có t/cảm trong sáng, có tinh thần phê phán sâu sắc, ty quê hương.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài đọc tài liệu nghiên cứu bài , đọc chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : đọc ,tóm tắt,trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

-Tóm tắt ngắn gọn truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng

Qua tất cả những cử chỉ ,lời nói của bé Thu trong những ngày ông Sáu ở nhà và ngày ông Sáu ra đi, trong cảm nhận của em Thu là một em bé như thế nào?

**3.Bài mới :**

- Sau nhiều năm đi xa, khi nhân vật tôi trong truyện Cố hương của nhà văn Lỗ Tấn trở lại quê nhà, tuy không đến nỗi bẽ bàng như nhà thơ họ Hạ nhưng cũng bùi ngùi 1 nỗi buồn tê tái vì cảnh quê, người quê. Và tâm trạng người về thăm quê lần cuối cùng không chỉ có thế . Để hiểu được nội dung và tâm trạng của nhà thơ chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay để làm rõ hơn điều đó

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  *- Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc bài.Giọng châm, buồn, bùi ngùi, giọng ấp úng của nhân vật Nhuận Thổ, giọng chao chát của thím Hai Dương*  *H: Hãy tóm tắt ngắn gọn nội dung văn bản.*  *H: Giới thiệu ảnh Lỗ Tấn và Tuyển tập truyện ngắn Lỗ Tấn.*  *H: Dựa vào phần giới thiệu ở SGK, em hãy giới thiệu về tgiả Lỗ Tấn?*  *H:Em hãy giới thiệu nét cơ bản về tác phẩm Cố hương?*  *- Giải thích từ khó SGK*  **HĐ2.HDHS đọc- hiểu văn bản:**    *H: Truyện được kể ở ngôi thứ mấy?tác dụng của ngôi kể đó đối với văn bản?*  *H: Trong vb tự sự này có sự kết hợp của các ptbđ nào?* ( TS+MT+BC+Lập luận)  *H: Trong đó ptbđ nào làm nổi bật tính trữ tình của vb này?( BC và lập luận)*  *H:Văn bản có bố cục mấy phần? Nêu ý mỗi phần.*    *H: Em hãy nhận xét về bố cục của văn bản?*  *H: Truyện gồm những nhân vật nào? nhân vật nào là nhân vật chính?*  *? Nhân vật nào là nhân vật trung tâm?vì sao?*  *1. Theo dõi phần đầu văn bản , cho biết:*  *H: Cảnh làng quê trong con mắt người trở về sau hai mươi năm xa cách đã hiện ra như thế nào? Đó là cảnh gì?*  *H: Cảnh đó dự báo một cuộc sống như thế nào đang diễn ra nơi cố hương ?*  *H: Trước cảnh ấy , tiếng nói nào vang lên trong nội tâm người trở về?*  *H: Em đọc được cảm giác nào của nhân vật từ tiếng nói vọng nội tâm này?*  *H: Từ đó , tình cảm nào của người trở về đối với cố hương được bộc lộ?*  *( HS thảo luận các câu hỏi)*  *H: Chuyến về quê lần này của nhân vật "tôi" có gì đặc biệt?*  *H:Điều đó gợi liên tưởng đến hiện thực cuộc sống như thế nào ở cố hương?*  *H: Từ đó , hình ảnh cố hương đă hiện lên như thế nào trong con mắt và tấm lòng người về thăm quê.* | **I Đọc và tìm hiểu chú thích**  1**. Đọc -Tóm tắt:**  Sau hai mươi năm xa quê, nhân vật "tôi " trở về thăm làng cũ. So với những ngày trước cảnh vật và con người thật tàn tạ, nghèo hèn.Mang nỗi buồn thương, nhân vật "tôi "rời cố hương ra đi với ước vọng cuộc sống làng quê mình sẽ được đổi thay.  **2. Tìm hiểu chú thích.**  **a) Tác giả:**  - Lỗ Tấn (1881-1936) là nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc, lúc nhỏ tên là Chu Chương Thọ, tên chữ là Dự Tài, sau đổi tên là Chu Thụ Nhân quê ở phủ Thiệu Hưng Tỉnh Chiết Giang  - Sinh trưởng trong 1 gđình quan lại sa sút, từ lúc còn trẻ ông quyết tâm đi tìm con đường lập thân mới  - Theo học nhiều ngành cuối cùng ông chuyển sang hoạt động văn học  - Sự nghiệp sáng tác văn học đồ sộ và khá đa dạng: 17 tập tạp văn và 2 tập truyện ngắn xuất sắc nhất là "Gào thét"(1923) và "Bàng hoàng" (1926)  - Ông là nhà tư tưởng, nhà văn hoá lớn có nhiều công trình nghiên cứu  - Năm1981 toàn TG đã kỉ niệm 100 năm ngày sinh Lỗ Tấn như 1 danh nhân văn hoá  **b) Tác phẩm**  - Cố hương là 1 trong những truyện ngắn tiêu biểu của tập "Gào thét"(1923)  **c) Từ khó (SGK)**  **II.Đọc- hiểu văn bản**  **1.Thể loại: truyện ngắn**  **- Phương thức: Tự sự , miêu tả , biểu cảm và nghị luận.**  **-**  Chọn ngôi kể thứ nhất làm tăng đậm chất trữ tình của truyện.(nhưng không đồng nhất "tôi" với tác giả )  **2. Bố cục: bađoạn**  - Đ1 :từ đầu đến "tôi đang làm ăn sinh sống . Tình cảm và tâm trạng của "tôi" trên đường trở về quê cũ.  - Đ2: đến"sạch trơn như quét". Tình cảm và tâm trạng của "tôi "trong những ngày ở quê.  - Đ3:còn lại :Tâm trạng và ý nghĩ của " tôi "trên đường rời quê.  => Bố cục đầu cuối tương ứng: Một con người đang suy tư trong 1 chiếc thuyền dưới bầu trời u ám về cố hương và cũng con người ấy đang suy tư trong 1 chiếc thuyền rời cố hương.  - Cách kể theo trình tự thời gian, với sự thay đổi không gian, đan xen quá khứ với hiện tại=>kết cấu như vậy cũng góp phần làm nổi rõ chất trữ tình, biểu cảm, và triết lí trong dòng tự sự của truyện.  **\*Tuyến nhân vật**  - Truyện có 2 nhân vật chính là: Nhuận Thổ, và "tôi"  - Hình tượng Nhuận Thổ có địa vị rất quan trọng , gần như mọi thay đổi của quê hương đều tập trung vào nhân vật này và tác động mạnh đến tư tưởng tình cảm của "tôi"  - Nhân vật "tôi " là nhân vật trung tâm vì Nhuận Thổ không phải là đầu mối của toàn bộ câu chuyện có qhệ với toàn bộ hệ thống nhân vật  **3.Phân tích :**  **a.Tình cảm tâm trạng nhân vật "tôi"trên đường trở về thăm quê cũ**  - *Đang độ giữa đông ; xa gần thấy thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều , hoang vắng , nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng úa-> Cảnh vật thê lương*=**> Cuộc sống tàn tạ, nghèo khổ.**  *- A, đây thật có phải là làng cũ mà hai mươi năm trời nay tôi hằng ghi lấy hình ảnh trong kí ức không?->cảnh làng quê trong hồi ức đẹp hơn nhưng mờ nhạt không hình dung rõ nét* =>**Ngạc nhiên , không nén được,lòng se lại, chua xót**  =>**Yêu quê đến độ xót xa cho sự nghèo khổ của làng quê mình.**  - Sau hơn hai mươi năm xa quê *: ý định là để từ giã nó lần cuối cùng ; vĩnh biệt ngôi nhà yêu dấu và từ giã làng cũ thân yêu , đem gia đình đến nơi đất khách tôi đang làm ăn sinh sống .*  => **Cuộc sống nơi quê ngày một nghèo khó khiến nhiều gia đình buộc phải rời làng đi nơi khác để tìm cách sinh sống**  **=>Làng xóm tiêu điều, xơ xác.** |

**4.Củng cố- luyện tập :**

- Tình huống truyện ? Tâm trạng tôi trên đường về quê?

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn tập lại các bài đã học.

- Chuẩn bị bài: “Cố hương” tiếp: Đọc ,tóm tắt văn bản và trả lời hệ thống câu hỏi đọc hiểu , nêu tình huống truyện .

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 77.* CỐ HƯƠNG ( TIẾP)**

**(Lỗ Tấn)**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

-Tinh thần phê phán sâu sắc xh cũ và niềm tin vào sự xuất hiện tất yếu của cuộc sống mới, con người mới.

- Màu sắc trữ tình đậm đà trong tác phẩm.

- Những sáng tạo về nghệ thuật của nhà văn Lỗ Tấn trong truyện *Cố hương*

**2.Kỹ năng :**

- Rèn cho học sinh kĩ năng đọc -hiểu vb truyện hiện đại nước ngoài.

- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận 1 vb truyện hiện đại.

- Kể và tóm tắt được truyện.

**3.Thái độ:**

- Có t/cảm trong sáng, có tinh thần phê phán sâu sắc, ty quê hương.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài đọc tài liệu nghiên cứu bài , đọc chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : đọc ,tóm tắt,trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

-Tóm tắt ngắn gọn truyện “ Cố hương” Nêu tên các nhân vật?

**3.Bài mới :**

- Trong cảm nhận quan sát của người trở về sau 20 năm con người nơi cố hương ntn? Tôi nghĩ gì trên đường rời quê chúng ta cùng tìm hiểu bài học trong tiết học tiếp theo này.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS đọc- hiểu văn bản(tiếp):**  Theo dõi phần văn bản tiếp theo :  *1.Những ngày ở quê , nhân vật "tôi" đă gặp nhiều người quen cũ, trong đó , cuộc gặp với nhân vật nào được kể nhiều nhất?*  *2.Mối quan hệ của nhân vật tôi với Nhuận Thổ đựoc kể trong những thời điểm nào?*  *3. Trong kí ức "tôi ":*  *a, Hình ảnh Nhuận Thổ xưa gắn với cảnh tượng nào?*  *H:Tại sao nhân vật "tôi " lại gọi đó là một cảnh tượng thần tiên?*    *H: Khi đó hình ảnh Nhuận Thổ như thế nào?*  *H:Trong tâm trí nhân vật "tôi "người bạn ấy như thế nào?*  *H:Trong quan sát của người trở về sau hai mươi năm, hình ảnh Nhuận Thổ như thế nào?*  *H: Em có nhận xét gì về nhân vật Nhuận Thổ hiện tạo qua các chi tiết trên?*  *Nguyên nhân của sự thay đổi đó là gì?*  *H:Trong kí ức của nhân vật "tôi ", chị Hai Dương là người như thế nào?cách gọi ngày trước có ý nghĩa gì?*  *H:Hai mươi năm sau người phụ nữ ấy xuất hiện trước nhân vật "tôi "với bộ dạng, lời nói,hành động như thế nào?*  *H: Em có nhận xét gì về sự thay đổi này? Những thay đổi ấy đã tạo ra một con người như thế nào?*  *H:Kể về hai con người ở quê, người kể chuyện muốn ta hiểu gì về cuộc sống đang diễn ra nơi cố hương của ông?Thái độ của ông đối với cuộc sống ấy như thế nào?*  *H: Em nhận xét gì về h/a con người nơi cố hương sau 20 tôi trở lại? H/ ảnh xã hội con người TQ hiện lên ntn?*  *H: Vì sao khi rời cố hương, nhân vật tôi lai cảm thấy lòng tôi không một chút lưu luyến và vô cùng ngột ngạt?*  *H: Khi rời cố hương , nhân vật tôi mong ước điều gì?*  *H: Trong niềm hi vọng của nhân vật tôi, xuất hiện một cảnh tượng như thế nào?*  *H:Em hiểu ý nghĩ cuối cùng của nhân vật "Tôi " như thế nào?*    **HĐ2.HDHS tổng kết:**  *H: Cảm nhận của em về nội dung và nghệ thuật tác phẩm?*  - Đọc ghi nhớ SGK/219 | **b) Những ngày " tôi" ở cố hương**  - “ Tôi” gặp Nhuận Thổ và chị Hai Dương.    - Nhuận Thổ thời qúa khứ  '- Nhuận Thổ thời hiện tại  - Nhuận Thổ thời quá khứ gắn với h/ả:  “*Một vầng trăng tròn vàng thắm treo lơ lửng trên nền trời xanh đậm ….chạy mất”.*  =>Đó là một cảnh tượng sáng sủa, dấu hiệu của cuộc sống thanh bình và hạnh phúc nơi làng quê, giờ chỉ còn trong kí ức.  - Nhuận Thổ :  +Khuôn mặt tròn trĩnh, da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng.  +Thấy ai là bẽn lẽn, chỉ không bẽn lẽn với một mình tôi thôi.  +Bẫy chim sẻ rất tài, biết nhiều chuyện lạ lùng lắm.  =>Một chú bé khôi ngô, khỏe mạnh,hồn nhiên ,hiểu biết, nhanh nhẹn, gần gũi và nhiều tình cảm, có tình bạn thân thiện, bình đẳng.  **-Sau hai mươi năm:**  - Người đàn ông:  +Khuôn mặt vàng sạm, lại có thêm những nếp răn sâu hoắm, mi mắt viền đỏ húp mọng lên, mũ rách tươm, áo bông mỏng dính,người co ro cúm rúm, bàn tay thô kệch nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông.  + Chào rất rành mạch "Bẩm ông"  + Lại xin tất cả các đống tro..  =>Thay đổi toàn diện theo chiều hướng xấu, kì lạ nhất là thay đổi tính nết :trở nên tự ti, tham lam.Nhuận Thổ hiện tại già nua,tiều tụy,hèn kém.  - Sự thay đổi có nguyên nhân từ cách sống lạc hậu của người nông dân, từ hiện thực đen tối của xã hội áp bức.  **\*Nhân vật chị Hai Dương:**  -Trước đây gọi là nàng Tây Thi đậu phụ:Cách gọi bộc lộ tình cảm thân thiện với người phụ nữ láng giềng từng là một người đẹp người ,đẹp nết.  **- Hai mươi năm sau***:*  *+****Một người đàn bà trên dưới năm mươi tuổi, lưỡng quyền nhô ra, môi mỏng dính, hai tay chống nạnh, chân đứng chạng ra giống hệt cái com pa***  ***"Ai chà! Anh bây giờ làm quan rồi,..Hừ! chẳng cái gì giấu được chúng tôi đâu!***  ***+Miệng lẩm bẩm, tiện taygiật luôn đôi bít tất tay của mẹ tôi giắt vào lưng quần ,cút thẳng.***  =>Thay đổi toàn diện cả hình dạng lẫn tính tình  - Đó là biểu hiện suy thoái của lối sống và đạo đức ở làng quê.  - Những thay đổi ấy đã tạo ra một con người xấu xí tham lam, trơ trẽn đến độ lưu manh, mất hết vẻ lương thiện của người nhà quê chân thật, mộc mạc.  \*Kể về hai con người ở quê đã thay đổi hoàn toàn, người kể muốn ta hiểu:Cuộc sống quẩn quanh, bế tắc, nghèo khổ khiến làng quê ngày một tàn tạ, con người ngày một khổ sở, hèn kém và xuống cấp về đạo đức ,bất lương.Từ đó bộc lộ nỗi xót thương, bất lực và căm ghét xã hội lúc bấy giờ.  =>H/ả của Nhuận Thổ và chị Hai Dương là những minh chứng cụ thể khác nhau về sự sa sút, điêu tàn của ‘‘Cố hương’’ vì nghèo đói , lạc hậu. Là hình ảnh thu nhỏ về nông thôn TQ đầu thế kỉ XX. Đồng thời phân tích nguyên nhân, lên án thế lực tạo nên thực trạng đen tối.  **c) Khi rời cố hương:**  - Cố hương bây giờ chỉ còn là xơ xác nghèo hèn,xa lạ từ cảnh vật đến con người.  - Mong cho thế hệ con cháu không bao giờ cách bức nhau, không phải chạy vạy như tôi, không phải khốn khổ mà đần độn như Nhuận Thổ, không phải khốn khổ mà tàn nhẫn như người khác. chúng nó cần phải sống một cuộc đời mới. Đó là làng quê tươi đẹp, con người sống tử tế với nhau  - Trong niềm hi vọng, xuất hiện cảnh tượng: *Một cánh đồng cát, màu xanh biếc, cạnh bờ biển,trên vòm trời xanh đậm, treo lơ lửng một vừng trăng tròn vàng thắm* =>Đó là ước mong yên bình ấm no, cho làng quê, mong làng quê sẽ hồi sinh trở lại.  \*Ý **nghĩ cuối cùng của nhân vật "tôi":** ***Trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.***  =>Hình ảnh ẩn dụ, cũng như những con đường trên mặt đất,mọi thứ trong cuộc sống này không tự có sẵn. Nhưng nếu muốn, bằng sự cố gắng và kiên trì con người sẽ tìm ra con đường- con đường đi mới cho nhân dân dã từ lầm than đói khổ lạc hậu để có tất cả..  -Tác giả muốn thức tỉnh người dân làng mình không cam chịu cuộc sống nghèo hèn, áp bức.Ông tin ở thế hệ con cháu sẽ mở đường đến ấm no hạnh phúc cho quê hương.  **III. Tổng kết**  **1.Nghệ thuật:**  -K/hợp nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt TS, MT, BC, NL  -Xây dựng hả mang ý nghĩa biểu tượng.  -K/hợp giữa kể với tả, bc và lập luận làm cho câuchuyện được kể sinh động, giàu  cảm xúc và sâu sắc  **2. Nội dung:**  Cố hương là nhận thức về thực tại và mong ước đầy trách nhiệm của Lỗ Tấn về một đất nước TQ đẹp đẽ trong tương lai.  **\* Ghi nhớ SGK/ 219** |

**4.Củng cố- luyện tập :**

- Nêu điểm khác biệt của Nhuận thổ trước và sau 20 năm- điền vào bảng

H: Nhận xét về đất nước con người TQ những năm đầu thế kỉ 20 so sánh với hiện tại ?

1. H/a con dg mang ý nghĩa gì?

A. hướng đi mới cho ng dân TQ

B. Con dg đi từ nơi này đến nơi khác.

C. Tương lai của đất nc TQ.

2. phương thức biểu đạt đc sử dụng trong đoạn văn cuối là ?

A. Tự sự – miêu tả - nghị luận.

B. Tự sự – biểu cảm.

C. Tự sự – miêu tả, biểu cảm

3.Em hiểu gì về XHTQ vào những năm 1923

**5. Hướng dẫn học ở nhà:**

- Ôn tập lại các bài đã học.

- Chuản bị Kiểm tra TV, ôn tập các nội dung đã học trong giờ ôn tập

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 78.* KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

**2.Kỹ năng :**

- Rèn cho học sinh kĩ năng trình bày bài kiểm tra rõ rằng sàng, sạch đẹp.

**3.Thái độ:**

- Học sinh dc rèn thái dộ làm bài nghiêm túc, cháp hành nội quy.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo, nghiên cứu.

Ra đề phù hợp với nhận th\cs của học sinh.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài :tóm tắt, phân tích các hình ảnh thơ, nhân vật trong truyện , phát hiện các chi tiết nghệ thuật.

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới :**

**\*Khung ma trận đề kiểm tra**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức độ  Tên CĐ | Nhận biết | Thông Hiểu | Vận dụng | | Cộng |
| Thấp | Cao |
| Chủ đề 1:  **Phương châm hội thoại** | Nhận biết  Phương châm hội thoại, nhận biết các nguyên nhân dẫn đến phương châm hội thoại không được tuân thủ. |  |  |  |  |
| Số câu:  Tổng điểm:  Tỷ lệ % | Số câu : 2  Sốđiểm:1  Tỉ lệ:10% |  |  |  | Số câu: 2  Số điểm 1  Tỉ lệ:10% |
| **C**hủ đề 2:  **Cách dẫn**  **trực tiếp và dẫn gián tiếp.** | Nhận biết 2 cách dẫn trực tiếp và dẫn gián tiếp. |  |  | Viết đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp về tỷuyện Kiều - ND |  |
| Số câu:  Tổng điểm:  Tỉ lệ % | Số câu:1  Số điểm:1  Tỉ lệ:10% |  |  | Số cõu: 1  Sốđiểm:  3.5  Tỉ lệ:35% | Số cõu: 2  Sốđiểm:4.5  Tỉlệ:45% |
| **C**hủ đề 3:  **Từ vựng** |  | Xác định được các phương thức chuyển nghĩa từ trong câu thơ | Phân tích được nghệ thuật dùng từ của ND trong Những câu thơ trích Truyện Kiều |  |  |
|  |  | Số câu : 1  Số điểm:1  Tỉ lệ :10% | Số câu : 1  Sốđiểm:  3.5  Tỉ lệ :35% |  | Số câu : 2  Sốđiểm:  4.5  Tỉ lệ :45% |
| Tổng số câu:  Tổng điểm:  Tỉ lệ % | Số câu : 3  Số điểm:2  Tỉ lệ :20% | Số câu : 1  Số điểm:1  Tỉ lệ :10% | Số câu : 1  Sốđiểm:  3.5  Tỉ lệ :35% | Số câu: 1  Sốđiểm:  3.5  Tỉ lệ:35% | Số câu : 6  Sốđiểm:10  Tỉ lệ :100% |

**A.Đề bài:**

**I/ Phần trắc nghiệm** :

**Hãy trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:**

**Phần I. Trắc nghiệm:** **(2 điểm).**

***-Trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái tr­ớc câu trả lời đúng.***

***Câu 1: (0,5 điểm)***

***Khi ta nhận xét :* “ ăn ốc nói mò”*có nghĩa ph­ương châm hội thoại nào đã không được tuân thủ?***

A. Ph­ơng châm về lượng. C. Phương châm cách thức.

B. Phương châm về chất . D. Phương châm quan hệ.

***Câu 2: (0,5 điểm)***

***Những trường hợp không tuân thủ ph­ương châm hội thoại thường là do:***

A. Ng­ười nói vô ý, vụng về, thiếu văn hoá giao tiếp.

B. Ngư­ời nói phải ư­u tiên cho một ph­ương châm hội thoại đặc biệt.

C. Ngư­ời nói muốn gây sự chú ý, h­ớng ng­ời nghe hiểu câu nói theo một hàm ẩn nào đó.

D . Cả ba phương án ( A,B, C) đều đúng.

***Câu 3 (1 điểm)***

**Hoàn thành khái niệm sau:**

- Lời dẫn gián tiếp là:

- Lời dẫn trực tiếp là:

**Phần II. Tự luận ( 8 điểm):**

***Câu 1. (1điểm)***

Trong câu thơ “ Lư­ng núi thì to mà lưng mẹ thì nhỏ” từ “lưng” nào đ­ược dùng

(1) (2)

theo nghĩa gốc từ “lưng” nào dùng theo nghĩa chuyển? Chuyển nghĩa dựa trên phương thức nào?

***Câu 2. (3.5 điểm)***

***Viết một đoạn văn ngắn từ 5->7 dòng giới thiệu tác giả Nguyễn Du và truyện Kiều trong đó có sử dụng lời dẫn trực tiếp ?***

***Câu 2 (3.5 điểm):***

***Vận dụng kiến thức về từ láy để phân tích nét nổi bật của việc dùng từ trong những câu thơ sau?***

*Nao nao dòng n­ước uốn quanh,*

*Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

*Sè sè nấm đất bên đ­ường,*

*Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*

**B. Đáp án và biểu điểm**

**Phần I. Trắc nghiệm:** **(2 điểm).**

Câu 1: B ; Câu 2:D

***Câu 3 (1 điểm)***

**Hoàn thành khái niệm sau:**

-Lời dẫn trực tiếp là: nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của ng khác ,nv.

- Lời dẫn gián tiếp là: thuật lại lời nói hay ý nghĩ của ng khác, nv có điều chỉnh cho phù hợp.

**Phần II. Tự luận ( 8 điểm):**

***Câu 1. (3,5 điểm)***

- HS viết đoạn văn giới thiệu Ng Du và truyện Kiều có sử dụng lời dẫn trực tiếp.

Có liên kết, lô gic, mạch lac, k sai chính tả.

- Nguyễn Du một đại thi hào dân tộc một danh nhân văn hoá.

- Sự nghiệp sáng tác của ND

- Truyện Kiều là kiệt tác của đại thi hào ND có giá trị nội dung và nghệ thuật…

- Giá trị nội dung mang tính nhân đạo lớn... là tiếng nói thương cảm cho số phận

người phụ nữ ...ND từng nói *“ Đau đớn thay phận ....*

*Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”*

***Câu 2 (3,5 điểm):*** Hs nêu đc các từ láy : nao nao, nho nhỏ, sè sè, rầu rầu.

-Vừa có t/d gợi tả cảnh vật vừa gợi tả tâm trạng con người làm nổi bật tâm trạng bâng khuâng nuối tiếc một ngày vui qua mau của chị em thuý Kiều trong ngày hội xuân và cảnh ảm đạm, lạnh lẽo của mộ Đạm Tiên trong ngày thanh minh.

**4.Củng cố,luyện tập :**

Thu bài, nhận xét...

**5. Hướng dẫn học ở nhà**

- Ôn tập lại các bài đã học.

- Chuẩn bị bài: Ôn tập tập làm văn : trả lời các câu hỏi bài tập.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 79.* CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

**(PHẦN TIẾNG VIỆT)**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hiểu được sự phong phú của các phương ngữ trên các vùng miền, đất nước.

- Có ý thức sử dụng từ ngữ địa phương trong những văn cảnh cho phù hợp.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kỹ năng giải thích ý nghĩa của từ ngữ địa phương và phân tích giá trị của nó trong văn

**3.Thái độ:**

- Sử dụng từ ngữ địa phương thích hợp trong giao tiếp.

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu bài , đọc chuẩn kiến thức

kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : đọc ,tóm tắt,trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

**3.Bài mới :**

- Ở lớp 8 các em đã biết thế nào là từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội. hôm nay các em tiếp tục tìm hiểu từ ngữ địa phương chỉ sự vật, hiện tượng, hoạt động, trạng thái, tâm lí…

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS làm bài tập**  1HS đọc yêu cầu bài tập    -Trình bày phần chuẩn bị trước lớp.  -HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có ).  - GV đánh giá.  1HS đọc yêu cầu bài tập  -Trình bày miệng trước lớp.  - HS khác nghe , nhận xét, bổ sung.  -GV đánh giá.  - 1HS đọc yêu cầu bài tập    -Làm bài tập, trình bày trước lớp.  - Nhận xét, bổ sung  HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV hướng dẫn HS làm bài tập  *H : Tìm từ ngữ địa phương*  *H: Các từ ngữ này thuộc phương ngữ nào.*  *- GV hướng dẫn học sinh giải thích?*  *H: Các từ ở bảng mẫu phương ngữ nào thuộc phương ngữ toàn dân?*  *H: Tác dụng của từ ngữ địa phương trong đoạn trích.*  *H: Tìm các văn bản đã học có sử dụng ngôn ngữ địa phương? nxét?* | **1.Bài tập 1** (SGK 175)  **Tìm trong phương ngữ em đang sử dụng, hoặc một phương ngữ mà em biết những từ ngữ:**  a- Chỉ các sự vật, hiện tượng, … không có tên gọi trong các phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân.  - VD: + Tắc: một loại quả họ quýt.  + Nốc,ghe : chiếc thuyền. (Phương ngữ Nghệ Tĩnh)  + Sương: gánh  + Bọc: cái túi áo(Phương ngữ Thừa Thiên – Huế)  +Nhút: món ăn làm bằng xơ mít muối trộn với 1 vài thứ khác được dùng ở 1 số vùng Nghệ Tĩnh  + Chẻo: 1 loại nước chấm.(Nghệ Tĩnh)  +Mắc: đắt ( Nam Bộ)  +Dớ: bít tất( Nam Bộ)  **b. Đồng nghĩa nhưng khác về âm với từ ngữ trong các phương ngữ khác hoặc trong ngôn ngữ toàn dân.**  Bắc Trung Nam  mẹ Mạ má  bố bọ ba, tía ba,  quả trái trái  bát chén chén  vừng mè mè  giả vờ giả đò giả đò  nghiện nghiền nghiền  **c) Đồng âm nhưng khác về nghĩa với từ ngữ trong các phương ngữ khác hoặc trong ngôn ngữ toàn dân.**  - Hòm: + ở miền Bắc: chỉ một số đồ đựng có nắp đạy.  + ở miền Trung, Nam: Chỉ áo quan( quan tài).  - Nón: + miền Trung và từ ngữ toàn dân: chỉ một thứ đồ dùng làm bằng lá, để đội đầu, có hình chóp.  + miền Nam: chỉ nón và mũ nói chung.  - Bắp: + miền Bắc: có thể dung chỉ bắp chân, tay  + miền Trung , Nam: chỉ bắp ngô.  **2.Bài tập 2:** (SGK 175)  - Những từ ngữ địa phương như ở bài tập 1.a không có từ ngữ tương đương trong phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân vì: Có những sự vật,hiện tượng xuất hiện ở địa phương này nhưng không xuất hiện ở địa phương khác do có sự khác biệt giữa các vùng miền về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lý, phong tục tập quán. Tuy nhiên sự khác biệt đó không quá lớn.( Từ ngữ thuộc nhóm này không nhiều)  - Một số từ ngữ này có thể chuyển thành từ ngữ toàn dân vì những sự vật, hiện tượng mà những từ ngữ này gọi tên. Vốn chỉ xuất hiện ở một địa phương, nhưng sau đó dần phổ biến trên cả nước.  **3.Bài tập 3:**(SGK 175)  - Hai bảng mẫu ở bài tập 1- bảng b, c.  - Từ ngữ toàn dân ở bảng b – từ ngữ ở miền Bắc: cá quả, lợn, ngã, ốm.  - Cách hiểu thuộc ngôn ngữ toàn dân: ốm- bị bệnh.  **4.Bài tập 4** (SGK 176)  - Những từ ngữ địa phương trong đoạn trích: Chi, rứa, nờ, tui, cớ răng, ưng, mụ thuộc phương ngữ Trung được dùng phổ biến ở các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế.  -Tác dụng góp phần thể hiện chân thực hơn hình ảnh của một vùng quê và tình cảm, suy nghĩ, tính cách của một người mẹ trên vùng quê ấy; làm tăng sự sống động,gợi cảm của tác phẩm  **Bài tập bổ sung:**  - Tìm Một số văn bản có sử dụng từ ngữ địa phương, cho biết các văn bản có sử dụng từ ngữ địa phương chiếm số lượng nhiều hay ít, điều đó nói lên ưu điểm gì của Tiếng Việt? Xác định nhiệm vụ của em khi học từ địa phương.  VD: Chiếc lược ngà |

**4. Củng cố-luyện tập:**

- GV hệ thống bài: + Vai trò của từ ngữ địa phương.

+ Cách sử dụng từ ngữ địa phương

- HS hỏi thêm kiến thức bài học( nếu có)

**5. Hướng dẫn về nhà:**

+ Tiếp tục hoàn thiện bài tập

+ Soạn: Ôn tập Tập làm văn.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 80.* ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hệ thống hóa kiến thức về Tập làm văn đã học.

- Tích hợp với Tiếng Việt và Văn.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kĩ năng tổng hợp kiến thức và hiểu được mối quan hệ giữa TLV- TV- VBản

**3.Thái độ:**

- Có ý thức hệ thống những kiến thức đã học về phần TLV

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu bài , đọc chuẩn kiến thức

kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : trả lời các câu hỏi bài tập.

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

- Kết hợp kt kiến thức cũ trong quá trình ôn.

**3.Bài mới :**

Trong học kì I chúng ta đã tìm hiểu hai kiểu bài thuyết minh và tự sự, giờ học này chúng ta cùng ôn tập lại bộ kiến thức TLV đã học trong học kì I.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1.HDHS hệ thống hoá các kiến thức TLVđã học:**  *- Gv: Nêu hình thức ôn tập phân nhóm – giải quyết các câu hỏi (mỗi nhóm 1 câu).*  *Nhóm 1 trình bày câu hỏi 1*  *Giáo viên kết luận*  *H:Vai trò vị trí, tác dụng của biện pháp nghệ thuật và miêu tả trong văn bản thuyết minh:*  *Gv nhận xét kết luận*  *H:Phân biệt văn thuyết minh có yếu tố miêu tả, tự sự với văn miêu tả, tự sự.*  *- Y/c hs nêu đoạn văn thuyết minh.*  *H:Văn bản TM có yếu tố miêu tả, TS giống và khác với VB miêu tả, tự sự ở điểm nào?*  *H:Nội dung văn bản tự sự ở SGK Ngữ văn 9 tập I :*  ***H :Vai trò, vị trí và t/d của y/t m/t nội tâm và nghị luận trong vb tự sự :***  *H : Thế nào là đối thoại độc thoại và độc thoại nội tâm ?*  *H: Nhận xét về ngôi kể và vai trò của từng ngôi kể?* | **1. Câu1**:**Các nội dung lớn và trọng tâm**:  **a, Văn bản thuyết minh**: Trọng tâm là luyện tập việc kết hợp giữa thuyết minh với các yếu tố như nghị luận giải thích, miêu tả.  **b, Văn bản tự sự:**  - Sự kết hợp giữa tự sự với biểu cảm và miêu tả nội tâm nhân vật, giữa tự sự với nghị luận.  -Một số nội dung mới trong văn bản tự sự như đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong tự sự, người kể chuyện và vai trò người kể chuyện trong văn bản tự sự.  **2. Câu 2: Vai trò vị trí, tác dụng của biện pháp nghệ thuật và miêu tả trong văn bản thuyết minh:**  Thuyết minh là giúp cho người đọc, người nghe, hiểu biết về đối tượng, do đó:  - Cần phải giải thích các thuật ngữ, các khái niệm có liên quan đến tri thức về đối tượng, giúp cho người đọc, người nghe dễ dàng hiểu biết về đối tượng.  - Cần phải miêu tả để giúp người nghe có hứng thú khi tìm hiểu về đối tượng, tránh gây sự khô khan nhàm chán.  **3. Câu3:Phân biệt văn thuyết minh có yếu tố miêu tả, tự sự với văn miêu tả, tự sự.**  **a. Văn bản thuyết minh:**  -Trung thành với đăc điểm của đối tượng một cách khách quan ,khoa học.  - Cung cấp đầy đủ tri thức về đối tượng cho người nghe, người đọc.  **b.Văn bản lập luận giải thích:**  -Dùng vốn sống trực tiếp (do tuổi đời và hoàn cảnh sống quyết định) và vốn sống gián tiếp (học tập qua sách vở và qua các phương tiện thông tin) để giải thích một vấn đề nào đó, giúp người nghe, người đọc hiểu vấn đề đó.  - Giới thiệu cho người nghe, người đọc một cách hiểu vấn đề theo một quan điểm, lập trường nhất định.  **c. Văn bản miêu tả:**  - Xây dựng hình tượng về một đối tượng nào đó thông qua quan sát ,liên tưởng so sánh và cảm xúc chủ quan của người viết.  - Mang đến cho người nghe, người đọc một cảm nhận mới về đối tượng.  ***\*Giống nhau:***  - Cả vb tự sự và văn bản thuyế minh có yếu tố m/t và t/sư đều có chứa y/t m/t và tự sựlàm nổi bật sự việc và đối tượng thuyết minh.  \* Khác nhau: Đối với vb tự sự và vb m/t chủ yếu dùng y/t tự sự và m/t nhằm tái hiếnự việc, sự vật hiện tượng. Yếu tố tự sự hay miêu tả là y/t nền tảng.  - Trong vb thuyết minhcó chứa y/t m/t, tự sự thì các y/t này dc đưa vao làm cho đối tượng thuyết minh thêm nổi bật còn phương thức giới thiệuvà giải thích là cơ bản.  - Để bài viết sinh động hấp dẫn, tránh sự khô khan, người viết có thể dùng so sánh, nhân hoá (văn miêu tả)  **4. Câu 4**:**Nội dung văn bản tự sự ở SGK Ngữ văn 9 tập I :**  - Nhận diện các yếu tố miêu tả nội tâm, nghị luận, đối thoai và độc thoại, đọc thoại nội tâm, người kể chuyện trong văn bản tự sự.  -Thấy rõ vai trò ,tác dụng của các yếu tố trên trong văn bản tự sự.  -Kĩ năng kết hợp các yếu tố trên trong một văn bản tự sự.  ***\*Vai trò, vị trí và t/d của y/t m/t nội tâm và nghị luận trong vb tự sự :***  - Miêu tả nội tam để tái hiện lại ý nghĩ cảm xúc và tâm trạng nv từ đó làm cho ng đọc có ấn tượng về nv đc kể.  - Y/t nghị luận làm cho bài văn tự sự giàu tính triết lí làm nổi bật quan điểm tư tưởng của ng viết về chủ đề của t/p.  **5. Câu 5:** Đối thoại : có ít nhất 2 ng tham dự cuộc g/t có lời chao và lời đáp.  - Độc thoại: Tự nói với chính mình.  - Độc thoại nội tâm:Lời nói diễn ra trong ý nghĩ của nv.  - Vai trò,tác dụng : Thể hiện rõ suy nghĩ,đặc điểm tính cách của nv, phẩm chất của nv đc thể hiện qua các hình thức giao tiếp.  **6.Câu 6:**  **-** Ngôi kể trong văn bản tự sự  - Kể ở ngôi thứ nhất: người kể dễ đi sâu vào tâm tư tình cảm miêu tả được những diễn biến tinh vi phức tạp đang diễn ra trong tâm hồn nhân vật  - Kể ở ngôi thứ 3 : miêu tả bao quát được các đối tượng 1 cách kquan sinh động tạo ra cái nhìn nhiều chiều, có thể kể tự do hơn bởi ng kể k bị gò ép về t/g và k/g kể.  - Hạn chế khi bộc lộ nội tâm nv. |

**4. Củng cố- luyện tập**:

-Hệ thống kiến thức vừa ôn tập.

- HS hỏi thêm kiến thức ( nếu có)

1. Viết đoạn văn có yếu tố miêu tả nội tâm.

2. Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận

3.Viết đoạn văn tự sự có sử dụng cả yếu tố miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Chuấn bị tiếp các câu hỏi còn lại ở bài Ôn tập (tiếp)

- Về nhà ôn bài đã học.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 81.* ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN (TIẾP)**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hệ thống hóa kiến thức về Tập làm văn đã học.

- Tích hợp với Tiếng Việt và Văn.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kĩ năng tổng hợp kiến thức và hiểu được mối quan hệ giữa TLV- TV- VBản

**3.Thái độ:**

- Có ý thức hệ thống những kiến thức đã học về phần TLV

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu bài, đọc chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : trả lời các câu hỏi bài tập.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C:

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

- Kết hợp kt kiến thức cũ trong quá trình ôn.

**3.Bài mới :**

- Trong tiết học trước các em đã ôn tập các kiểu bài thuyết minh, tự sự.Trong các tiết ôn tập này chúng ta sẽ cùng nhau ôn tập mqh giữa các kiểu văn bản và sự tương hỗ nhau trong học Tv- TLV – Vb.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS ôn tập theo các câu hỏi SGK( tiếp)**  *H: So sánh văn bản tự sự ở lớp 9 và lớp dưới ?*  *H:ND VBTS ở lớp 9 có gì giống và khác so với các ND về kiểu văn bản này đã học ở lớp dưới?*  *H: Hãy giải thích tại sao trong 1 vb đã có các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận mà vẫn gọi là VBTS.*  *H: Có 1 VB nào mà chỉ vận dụng 1 PT biểu đạt duy nhất không?* | **7. VBTS lớp 9 so sánh với các lớp dưới.**  **\* Giống nhau**: Có nhân vật chính, nhân vật phụ, cốt truyện, sự vật chính phụ.  \* **Khác nhau**: Lớp 9 có thêm  + Kết hợp tự sự +biểu cảm+ miêu tả nội tâm.  + Kết hợp tự sự + nghị luận.  - Đối thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.  - Người kể chuyện vai trò người kể chuyện trong văn bản tự sự  **8. Giải thích**:  a) Gọi tên một văn bản ,người ta căn cứ vào phương thức biểu đạt chính của văn bản đó.  Ví dụ:  -Phương thức tái tạo hiện thực bằng cảm xúc chủ quan: Văn bản miêu tả.  -Phương thức lập luận: Văn bản nghị luận.  -Phương thức tác động vào cảm xúc: Văn biểu cảm.  -Phương thức tái tạo hiện thực bằng nhân vật và cốt truyện: Văn bản tự sự.  (Không nên tuyệt đối hóa ranh giới giữa các phương thức)  b) Trong một văn bản có đủ các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận mà vẫn gọi đó là văn bản tự sự vì các yếu tố ấy chỉ có ý nghĩa bổ trợ cho phương thức chính là "Kể lại hiện thực bằng con người và sự việc ".  c) Trong thực tế , ít gặp hoặc không có văn bản nào chỉ vận dụng một phương thức biểu đạt duy nhất. |

**4. Củng cố- luyện tập**:

- Hệ thống kiến thức vừa ôn tập.

- HS hỏi thêm kiến thức ( nếu có)

*H: phân biệt văn ts ở lớp 9 có già giống và khác các lớp dưới.*

*H: Sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong một văn bản?*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Chuấn bị tiếp các câu hỏi còn lại ở bài Ôn tập (tiếp)

- Về nhà ôn bài đã học.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 82.* ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN (TIẾP)**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức :**

- Hệ thống hóa kiến thức về Tập làm văn đã học.

- Tích hợp với Tiếng Việt và Văn.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kĩ năng tổng hợp kiến thức và hiểu được mối quan hệ giữa TLV- TV- VBản

**3.Thái độ:**

- Có ý thức hệ thống những kiến thức đã học về phần TLV

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu bài , đọc chuẩn kiến thức

kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : trả lời các câu hỏi bài tập.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A:

9C:

**2.Kiểm tra bài cũ** :

- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài của học sinh.

- Kết hợp kt kiến thức cũ trong quá trình ôn.

**3.Bài mới :**

- Trong tiết học trước các em đã ôn tập các kiểu bài thuyết minh, tự sự.Trong các tiết ôn tập này chúng ta sẽ cùng nhau ôn tập mqh giữa các kiểu văn bản và sự tương hỗ nhau trong học Tv- TLV – Vb.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS ôn tập theo các câu hỏi SGK( tiếp)**  - *Gọi hs đánh dấu khả năng kết hợp?*  *H:Giải thích câu hỏi 10 SGK?*  Hướng dẫn trả lời câu hỏi 11  -Y/c hs nêu vd c/m  Nêu yêu cầu câu hỏi 12  - Yc hs lấy vd | **9. Kẻ bảng theo SGK:**  - Khả năng kết hợp  (1) TS+ MT+ NL+BC+ TM  (2) MT+TS+BC+TM  (3) NL+MT+BC+TM  (4) BC+TS+MT+NL.  10. Các bài TLV phải có bố cục 3 phần vì:  - Khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường, hs đang ở gđ (tập phải rèn luyện theo những yêu cầu chuẩn mực, khi đã trưởng thành hs có thể viết tự do “phản ánh” như các nhà văn.  **10. Các bài TLV phải có bố cục 3 phần vì:**  - Khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường, hs đang ở gđ (tập phải rèn luyện theo những yêu cầu chuẩn mực, khi đã trưởng thành hs có thể viết tự do “phản ánh” như các nhà văn.  **11. Những kiến thức và kĩ năng về kiểu văn bản tự sự:**  - Các kiến thức về tập làm văn đã soi sáng thêm rất nhiều cho việc đọc, hiểu văn bản, tác phẩm vh tương ứng trong SGK ngữ văn.  VD: Khi học về đối thoại và độc thoại nội tâm trong vbts, kiến thức TLV giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn các nhân vật truyện Kiều.  Đoạn: Kiều ở lầu Ngưng Bích.  **12. Những kiến thức về tác phẩm TS** các phần đọc hiểu văn bản và phần TV tương ứng đã cung cấp cho hs những tri thức cần thiết để làm văn TS.  Đó là các gợi ý, hướng dẫn bổ ích về nhân vật, cốt truyện, người kể chuyện, ngôi kể, sự việc, các yếu tố miêu tả, nghị luận.  Phân tích ví dụ  - Bức tranh của em gái tôi  - Tôi đi học.  - Trong lòng mẹ, Lặng lẽ Sa Pa, Lão Hạc Chiếc lược ngà … |

**4. Củng cố- luyện tập**:

- Hệ thống kiến thức vừa ôn tập.

- HS hỏi thêm kiến thức ( nếu có)

*H: Mối quan hệ về kiến thứcgiữa ba phân môn: TV, TLV, VB ?*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Chuấn bị :Về nhà ôn bài đã học.

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 83, 84*. KIỂM TRA TỔNG HỢP HỌC KÌ I**

( Sở giáo dục ra đề)

**I.Mục tiêu bài học :**

**1.Kiến thức :**

- Qua bài kiểm tra tổng hợp học sinh trình bày, giáo viên đánh giá được năng lực học tập của học sinh trong học kì I.

**2.Kỹ năng :**

- Rèn kĩ năng tổng hợp kiến thức và hiểu được mối quan hệ giữa TLV- TV văn bản.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức hệ thống tổng hợp kiến thức đã học, làm bài kiểm tra nghiêm túc

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu bài , đọc chuẩn kiến thức

kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài , chuẩn bị ôn các dạng bài tập.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** : không kiểm tra.

**Đề bài:** Sở gd ra đề

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 85.* HDĐT: NHỮNG ĐỨA TRẺ**

**(Trích: Thời thơ ấu - Mác-xim Go-rơ-ki** )

**I.Mục tiêu bài học :**

- Thông qua bài học giúp học sinh hiểu đuợc:

**1.Kiến thức**

**-** Rung cảm trước những tâm hồn trẻ thư trong sáng, cuộc sống thiếu tình thương và hiểu rõ nghệ thuật kể chuyện của Go Rơ Ki.

**2.Kỹ năng :**

Đọc, kể, phân tích tác phảm tự sự, tự thuật.

**3.Thái độ:**

- Có ý thức hệ thống những kiến thức đã học về phần TLV

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu bài , đọc chuẩn kiến thức

kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : trả lời các câu hỏi đọc hiểu sgk.

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

H: Phân tích hình ảnh con đường ở đoạn cuối truyện “ Cố Hương” của Lỗ Tấn

H: Trong chuyện “Cố Hương" tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào rất thành công chỉ rõ và lấy nhân vật Nhuận Thổ để chứng minh

**3.Bài mới:** Giới thiệu bài:

Chúng ta đã tiếp xúc với văn học Nga qua tác giả Ê-Ren-Bua. Hôm nay chúng ta vào tìm hiểu chuyện tự thuật đời mình của đại văn hào Nga Mac-Xim Go- Rơ-ki: “Thời thơ ấu”

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS đọc và tìm hiểu chú thích:**  *- Hướng dẫn đọc*  *H: Nêu xuất xứ của tác phẩm?*  **HĐ2. HDHS đọc- hiểu văn bản :**  *H: Chia bố cục văn bản?*  *H: Quan sát văn bản cho biết: hoàn cảnh của những đứa trẻ trong đoạn trích*  *H: Tìm ra những điểm giống và khác nhau trong hoàn cảnh xuất hiện của chúng?*  ? Vì sao những đứa trẻ lại sớm quen thân và quý mến nhau  (Học sinh thảo luận và trả lời)  GV tổng kết  *H:Trong thời thơ ấu của mình điều gì để lại ấn tượng* sau nhiều năm nhà văn *vẫn nhớ?*  *H: Cái cách mà bọn trẻ thường chơi với nhau?*  *H: Những câu chuyện của bọn chúng là gì?*  *H: Nhận xét về cách kể chuyện của nhà văn?*  **HĐ3. HDHS tổng kết:**  *H: Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật đoạn trích?*  - Gọi học sinh đọc ghi nhớ. | **I. Đọc và tìm hiểu chú thích**  **1.Đọc, kể tóm tắt:**  **2. chú thích:**  **a.Tác giả:**  -Tên thật là A-lêch-xâyPê-S-Cốp bút danh Mac-xim Go-rơ-ki(1868-1936) nhà văn lớn của nước Nga và thế giới thế kỷ 20  - Cuộc đời gặp nhiều gian truân, có tuổi thơ cay đắng, thiếu tình thương, sớm mồ côi cha, sống chủ yếu với ông bà ngoai, phải tự lập kiếm sống bằng nhiều nghề khác nhau  - Tự học, tự rèn luyện và có nghị lực phi thường  **b.Tác phẩm:**  -Những đứa trẻ được trích từ tiểu thuyết tự thuật “Thời thơ ấu" của Mác- Xim-Go-Rơ-Ki đây là chương 9/13 chương của tiểu thuyết khi A-li-ô-sa khoảng 9,10 tuổi.  - Nhà văn viết tác phẩm này những năm1913-1914. Ông kể lại quãng đời của mình mấy chục năm về trước từ năm lên 3 đến năm lên 10  **II.Đọc- hiểu văn bản**  **1. Thể loại**: Tiểu thuyết  **2.Bố cục:** 3 phần  **-Phần 1**: đầu->cúi xuống: Tình bạn tuổi ấu thơ hồn nhiên trong trắng  **-Phần 2:** tiếp ->đến nhà tạo: Tình bạn bị cấm đoán  **-Phần 3:** Còn lại: Tình bạn vẫn tiếp diễn  Câu chuyện được kể theo trình tự thời gian, theo ngôi kể thứ nhất  **- Phương thức biểu đạt:** Tự sự miêu tả và biểu cảm  **3.Phân tích**  **a.Những đứa trẻ sống thiếu tình thương:**  - A-Li-Ô-Sa: bố mất, mẹ đi lấy chồng, ở với ông bà ngoại, bà hiền hậu, ông thì rất dữ đòn, A-Li-Ô-Sa thường bị ông đánh-> Nhà thường dân hèn hạ  - Ba đứa trẻ nhà ông đại tá: Sống trong cảnh giàu sang nhưng mẹ đẻ đã chết ở với gì ghẻ bị bố cấm đoán và luôn bị đánh đòn  - Hai gđình thuộc những thành phần Xh khác nhau(dân thường và quan chức giàu sang) ở cạnh nhà nhau  => Chúng có hoàn cảnh giống nhau: Đều sống thiếu tình thương, thiếu mái ấm của cha mẹ và gia đình nên chúng trở thành thân thiết đó là tình cảm tự nhiên rất ngây thơ, trong trắng, hồn nhiên của trẻ thơ.  -> ấn tượng để lại sâu đậm trong lòng nhà văn: Ngọt ngào của tình cảm trong trắng trẻ thơ đồng thời hình ảnh ông đại tá mặc áo choàng đen như một bóng đen đè nặng lên tuổi thơ của những đứa trẻ sống thiếu tình thương này  **b.Tuổi thơ trong sáng, mơ mộng**  - Những đứa trẻ đến với nhau theo kiểu trẻ thơ  + Không đi bằng cổng chính  +Khi ngồi vắt vẻo trên cây  +Khi qua cái lỗ, cái ngách hẹp của hàng rào  **\*Nói chuyện trong tư thế**: ngồi xổm, quì xuống, chỉ “ khe khẽ” với nhau.  **\*Nơi trò truyện**: Trên cái xe trượt tuyết đã hỏng.  -> Cuộc hẹn hò vụng trộm là cả một thế giới thần tiên. Cả bọn đều sung sướng, cảm động và “Chúng vừa ngắm nhìn nhau, vừa nói chuyện rất lâu”  \***Truyện của bọn trẻ**  - Về người mẹ đã mất sẽ trở về và mụ dì ghẻ trong cổ tích , về chuyện bẫy chim-> Chuyện rôm rả mà chẳng quan trọng gì  -Người kể thì say sưa, khi nào quên thì đợi đấy để chạy về nhà “hỏi lại bà tôi đã”  - Người nghe: chăm chú, nếu không tin thì được giải thích để tin: 2 đứa em : “im lặng lắng nghe” thằng anh: "mỉm cười"  - Cách kể chuyện: đan xen giữa chuyện đời thường và chuyện cổ tích. - - Khéo léo dựng chuyện li kỳ và dẫn dắt truyện rất hấp dẫn tài tình.  **- Những quan sát và nhận xét tinh tế:**  - Bằng sự quan sát và cảm nhận tinh tế tác giả đã sử dụng nghệ thuật so sánh thể hiện sự cảm thông của A với nỗi bất hạnh của các bạn nhỏ 🡪 an ủi yêu quý bạn nhỏ.  **- Chuyện đời thường và chuyện cổ tích:**  - Với lối kể chuyện giàu hình ảnh đan xen chuyện đời thường và cổ tích qua những chi tiết liên quan đến những người mẹ và người bà nhân hậu 🡪 câu chuyện tình bạn của bọn trẻ sống thiếu tình thương mang ý khái quát hơn, đậm màu sắc cổ tích hơn.  **III. Tổng kết:**  **1. Nội dung:**  Tình bạn thân thiết giữa những đứa trẻ sống thiếu tình thương.  **2. Nghệ thuật**: Biệt tài kể chuyện của nhà văn.  **\* Ghi nhớ: SGK/**  234 |

**4. Củng cố- luyện tập**:

*H: Hoàn cảnh của bọn trẻ có gì giống và khác nhau?*

*H: Nhận xét về tình bạn của bọn trẻ?*

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Chuẩn bị : Xem lại các bài kiểm tra chuẩn bị : Tập làm thơ 8 chữ.

Làm trước bài thơ 8 chữ ở nhà.

- Về nhà ôn bài đã học.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 86.* TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Nắm vững các kiến thức kĩ năng làm bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và yếu tố nghị luận.

- Nhận thấy những ưu điểm, khuyết điểm trong bài làm tìm phương hướng khắc phục chuẩn bị cho bài kiểm tra tổng hợp.

**2.kỹ năng**

- Rèn kỹ năng chữa lỗi sai cho hs

**3.Thái độ:**

- Có ý thức học hỏi, sửa chữa lỗi cho bài làm sau tốt hơn

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu bài , đọc chuẩn kiến thức

kĩ năng.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : trả lời các câu hỏi đọc hiểu sgk.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

*H: Tóm tắt đoạn trích Những đứa trẻ( Go-rơ-ki)*

**3.Bài mới:** Giới thiệu bài:

Trả bài để cho các em rút kinh nghiệm chuẩn bị tốt cho bài làm tổng hợp HK1

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS tìm hiểu đề và lập dàn bài**  - HS đọc lại đề bài TLV số 3  *H:Hãy xác định yêu cầu của đề bài?* (kiểu VB, các kĩ năng cần vận dụng vào bài viết)  *H:Hãy lập dàn ý cho đề văn*  - H/s khác theo dõi bổ sung  *H: Sử dụng yếu tố miêu tả vào các ý nào thì phù hợp?*  -> Sử dụng yêu tố miêu tả vào các ý: 2, 4, 5 trong phần thân bài (cần linh hoạt)  **HĐ2.HDHS nhận xét ưu và khuyết điểm:**  - GV nhận xét ưu điểm và nhược điểm  - Nhận xét và chỉ ra những tồn tại trong bài làm của H/s  Đưa ra các lỗi trong bài -> H/s sửa  **HĐ4. Trả bài, sửa lỗi:**  - GV trả bài cho học sinh  - Gv hướng dẫn học sinh sửa những lỗi sai ,cho hs nhận xét sau khi sửa lỗi  **HĐ5. Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến .**  - GV đọc mẫu những đoạn văn, bài văn viết tốt (Nguyễn Thắm)  - Gọi học sinh trình bày ý kiến (nếu có) | **I.Đề bài**: Hãy kể về một lần em trót xem nhật kí của bạn?  **II.Phân tích đề, lập dàn ý:**  **1.Phân tích đề**:  - Kiểu văn bản: Văn bản tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả, nghị luận, đối thoại, độc thoại…  - Nội dung: Kể về 1 lần em trót xem nhật kí của bạn  **2.Lập dàn ý**:  **a. Mở bài(1,5đ)**  - Giới thiệu hoàn cảnh lí do em trót xem nhật kí của bạn  + Lí do khách quan: Bạn gửi cặp sách đem về, giở ra thấy có cuốn nhật kí hoặc đến chơi nhưng bạn đi vắng tình cờ thấy cuốn nhật kí để ngỏ ở trên bàn (1đ)  + Lí do chủ quan: Tò mò muốn xem để bắt chước? Hay có ý xem để doạ bạn.Suy nghĩ dằn vặt trăn trở(0,5)  **b. Thân bài :*(*6đ)**  - Em trót xem nhật kí của bạn vào lúc nào, ở đâu? (1đ)  - Sự việc diễn ra ntn? Bạn và người khác có biết không? Có ai nhìn thấy không? (1đ)  - Em đã đọc được những gì? (1đ)  - Sau khi trót xem em có nói cho người khác biết nội dung cuốn nhật kí của bạn hay không?( 1đ)  - Sau đó em đã dằn vặt, ân hận, băn khoăn ntn?( miêu tả suy nghĩ, tình cảm của mình sau khi đã trót hành động như trên ) (nội tâm) (1,5đ)  - Đấu tranh nội tâm quyết định nói với bạn hay không? ( nếu không có ai biết) (nghị luận) (1đ)  **c.Kết bài:**  ***-*** Những suy nghĩ dằn vặt trăn trở (0.5đ)  - Từ câu chuyện này em rút ra bài học gì cho bản thân về việc tôn trọng những bí mật riêng tư của người khác (1đ)  **3. Hình thức**  - Chữ viết sạch sẽ , không sai lỗi chính tả , không viết tắt , viết số .  - Bài viết trình bày khoa học  **III.Nhận xét ưu, nhược điểm**  **1.Ưu điểm:**  - Các em đã xác định được yêu cầu của đề bài (kiểu văn bản cần tạo lập, các kĩ năng cần sử dụng trong bài viết)  - Vận dụng yếu tố miêu tả vào bài khá linh hoạt  - Bài viết sinh động, giàu cảm xúc.  - Diễn đạt lưu loát, bố cục bài viết khá chặt chẽ  - Trình bày sạch đẹp  ***2.*Nhược điểm**  - Bố cục bài làm ở một số em chưa mạch lạc, cần chú ý tách ý, tách đoạn.  VD: Sử dụng yếu tố miêu tả chưa linh hoạt, đôi khi qua lạm dụng làm cho bài viết thiếu tập chung.  - Còn mắc lỗi diến đạt, dùng từ, đặt câu:  - Còn sai chính tả  - Chữ viết ở một số bài còn cẩu thả, chưa khoa học.  - Một số bài làm còn sơ sài, kết quả chưa cao.  **IV. Trả bài, sửa lỗi và giải đáp thắc mắc**:  - Dấu câu, dùng từ, liên kết , cách hành văn.  **V.Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến** |

**4) Củng cố, luyện tập:**

-Về nhà tự ôn bài

- Xem lại bài làm

**5) Hướng dẫn học ở nhà**

- Ôn tập toàn bộ nội dung đã học

- Chuẩn bị: Trả bài kiểm tra văn, Tiếng Việt .

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 87.* TRẢ BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Nắm chắc những kiến thức tiếng việt đã học: Phần từ vựng, phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại giúp các em sử dụng tiếng việt tốt trong giao tiếp.

**2.Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng nhận biết và sửa chữa lỗi sai

**3.Thái độ.**

- Có ý thức sửa chữa lỗi và rút kinh nghiệm cho những bài làm sau

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Chấm bài ,soạn bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : trả lời các câu hỏi đọc hiểu sgk.

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A :

9C :

**2.Kiểm tra bài cũ** :

*H: Kiểm tra việc làm bài ở nhà, vở ghi.*

**3.Bài mới:** Giới thiệu bài:

Trả bài để cho các em rút kinh nghiệm chuẩn bị tốt cho bài làm tổng hợp HK1

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS Chữa bài :**  - HS đọc lại đề trắc nghiệm, xác định đáp án, hoàn thành khái niệm.  *H:Hãy lập dàn ý cho đề văn giới thiệu ND*  - H/s khác theo dõi bổ sung  *H: Gọi hs nêu những nội dung cần thuyết minh.*  *H: Xác định từ láy và tác dụng?*    **HĐ2. HDHS nhận xét ưu và khuyết điểm:**  - GV nhận xét ưu điểm và nhược điểm  - Nhận xét và chỉ ra những tồn tại trong bài làm của H/s  Đưa ra các lỗi trong bài -> H/s sửa  **HĐ4. Trả bài, sửa lỗi:**  - GV trả bài cho học sinh  - Gv hướng dẫn học sinh sửa những lỗi sai ,cho hs nhận xét sau khi sửa lỗi  **HĐ5. Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến .**  - GV đọc mẫu đoạn văn viết tốt  - Gọi học sinh trình bày ý kiến (nếu có) | **Phần I. Trắc nghiệm:** **(2 điểm).**  Câu 1: B ; Câu 2:D  ***Câu 3 (1 điểm)***  **Hoàn thành khái niệm sau:**  - Lời dẫn trực tiếp là: nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của ng khác ,nv.  - Lời dẫn gián tiếp là: thuật lại lời nói hay ý nghĩ của ng khác, nv có điều chỉnh cho phù hợp.  **Phần II. Tự luận ( 8 điểm):**  ***Câu 1. (3,5 điểm)***  - HS viết đoạn văn giới thiệu Ng Du và truyện Kiều có sử dụng lời dẫn trực tiếp.  Có liên kết, lô gic, mạch lac, k sai chính tả.  - Nguyễn Du một đại thi hào dân tộc một danh nhân văn hoá.  - Sự nghiệp sáng tác của ND  - Truyện Kiều là kiệt tác của đại thi hào ND có giá trị nội dung và nghệ thuật…  - Giá trị nội dung mang tính nhân đạo lớn... là tiếng nói thương cảm cho số phận  người phụ nữ ...ND từng nói *“ Đau đớn thay phận ....*  *Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”*  ***Câu 2 (3,5 điểm):***  Hs nêu đc các từ láy : nao nao, nho nhỏ, sè sè, rầu rầu.  -Vừa có t/d gợi tả cảnh vật vừa gợi tả tâm trạng con ng- làm nổi bật tâm trạng bâng khuâng nuối tiếc một ngày vui qua mau của chị em thuý Kiều trong ngày hội xuân và cảnh ảm đạm, lạnh lẽo của mộ Đạm Tiên trong ngày thanh minh.  **III.Nhận xét ưu, nhược điểm**  **1.Ưu điểm:**  - Các em đã xác định được yêu cầu của đề bài (kiểu văn bản cần tạo lập, các kĩ năng cần sử dụng trong bài viết)  ***2.*Nhược điểm**  - Bố cục bài làm ở một số em chưa mạch lạc, câu chưa liên kết chưa đủ nội dung.  - Chữ viết ở một số bài còn cẩu thả, chưa khoa học.  VD: Trung , Lê Tiến, Mạnh, Tuân, Tú.  - Một số bài làm còn sơ sài, kết quả chưa cao.  **IV. Trả bài, sửa lỗi và giải đáp thắc mắc**:  - Dấu câu, dùng từ, liên kết , cách hành văn.  **V.Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến** |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Khái quát những ưu và nhược điểm cần lưu ý?

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Xem lại nội dung bài học

- Về nhà học bài, chuẩn bị bài trả bài kiểm tra văn.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 88.* TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN**

**I.Mục tiêu bài học :**

- Nắm đc những ưu điểm và hạn chế trong bài làm, những đơn vị kiến thức còn yếu cần khắc phục.

**2.Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng nhận biết và sửa chữa lỗi sai

**3.Thái độ.**

- Có ý thức sửa chữa lỗi và rút kinh nghiệm cho những bài làm sau

**II. Chuẩn bị tài liệu, thiết bị dạy- học:**

**1.Giáo viên:**

+) Soạn bài, chấm bài.

**2.Học sinh** :

+) Đọc trước bài, chuẩn bị bài : trả lời các câu hỏi đọc hiểu sgk.

**III. Tiến trình hoạt động dạy- học:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**\*Kiểm diện :** Sĩ số9A:

9C:

**2.Kiểm tra bài cũ** :

*H: Kiểm tra việc làm bài ở nhà, vở ghi.*

**3.Bài mới:** Giới thiệu bài:

- Trả bài để cho các em rút kinh nghiệm chuẩn bị tốt cho bài làm sau.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS chữa bài :**  - HS đọc lại đề trắc nghiệm, xác định đáp án trắc nghiệm  *- Đọc thơ, chỉ ra dấu câu*  - H/s khác theo dõi bổ sung  H: Xác định tình huống truyện :Làng  *H: Nêu hệ thống ý cần triển khai khi phân tích bài thơ?*  *- Yêu cầu các hs nhận xét*  - Yêu cầu sinh đọc bài thơ  **HĐ2. HDHS nhận xét ưu và khuyết điểm:**  - GV nhận xét ưu điểm và nhược điểm  - Nhận xét và chỉ ra những tồn tại trong bài làm của H/s  Đưa ra các lỗi trong bài -> H/s sửa  **HĐ4. Trả bài, sửa lỗi:**  - GV trả bài cho học sinh  - Gv hướng dẫn học sinh sửa những lỗi sai ,cho hs nhận xét sau khi sửa lỗi  **HĐ5. Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến .**  - GV đọc mẫu đoạn văn viết tốt  - Gọi học sinh trình bày ý kiến (nếu có) | **I. Phần trắc nghiệm**:(2đ- mỗi ý đúng 0,5đ)  Câu 1: C  Câu 2: B  Câu3: A  Câu 4:D  **II.Phần tự luận( 8đ)**  **Câu 1(2đ)**  - Đoạn thơ: "Từ hồi về thành phố…Vầng trăng tròn"  => Mối qhệ giữa người và trăng từ khi chuyển về thành phố: trở nên xa lạ không quen biết. Tình huống đột ngột mất điện, con người gặp lại vầng trăng.  **Câu 2(1đ)**  \* Tình huống: ông Hai nghê được tin làng chợ theo giặc từ miệng người đàn bà đi tản cư dưới xuôi lên.  **Câu 3 (5 đ)**  - Giới thiệu tác giả hoàn cảnh ra đời , khái quát nội dung bài thơ.  **a. Những cơ sở để hình thành tình đồng chí:**  - Tương đồng về hoàn cảnh xuất thân, cùng giai cấp: đều là người nông dân lao động nghèo khổ.  "Quê hương anh// Làng tôi nghèo  nước mặn đồng chua//đất cày lên sỏi đá…"  ->NT: cấu trúc song song, thành ngữ  - Cùng chung nhiệm vụ,cùng chung lí tưởng. Tình đồng chí còn được nảy sinh từ sự cùng chung nhiệm vụ sát cánh bên nhau trong chiến đấu:  *"Tôi với anh đôi người xa lạ*  *…chẳng hẹn quen nhau,*  *Súng bên súng, đầu sát bên đầu*  *… đôi tri kỉ”*  *-*> hình ảnh thơ sóng đôi , điệp ngữ.  - Tình đồng chí, đồng đội nảy nở và trở nên bền chặt trong sự chia sẻ mọi gian lao thiếu thốn cũng như niềm vui trong cuộc sống.  *"Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ"*  - Dòng thơ đặc biệt, 2 tiếng ,1từ, dấu chấm than "Đồng chí!" => tạo 1 nốt nhấn như một phát hiện, 1 lời khẳng định, là quá trình tất yếu dẫn đến 1 t/cảm cao đẹp của tình đồng chí. Câu thơ được lấy làm nhan đề của bài, biểu hiện chủ đề, là linh hồn của bài thơ. =>Nó như bản lề nối liền 2 đoạn thơ khép mở 2 ý thơ: nhữngcơ sở của tình đồng chí và những biểu hiện của tình đồng chí  **b. Những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí:**  -Tình đồng chí là sự cảm thông sâu xa những tâm tư nỗi lòng của nhau:  *"Ruộng nương …****mặc kệ****… ra lính"*  +)"Mặc kệ" thể hiện quyết tâm ra đi cứu nước tạm quên tình riêng gđình  **-**Tình đồng chí là thông cảm với nhau về bệnh tật trong chiến đấu mà người lính mắc phải:  *"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*  *Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi"*  - Tình đồng chí là cùng nhau chia sẻ những gian lao và thiếu thốn trong cuộc đời người lính,  *" Áo anh …..chân không giày"*  NT: Sử dụng các câu thơ song đôi, đối ứng, tả thực. Cấu trúc ấy đã diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội  - Sự yêu thương nhau thể hiện chân thành giản dị họ nắm tay để truyền cho nhau hơi ấm và sức mạnh của tình đồng chí hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá"  -> Sức mạnh của tình cảm keo sơn gắn bó sâu sắc giữa những người lính giúp ho vượt qua mọi khó khăn thiếu thốn và gian khổ.  \* Chân dung anh bộ đội Cụ Hồ buổi đầu kháng chiến sống gian khổ, thiếu thốn nhưng tình đồng chí sưởi ấm lòng họ.  **c.Chất thơ trong cuộc sống chiến đấu gian khổ:**  - Bức tranh đẹp về tình đ/c, đồng đội của người lính, là biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ.  - Trên cảnh rừng hoang sương muối là 3 hình ảnh gắn kết : người lính, khẩu súng, vầng trăng.  => Làm nên sức mạnh của tình đồng đội giúp họ vượt lên những khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ thiếu thốn.  - "Đầu súng trăng treo"  "suốt đêm vầng trăng ở bầu trời cao xuống thấp dần và có lúc như treo lơ lửng ở trên đầu mũi súng"  (suy nghĩ của tác giả -> hình ảnh được nhận ra từ những đêm hành quân, phục kích chờ giặc của tác giả.)  + Súng và trăng, gần và xa , thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ.  -> Các mặt này bổ sung cho nhau, hài hoà với nhau của cuộc đời người lính cách mạng(biểu tượng của thơ kháng chiến: kết hợp chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn)  =>Bài thơ thể hiện hình tượng người lính cách mạng- thời kì chống Pháp, và sự gắn bó keo sơn của họ qua những chi tiết hình ảnh, ngôn ngữ giản dị.  **III.Nhận xét ưu, nhược điểm**  **1.Ưu điểm:**  - Các em đã xác định được yêu cầu của đề bài (kiểu văn bản cần tạo lập, các kĩ năng cần sử dụng trong bài viết)  ***2.*Nhược điểm**  - Bố cục bài làm ở một số em chưa mạch lạc, câu chưa liên kết chưa đủ nội dung.  - Chữ viết ở một số bài còn cẩu thả, chưa khoa học.  - Một số bài làm còn sơ sài, kết quả chưa cao.  **IV. Trả bài, sửa lỗi và giải đáp thắc mắc**:  - Dấu câu, dùng từ, liên kết , cách hành văn.  **V.Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến** |

**4. Củng cố, luyện tập:**

- Khái quát những ưu và nhược điểm cần lưu ý?

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Xem lại nội dung bài học.

- Về nhà học bài, chuẩn bị Tập làm thơ tám chữ: làm bài thơ tám chữ ơe nhà, chuẩn bị thảo luận.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 89.* TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ( TIẾP TIẾT 54)**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC :**

**1.kiến thức**

- Nắm được đặc điểm, khả năng miêu tả của thể thơ tám chữ

- Tiếp tục tìm hiểu những bài thơ tám chữ theo đề tài tự chọn hay viết tiếp câu thơ vào bài thơ cho trước

- Hoàn thiện một bài thơ tám chữ của mình trình bày trước lớp

**2.Kỹ năng:**

- Rèn kĩ năng cảm thụ thơ ca và kĩ năng làm thơ 8 chữ

**3. Thái độ:**

- Hs có hứng thú làm thơ

**II.CHUẨN BỊ TÀI LIỆU- TBDH**:

- Thầy: 1 số đoạn thơ, bài thơ 8 chữ

- Trò: Tìm hiểu, sưu tầm 1 bài thơ 8 chữ ngoài chương trình

**III.TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**:

**1.Tổ chức.**

**Sĩ số** 9A:

9C:

**2.Kiểm tra:** Việc chuẩn bị của HS + Việc nắm luật thơ 8 chữ

**3.Bài mới:** Giới thiệu bài:

Tiếp tục học về thể thơ 8 chữ đã học ở trong T54

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1. HDHS tìm hiểu một số đoạn thơ 8 chữ.**  **HĐ 2. HDHS tập làm thơ 8 chữ.**  - Yêu cầu nhắc lại đặc điểm thơ tám chữ.  - GV nêu đề bài: tự chọn  - Trình bày theo nhóm; nhóm chọn bài - Bổ sung hoàn thiện 1 bài thơ tám chữ ít nhất phải có 2 khổ thơ  -> cử người trình bày  - HS trong lớp chú ý nhận xét  GV đọc một số bài thơ tự làm -> cho HS làm tiếp thành bài -> đặt tiêu đề cho bàI thơ | **I.Tìm hiểu một số đoạn thơ tám chữ**  “ Nét mong manh/ thấp thoáng /cánh hoa bay  Cảnh cỏ hàn/ nơi nước đọng/ bùn lầy  Thú san lạn/ mơ hồ/ trong ảo mộng  Chí hăng hái/ ganh đua/ đời náo động  **II. Luyện tập :**  **1. Đặc điểm :**  **2.Đề tài:** Tự chọn  Trong cuộc sống- tình cảm(gđ, tình bạn, quê hương)  - Tập làm bài thơ tám chữ  a) Tập trình bày bài thơ của mình theo nhóm (bàn)  b) Trình bày bài thơ trước lớp  Đại diện: HS (nhóm) trình bày bài thơ  + Đọc bài thơ  + Bình bài thơ  c) GV đọc một đoạn thơ cho HS làm tiếp thành bài  **\*Nhớ bạn**  Ta chia tay nhau phượng đỏ đầy trời  Nhớ những ngày rộn rã tiếng cười vui  Và nhớ những đêm lửa trại tuyệt vời  Quây quần bên nhau long lanh lệ rơi  **\*Nhớ trường**  Nơi ta đến hàng ngày quen thuộc thế  Sân trường mênh mông, nắng cũng mênh mông  Khăn quàng tung bay rực rỡ sắc hồng  Nay xa bạn bè, sao thấy bâng khuâng |

**4. Củng cố- luyện tập**

- Nhận xét giờ thực hành cuả HS

- Chọn một bài hay bình nội dung

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Tự làm 1 bài thơ tặng bạn theo đề tài mùa xuân.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

*Ngày soạn:*

*Ngày giảng:*

***TIẾT 90.* TRẢ BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ I**

**I.MỤC TIÊU BÀI HỌC :**

**1.kiến thức**

- Hs nắm đc những ưu điểm nhược điểm trong bài làm.

**2.Kỹ năng:**

- Rèn kĩ năng làm bài kiểm tra tổng hợp.

**3. Thái độ:**

- học tập nghiêm túc, rút kinh nghiệm.

**II.CHUẨN BỊ TÀI LIỆU- TBDH**:

**1. GV:** Chấm bài, soạn bài theo yêu cầu của đề

**2. Học sinh :** Xem lại bài làm, nhận xét.

**III.TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY- HỌC**:

**1.Tổ chức.**

**Sĩ số** 9A:

9C:

**2.Kiểm tra:** Việc chuẩn bị của HS

**3.Bài mới:** Giới thiệu bài: Hướng dẫn học trả lời theo đáp án.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT** |
| **HĐ1. HDHS chữa bài :**  - HS đọc lại đề trắc nghiệm, xác định đáp án trắc nghiệm.  **HĐ2. HDHS nhận xét ưu và khuyết điểm:**  - GV nhận xét ưu điểm và nhược điểm  - Nhận xét và chỉ ra những tồn tại trong bài làm của H/Đưa ra các lỗi trong bài -> H/s sửa  **HĐ4. Trả bài, sửa lỗi:**  - GV trả bài cho học sinh  - Gv hướng dẫn học sinh sửa những lỗi sai ,cho hs nhận xét sau khi sửa lỗi  **HĐ5. Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến .**  - GV đọc mẫu đoạn văn viết tốt  - Gọi học sinh trình bày ý kiến (nếu có) | **I.Nhận xét ưu, nhược điểm**  **1.Ưu điểm**- Các em đã xác định được yêu cầu của đề bài (kiểu văn bản cần tạo lập, các kĩ năng cần sử dụng trong bài viết)  ***2.*Nhược điểm**  - Bố cục bài làm ở một số em chưa mạch lạc, câu chưa liên kết chưa đủ nội dung.  - Chữ viết ở một số bài còn cẩu thả, chưa khoa học.  - Một số bài làm còn sơ sài, kết quả chưa cao.  **IV. Trả bài, sửa lỗi và giải đáp thắc mắc**:  - Dấu câu, dùng từ, liên kết , cách hành văn.  **V.Đọc, so sánh, nhận xét, trình bày ý kiến** |

**4.Củng cố -luyện tập:**

- GV nhận xét chung.

**5.Hướng dẫn học ở nhà:**

-Về nhà ôn tập toàn bộ nội dung các văv bản đã học ở học kì I, các thể loại văn Tự sự, Thuyết minh. Chuẩn bị “ Bàn về đọc sách” – Kì II.